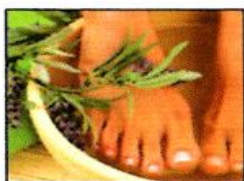
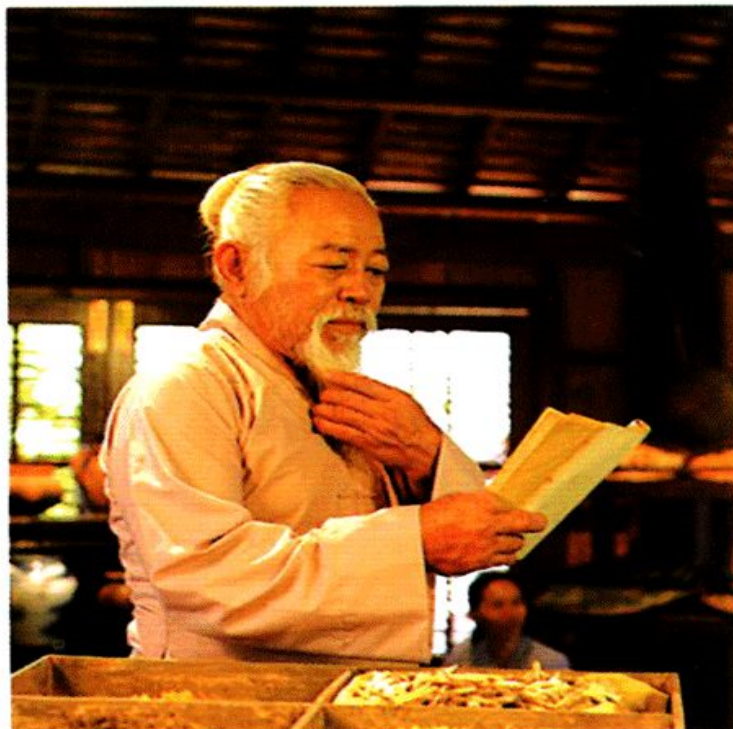
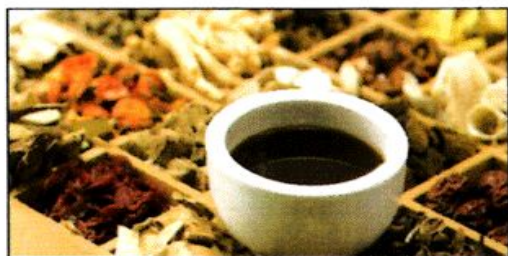


GS. BS TRẦN VĂN KỲ



# 250

## BÀI THUỐC ĐÔNG Y CỔ TRUYỀN CHỌN LỌC



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG



# NHỮNG HIỂU BIẾT CƠ BẢN VỀ THUỐC ĐÔNG Y

## I. Cách tổ chức một bài thuốc:

Bài thuốc Đông (Nam hoặc Bắc) đều có thể gồm 1 vị hoặc nhiều vị. Ví dụ: Bài Độc ẩm thang chỉ có vị Nhân sâm; bài thuốc chữa viêm gan chỉ có vị Nhân trần; bài thuốc nhiều vị là có hai vị trở lên như bài Thông xị thang gồm có Thông bạch và Đạm đậu xị; bài Nhân trần Chi tử thang gồm có Nhân trần và Chi tử. Những bài thuốc Đông y đều do người thầy thuốc hoặc nhân dân dựa theo kinh nghiệm chữa bệnh mà dựng nên.

Những phần chủ yếu của một bài thuốc

Một bài thuốc Đông y gồm có 3 phần chính:

1. Thuốc chính (chủ dược): là vị thuốc nhằm giải quyết bệnh chính như trong 3 bài Thừa khí thang thì Đại hoàng là chủ dược để công hạ thực nhiệt ở trường vị.
2. Thuốc hỗ trợ: để tăng thêm tác dụng của vị thuốc chính như trong bài Ma hoàng thang, vị Quế chi giúp Ma hoàng tăng thêm tác dụng phát hãn.
3. Thuốc tùy chứng gia thêm (tá dược): để giải quyết những chứng phụ của bệnh như lúc chữa bệnh ngoại cảm, dùng bài Thông xị thang mà bệnh nhân ho nhiều dùng thêm Cát cánh, Hạnh nhân. Ăn kém dùng thêm Mạch nha, Thần khúc.

Ngoài 3 phần chính trên còn có một số vị thuốc Đông y gọi là sứ dược để giúp dẫn thuốc vào nơi bị bệnh như Cát cánh dẫn thuốc lên phần bị bệnh ở trên, Ngưu tất dẫn thuốc xuống phần bị bệnh ở dưới hoặc loại thuốc để điều hòa các vị thuốc khác như Cam thảo, Đại táo, gừng tươi.

Cách phối hợp các vị thuốc trong một bài thuốc:

Việc phối hợp các vị thuốc trong một bài thuốc như thế nào để phát huy tốt nhất tác dụng của thuốc theo ý muốn của thầy thuốc đó là kỹ thuật dùng thuốc của Đông y.

- Do việc phối hợp vị thuốc khác nhau mà tác dụng bài thuốc thay đổi. Ví dụ: Quế chi dùng với Ma hoàng thì tăng tác dụng phát hãn, còn Quế chi dùng với Bạch thược thì lại có tác dụng liễm hãn (cầm mồ hôi).
- Cũng có lúc việc phối hợp thuốc làm tăng hoặc làm giảm tác dụng của vị thuốc chính, ví dụ như Đại hoàng dùng với Mang tiêu thì tác dụng sẽ mạnh, nếu dùng với Cam thảo thì tác dụng sẽ yếu hơn.
- Một số thuốc này có thể làm giảm độc tính của thuốc kia như Sinh khương làm giảm độc tính của Bán hạ.
- Trong việc phối hợp thuốc cũng thường chú ý đến việc dùng thuốc bổ phải có thuốc tả như trong bài Lục vị có thuốc bổ như Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù có thêm vị thuốc thanh nhiệt lợi thấp như Phục linh, Đơn bì, Trạch tả. Trong bài thuốc Chỉ truyệt hoàn có vị Bạch truyệt bổ khí kiện tỳ phải có vị Chỉ thực để hành khí tiêu trệ. Trong bài Tứ vật có Đương qui, Thục địa bổ huyết thì có vị Xuyên khung để hoạt huyết hoặc dùng thuốc lợi thấp kèm theo hành khí, thuốc trừ phong kèm theo thuốc bổ huyết.

Đó là những kinh nghiệm phối hợp thuốc trong Đông y cần được chú ý. Việc dùng thuốc nhiều hay ít là tùy theo biện chứng tình hình bệnh mà định, nguyên tắc là phải nắm chủ chứng để chọn những chủ dược trị đúng bệnh, không nên dùng thuốc bao vây quá nhiều gây lãng phí mà tác dụng kém đi, một bài thuốc thông thường không nên dùng quá 12 vị. Liều lượng của mỗi vị thuốc trong bài này tùy thuộc vào các yếu tố sau:

1. Thuốc đó là chủ dược hay thuốc hỗ trợ, thuốc chính dùng lượng nhiều hơn.
2. Người lớn dùng lượng nhiều hơn trẻ em và người già.

3. Thuốc bổ thường dùng lượng nhiều hơn các loại thuốc khác.
4. Tùy trọng lượng của thuốc nặng hay nhẹ, ví dụ Thạch cao, Mẫu lệ dùng nhiều như Đẳng tâm, Thuyền thoái nhẹ nên chỉ dùng lượng ít.

Ngoài ra còn tùy tình hình bệnh và mục đích dùng thuốc mà quyết định lượng thuốc.

## **II. Cách gia giảm trong một bài thuốc:**

Một bài thuốc dù là cổ phương hay kim phương đều có phạm vi chỉ định điều trị trên lâm sàng. Cho nên lúc sử dụng bài thuốc để đạt hiệu quả cao phù hợp với tình hình bệnh lý cần có sự gia giảm tùy theo bệnh tật, theo lứa tuổi, theo thể chất, của người bệnh và tùy theo cả loại dược liệu sẵn có, khí hậu của địa phương.

1. Sự tham gia của các vị thuốc: Bài thuốc thường do sự thay đổi vị mà tác dụng khác nhau, ví dụ bài Quế chi thang có tác dụng giải biểu điều hòa vinh vệ dùng điều trị các bệnh ngoại cảm biểu chứng có mồ hôi sợ gió và sốt nhẹ. Nếu bệnh cũng có chứng trên kèm theo suyễn gia Hạnh nhân, Hậu phác; bài thuốc sẽ có tác dụng bình suyễn. Nếu sốt cao bỏ Ma hoàng gia Hoàng cầm bài thuốc sẽ có tác dụng hạ sốt. Hoặc bài Ma hoàng thang có tác dụng tân ôn phát hãn nếu bỏ Quế chi bài thuốc sẽ thành bài Tam ảo thang có tác dụng chính là bình suyễn chỉ khái.
2. Sự gia giảm liều lượng thuốc: trong một bài thuốc nếu lượng dùng của từng vị thuốc thay đổi thì tác dụng điều trị sẽ thay đổi. Ví dụ bài Chỉ trạch hoàn gồm có Chỉ thực và Bạch trạch tác dụng chính là kiện tỳ, nếu lượng Chỉ thực tăng gấp đôi Bạch trạch thì tác dụng bài thuốc là tiêu tích đạo trệ.
3. Vấn đề thay thế thuốc: lúc sử dụng một bài thuốc, do tình hình cung cấp thuốc của địa phương mà có thể có một hoặc nhiều vị thuốc thiếu, người thầy thuốc phải tìm

những vị thuốc khác có tính vị và tác dụng giống nhau để thay thế bảo đảm cho phép chữa được thực hiện. Ví dụ Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá tuy có khác nhau nhưng đều có tính vị đắng, hàn, tác dụng thanh nhiệt táo thấp có thể thay thế cho nhau được chỉ cần chú ý liều lượng lúc dùng. Ví dụ: muốn dùng Chỉ thực thay Chỉ xác thì lượng Chỉ thực phải ít hơn.

### **III. Phân loại bài thuốc:**

Việc phân loại bài thuốc dựa theo 8 phương pháp điều trị của Đông y như: Thuốc giải biểu, thuốc gây nôn, thuốc tả hạ, thuốc hòa giải, thuốc thanh nhiệt, thuốc khu hàn, thuốc tiêu đạo, thuốc bổ dưỡng. Ngoài ra còn có các loại thuốc lý khí, lý huyết, thuốc khu phong, thuốc trừ thấp, thuốc khai khiếu, thuốc cố sáp, thuốc trục trùng.

Việc phân loại bài thuốc cũng chỉ để tham khảo trong khi sử dụng trên lâm sàng, tác dụng từng loại sẽ được nói rõ hơn trong phần phương tễ học.

### **IV. Các dạng thuốc và cách sử dụng:**

Đông dược có 5 dạng thuốc cơ bản: Thang, hoàn, tán, cao, đơn. Trong đó 4 loại sau là thuốc được pha chế sẵn; thực ra thuốc hoàn, tán có khi cũng làm thuốc thang sắc uống.

1. Thuốc thang: cho nước vào ấm đổ nước vừa đủ, nấu sôi thành thuốc nước uống. Đặc điểm thuốc thang là: dễ gia giảm hợp với tình hình bệnh cho nên là loại thuốc thường được dùng nhiều nhất trên lâm sàng. Nhược điểm chính của thuốc thang là công kênh, mất công sắc thuốc, mất thì giờ, tốn chất đốt, có lúc lượng thuốc nhiều đối với trẻ em sẽ khó uống.
2. Thuốc hoàn: đem thuốc tán bột mịn dùng với nước mật hoặc hồ viên thành hoàn. Ưu điểm của thuốc là cho đơn có được uống ngay nhưng thuốc để lâu khó bảo quản, liều lượng có khi phải dùng nhiều, trẻ nhỏ khó uống.
3. Thuốc tán: thuốc được tán thành bột mịn dùng uống trong hoặc bôi ngoài, có lúc sắc cùng thuốc sắc. Nhược

điểm của thuốc là khó bảo quản, khó uống đối với trẻ em.

4. Thuốc cao: thuốc được sắc lấy nước cô đặc thành cao, thuốc có thể chế thành dạng sirô hoặc dạng rượu để dễ bảo quản. Có loại thuốc cao dán hoặc cao mỡ, dầu dùng bôi, đắp ngoài đối với bệnh ngoại khoa ngoài da.
5. Thuốc đơn: thuốc hoàn hoặc tán, được tinh chế như các loại Chí bảo đơn, Hồi xuân đơn, Tử tuyết đơn. Ngoài ra còn có các các dạng thuốc ngâm rượu, thuốc đĩnh như Khô trĩ đĩnh, thuốc đóng ống tiêm hiện đang sử dụng nhiều ở Trung quốc.

#### ***V. Phương pháp sắc thuốc và cách uống thuốc:***

1. Dụng cụ sắc thuốc tốt nhất là dùng ấm đất, cũng có thể dùng ấm nhôm.
2. Thuốc bỏ vào ấm đổ nước ngập khoảng 2 cm, ngâm thuốc khoảng 15 - 20 phút trước lúc sắc cho thuốc ngấm đều nước, với thang thuốc ngoại cảm thường sắc 2 lần. Mỗi lần sắc còn 1/3 lượng nước đổ vào, thuốc bỏ nên sắc 3 lần lúc nước sôi cho nhỏ lửa, sắc lâu hơn và thuốc cô đặc hơn.
3. Những điều chú ý lúc sắc thuốc:
  - Những thuốc thơm có tinh dầu như Bạc hà, Hoắc hương, Kinh giới. nên cho vào sau (10 phút trước khi đem thuốc xuống).
  - Những loại thuốc cứng, nặng như vỏ sò, mai rùa cần đập vụn và cho vào sắc trước.
  - Những thứ hạt nhỏ như hạt Củ cải, hạt Tía tô. nên bỏ vào vải rồi cho vào sắc.
  - Những thuốc có độc tính như: Phụ tử, Ô đầu, Thảo ô. nên sắc trước độ nửa giờ rồi cho các thuốc khác vào sau.
  - Những thuốc quý như: Nhân sâm hoặc thuốc nam lượng nhiều quá cũng nên sắc riêng rồi trộn chung với thuốc sắc để uống.



4. Cách uống thuốc: Tùy theo loại thuốc mà cách uống thuốc khác nhau, thường mỗi thang thuốc sắc 2 lần.
- Nếu là thang thuốc bổ nên sắc 3 lần rồi trộn lẫn uống trong một ngày.
  - Thuốc thanh nhiệt và thuốc dưỡng âm nên uống lúc nguội.
  - Thuốc tán hàn và thuốc bổ dương nên uống nóng.
  - Thuốc chữa ngoại cảm, trừ phong nên uống lúc đang bệnh.
  - Thuốc bổ và thuốc chữa bệnh mạn tính nên uống vào sau lúc ăn 1 - 2 giờ, thường uống vào 8 giờ sáng, 2 giờ chiều, tối trước lúc đi ngủ. Đối với trẻ em lượng thuốc có thể chia nhiều lần để uống trong ngày.

5. Đơn vị cân thuốc:

Theo cân lượng thường dùng cân thuốc Đông y (1 cân = 16 lạng) tính thành gam như sau:

- 1 cân = 500 gam.
- 1 lạng = 31,25 gam.
- 1 đồng cân = 3,1 gam.
- 1 phân = 0,31 gam.
- 1 gam = 3 phân 2 ly.
- 1 ly = 0,03 gam.



## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU***

## NHỮNG BÀI THUỐC GIẢI BIỂU

Những bài thuốc **Giải biểu** thường có vị cay ôn hoặc cay lương thường dùng để chữa hội chứng bệnh lý biểu gặp trong các bệnh nhiễm ở giai đoạn sơ khởi.

Tùy theo tính chất mà thuốc được chia làm 2 loại:

- *Tân ôn giải biểu.*
- *Tân lương giải biểu.*

Những bài thuốc **Tân ôn giải biểu** có tác dụng phát tán phong hàn.

Chữa những chứng biểu ngoại cảm phong hàn thường có triệu chứng: sốt rét, gai rét, đau đầu, nhức mỏi tay chân, có hoặc không có mồ hôi, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn hoặc phù hoãn.

Những vị thuốc thường dùng có: Ma hoàng, Quế chi, Kinh giới, Tía tô, Tế tân, Phòng phong, Bạch chỉ, Khương hoạt, Hương nhu, Thông bạch, Gừng tươi ...

Những bài thuốc thường dùng có:

- Ma hoàng thang
- Quế chi thang
- Thông xì thang
- Kinh phòng bại độc tán
- Hương tô tán
- Đại thanh long thang
- Tiểu thanh long thang.

Những bài thuốc **Tân lương giải biểu** có tác dụng sơ tán phong nhiệt.

Thường dùng chữa các bệnh ngoại cảm phong nhiệt, giai

đoạn đầu của bệnh nhiễm, có các triệu chứng như sốt, đau đầu, hơi sợ gió lạnh hoặc mồm khát, đau họng ho, rêu lưỡi trắng mỏng hoặc hơi vàng, mạch phù sắc.

Những vị thuốc thường dùng có: Bạc hà, Ngưu bàng tử, Tang diệp, Cúc hoa, Cát căn, Thăng ma ...

Những bài thuốc thường dùng có:

- Tang cúc ẩm
- Ngân kiều tán
- Ma hạnh - Thạch cam thang
- Sài cát giải cơ thang
- Thăng ma - Cát căn thang ...

Những bài thuốc ***Phò chính giải biểu*** có tác dụng vừa nâng cao chính khí, vừa giải biểu "đuổi tà khí".

Thường sử dụng đối với những người mà cơ thể suy yếu lại mắc bệnh ngoại cảm. Những bài thuốc như:

- Ma hoàng phụ tử tế tân thang
- Ma hoàng phụ tử cam thảo thang
- Tái tạo tán
- Nhân sâm Bại độc tán
- Sâm tô ẩm.

## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU***

## TÂN ÔN GIẢI BIỂU

Những bài thuốc ***Tân ôn giải biểu*** có tác dụng phát tán phong hàn.

Chữa những chứng biểu ngoại cảm phong hàn thường có triệu chứng: sốt rét, gai rét, đau đầu, nhức mỏi tay chân, có hoặc không có mồ hôi, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn hoặc phù hoãn.

Những vị thuốc thường dùng có: Ma hoàng, Quế chi, Kinh giới, Tía tô, Tế tân, Phòng phong, Bạch chỉ, Khương hoạt, Hương nhu, Thông bạch, Gừng tươi ...

Những bài thuốc thường dùng có:

- Ma hoàng thang
- Quế chi thang
- Thông xị thang
- Kinh phòng bại độc tán
- Hương tô tán
- Đại thanh long thang
- Tiểu thanh long thang.

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## MA HOÀNG THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ma hoàng 12g

Quế chi 8g

Hạnh nhân 12g

Chích thảo 4g

**Cách dùng:** Sắc uống ngày 3 lần, uống lúc thuốc nóng khi ra mồ hôi là được, không cần uống tiếp.

**Tác dụng:** Phát hãn, giải biểu, tuyên phế, bình suyễn.

**Giải thích bài thuốc:** Trong bài thuốc vị:

- Ma hoàng là chủ dược có tác dụng phát hãn, giải biểu, tán phong hàn, tuyên phế, định suyễn.
- Quế chi phát hãn giải cơ, ôn thông kinh lạc làm tăng thêm tác dụng phát hãn của Ma hoàng và chứng đau nhức mình mẩy.
- Hạnh nhân tuyên phế, giáng khí giúp Ma hoàng tăng thêm tác dụng định suyễn.
- Chích thảo tác dụng điều hòa các vị thuốc làm giảm tính cay táo của Quế chi và làm giảm tác dụng phát tán của Ma hoàng.

**Ứng dụng lâm sàng:** Thường dùng trong các trường hợp sau:

1. Đối với chứng ngoại cảm phong hàn, nghẹt mũi, ho hen, khó thở nhiều đàm có thể bỏ Quế chi gọi là bài Tam ảo thang (Hòa tễ cục phương).
2. Trường hợp ngoại cảm, phong hàn thấp, sợ lạnh không ra mồ hôi, nhức mỏi cơ xương, gia Bạch truật để trừ thấp



gọi là bài Ma hoàng gia Truật thang (Kim quỹ yếu lược).

3. Trên lâm sàng thường hay dùng bài Ma hoàng thang gia giảm để trị các chứng cảm mạo, cảm cúm, viêm đường hô hấp trên, hội chứng biểu thực, bài thuốc còn có tác dụng cả đối với những bệnh viêm phế quản mạn tính, hen phế quản, lên cơn ho suyễn lúc cảm lạnh.

**Chú ý lúc sử dụng:** Bài thuốc có tác dụng phát hãn mạnh nên chỉ dùng trong trường hợp ngoại cảm phong hàn biểu thực, chứng không ra mồ hôi, đối với chứng biểu hư ra mồ hôi nhiều, ngoại cảm phong nhiệt, cơ thể hư nhược, bệnh sản phụ mới sanh, người bị bệnh mất nước, mất máu nhiều đều không nên dùng.

**Tài liệu tham khảo:** Theo thử nghiệm kháng khuẩn các vị thuốc Ma hoàng, Quế chi, Cam thảo đều có tác dụng ức chế mạnh đối với virus cúm (theo Phương tễ học).

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## QUẾ CHI THANG

### **Thành phần:**

Quế chi	12g
Bạch thược	12g
Chích Cam thảo	6g
Sinh khương	12g
Đại táo	4 quả

**Cách dùng:** Uống lúc thuốc còn nóng hoặc là sau khi uống thuốc ăn cháo nóng về mùa đông, uống thuốc xong trùm chăn cho ra mồ hôi vừa phải.

**Tác dụng:** Giải cơ, phát hãn giải biểu, điều hòa dinh vệ.

**Giải thích bài thuốc:** Trong bài thuốc:

- Quế chi là chủ dược có tác dụng giải cơ biểu và thông dương khí.
- Bạch thược liễm âm hòa vinh giúp cho Quế chi không làm tổn thương chân âm. Hai vị thuốc cùng dùng một tán, một thu điều hòa vinh vệ.
- Những vị thuốc khác như Sinh khương, Đại táo, Chích Cam thảo đều có tác dụng điều hòa.

**Ứng dụng lâm sàng:** Bài thuốc này ngoài việc dùng chữa biểu chứng ngoại cảm phong hàn, biểu hư còn có thể dùng trong những trường hợp sau:

1. Nếu bệnh nhân kiêm ho suyễn gia Hậu phác, Hạnh nhân để bình suyễn chỉ khái gọi là bài QUẾ CHI GIA HẬU PHÁC HẠNH NHÂN THANG (Thương hàn luận).
2. Những trường hợp sau khi mắc bệnh, sau khi sanh

mà có lúc hơi hàn có lúc hơi nhiệt, mạch hoãn ra mồ hôi có thể dùng Quế chi thang để điều trị.

3. Trường hợp phụ nữ có thai nôn nặng, khí huyết không điều hòa có thể dùng điều trị có kết quả tốt.
4. Trường hợp cảm phong hàn, hàn thấp, đau nhức mình mẩy có thể gia thêm các vị Uy linh tiên, Tục đoạn, Phòng phong, Khương hoạt, Ngũ gia bì, có thể có tác dụng tăng cường trừ phong thấp giảm đau.
5. Trường hợp chứng đã dùng Quế chi thang, có thêm chứng cứng gáy, đau lưng gia Cát căn gọi là Quế chi gia Cát căn thang (Thương hàn luận).
6. Trường hợp di tinh, chóng mặt, đạo hãn, tự hãn gia Long cốt, Mẫu lệ để vừa điều hòa âm dương vừa cố sáp gọi là bài QUẾ CHI MẪU LỆ LONG CỐT THANG (Kim quỹ yếu lược).

**Chú ý lúc sử dụng:** Không dùng bài thuốc trong những trường hợp sau: Ngoại cảm phong hàn biểu thực chứng.

Trường hợp bệnh nhiễm thời kỳ đầu sốt rét ra mồ hôi mà khát nước, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch sắc không dùng.

**Tài liệu tham khảo:** Theo một số báo cáo lâm sàng bài Quế chi thang gia giảm như sau: Cát căn 20 - 40g, Ma hoàng 6g, Bạch thược 12g, Phòng phong 12g, Sài hồ 6g, Cam thảo 4g, Đại táo 6 quả. Sắc uống có thể chữa chứng cứng gáy tốt (Torticollis). Theo tài liệu, vị thuốc Cát căn có tác dụng giãn mạch tăng cường lưu lượng máu chống co thắt, làm giảm đau.

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## THÔNG XỊ THANG (Cửu hậu phương)

### **Thành phần:**

Thông bạch (cả rễ) 5 củ

Đạm đậu xị 12g

**Cách dùng:** sắc uống ngày 2 - 3 lần, uống lúc nóng.

**Tác dụng:** Thông dương, giải biểu.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Thông bạch là chủ dược có tác dụng tân ôn thông dương khí, sơ đạt cơ biểu, phát tán phong hàn.
- Đạm đậu xị cay ngọt hỗ trợ tuyên tán giải biểu.

Bài thuốc, tính dược bình tân ôn mà không táo dùng trong trường hợp phong hàn biểu chứng nhẹ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp cảm phong hàn nặng, sợ lạnh, không có mồ hôi, đau đầu nhiều, có thể gia thêm Khương hoạt, Kinh giới, Phòng phong, Bạc hà.
2. Trường hợp sợ lạnh nhiều, gáy lưng đau, mạch khẩn, không ra mồ hôi, có thể gia thêm Ma hoàng, Cát căn để tăng cường phát hãn, giải cơ gọi là bài HOẠT NHÂN THÔNG KHÍ THANG (Loại chứng hoạt nhân thư).
3. Trường hợp bệnh nhiễm thời kỳ đầu, sốt hơi sợ lạnh và gió, mồm khô, khát gia Cát cánh, Bạc hà, Liên kiều, Chi tử, Cam thảo, Trúc diệp để giải nhiệt gọi là bài THÔNG XỊ CÁT CÁNH THANG (Thông tục thương hàn luận).

Hoạt nhân thông khí thang và Thông xỉ cát cánh thang đều là bài Thông xỉ thang gia vị nhưng bài trước tác dụng chủ yếu là giải biểu tán hàn, bài sau là giải biểu thanh nhiệt.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## CỬU VỊ KHƯƠNG HOẠT THANG (Thử sự nan trị)

### **Thành phần:**

Khương hoạt	6g
Phòng phong	6g
Xuyên khung	4g
Sinh địa	4g
Cam thảo	4g
Thương truật	6g
Tế tân	2g
Bạch chỉ	4g
Hoàng cầm	4g

**Cách dùng:** Gia Sinh khương 2 lát, Thông bạch 3 cọng, sắc uống.

**Tác dụng:** Phát hãn, trừ thấp, thanh lý nhiệt.

Dùng trong các chứng ngoại cảm phong hàn thấp, sốt sợ lạnh, đau đầu, cơ thể nhức mỏi, mồm đắng hơi khát, không ra mồ hôi, rêu lưỡi trắng trơn, mạch phù khẩn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Khương hoạt là chủ dược có tác dụng phát tán phong hàn, trừ phong thấp.
- Phòng phong, Thương truật phối hợp tăng thêm tác dụng trừ phong thấp, chỉ thống.
- Tế tân, Xuyên khung, Bạch chỉ trừ phong, tán hàn, hành khí, hoạt huyết, chữa được đau đầu, mình.
- Sinh địa, Hoàng cầm thanh lý nhiệt, giảm bớt tính

cay ôn táo của các vị thuốc.

- Cam thảo có tác dụng điều hòa thuốc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc này chỉ dùng cho các chứng cảm mạo 4 mùa có tác dụng khu hàn, thanh nhiệt, giảm đau, nhức mình mẩy.

1. Nếu thấp tà nhẹ, mình mẩy đau ít bỏ Thương truật, Tế tân.
2. Nếu thấp nặng ngực đầy tức bỏ Sinh địa gia Chỉ xác, Hậu phác để hành khí hóa thấp.
3. Nếu mình mẩy chân tay đau nhiều tăng lượng Khương hoạt và trên lâm sàng sử dụng có kết quả với nhiều bệnh cảm cúm, thấp khớp cấp có những triệu chứng sốt, sợ lạnh, đau đầu không có mồ hôi, chân tay mình mẩy đau, mồm đắng hơi khát nước.

***Chú ý lúc sử dụng:*** Bài thuốc có nhiều vị cay ôn táo nên không dùng cho những trường hợp có triệu chứng âm hư.

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## HƯƠNG TÔ TÁN (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Hương phụ	160 g
Tô diệp	160 g
Trần bì	80 g
Chích thảo	40 g

**Cách dùng:** Tán bột mịn làm thuốc tán mỗi lần sắc 12g uống. Có thể dùng làm thuốc thang với liều lượng giảm bớt.

**Tác dụng:** Phát hãn, giải biểu lý khí hòa trung.

Chữa chứng ngoại cảm phong hàn, kiêm khí trệ có các triệu chứng người nóng, sợ lạnh, đau đầu, ngực bụng đầy tức, chán ăn, không ra mồ hôi, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tô diệp: tính cay ôn thơm có tác dụng giải biểu, lý khí điều trung là chủ dược.
- Hương phụ: lý khí, giải uất trệ.
- Trần bì: lý khí, giảm đau tức bụng ngực.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chữa có hiệu quả chứng cảm mạo thể tiêu hóa.

1. Nếu phong hàn nặng, nghẹt mũi, chảy nước mũi trong gia Thông bạch, Sinh khương.

2. Đau đầu gia Mạn kinh tử, Bạch tật lê để sơ phong chỉ thống.
3. Nếu khí nghịch ho và đàm nhiều gia Tô tử, Bán hạ để giáng khí hóa đàm.
4. Trong bài thuốc các vị thuốc Tô điệp, Hương phụ, Trần bì đều có tác dụng lý khí giải uất dùng tốt cho chứng đau bụng do khí trệ: nếu đau bụng đầy tức gia Hậu phác, Chỉ xác; thức ăn không tiêu gia Kê nội kim, Thần khúc để tiêu thực đạo trệ.

**Chú ý lúc sử dụng:** Bài thuốc tính dược ôn nên dùng thận trọng đối với cơ thể âm hư.

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***



## ĐẠI THANH LONG THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ma hoàng 16 g  
Chích thảo 8 g  
Thạch cao 32 g  
Đại táo 4 quả  
Quế chi 8 g  
Hạnh nhân 8 g  
Sinh khương 8 g

**Cách dùng:** Thạch cao sắc trước, thuốc sắc chia 3 lần, uống trong ngày, ra mồ hôi nhiều ngưng dùng thuốc.

**Tác dụng:** Phát hãn, giải biểu, thanh nhiệt, trừ phiền.

Trị các chứng ngoại cảm phong hàn biểu thực kiêm lý nhiệt chứng thường thấy sốt sợ lạnh, đầu nặng, mình đau không ra mồ hôi, khó chịu, rêu lưỡi trắng hoặc hơi vàng, mạch phù khẩn có lực.

**Giải thích bài thuốc:** Bài thuốc được tạo thành trên cơ sở bài Ma hoàng thang gia tăng lượng Ma hoàng và Cam thảo, có thêm Thạch cao, gừng và Táo.

- Tăng lượng Ma hoàng để tăng tác dụng phát hãn và giải biểu.
- Thạch cao: thanh nhiệt trừ phiền.
- Thêm lượng Cam thảo để điều hòa trung khí.
- Thêm Khương, Táo để điều hòa vinh vệ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được sử dụng chủ yếu đối với chứng sốt sợ lạnh, không ra mồ hôi, bứt rứt khó chịu mà mạch phù khẩn có lực.

Bài thuốc cũng có thể dùng trong các trường hợp vốn cơ thể đàm ẩm, ho suyễn do cảm thụ ngoại tà gây nên, chân tay phù sốt, sợ lạnh không ra mồ hôi, bứt rứt khó chịu.

### **Chú ý lúc sử dụng:**

Bài thuốc tác dụng phát hãn mạnh dễ thương âm dương nên không dùng được với những người hư nhược.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## VIỆT TỖ THANG (Kim quỹ yếu lược)

**Thành phần:**

Ma hoàng     12 g  
Sinh Khương 12 g  
Chích thảo    6 g  
Thạch cao    24 g  
Đại táo       4 quả

**Cách dùng:** Sắc uống chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Sơ tán thủy thấp, tuyên phế, thanh nhiệt.

Dùng cho người bệnh có triệu chứng phù từ thất lưng trở lên, mặt và mắt sưng phù nặng kèm theo ra mồ hôi, sợ gió, hơi sốt, mồm khát gắt trong bệnh viêm cầu thận cấp, phù.

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## TIÊU THANH LONG THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ma hoàng	12 g
Quế chi	12 g
Bán hạ	12 g
Tế tân	6 g
Bạch thược	12 g
Can khương	12 g
Chích thảo	12 g
Ngũ vị tử	6g

**Cách dùng:** Sắc nước, chia 3 lần uống trong ngày.

**Tác dụng:** Giải biểu, tán hàn, ôn phế, hóa ẩm.

Dùng trong các trường hợp ngoại cảm phong hàn bên trong thủy thấp, đờm ẩm ứ trệ có triệu chứng sợ lạnh, phát sốt không ra mồ hôi, ho suyễn, đờm trắng loãng; nặng thì khó thở không nằm được hoặc chân, mặt phù, miệng không khát, rêu lưỡi trắng, nhuận, mạch phù, khẩn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Ma hoàng, Quế chi có tác dụng phát hãn, giải biểu, tuyên phế, bình suyễn.
- Bạch thược hợp Quế chi để điều hòa vinh vệ.
- Can khương, Tế tân vừa có tác dụng phát tán phong hàn, vừa ôn hóa đờm ẩm.
- Bán hạ trị táo thấp, hóa đờm.
- Ngũ vị tử liễm phế, chỉ khái.

- Cam thảo làm giảm bớt tính cay nóng của Ma hoàng, Quế chi, Can khương.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc được dùng nhiều để chữa các chứng viêm phế quản mạn tính, hen phế quản có các triệu chứng ho khó thở, đàm loãng trắng, rêu lưỡi trắng hoạt.

1. Trường hợp có chứng nhiệt, bệnh nhân bứt rứt gia Thạch cao gọi là bài: TIỂU THANH LONG GIA THẠCH CAO THANG (Kim quỹ yếu lược).
2. Bệnh nhân khát nhiều bỏ Bán hạ gia Thiên hoa phấn, Sinh địa để thanh nhiệt sinh tân.



## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## XẠ CAN MA HOÀNG THANG (Kim quỹ yếu lược)

### Thành phần:

Xạ can	12 g
Ma hoàng	12 g
Tử uyển	12 g
Khoản đông hoa	12 g
Sinh khương	12 g
Bán hạ	12 g
Tế tân	4 g
Ngũ vị tử	6 g
Đại táo	3 quả

**Cách dùng:** Sắc nước chia 3 lần uống trong ngày.

**Tác dụng:** Ôn phế hóa đàm, chỉ khái, định suyễn.

Được dùng có kết quả trong các bệnh viêm phế quản mạn tính, hen phế quản thể hàn.

Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## KINH PHÒNG BẠI ĐỘC TÁN (Nhiếp sinh chứng diệu phương)

### **Thành phần:**

Kinh giới	12g
Độc hoạt	12g
Khương hoạt	12g - 30g
Sài hồ	12g
Xuyên khung	8g
Tiền hồ	8g
Kiết cánh	8g
Chỉ xác	8g
Phục linh	12g
Cam thảo	4g

**Cách dùng:** Nguyên là bài thuốc tán, mỗi lần uống 5 - 20g thêm Gừng tươi 3 - 5 lát, Bạc hà 4g sắc uống chia uống 2 lần trong ngày.

Bài thuốc có thể dùng dạng thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Phát tán, phong hàn, giải nhiệt, chỉ thống.

Chữa bệnh ngoại cảm, chứng biểu hàn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Khương hoạt, Kinh giới, Phòng phong: tác dụng tân ôn, giải biểu, phát tán phong hàn.
- Độc hoạt: ôn thông kinh lạc.
- Xuyên khung: hoạt huyết khu phong chữa đau đầu, nhức cơ bắp.

- Sài hồ: giải cơ thanh nhiệt.
- Bạc hà: sơ tán phong nhiệt.
- Tiền hồ, Kiết cánh: thanh tuyên phế khí.
- Chỉ xác: khoan trung lý khí.
- Phục linh lợi thấp.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Đối chứng biểu hàn trong các bệnh cảm viêm đường hô hấp trên có thể dùng cả bài không cần dùng gia giảm có kết quả tốt.
2. Nếu ngoại cảm biểu hàn mà cơ bắp đau không rõ rệt bớt Độc hoạt.
3. Nếu biểu hàn kiêm lý nhiệt rõ như họng sưng đau, đỏ, đầu lưỡi đỏ, miệng khô thì bỏ Độc hoạt, Xuyên khung thêm Kim ngân hoa, Liên kiều, Ngưu bàng tử, Lô căn, Trúc diệp để thanh nhiệt giải biểu.
4. Đối với trẻ em cảm viêm đường hô hấp trên, sốt cao có thể thêm Thuyền thoái, Câu đằng, Chu sa, Đẳng tâm.

## ***BÀI THUỐC TÂN ÔN GIẢI BIỂU***

## HƯƠNG NHU ẨM (Hòa lợi cực phương)

### **Thành phần:**

Hương nhu 4 - 12g  
Bạch biển đậu 12g  
Hậu phác 4 - 8g

**Cách dùng:** Sắc uống 2 lần, nếu dễ nôn pha thêm gừng tươi 3 lát, sắc uống.

**Tác dụng:** Phát hãn, giải biểu, giải thử, hóa thấp hòa trung.

Thường dùng trong mùa hè, chữa chứng biểu, phong hàn thử thấp, sốt lạnh thấp nhiệt, đầu không ra mồ hôi, mạch phù hoặc nhu, buồn nôn hoặc nôn hoặc đau bụng đi tả, rêu lưỡi nhờn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hương nhu là chủ dược, tính tân ôn, có tác dụng phát hãn, giải biểu đồng thời lợi thấp, giải thử.
- Hương nhu và Hậu phác phối hợp với Bạch biển đậu có tác dụng kiện tỳ, hòa trung.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc có tác dụng chữa bệnh thử thấp. Thường dùng bài thuốc gia giảm để chữa các bệnh viêm đại tràng cấp, tiêu chảy, kiết lỵ.
2. Nếu bệnh nhân sốt cao, khát nước, rêu lưỡi vàng bỏ Bạch biển đậu gia Hoàng liên, Hậu phác.
3. Nếu bụng đầy đau gia Mộc hương, Sa nhân, Hoắc hương, Chỉ xác.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## TÂN LƯƠNG GIẢI BIỂU

Những bài thuốc ***Tân lương giải biểu*** có tác dụng sơ tán phong nhiệt.

Thường dùng chữa các bệnh ngoại cảm phong nhiệt, giai đoạn đầu của bệnh nhiễm, có các triệu chứng như sốt, đau đầu, hơi sợ gió lạnh hoặc mồm khát, đau họng ho, rêu lưỡi trắng mỏng hoặc hơi vàng, mạch phù sắc.

Những vị thuốc thường dùng có: Bạc hà, Ngưu bàng tử, Tang diệp, Cúc hoa, Cát căn, Thăng ma ...

Những bài thuốc thường dùng có:

- Tang cúc ẩm
- Ngân kiều tán
- Ma hạnh - Thạch cam thang
- Sài cát giải cơ thang
- Thăng ma - Cát căn thang ...

## ***BÀI THUỐC TÂN LƯƠNG GIẢI BIỂU***

## TANG CÚC ẨM (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Tang diệp 12g  
Cúc hoa 12g  
Hạnh nhân 12g  
Liên kiều 6 - 12g  
Cát cánh 8 - 12g  
Lô căn 8 - 12g  
Bạc hà 2 - 4g  
Cam thảo 2 - 4g

**Cách dùng:** Sắc uống, mỗi ngày 1 - 2 thang.

**Tác dụng:** Sơ phong, thanh nhiệt, tuyên phế, chỉ khái.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tang diệp, Cúc hoa là chủ dược có tác dụng sơ tán phong nhiệt ở thượng tiêu.
- Bạc hà phụ vào và gia tăng tác dụng của 2 vị trên.
- Hạnh nhân, Cát cánh: tuyên phế chỉ khái.
- Liên kiều: tính đắng, hàn, thanh nhiệt, giải độc.
- Lô căn: tính ngọt hàn, thanh nhiệt, sinh tân, chỉ khái.
- Cam thảo có tác dụng điều hòa các vị thuốc hợp với Cát căn thành bài Cát căn thang có tác dụng tuyên phế, chỉ khái, lợi yết hầu.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường được dùng trị bệnh đường hô hấp trên, cảm cúm, viêm phế quản thực chứng phong nhiệt ảnh hưởng đến phế gây nên ho, sốt.

1. Nếu ho đờm nhiều gia thêm Qua lâu nhân, Bối mẫu để thanh phế hóa đờm.
2. Nếu đờm nhiều, vàng đặc, lưỡi đỏ rêu vàng thêm Hoàng cầm, Đông qua nhân để thanh nhiệt, hóa đờm.
3. Nếu trong đờm có máu gia Bạch mao căn, Thuyền thảo để lương huyết chỉ huyết.
4. Nếu mồm khát gia Thiên hoa phấn, Thạch hộc để thanh nhiệt, sinh tân.
5. Nếu sốt cao khó thở gia Sinh Thạch cao, Tri mẫu để thanh phế vị.
6. Bài thuốc này gia Bạch tật lê, Quyết minh tử, Hạ khô thảo trị viêm màng tiếp hợp, đau mắt đỏ có kết quả tốt.
7. Gia Ngưu bàng tử, Thổ ngưu tất, Liên kiều trị Viêm amygdal cấp.

## ***BÀI THUỐC TÂN LƯƠNG GIẢI BIỂU***

## NGÂN KIỀU TÁN (Ôn bệnh điều biến)

### **Thành phần:**

Liên kiều	8 - 12g
Cát cánh	6 - 12g
Trúc diệp	6 - 8g
Kinh giới tuệ	4 - 6g
Đạm đậu xị	8 - 12g
Ngưu bàng tử	8 - 12g
Kim ngân hoa	8 - 12g
Bạc hà	8 - 12g
Cam thảo	2 - 4g

**Cách dùng:** Sắc uống, ngày 1 thang.

**Tác dụng:** Tân lương, thấu biểu, thanh nhiệt, giải độc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Kim ngân hoa, Liên kiều là chủ dược có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, tân lương thấu biểu.
- Bạc hà, Kinh giới, Đạm đậu xị có tác dụng hỗ trợ.
- Cát cánh, Ngưu bàng tử, Cam thảo: tuyên phế hóa đờm.
- Trúc diệp: thanh nhiệt, sinh tân, chỉ khái.

Các vị là một bài thuốc tốt dùng thanh nhiệt, giải độc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng nhiều đối với những bệnh ôn sơ khởi như viêm đường hô hấp trên, cảm cúm, viêm phế quản



cấp, ho gà, viêm amygdal cấp.

Tùy theo tình hình bệnh lý:

1. Nếu đau đầu không có mồ hôi có thể tăng lượng Kinh giới, Bạc hà thêm Bạch tật lê, Mạn kinh tử.
2. Nếu sốt cao có mồ hôi gia lượng Kim ngân hoa, Liên kiều giảm lượng Kinh giới, Bạc hà.
3. Nếu có chứng kiềm thấp như ngực tức nôn, gia Hoắc hương, Bội lan để hóa thấp.
4. Nếu ho đờm đặc gia Hạnh nhân, Bối mẫu.
5. Nếu sốt cao gia Chi tử, Hoàng cầm để thanh lý nhiệt.
6. Nếu khát nhiều gia Thiên hoa phấn.
7. Nếu viêm họng đau sưng gia Mã bột, Huyền sâm, Bản lam căn để thanh nhiệt, giải độc.
8. Nếu có nhọt sưng tấy gia Bồ công anh, Đại thanh diệp để tiêu tán sang độc.

## ***BÀI THUỐC TÂN LƯƠNG GIẢI BIỂU***

## MA HẠNH THẠCH CAM THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ma hoàng 8 - 12g

Chích thảo 2 - 4g

Hạnh nhân 6 - 12g

Thạch cao 8 - 12g (sắc trước).

**Cách dùng:** Sắc uống ngày 1 - 2 thang.

**Tác dụng:** Tuyên phế, thanh nhiệt, giáng khí, bình suyễn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tác dụng phát hãn, tuyên phế, trọng dụng Thạch cao để hỗ trợ Ma hoàng chỉ khái, bình suyễn.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.
- Trong bài thuốc 4 vị thuốc phối hợp có thể vừa giải biểu, vừa tuyên thông phế khí, vừa thanh lý nhiệt, cho nên có tác dụng tốt đối với bệnh hen suyễn có sốt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Nếu suyễn ra mồ hôi tức phế nhiệt nặng, lượng Thạch cao tăng gấp 5 lần lượng Ma hoàng.
2. Nếu suyễn mà không có mồ hôi là triệu chứng nhiệt bế tại phế dùng lượng Thạch cao tăng gấp 3 lần Ma hoàng.
3. Trường hợp bệnh sởi, sốt cao, khát nước, bứt rứt, ho khó thở (có khả năng biến chứng viêm phổi), sởi có mọc hay chưa đều có thể sử dụng bài thuốc tốt nhưng lượng Ma hoàng tùy tình hình mà gia giảm và gia thêm những thuốc giải độc.

Bài thuốc thường dùng có hiệu quả với các bệnh viêm phế

quản cấp, viêm phổi thùy, phổi đốm.

1. Nếu đờm nhiều khó thở gia Đinh lịch tử, Tang bạch bì, Tỳ bà diệp để túc giáng phế khí.
2. Nếu ho nhiều, đờm vàng đặc gia Qua lâu bì, Bối mẫu để thanh nhiệt hóa đờm.
3. Nếu ho suyễn sốt cao, khát nước ra mồ hôi, rêu lưỡi vàng tăng lượng Thạch cao, thêm Tri mẫu, Hoàng cầm, Qua lâu nhân để thanh tả phế vị nhiệt.

*Tài liệu tham khảo:*

- Theo tài liệu nước ngoài (Trung quốc) bài "Ma hạnh thạch cam thang" gia Địa long khô trị viêm xoang mũi mạn có kết quả tốt. Bài thuốc được dùng:

Ma hoàng sống 8g

Sinh thạch cao 80g

Hạnh nhân 8g

Sinh Cam thảo 4g

Địa long khô 7 con

(Theo báo Trung y dược Phúc kiến).

- Bài thuốc có thể dùng để chữa viêm phổi trẻ em có kết quả, sử dụng thuốc cao có gia thêm các vị Mạch môn, Thiên hoa phấn, Bạch mao căn, Kim ngân hoa, Trắc bá diệp, Ngưu bàng tử, Xuyên bối mẫu. Chế thành Ma hạnh hợp tử (Trung y dược tạp chí, Thượng hải 1959).

## ***BÀI THUỐC TÂN LƯƠNG GIẢI BIỂU***

## SÀI CÁT GIẢI CƠ THANG (Thương hàn lục thư)

### **Thành phần:**

Sài hồ	6 - 12g
Cát căn	8 - 16g
Cam thảo	2 - 4g
Khương hoạt	4 - 6g
Bạch chỉ	4 - 6g
Bạch thược	4 - 12g
Cát cánh	4 - 12g
Hoàng cầm	4 - 12g
Thạch cao	8 - 12g (sắc trước).

**Cách dùng:** Gia thêm gừng tươi 3 lát, Đại táo 2 quả sắc uống.

**Tác dụng:** Giải cơ, thanh nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Cát căn, Sài hồ có tác dụng giải cơ, thanh nhiệt là chủ dược.
- Khương hoạt, Bạch chỉ giải biểu, tán hàn, giảm đau.
- Hoàng cầm, Thạch cao thanh lý nhiệt, đều là thuốc hỗ trợ Bạch thược.
- Cam thảo hòa vinh vệ.
- Cát cánh khai thông phế khí.
- Gừng tươi, Đại táo điều hòa vinh vệ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp không có đau đầu và sợ lạnh bỏ Khương hoạt, Bạch chỉ.
2. Nếu có khát nước, rêu lưỡi khô gia Thiên hoa phấn, Sinh địa để thanh nhiệt sinh tân.
3. Nếu ho có đờm đặc gia Qua lâu bì để thanh nhiệt hóa đờm.

Bài thuốc được dùng có kết quả đối với các bệnh cảm cúm, cảm sốt đau đầu, đau mình mẩy.

## ***BÀI THUỐC TÂN LƯƠNG GIẢI BIỂU***



## THĂNG MA CÁT CĂN THANG (Tiểu nhi phương luận)

### **Thành phần:**

Thăng ma 6 - 10g

Thược dược 8 - 12g

Cát căn 8 - 16g

Chích thảo 2 - 4g

**Cách dùng:** Sắc uống ngày 1 thang. Theo cổ phương các vị thuốc lượng đều bằng nhau, tán bột, hoặc sắc uống.

**Tác dụng:** Giải cơ, thấu chẩn.

Dùng trong trường hợp bệnh sởi, trẻ em khó mọc hoặc mọc không đều, phát sốt, sợ gió, ho, mắt đỏ, chảy nước mắt, lưỡi đỏ, rêu trắng, mạch phù sắc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Cát căn có tác dụng thanh nhiệt, giải cơ, thấu chẩn là chủ dược.
- Thăng ma là thuốc hỗ trợ có tác dụng thăng dương thấu biểu hợp với Cát căn làm tăng tác dụng thấu chẩn giải độc.
- Thược dược hòa vinh thanh nhiệt, giải độc.
- Cam thảo điều hòa các vị thuốc có giải độc, hợp với Thược dược có tác dụng điều lý huyết phận, hợp với Thăng ma tăng tác dụng giải độc thấu chẩn.

Bốn vị hợp lại làm cho bài thuốc có tác dụng giải cơ, thấu chẩn, hòa vinh, giải độc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Đối với bệnh sởi mới phát có thể gia Bạc hà, Kinh giới, Thuyền thoái, Ngưu bàng tử, Kim ngân hoa để

tăng cường giải độc, thấu chẩn.

2. Nếu bệnh nhi họng đau đỏ gia Cát cánh, Huyền sâm, Mã bột để thanh lợi yết hầu.
3. Nếu sỏi chưa mọc hoặc sỏi sắc đỏ thấm dùng Xích thực thay cho Bạch thực gia Huyền sâm, Đơn bì, Tử thảo, Đại thanh diệp để lương huyết giải độc.
4. Trường hợp bệnh nhân sỏi sốt cao, đau đầu có thể tăng cường thêm các thuốc thanh nhiệt, giải độc như: Hoàng cầm, Sinh địa, Liên kiều, Thiên hoa phấn, Trúc diệp.



## PHÒ CHÍNH GIẢI BIỂU

Những bài thuốc ***Phò chính giải biểu*** có tác dụng vừa nâng cao chính khí, vừa giải biểu "đuổi tà khí".

Thường sử dụng đối với những người mà cơ thể suy yếu lại mắc bệnh ngoại cảm.

Những bài thuốc như:

- Ma hoàng phụ tử tế tân thang
- Ma hoàng phụ tử cam thảo thang
- Tái tạo tán
- Nhân sâm Bại độc tán
- Sâm tô ẩm.

## ***BÀI THUỐC PHÒ CHÍNH GIẢI BIỂU***

## MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ma hoàng 6 - 8g  
Tế tân 4 - 8g  
Thục phụ tử 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 3 lần trong 1 ngày.

**Tác dụng:** Trợ dương, giải biểu.

Dùng cho bệnh nhân vốn cơ thể dương hư mắc bệnh ngoại cảm phong hàn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Ma hoàng có tác dụng tán hàn, giải biểu là chủ dược.
- Phụ tử ôn kinh trợ dương, phò chính, khu tà.
- Tế tân vừa giúp Ma hoàng giải biểu, vừa giúp Phụ tử ôn kinh, tán hàn.

Ứng dụng lâm sàng:

Bài thuốc được dùng trong các trường hợp viêm phế quản mạn tính. Hen phế quản thể hàn thường kết hợp với bài Nhị trần thang để vừa ôn kinh tán hàn, vừa hóa đờm, định suyễn.

### **PHỤ PHƯƠNG**

## **MA HOÀNG PHỤ TỬ CAM THẢO THANG (Thương hàn luận)**

Bài này là bài trên bỏ Tế tân gia Chích Cam thảo cũng có tác dụng trợ dương, giải biểu.

Trị chứng dương hư, cảm mạo phong hàn nhưng tác dụng  
tán hàn ít hơn.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC PHÒ CHÍNH GIẢI BIỂU***



## TÁI TẠO TÁN (Thương hàn lục thư)

### **Thành phần:**

Hoàng kỳ	8g
Nhân sâm	4g
Quế chi	4g
Thược dược	4g
Cam thảo	2g
Thục Phụ tử	4g
Tế tân	4g
Khương hoạt	4g
Phòng phong	4g
Xuyên khung	4g
Gừng nướng	4g
Đại táo	2g

**Cách dùng:** sắc uống.

**Tác dụng:** Bài thuốc có tác dụng trợ dương, ích khí, giải biểu.

Dùng để trị chứng dương hư, khí kém, mắc bệnh ngoại cảm phong hàn, thường có các triệu chứng đau đầu, sốt, sợ lạnh, chân tay mát, không có mồ hôi, mệt mỏi, buồn ngủ, sắc mặt tái nhợt, tiếng nói nhỏ, lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng, mạch trầm, vô lực hoặc phù, đại vô lực.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC PHÒ CHÍNH GIẢI BIỂU***

## NHÂN SÂM BẠI ĐỘC TÁN (Tiểu nhi dược chứng trực huyết)

### **Thành phần:**

Sài hồ	6 - 12g
Phục linh	6 - 12g
Đảng sâm	6 - 12g
Tiền hồ	6 - 12g
Cát cánh	4 - 12g
Xuyên khung	4 - 8g
Chỉ xác	4 - 6g
Khương hoạt	4 - 6g
Độc hoạt	4 - 8g
Cam thảo	2 - 4g

**Cách dùng:** Thang thuốc cho vào Gừng tươi 3 lát, Bạc hà 4g, sắc uống ngày 1 - 2 thang.

Theo cổ phương, các vị lượng thuốc bằng nhau làm thuốc tán, mỗi lần uống 8g.

**Tác dụng:** Ích khí giải biểu, tán phong trừ thấp.

**Chủ trị** những bệnh nhân chính khí suy, mắc bệnh ngoại cảm phong hàn thấp có những triệu chứng: sốt, sợ lạnh, không có mồ hôi, đầu gáy đau cứng, chân tay nhức mỏi, ngực đầy tức, mũi nghẹt, nói khàn, ho có đờm, rêu lưỡi dày nhớt, mạch phù.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Khương hoạt, Độc hoạt có tác dụng giải biểu, tán phong hàn thấp.
- Xuyên khung phối hợp với Độc hoạt, Khương hoạt trị

đau đầu, đau mình mẩy.

- Đảng sâm: ích khí, kiện tỳ.
- Bạch linh: trừ thấp, hóa đờm.
- Tiền hồ, Cát cánh, Chỉ xác: lý khí, làm giảm tức ngực, chỉ khái, hóa đờm.
- Sài hồ, Bạc hà, Sinh khương: giải biểu.
- Cam thảo điều hòa các vị thuốc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Chữa bệnh kiết lỵ mới bắt đầu có biểu chứng như sốt, sợ lạnh, đau đầu, đau chân tay, rêu lưỡi trắng nhợt.
2. Những bệnh nhân cơ thể khỏe có thể bỏ Đảng sâm gia Kinh giới, Phòng phong gọi là bài KINH PHÒNG BẠI ĐỘC TÁN (Y học chính truyện).  
Bài này có thể trị chứng ung nhọt mới bắt đầu có biểu chứng.
3. Bài này bỏ Đảng sâm gia Kim ngân hoa, Liên kiều gọi là bài NGÂN KIỀU BẠI ĐỘC TÁN (Y phương tập giải) dùng để trị ung nhọt mới bắt đầu sưng đỏ, đau mà có biểu chứng.

## ***BÀI THUỐC PHÒ CHÍNH GIẢI BIỂU***

## SÂM TÔ ÂM (Hòa tể cực phương)

### **Thành phần:**

Đảng sâm	30g
Tô diệp	30g
Cát căn	30g
Tiền hồ	30g
Bán hạ	30g (tẩm Gừng sao)
Bạch linh	30g
Trần bì	20g
Cam thảo	20g
Cát cánh	20g
Chỉ xác	20g (Mạch sao)
Mộc hương	20g

**Cách dùng:** Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 8 - 12g gia Gừng tươi 7 lát, Táo 1 quả sắc nước uống. Có thể dùng thuốc thang.

**Tác dụng:** Chữa bệnh nhân khí hư, ngoại cảm phong hàn, bên trong có đờm thấp có triệu chứng sốt, sợ lạnh, đau đầu, mũi nghẹt, ho nhiều đờm, ngực sườn đầy tức, rêu lưỡi trắng, mạch nhược.

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## NHỮNG BÀI THUỐC THANH NHIỆT

Những bài thuốc **Thanh nhiệt** thường gồm các vị thuốc có tính vị đắng hàn hoặc ngọt hàn để chữa những hội chứng bệnh lý LÝ NHIỆT (thực nhiệt hay hư nhiệt) thường gặp trong các bệnh nhiễm vào giai đoạn toàn phát hoặc hồi phục, bệnh nhiễm mạn tính như lao, thấp khớp, bệnh chất tạo keo, ung thư và cả những trường hợp sốt kéo dài không rõ nguyên nhân.

Những bài thuốc thanh nhiệt thường được chia làm nhiều loại như:

- Thanh nhiệt tả hỏa (Thanh khí nhiệt)
- Thanh nhiệt lương huyết
- Thanh nhiệt giải độc
- Thanh nhiệt giải thử
- Tư âm thanh nhiệt (Thanh hư nhiệt)
- Thanh nhiệt các tạng phủ.

**A. Thanh khí nhiệt:** là những bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt tả hỏa dùng trong các bệnh nhiễm giai đoạn khí phận, có những triệu chứng như sốt cao, khát nước, bứt rứt, ra mồ hôi, rêu lưỡi vàng, mạch hồng đại, hoạt sắc.

Những vị thuốc thường dùng có Thạch cao, Tri mẫu, Trúc diệp, Chi tử, Sinh địa, Huyền sâm, Cát cánh, Thiên hoa phấn.

Những bài thuốc thường dùng có: Bạch hổ thang, Chi tử xị thang, Cát căn cầm liên thang, Trúc diệp Thạch cao thang, Ngọc nữ tiền, Nhân trần cao thang.

**B. Thanh nhiệt lương huyết:** những bài thuốc Thanh nhiệt

lượng huyết có tác dụng thanh vinh làm mát huyết, thường dùng để chữa những chứng viêm nhiễm; tà khí đã nhập vào vinh phận và huyết phận, triệu chứng: có sốt cao, khát nước hoặc không khát, bứt rứt khó ngủ, hôn mê nói sảng hoặc có những triệu chứng xuất huyết như: phát ban, thổ huyết, khái huyết, tiện huyết, chảy máu mũi, ... chót lưỡi đỏ, mạch sắc có lực.

Những vị thuốc thường dùng có tính vị đắng hàn hoặc ngọt hàn như: Sinh địa, Huyền sâm, Mạch môn, Đơn bì, Xích thược, Liên kiều, Hoàng liên, Hoàng bá, Trúc diệp, Tê giác ...

Những bài thuốc cổ phương thường dùng có Thanh vinh thang, Tê giác địa hoàng thang.

**C. Thanh nhiệt giải độc:** những bài thuốc Thanh nhiệt giải độc có tác dụng giải độc, hạ sốt. Dùng trong những trường hợp bệnh ung nhọt, phát ban, nóng sốt, đĩnh nhọt, nhiệt độc thịnh. Trường hợp nhiệt độc nhập thịnh ở khí phận cần phối hợp thuốc thanh nhiệt tả hỏa; trường hợp ở huyết phận cần phối hợp với thuốc lượng huyết giải độc.

Những vị thuốc thường dùng trong bài thuốc thanh nhiệt giải độc có: Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá, Thạch cao, Liên kiều, Bản lam căn, Thăng ma, Huyền sâm, Bồ công anh, Xuyên sơn giáp.

Những bài thuốc cổ phương thường dùng có: Phổ tế tiêu độc ẩm, Hoàng liên giải độc thang, Tiêu sang ẩm, Ngũ vị tiêu độc ẩm, Tứ diệu dưỡng âm thang.

**D. Thanh nhiệt giải thử:** là những bài thuốc dùng chữa những bệnh sốt về mùa hè thuộc phạm vi Chứng thử có các triệu chứng chính là: sốt, khát nước, ra mồ hôi, mệt mỏi, mạch hư, thường là chứng nhiệt kiêm thấp thường kèm theo khí hư.

Bài thuốc cổ phương thường dùng là: Hương nhu tán, Lục nhất tán, Thanh thử ích khí thang.

**E. Thanh nhiệt tạng phủ:** là những bài thuốc dùng chữa các chứng nhiệt ở tạng phủ.

Ví dụ:

1. Chứng Tâm kinh nhiệt thịnh: bứt rứt mồm khát, miệng lở, tiểu đỏ. Dùng bài Đạo xích tán để thanh tâm nhiệt chứng.
2. Chứng Can kinh nhiệt thịnh: sườn đau, mồm đắng, mắt đỏ, tai ù hoặc chứng Can kinh thấp nhiệt: tiểu đỏ gắt, âm hộ sưng ngứa, dùng bài Long đởm tả can thang để thanh can nhiệt.
3. Chứng Phế kinh nhiệt: ho suyễn dùng Tả bạch tán để thanh phế nhiệt.
4. Trường hợp răng lười sưng lở dùng bài Thanh vị tán để thanh vị nhiệt.
5. Trường hợp nhiệt tả lý dùng bài Hoàng cầm thang, Bạch đầu ông thang để thanh nhiệt ở đại tràng.

**F. Thanh hư nhiệt:** là những bài thuốc dùng để chữa các hội chứng bệnh lý âm hư sốt lâu dài như các trường hợp lao, ung thư, bệnh chất tạo keo.

Mục đích để tư âm thanh nhiệt .

Những vị thuốc thường dùng như: Thanh hao, Miết giáp, Sinh địa, Tri mẫu.

Những bài thuốc thường dùng có: Thanh hao miết giáp thang, Hoàng kỳ miết giáp thang.



## THANH KHÍ NHIỆT

***Thanh khí nhiệt*** là những bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt tả hỏa dùng trong các bệnh nhiễm giai đoạn khí phận, có những triệu chứng như sốt cao, khát nước, bứt rứt, ra mồ hôi, rêu lưỡi vàng, mạch hồng, đại, hoạt sắc...

Những vị thuốc thường dùng có Thạch cao, Tri mẫu, Trúc diệp, Chi tử, Sinh địa, Huyền sâm, Cát cánh, Thiên hoa phấn...

Những bài thuốc thường dùng có:

- Bạch hử thang
- Chi tử xị thang
- Cát căn cầm liên thang
- Trúc diệp thạch cao thang
- Ngọc nữ tiến
- Nhân trần cao thang.



## BẠCH HỒ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Thạch cao 40g

Chích thảo 4g

Tri mẫu 8 - 12g

Gạo tẻ 20 - 30g

**Cách dùng:** Sắc nước cho chín gạo, lọc uống, bỏ xác, ngày uống 3 lần.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, sinh tân.

Trị chứng Dương minh kinh chứng thường có sốt cao, đau đầu, mồm khô, khát nước, ra mồ hôi nhiều, rêu lưỡi vàng khô, mạch hồng, đại, có lực hoặc hoạt sác.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Thạch cao tính ngọt hàn, tác dụng tả hỏa là chủ dược.
- Tri mẫu đắng hàn để thanh phế vị nhiệt.
- Tri mẫu và Thạch cao cùng dùng sẽ tăng cường tác dụng trừ phiền.
- Cam thảo, Gạo tẻ: ích vị, bảo vệ tân dịch.
- Bốn vị dùng chung có tác dụng thanh nhiệt, trừ phiền, sinh tân, chỉ khát.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp bệnh ngoại cảm, lý nhiệt thịnh, khí âm đều tổn thất, về mùa hè, trúng thử, sốt cao, khát nước, mồ hôi nhiều, mạch đại vô lực, dùng bài thuốc



trên gia vị Nhân sâm gọi là NHÂN SÂM BẠCH HỒ THANG (Thương hàn luận).

2. Trường hợp ôn ngược, mạch bình, sốt không có rét, đau nhức các khớp, bứt rứt có lúc nôn hoặc phong thấp nhiệt, dùng bài thuốc gia thêm vị Quế chi gọi là bài BẠCH HỒ GIA QUẾ CHI THANG (Kim quỹ yếu lược). Trong bài vị Quế chi có tác dụng ôn thông kinh lạc, điều hòa vinh vệ.
3. Trường hợp thấp ôn có triệu chứng người nặng nề, bàn chân lạnh (nhiều mồ hôi) gia thêm vị Thương truật gọi là bài BẠCH HỒ THƯƠNG TRUẬT THANG (Hoạt nhân thư). Có thể dùng để chữa bệnh phong thấp, đau các khớp.
4. Trường hợp ôn nhiệt sốt cao phiền khát, hôn mê nói sảng, co giật, gia thêm Linh dương giác, Tê giác gọi là bài LINH TÊ BẠCH HỒ THANG (Ôn nhiệt kinh vĩ).
5. Trường hợp bệnh nhân có chứng thực nhiệt ở khí phận gia thêm Lô căn, Đại thanh diệp để tăng tác dụng thanh nhiệt, tả hỏa. Trường hợp viêm phổi, sốt cao ho đau ngực, đàm nhiều đặc gia các vị Đào nhân, Qua lâu nhân, Ý dĩ nhân, Bối mẫu có tác dụng thanh phế, hóa đàm.
6. Trường hợp tiểu đường, khát nhiều, ăn nhiều, mạch có lực có thể dùng bài thuốc gia Thiên hoa phấn, Cát căn, Mạch môn, Ngũ vị để thanh nhiệt sinh tân.

## ***BÀI THUỐC THANH KHÍ NHIỆT***

## TRÚC DIỆP THẠCH CAO THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Trúc điệp 12g  
Nhân sâm 6g  
Gạo tẻ 20 - 30g  
Bán hạ chế 6g  
Cam thảo 4g  
Thạch cao 20 - 40g  
Mạch đông 20g

**Cách dùng:** sắc nước uống ngày 3 lần.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này là bài Bạch hồ thang bỏ Tri mẫu gia Trúc điệp, Bán hạ chế, Nhân sâm, Mạch môn để tăng cường ích khí, dưỡng âm, giáng nghịch chỉ ầu.

**Tác dụng:** Dùng trị những bệnh thời kỳ hồi phục, khí âm hư, nhiệt tà còn lưu lại có tác dụng tốt.

Trường hợp trẻ em sốt kéo dài chưa rõ nguyên nhân dùng bài thuốc có hiệu quả cao.



## ***BÀI THUỐC THANH KHÍ NHIỆT***

## HÓA BAN THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Thạch cao 24 - 40g

Huyền sâm 10 - 12g

Cam thảo 8 - 12g

Tri mẫu 12 - 16g

Quảng Tế giác (Bột Sừng trâu) 8 - 40g

**Cách dùng:** sắc nước uống ngày 3 lần.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc.

Bài thuốc cổ phương dùng Tế giác và nước vo Gạo tẻ.

Trên lâm sàng bài thuốc được dùng chữa những chứng sốt cao, mồm khát, nói sảng, có phát ban, lưỡi đỏ thẫm, rêu vàng, mạch sắc như trường hợp sốt xuất huyết, sởi trẻ em, có tác dụng tốt.

## ***BÀI THUỐC THANH KHÍ NHIỆT***

## CHI TỬ XỊ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Chi tử            8 - 12g

Đạm đậu xị      12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, trừ phiền.

Dùng trong trường hợp bệnh ngoại cảm tà ở phần khí có triệu chứng sốt, bứt rứt, khó ngủ, ngực tức, lưỡi đỏ, rêu lưỡi hơi vàng, mạch sắc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Chi tử tính đắng hàn có tác dụng thanh tâm, trừ phiền là chủ dược.
- Đạm đậu xị tính cay, lương giúp Chi tử tả uất nhiệt ở thượng tiêu.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng trong những trường hợp bệnh ngoại cảm, lý nhiệt nhẹ, bứt rứt, khó ngủ, ngực đầy tức, thường được dùng kèm theo các vị thuốc khác.

Ví dụ:

1. Trong chứng nhiệt ở phần khí kèm biểu chứng gia Bạc hà, Ngưu bàng tử để giải biểu.
2. Nếu mồm đắng khô, lưỡi đỏ rêu vàng gia thêm Liên kiều, Hoàng cầm, Lô căn để tăng tác dụng thanh lý nhiệt.
3. Đối với trường hợp viêm túi mật cấp, viêm gan cấp, bứt rứt khó chịu, tùy tình hình cụ thể có thể kết hợp



bài thuốc này.

***Chú ý lúc sử dụng:***

- Chi tử là vị thuốc đắng hàn nên thận trọng đối với bệnh nhân tiêu chảy, tỳ vị hư hàn.
- Chi tử thường dùng dạng sao để tránh gây nôn.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT***

## THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT

Những bài thuốc ***Thanh nhiệt lương huyết*** có tác dụng thanh vịnh làm mát huyết, thường dùng để chữa những chứng viêm nhiễm; tà khí đã nhập vào vịnh phận và huyết phận. Triệu chứng: có sốt cao, khát nước hoặc không khát, bứt rứt khó ngủ, hôn mê nói sảng hoặc có những triệu chứng xuất huyết như: phát ban, thổ huyết, khái huyết, tiện huyết, chảy máu mũi, v.v.. chót lưỡi đỏ, mạch sắc có lực.

Những vị thuốc thường dùng có tính vị đắng hàn hoặc ngọt hàn như: Sinh địa, Huyền sâm, Mạch môn, Đơn bì, Xích thực, Liên kiều, Hoàng liên, Hoàng bá, Trúc diệp, Tô giác ...

Những bài thuốc cổ phương thường dùng có:

- Thanh vịnh thang
- Tô giác địa hoàng thang.
- Thần tô đơn.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT LƯỢNG HUYẾT***

## THANH VINH THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Tê giác	2 - 4g
Huyền sâm	12g
Mạch đông	10 - 12g
Đơn sâm	8 - 12g
Hoàng liên	6 - 8g
Sinh địa	20g
Trúc diệp tâm	4 - 6g
Liên kiều	6 - 10g
Kim ngân hoa	12 - 16g

**Cách dùng:** Tê giác tán bột mịn, uống với nước thuốc sắc. Có thể thay Tê giác bằng Quảng Tê giác (đầu nhọn sừng trâu lượng gấp 3 đến 10 lần). Tất cả sắc nước uống, chia làm 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Thanh vinh giải độc, thanh nhiệt dưỡng âm.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tê giác là chủ dược có tác dụng thanh nhiệt, giải độc ở phần vinh, cả phần huyết.
- Huyền sâm, Sinh địa, Mạch môn có tác dụng thanh nhiệt, dưỡng âm.
- Hoàng liên, Trúc diệp tâm, Liên kiều, Kim ngân hoa có tác dụng thanh nhiệt giải độc.
- Đơn sâm hợp lực với chủ dược để thanh nhiệt, lương huyết đồng thời có thể hoạt huyết, tán ứ,

chống nhiệt kết.

**Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc được sử dụng có tác dụng tốt trong những trường hợp bệnh nhiễm giai đoạn toàn phát, sốt cao, hôn mê nói sảng, hoặc có phát ban, xuất huyết như những trường hợp sởi trẻ em, viêm não cấp, sốt xuất huyết.
2. Trường hợp nhiệt nhập tâm bào có sốt cao, hôn mê, co giật cần tăng lượng Tê giác, có thể dùng thêm các loại thuốc Tử tuyết đơn, An cung ngưu hoàng hoàn, Chi bảo đơn để tăng cường tác dụng thanh nhiệt tức phong trấn kinh.
3. Trường hợp trẻ em bị Bạch hầu nặng có thể gia thêm Thạch cao, Đơn bì, Chi tử, Xích thược để tăng cường thanh nhiệt, tả hỏa, lương huyết, hoạt huyết.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT LƯỢNG HUYẾT***

## TÊ GIÁC ĐỊA HOÀNG THANG (Thiên kim phương)

### **Thành phần:**

Tê giác 2 - 4g

Bạch thược 16 - 20g

Sinh địa 20 - 40g

Đơn bì 12 - 20g

**Cách dùng:** Tê giác có thể thay Quảng tê giác tán bột mịn, uống với thuốc sắc hoặc cắt thành phiến mỏng sắc trước, sắc nước uống chia làm 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, tán ứ.

Dùng trong trường hợp bệnh nhiễm giai đoạn toàn phát, nhiệt nhập huyết phân gây nên thổ huyết, nục huyết (chảy máu cam), niệu huyết hoặc nhiệt nhập tâm bào gây hôn mê nói sảng, chất lưỡi đỏ thẫm có gai, mạch tế sác.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tê giác là chủ dược tác dụng thanh tâm hỏa, giải nhiệt độc.
- Sinh địa: lương huyết tư âm hỗ trợ với Tê giác giải nhiệt độc.
- Bạch thược: hòa vinh, tả nhiệt.
- Đơn bì: lương huyết, tán ứ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trong bài thuốc thường dùng Xích thược để thanh nhiệt, hóa ứ. Nếu nhiệt thương âm huyết có thể dùng Bạch thược để dưỡng âm huyết, điều hòa vinh vệ.
2. Trường hợp sốt cao nhiệt thịnh, hôn mê cần dùng



thêm Tử tuyết đơn hoặc An cung ngư hoàng hoàn để thanh nhiệt khai khiếu.

3. Nếu có kèm Can hỏa vượng gia Sài hồ, Hoàng cầm, Chi tử để thanh can, giải uất.
4. Nếu Tâm hỏa thịnh gia Hoàng liên, Chi tử để thanh tâm hỏa.
5. Nếu thổ huyết hoặc chảy máu cam gia Trúc nhự, Hạn liên thảo, Mao hoa (Hoa cây rể tranh) hoặc Rể tranh, Trắc bá diệp sao để thanh phế vị, cầm máu. Nếu có tiện huyết gia Địa du, Hoa hòe để thanh trường chỉ huyết; nếu tiểu ra máu gia Mao căn để lợi niệu chỉ huyết.

Chú ý lúc sử dụng: Trường hợp dương hư, mất máu và tỳ vị hư nhược không nên dùng.

***Một số thông báo lâm sàng:***

1. Bài thuốc dùng để chữa các chứng teo gan cấp, hôn mê gan, chứng nhiễm độc urê xuất huyết, nhiễm trùng huyết, chứng bạch cầu cấp (Học viện Trung y Thượng hải).
2. Dùng bài Tê giác địa hoàng thang gia giảm trị bệnh xuất huyết do giảm tiểu cầu có kết quả (Phương tễ học - Học viện Trung y Quảng Đông đồng chủ biên xuất bản 1974).

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT LƯỢNG HUYẾT***

## THẦN TÊ ĐƠN (Ôn nhiệt kinh vĩ)

### **Thành phần:**

Tê giác (mài ra nước) 24g  
Thạch xương bồ 24g  
Hoàng cầm 24g  
Sinh địa hoàng 60g  
Kim ngân hoa 60g  
Liên kiều 40g  
Bản lam căn 30g  
Đạm đậu xị 30g  
Thiên hoa phấn 16g  
Tử thảo 16g

**Cách dùng:** Các vị thuốc phơi khô, tán bột mịn hòa với nước Tê giác và Đại hoàng (không dùng Mật ong) gia Đạm đậu xị trộn với bột thuốc trên giã làm hoàn nặng 10g, uống với nước đun sôi để nguội ngày 2 lần.

Trẻ em giảm nửa liều ngày uống 1 - 2 hoàn.

Có thể dùng thuốc sắc uống, có tác dụng thanh nhiệt, lương huyết, giải độc, khai khiếu dùng trong bệnh viêm não, sốt xuất huyết, sởi trẻ em nặng, có sốt cao mê man nói sảng, phát ban, mắt đỏ, bứt rứt, chất lưỡi đỏ thẫm.

Trong bài cổ phương có dùng nước lọc phân người (thấy không cần thiết).

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT***

## THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC

Những bài thuốc ***Thanh nhiệt giải độc*** có tác dụng giải độc, hạ sốt. Dùng trong những trường hợp bệnh ung nhọt, phát ban, nóng sốt, đĩnh nhọt, nhiệt độc thịnh. Trường hợp nhiệt độc nhập thịnh ở khí phận cần phối hợp thuốc thanh nhiệt tả hỏa; trường hợp ở huyết phận cần phối hợp với thuốc lương huyết giải độc.

Những vị thuốc thường dùng trong bài thuốc thanh nhiệt giải độc có: Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá, Thạch cao, Liên kiều, Bản lam căn, Thăng ma, Huyền sâm, Bồ công anh, Xuyên sơn giáp...

Những bài thuốc cổ phương thường dùng có:

- Phổ tế tiêu độc ẩm
- Hoàng liên giải độc thang
- Tiêu sang ẩm
- Ngũ vị tiêu độc ẩm
- Tứ diệu dưỡng âm thang.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***

## PHỒ TẾ TIÊU ĐỘC ẨM (U phương độc giải - Lý Đông Viên)

### **Thành phần:**

Hoàng cầm (tẩm rượu sao) 12 - 20g

Trần bì 6 - 8g

Huyền sâm 6 - 8g

Bản lam căn 4 - 8g

Ngưu bàng tử 4 - 6g

Cương tằm 4 - 6g

Sài hồ 8 - 12g

Hoàng liên 12 - 20g

Cam thảo 6 - 8g

Liên kiều 4 - 8g

Mã bột 4 - 6g

Bạc hà 4 - 6g

Thăng ma 4 - 6g

Cát cánh 8 - 12g

(Có phương không có vị Bạc hà, có phương có Nhân sâm 10g, có phương có Đại hoàng).

**Cách dùng:** Các vị thuốc trên tán bột mịn, dùng mật làm hoàn hoặc sắc uống, liều lượng gia giảm tùy theo bệnh.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt giải độc, sơ phong tán tà.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng cầm, Hoàng liên là chủ dược có tác dụng thanh tả nhiệt độc ở thượng tiêu, đầu mặt.



- Huyền sâm, Mã bột, Bản lam căn, Cát cánh, Cam thảo thanh giải nhiệt độc ở đầu, họng.
- Trần bì lý khí sơ thông ứ trệ.
- Thăng ma, Sài hồ thăng dương, tán hỏa dẫn dược đưa lên đầu mặt.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc dùng để trị các ung nhọt ở đầu mặt, bệnh quai bị, viêm Amygdal cấp; chứng thường kèm theo sốt sợ lạnh, mồm khát, lưỡi đỏ, rêu trắng pha vàng, mạch phù sắc hoặc trầm sắc có lực.

1. Trường hợp quai bị có biến chứng viêm tinh hoàn gia thêm Xuyên luyện tử, Long đởm thảo để tả Can nhiệt.
2. Trường hợp bệnh nhân kèm chứng khí hư, người yếu mệt mỗi gia Đảng sâm để bổ khí, trường hợp táo bón gia Đại hoàng để tả nhiệt, thông tiện.
3. Trường hợp quai bị dùng bài thuốc PHỒ TẾ TIÊU ĐỘC ẨM gia giảm kết hợp dùng rượu hạt Gấc bôi ngoài kết quả rất tốt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***

## HOÀNG LIÊN GIẢI ĐỘC THANG (Ngoại đài bí yếu)

### **Thành phần:**

Hoàng liên 8 - 12g

Hoàng bá 8 - 12g

Hoàng cầm 8 - 12g

Chi tử 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia làm 2 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Tả hỏa, giải độc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng liên là chủ dược có tác dụng tả hỏa ở tâm và trung tiêu.
- Hoàng cầm tả hỏa ở thượng tiêu.
- Hoàng bá tả hỏa ở hạ tiêu.
- Chi tử hỗ trợ thông tả hỏa ở Tam tiêu.

Bốn vị hợp lại tác dụng tả hỏa, giải độc thêm mạnh, thích hợp dùng cho các chứng hỏa nhiệt thịnh ở Tam tiêu.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Nếu uất nhiệt, vàng da thêm Nhân trần, Đại hoàng tăng thêm tác dụng tiêu ứ giải độc.
2. Đối với ung nhọt, đinh độc có thể giã nát đắp tại chỗ hoặc dùng thêm các thuốc giải độc khác.
3. Bài thuốc có thể dùng đối với các chứng huyết độc, kiết lỵ, viêm phổi thuộc chứng hỏa độc thịnh.
4. Đối với các chứng xuất huyết như thổ huyết, chảy máu cam, phát ban có huyết nhiệt dùng thêm các vị

thuốc lương huyết, thanh nhiệt như Huyền sâm, Sinh địa, Đơn bì, Mao căn.

5. Dùng thuốc trên để chữa chứng nhiệt độc thịnh là chính, những vị thuốc đều có tính vị đắng hàn dễ làm tổn thương tân dịch nên cần thận trọng đối với bệnh nhân có tổn thương tân dịch hoặc cần gia thêm những loại thuốc tư âm thanh nhiệt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***

## TẢ TÂM THANG (Kim quỹ yếu lược)

**Thành phần:**

Đại hoàng 8 - 12g

Hoàng cầm 12g

Hoàng liên 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống 1 lần.

**Tác dụng:** Tả hỏa giải độc, trừ thấp.

Dùng với các chứng tâm, vị hỏa thịnh gây nên nôn ra huyết, chảy máu cam, táo bón hoặc tam tiêu tích nhiệt, mắt đỏ, mồm lở hoặc ung nhọt hoặc thấp nhiệt, vàng da, ngực sườn đầy tức, rêu lưỡi vàng dày, mạch sắc có lực.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***

## THANH ÔN BẠI ĐỘC ẨM (Dịch chấn nhất đắc)

### **Thành phần:**

Sinh Thạch cao 40 - 80g

Sinh Địa hoàng 16 - 20g

Tê giác 2 - 4g

Cát cánh 8 - 12g

Huyền sâm 8 - 16g

Đơn bì 8 - 12g

Chi tử 8 - 16g

Tri mẫu 8 - 12g

Cam thảo 4 - 8g

Hoàng liên 4 - 12g

Hoàng cầm 8 - 12g

Liên kiều 8 - 12g

Trúc diệp tươi 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống, Thạch cao sắc trước, Tê giác tán bột mịn uống với nước sắc.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, cứu âm.

Dùng chữa tất cả các chứng hỏa nhiệt, lâm sàng có triệu chứng sốt cao, nóng bứt rứt, khát nước, nôn khan, đau đầu như búa bổ, hốt hoảng nói sảng hoặc phát ban nôn ra máu, chất lưỡi đỏ thẫm, môi khô, mạch trầm tế hoặc trầm sắc hoặc phù đại sắc.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***

## TIỀN PHƯƠNG HOẠT MỆNH ẨM (Ngoại khoa phát huy)

### **Thành phần:**

Kim ngân hoa 12 - 20g  
Xuyên sơn giáp tích 8 - 12g  
Thiên hoa phấn 8 - 12g  
Tạo giác thích sao 8 - 12g  
Bạch chỉ 8 - 12g  
Cam thảo 4 - 8g  
Quy vĩ 8 - 12g  
Xích thược 8 - 12g  
Nhũ hương 6 - 12g  
Một dược 6 - 12g  
Phòng phong 6 - 12g  
Bối mẫu 8 - 12g  
Trần bì 6 - 8g

**Cách dùng:** Sắc nước uống hoặc nửa rượu nửa nước sắc uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, tiêu ung, hoạt huyết, chỉ thống.

### **Giải thích:**

- Kim ngân hoa là chủ dược, có tác dụng thanh nhiệt giải độc trị ung nhọt thêm Phòng phong, Bạch chỉ trừ phong thấp, bài nùng tiêu phù sưng.
- Quy vĩ, Xích thược, Nhũ hương, Một dược hoạt huyết tán ứ.

- Giảm đau thêm Bối mẫu, Thiên hoa phấn thanh nhiệt hóa đàm tán kết.
- Trần bì: lý khí hành hành trệ, tiêu sưng.
- Xuyên sơn giáp, Tạo thích: hoạt huyết tiêu độc, tuyên thông kinh lạc.
- Cam thảo thanh nhiệt giải độc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc dùng để chữa các chứng ung thư sang nhọt độc thuộc dương chứng, thực chứng dùng thuốc sắc uống còn bã thuốc dùng để đắp vào chỗ sưng đau.

1. Trường hợp ung nhọt không lớn có thể bỏ Tạo giác thích, Nhũ hương, Một dược giảm liều.
2. Nếu sưng đau nhiều bỏ Bạch chỉ, Trần bì là thuốc cay nóng gia Bồ công anh, Liên kiều, Cúc hoa để tăng cường tác dụng thanh nhiệt, giải độc huyết nhiệt.
3. Nếu nặng gia Đơn sâm, Đơn bì để thanh nhiệt, lương huyết, đại tiện táo bón gia Chỉ thực, Đại hoàng, Mang tiêu để tả hạ thông tiện.

Lúc sử dụng cần chú ý:

- Ung nhọt đã vỡ và trường hợp âm thư không nên dùng.
- Dùng thận trọng đối với trường hợp bệnh nhân tỳ vị hư, khí huyết kém.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***

## NGŨ VỊ TIÊU ĐỘC ẨM (Y tông kim giám)

### **Thành phần:**

Kim ngân hoa 12 - 20g  
Bồ công anh 12 - 20g  
Tử hoa địa linh 12 - 20g  
Giã Cúc hoa 8 - 16g  
Tử bối thiên quý 6 - 8g

**Cách dùng:** Thuốc sắc nước uống, bã thuốc giã nát đắp vào chỗ sưng đau.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, tiêu tán đình sang.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Kim ngân hoa là chủ dược có tác dụng thanh nhiệt, giải độc tiêu sưng ung nhọt.
- Tử hoa địa linh, Tử bối thiên quý trị định độc.
- Bồ công anh, Cúc hoa thanh giải nhiệt độc, tiêu sưng ung nhọt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp nhiệt thịnh gia thuốc thanh nhiệt giải độc như Hoàng liên, Liên kiều.
2. Sưng nặng gia Phòng phong, Thuyền thoái để tán phong, tiêu sưng, huyết nhiệt độc thịnh gia Xích thược, Đơn bì, Sinh địa để lương huyết giải độc.
3. Trường hợp áp xe vú nóng đỏ đau nhiều gia Qua lâu bì, Bối mẫu, Thanh bì để tán kết, tiêu sưng.
4. Đối với những trường hợp viêm cầu thận cấp, sốt,

phù, nước tiểu đỏ ít, lưỡi đỏ, mạch sắc hoặc viêm amygdal cấp gia thuốc thanh nhiệt lợi tiểu như Bạch mao căn, Xa tiền.

**Chú ý:** Trường hợp âm hư không dùng.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC***



## TỨ DIỆU DƯỠNG ÂM THANG (Nghiệm phương tân biên)

### **Thành phần:**

Kim ngân hoa 100 - 200g

Huyền sâm 60 - 100g

Đương quy 40 - 60g

Cam thảo 30g

**Cách dùng:** sắc nước uống, chia làm 2 - 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Kim ngân hoa là chủ dược có tác dụng thanh nhiệt giải độc.
- Huyền sâm để tư âm thanh nhiệt.
- Đương quy hoạt huyết hòa vinh.
- Cam thảo hòa trung giải độc dùng tốt đối với trường hợp chứng thoát thư lở loét nhiệt độc thịnh âm huyết bị tổn thương.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc dùng trong trường hợp thoát thư như viêm tắc tĩnh mạch, chân tay lở loét, người sốt khát nước, lưỡi đỏ, mạch sắc.
2. Nếu đau nhiều gia Nhũ hương, Một dược để hành khí hoạt huyết giảm đau.
3. Trường hợp nhiệt độc thịnh gia Bồ công anh, Đơn sâm, Xích tiểu đậu, Xuyên sơn giáp, Địa long để tăng cường thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết thông lạc.

4. Trường hợp thoát thư có triệu chứng ứ huyết rõ cần gia Đào nhân, Hồng hoa để hoạt huyết hóa ứ.
5. Trường hợp khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm để bổ khí.

**Chú ý:** Trường hợp thoát thư có hiện tượng hàn ngưng không nên dùng.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT***

## THANH NHIỆT GIẢI THỦ

***Thanh nhiệt giải thủ*** là những bài thuốc dùng chữa những bệnh sốt về mùa hè thuộc phạm vi chứng Thủ có các triệu chứng chính là: sốt, khát nước, ra mồ hôi, mệt mỏi, mạch hư, thường là chứng nhiệt kiêm thấp thường kèm theo khí hư.

Bài thuốc cổ phương thường dùng là:

- Hương nhu tán
- Tân gia Hương nhu ẩm
- Thanh lọc ẩm
- Lục nhất tán
- Thanh thủ ích khí thang.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI THỦ***

## HƯƠNG NHU TÁN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Hương nhu 200g

Biển đậu sao 40 - 60g

Hậu phác (Gừng chế) 40 - 60g

**Cách dùng:** dùng dạng bột theo tỷ lệ trên, các vị tán bột mịn, mỗi ngày 12g sắc nước uống.

Có thể theo tỷ lệ trên dùng thuốc thang nhưng lượng giảm.

**Tác dụng:** Giải thử, hóa thấp, hòa trung.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hương nhu có tác dụng giải thử, tán hàn, lợi thấp là chủ dược.
- Hậu phác tính cay đắng ôn có tác dụng hành khí, táo thấp, hóa trệ.
- Biển đậu tính ngọt bình, tiêu thử, hòa trung hóa thấp.

Ba vị hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng tiêu thử, giải biểu, hóa thấp, hòa trung.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được sử dụng trong trường hợp về mùa hè ngoại cảm phong hàn thấp. Triệu chứng: sốt, sợ lạnh, đầu đau nặng, ngực đầy tức, không ra mồ hôi hoặc đau bụng, nôn tiêu chảy, rêu lưỡi trắng dày, mạch phù.

1. Nếu chứng biểu nặng gia Thanh hao, Kinh giới để tăng tác dụng tiêu thử giải biểu.

2. Trường hợp mũi tắc (chảy nước mũi) kết hợp bài Thông xị thang để thông dương giải biểu.
3. Trường hợp lý thấp nhiệt gia Hoàng liên để thanh nhiệt gọi là bài TỬ VỊ HƯƠNG NHU ẨM.
4. Nếu thấp thịnh, bên trong bụng đầy, tiêu chảy gia Phục linh, Cam thảo để lợi thấp hòa trung gọi là bài NGŨ VẬT HƯƠNG NHU ẨM.
5. Nếu hai chân co rút gia Mộc qua để thông kinh gọi là bài LỤC VỊ HƯƠNG NHU ẨM.
6. Nếu gia thêm Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Quất hồng bì để ích khí kiện tỳ táo thấp gọi là bài THẬP VỊ HƯƠNG NHU ẨM.

Bài thuốc vừa có tác dụng giải biểu tiêu thực, vừa có tác dụng hóa thấp trệ, hòa trường vị cho nên có thể sử dụng chữa các chứng cảm mạo mùa hè - thu, các chứng nhiễm trùng đường ruột như viêm ruột, kiết lỵ, có các chứng hậu như trên có thể gia giảm để đạt kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI THỦ***



## TÂN GIA HƯƠNG NHU ẨM (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Hương nhu 8g  
Kim ngân hoa 12g  
Bạch biển đậu tươi 12g  
Hậu phác 8g  
Liên kiều 8g

**Cách dùng:** sắc nước chia 2 lần uống trong ngày.

**Tác dụng:** dùng chữa các chứng cảm thụ thử tà, phát sốt, hơi gai rét, đau đầu không ra mồ hôi, bứt rứt khát nước, lưỡi đỏ rêu trắng mỏng, mạch hồng đại.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bạch biển đậu, Kim ngân hoa, Liên kiều có tác dụng tân lương, thấu biểu, trừ thấp thanh nhiệt.
- Hương nhu, Hậu phác tiêu thử trừ thấp.

Năm vị thuốc phối hợp thành một bài thuốc có tác dụng tiêu thử thanh thấp nhiệt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI THỦ***

## THANH LẠC ẨM (Ôn bệnh điều biện)

***Thành phần:***

Hà diệp tươi 8 - 20g

Ngân hoa tươi 8 - 20g

Vỏ dưa đỏ 8 - 20g

Bạch biển đậu tươi 8 - 12g

Tây qua bì 8 - 12g

Trúc diệp tâm tươi 8 - 12g

***Cách dùng:*** sắc nước uống ngày 2 lần.

***Tác dụng:*** Giải thử, thanh phế.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI THỦ***

## LỤC NHẤT TÁN (Thương hàn tiêu bản)

### **Thành phần:**

Hoạt thạch 6 phần

Cam thảo 1 phần

**Cách dùng:** Thuốc theo tỷ lệ trên, tán bột mịn, trộn đều mỗi lần uống từ 6 - 12g với tỷ lệ mật ong và nước đun sôi (ấm) ngày 3 lần có thể dùng với thuốc thang, lượng gia giảm, sắc uống.

**Tác dụng:** Thanh thử, lợi thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoạt thạch là chủ dược vị nhạ tính hàn có tác dụng thẩm thấp, thanh nhiệt, trừ thấp nhiệt ở tam tiêu.
- Cam thảo: thanh nhiệt, hòa trung.

Hai vị thuốc phối hợp với tỷ lệ 6:1, nên gọi là Lục nhất chữa những bệnh thử thấp có triệu chứng sốt, khát nước, tiêu chảy hoặc sỏi tiết niệu đều có tác dụng.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp bệnh thử sốt có kinh giật, bứt rứt gia Thần sa, gọi là bài ÍCH NGUYÊN TÁN (Hà gian lục thư) dùng nước sắc Đẳng tâm để uống có tác dụng trấn kinh an thần.
2. Trường hợp bệnh thử nhiệt, mắt đỏ, họng đau hoặc mồm lưỡi viêm loét gia Thanh đại gọi là bài BÍCH NGỌC TÁN (Hà gian lục thư) để thanh can hỏa.
3. Trường hợp đi tiểu đau gắt hoặc chứng "Sa lâm" gia thêm Kim tiền thảo để hóa thạch chỉ thống, tăng

cường lợi tiểu.

4. Bài thuốc gia thêm Sinh Trắc bá diệp, Sinh Xa tiền thảo, Sinh Ngẫu tiết có tên TAM SINH ÍCH NGUYÊN TÁN trị chứng Huyết lâm có thể gia Tiểu kế, Hồ phách, Bồ hoàng để chỉ huyết, thông lâm.

**Chú ý:** Không dùng đối với trường hợp âm hư tiểu tiện trong.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT GIẢI THỦ***

## THANH THỦ' ÍCH KHÍ THANG (Ôn nhiệt kinh vĩ)

### **Thành phần:**

Tây dương sâm 6g  
Cọng sen 20g  
Thạch học 12g  
Trúc diệp 8g  
Cam thảo 8g  
Vỏ dưa đỏ 40g  
Hoàng liên 4g  
Mạch môn 12g  
Tri mẫu 8g  
Cánh mễ 20g

**Cách dùng:** sắc nước uống 2 ngày, chia 2 - 3 lần.

**Tác dụng:** Thanh thủ' ích khí, dưỡng âm, sinh tân.

Dùng trong trường hợp bệnh nhân sốt, mồ hôi nhiều, mồm khát, bứt rứt, người mệt mỏi, mạch hư sắc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Vỏ dưa đỏ, Cọng sen là chủ dược có tác dụng giải thủ', thanh nhiệt.
- Dương sâm, Thạch học, Mạch môn ích khí sinh tân.
- Hoàng liên, Tri mẫu, Trúc diệp: thanh nhiệt trừ phiền.
- Cam thảo, Cánh mễ: ích vị hòa trung.

Các vị thuốc phối hợp có tác dụng chung là thanh thủ', ích



khí, dưỡng âm, sinh tân.

**Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp trẻ em sốt về mùa hè, sốt kéo dài không khỏi có tổn thương tân dịch, có thể bỏ Hoàng liên, Tri mẫu gia Bạch vị, Thuyền thoái để hòa âm thoái nhiệt.
2. Dùng thận trọng trong trường hợp thấp nặng vì bài thuốc có nhiều vị nê trệ.

**Lưu ý:** Có một bài thuốc khác cũng có tên THANH THỦ ÍCH KHÍ THANG (Tỳ vị luận) gồm các vị: Hoàng kỳ, Thương truật, Thăng ma, Nhân sâm, Bạch truật, Trần bì, Thần khúc, Trạch tả, Mạch môn, Đương quy, Chích thảo, Hoàng bá, Cát căn, Thanh bì, Ngũ vị tử có tác dụng ích khí sinh tân, trừ thấp, thanh nhiệt.

**Chủ trị** những bệnh nhân vốn hư nhược, mắc bệnh thử thấp, người sốt đau đầu, mồm khát, ra mồ hôi, không thích ăn uống, người mệt mỏi, tiêu lỏng, tiểu vàng đỏ, rêu lưỡi dày, mạch hư nhược.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT***

## THANH NHIỆT TẠNG PHỦ

Thanh nhiệt tạng phủ là những bài thuốc dùng chữa các chứng nhiệt ở tạng phủ.

*Ví dụ:*

1. Chứng Tâm kinh nhiệt thịnh: bứt rứt, mồm khát, miệng lở, tiểu đỏ.  
Dùng bài Đạo xích tán để thanh tâm nhiệt chứng.
2. Chứng Can kinh nhiệt thịnh: sườn đau, mồm đắng, mắt đỏ, tai ù hoặc chứng Can kinh thấp nhiệt: tiểu đỏ gắt, âm hộ sưng ngứa.  
Dùng bài Long đởm tả can thang để thanh can nhiệt.
3. Chứng Phế kinh nhiệt: ho suyễn dùng Tả bạch tán để thanh phế nhiệt.
4. Trường hợp răng lười sưng lở dùng bài Thanh vị tán để thanh vị nhiệt.
5. Trường hợp nhiệt tả lý dùng bài Hoàng cầm thang, Bạch đầu ông thang ... để thanh nhiệt ở đại tràng.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## ĐẠO XÍCH TÁN (Tiểu nhi được chứng trực quyết)

### **Thành phần:**

Sinh địa hoàng 12g

Mộc thông 12g

Cam thảo tiêu 12g

(Có bài không dùng Cam thảo, dùng Hoàng cầm, có bài dùng Đảng sâm).

**Cách dùng:** các vị thuốc tán bột mịn, trộn đều, đổ nước sắc lá tre vào nên uống nóng, sau bữa ăn. Có thể dùng thuốc thang liều lượng gia giảm, sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh tâm, lợi thủy chữa các chứng bệnh tâm kinh nhiệt thịnh, mồm khát, mặt đỏ, người nóng bứt rứt, mồm lưỡi lở, tiểu tiện ít đỏ, có lúc tiểu tiện đau.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Sinh địa hoàng có tác dụng thanh nhiệt lương huyết dưỡng âm là chủ dược.
- Mộc thông, Trúc diệp thanh tâm giáng hỏa lợi tiểu.
- Cam thảo tiêu: thanh nhiệt tả hỏa và điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Nếu tâm phiền nhiệt bứt rứt gia Hoàng liên để thanh tâm hỏa.
2. Trường hợp huyết lâm tiểu đau đỏ gia Hạng liên thảo, Tiểu kế, Cù mạch để thanh nhiệt lương huyết, thông lâm.
3. Đối với viêm bể thận cấp tiểu tiện nhiều lần đau gia

Tiểu phượng vĩ thảo, Trân châu mẫu, Bạch mao căn  
để tăng cường tác dụng thanh nhiệt, lợi thủy.

4. Bài thuốc này có thể dùng để chữa viêm lở ở miệng  
do tâm kinh nhiệt thịnh.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## LONG ĐORM TẢ CAN THANG (Cổ kim y phương tập thành)

### **Thành phần:**

Long đorm thảo (rượu sao) 12g  
Hoàng cầm 8g  
Trạch tả 8g  
Mộc thông 8g  
Đương quy (rượu sao) 8g  
Cam thảo 2g  
Chi tử (rượu sao) 12g  
Xa tiền tử 6g  
Sài hồ 8g  
Sinh địa hoàng 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống 2 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Thanh can đorm kinh thấp nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Long đorm thảo có tác dụng thanh can đorm thực hỏa, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu là chủ dược.
- Hoàng cầm, Chi tử hỗ trợ thêm tác dụng thanh can đorm thực hỏa.
- Trạch tả, Xa tiền tử, Mộc thông thanh lợi thấp nhiệt.
- Đương quy, Sinh địa hoàng dưỡng âm huyết hòa can, dụng ý trong phối hợp thuốc trong tả có bổ để cho tả hỏa không có hại cho chân âm.
- Cam thảo điều hòa các vị thuốc.
- Sài hồ sơ thông can đorm.



Các vị thuốc phối hợp có tác dụng chung là thanh lợi thấp nhiệt.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Trên lâm sàng, thường dùng bài thuốc gia giảm chữa các bệnh:

1. Viêm gan virus gia Nhân trần.
2. Chữa viêm túi mật cấp gia Khổ luyện căn bì, Đại hoàng.
3. Viêm bàng quang cấp gia Hoàng bá, Trúc diệp, Hoạt thạch.
4. Và các bệnh như viêm màng tiếp hợp, viêm tai giữa, cao huyết áp, viêm cầu thận cấp, viêm hố chậu cấp có hội chứng can kinh thấp nhiệt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## TẢ KIM HOÀN (Đơn kê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Hoàng liên (nước gừng sao) 6 phần

Ngô thù du (ngâm nước muối) 1 phần

**Cách dùng:** Tán hoàn, uống 2 - 4g/lần, có thể gia giảm làm thuốc thang.

**Tác dụng:** Thanh tả can hỏa.

Trị chứng can khí uất hóa hỏa: ngực sườn đầy tức, nôn, mồm đắng, ợ chua, họng khô, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền sắc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng liên đắng hàn, có tác dụng tả tâm hỏa, tức cũng gián tiếp tả can hỏa (tả tắc tả kỳ tử) là chủ dược.
- Ngô thù tính cay nóng có tác dụng khai uất, cầm nôn.

Bài thuốc có hai vị thuốc, một hàn một nhiệt, tân khai khổ giáng, hợp cùng dùng có tác dụng thanh can hỏa, khai can uất trị can uất hỏa, vị khí nghịch gây ợ chua, mồm đắng, ngực sườn đầy tức.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Thường dùng trị các chứng viêm dạ dày mạn có triệu chứng nôn, buồn nôn, ợ chua, mồm đắng, ngực sườn đau tức.
2. Trị chứng tiết tả, kiết lỵ, đau bụng nhiều gia Bạch thực.

**Chú ý:** Không dùng trong trường hợp sườn đau do can huyết hư.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## HƯƠNG LIÊN HOÀN (Binh bộ trực quyết)

***Thành phần:***

Hoàng liên, Ngô thù du cùng sao

Rồi bỏ Ngô thù du

Gia Mộc hương.

***Cách dùng:*** Cùng tán bột mịn, hồ hoàn, mỗi lần uống 4 - 8g.

***Tác dụng:*** táo thấp, thanh nhiệt, hành khí, hóa trệ.

***Chủ trị:*** Trị chứng thấp nhiệt, hội chứng lý kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## THANH VỊ TÁN (Tỳ vị luận)

### **Thành phần:**

Hoàng liên 6 phân  
Đương qui 3 phân  
Sinh địa 3 phân  
Đơn bì 5 phân  
Thăng ma 1 chỉ

**Cách dùng:** Tán bột mịn, sắc một lần, bỏ cặn uống nguội, có thể làm thuốc thang theo lượng trên, gia giảm sắc uống.

**Tác dụng:** Thanh vị lương huyết.

Trị chứng vị tích nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng liên: đắng hàn có tác dụng tả hỏa ở tâm là vị chủ dược.
- Sinh địa, Đơn bì: dưỡng âm thanh nhiệt, lương huyết, chỉ huyết.
- Đương quy: dưỡng huyết hòa huyết.
- Thăng ma: thanh nhiệt giải độc dẫn dược vào kinh Dương minh.

Các vị hợp lại thành bài thuốc có tác dụng thanh vị hỏa, lương huyết nhiệt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này dùng để trị đau răng nhưng có dùng gia giảm để trị các chứng vị nhiệt, hỏa uất.

1. Trường hợp táo bón gia Đại hoàng, Mang tiêu.



2. Nếu mồm khát thích uống nước lạnh bỏ Đường quy gia Huyền sâm, Thiên hoa phấn để dưỡng âm sinh tân.
3. Bài thuốc có thể chữa các bệnh đau dây thần kinh tam thoa, viêm miệng, trường hợp đau răng do phong hỏa gia Phòng phong, Bạc hà để khu phong.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## TẢ BẠCH TÁN (Tiểu nhi được chứng trực quyết)

### **Thành phần:**

Tang bạch bì 20g

Sinh Cam thảo 8g

Địa cốt bì 20g

**Cách dùng:** Các vị thuốc trên tán bột mịn cho thêm bột gạo tẻ trộn đều, mỗi lần dùng 8 - 16g, sắc nước uống trước bữa ăn.

Có thể dùng thuốc thang theo liều lượng trên gia giảm.

**Tác dụng:** Thanh tả phế nhiệt, bình suyễn chỉ khái.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tang bạch bì tả phế nhiệt chỉ khái bình suyễn là chủ dược.
- Địa cốt bì trợ lực thêm tả hỏa ở phế, thoái hư nhiệt.
- Cánh mễ, Cam thảo dưỡng vị hòa trung.

Bốn vị thuốc hợp lại có tác dụng chữa các chứng phế nhiệt có thương âm.

**Ứng dụng lâm sàng:** Bài thuốc chữa các triệu chứng phế nhiệt ho suyễn, da khô, hư nhiệt sốt cao về chiều, chất lưỡi đỏ rêu vàng, mạch tế sác.

1. Nếu phế nhiệt nặng gia thêm Hoàng cầm, Tri mẫu. Nếu phế táo nhiệt ho nhiều gia Qua lâu bì, Xuyên bối mẫu để nhuận phế chỉ khái. Nếu âm hư sốt về chiều gia Thanh hao, Miết giáp, Ngân sài hồ để tăng cường thoái nhiệt.
2. Bài thuốc này dùng hiệu quả đối với trẻ em lúc sởi

bắt đầu bay mà người nóng, ho nhiều, khó thở.

3. Trường hợp trẻ em viêm phổi mới bắt đầu hoặc viêm phế quản sốt ho khó thở dùng bài thuốc trên gia thêm Ngưu bàng tử, Hạnh nhân, Thuyền thoái, Bạc hà để tăng thêm tác dụng tuyên phế, chỉ khái có kết quả nhất định.

**Chú ý:** Những trường hợp ho suyễn do ngoại cảm phong hàn hoặc hư hàn bên trong không nên dùng.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## VĨ KINH THANG (Thiên kim phương)

### **Thành phần:**

Vĩ kinh 40g

Đông qua nhân 12g

Ý dĩ nhân 20g

Đào nhân 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống, ngày chia 2 lần.

**Tác dụng:** Thanh phế, hóa đàm, trục ứ, bài nùng.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Vĩ kinh (hoặc dùng Lô căn) thanh phế tả nhiệt là chủ dược.
- Đông qua nhân: trừ đàm bài nùng.
- Ý dĩ: thanh nhiệt lợi thấp.
- Đào nhân hoạt huyết hóa ứ.

Bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt, hóa đàm, trục ứ, bài nùng; tuy các vị thuốc có tính bình và nhạt, đối với phế ung (áp xe phổi) có tác dụng tiêu tán.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ yếu trị phế ung, triệu chứng: ho ra máu mũi thối, đàm lẫn máu mùi tanh, ngực đau âm ỉ, đau tăng lúc ho, mồm họng khô táo, lưỡi đỏ rêu vàng nhớt. Thường dùng kết hợp với các vị Bồ công anh, Kim ngân hoa, Liên kiều, Ngưu tinh thảo để thanh nhiệt giải độc. Nếu đã có mủ gia Cát cánh, Cam thảo, Xuyên bối mẫu để tăng cường hóa đàm, bài nùng.

1. Trường hợp bệnh sỏi đã mọc kèm sốt, ho đàm

nhiều có thể dùng bài thuốc này gia Ty qua lạc, Qua lâu bì, Tỳ bà diệp để thanh phế nhiệt, hóa đờm.

2. Đối với bệnh viêm phổi ho suyễn có thể kết hợp với bài Ma hạnh thạch cam thang, Tả bạch tán hoặc Bạch hử thang để sử dụng tùy theo chứng bệnh.
3. Trên lâm sàng, có báo cáo cho rằng bài này kết hợp với bài Ngân kiều giải độc tán (gồm các vị: Lô căn, Ngư tinh thảo, Ý dĩ sống, Kim ngân hoa, Liên kiều, Qua lâu nhân, Tang bạch bì, Hạnh nhân, Sinh Cam thảo) có kết quả tốt. Bài thuốc có thể dùng chữa ho gà gia thêm các vị Xuyên bối mẫu, Quất hồng, Tỳ bà diệp, Cam thảo. Nếu ho, chảy máu cam gia Mao căn, Ngẫu tiết. Nôn gia Trúc nhự, Giả thạch. Đờm nhiều gia La bạc tử.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***



## DƯỠNG ÂM THANH VỊ TIỀN

(Nguyên là bài NGỌC NỮ TIỀN - Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Thạch cao 20 - 40g

Thục địa 12 - 20g

Mạch môn 8 - 12g

Ngưu tất 6 - 8g

Tri mẫu 6 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh vị, tư âm.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Thạch cao có tác dụng thanh vị nhiệt là chủ dược.
- Thục địa: tư thận thủy.

Hai vị hợp lại vừa có tác dụng thanh nhiệt và tán thủy.

- Tri mẫu: khổ nhuận hợp với Thạch cao để tả vị nhiệt.
- Mạch môn hợp với Thục địa có tác dụng dưỡng âm, tăng tân dịch.
- Ngưu tất có tác dụng dẫn dược, giáng hỏa xuống dưới.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc có tác dụng chữa các chứng âm hư vị nhiệt, phiền nhiệt, mồm khát, đau đầu, đau răng hoặc thổ huyết, chảy máu cam, lưỡi khô đỏ, rêu trắng hoặc vàng khô, mạch phù hoạt hoặc hồng hoạt. ấn vô lực.

Nếu nhiệt thịnh gia Chi tử, Địa cốt bì. Nếu nhiều mồ hôi, khát nước gia Ngũ vị tử, tiểu tiện khó gia Trạch tả, Phục linh.

Nếu có hiện tượng khí âm hư gia Nhân sâm.

- Vị nhiệt thịnh mà thận âm hư không rõ, trái lại sốt cao, lưỡi đỏ thẫm, miệng khô khát nước thay Thục địa bằng Sinh địa, Ngưu tất bằng Huyền sâm để sinh tân lương huyết, thanh nhiệt.
- Trường hợp âm hư rõ rệt thì tăng lượng Thục địa làm chủ dược.
- Nếu nhiệt thịnh, bỏ Thục địa, dùng Sinh địa gia Đơn bì, Mao căn, Hạn liên thảo để lương huyết, chỉ huyết.
- Nếu vị nhiệt thịnh mà nôn ra máu tăng lượng Thạch cao, Ngưu tất để gia cường thanh vị nhiệt dẫn huyết đi xuống và gia Đại giả thạch, Ngẫu tiết để lương giáng chỉ huyết.
- Nếu thiên về âm dịch bất túc nên uống ấm. Nếu thiên về vị hỏa mạnh nên uống lạnh.
- Trường hợp viêm miệng, viêm lưỡi cấp đều có thể dùng bài thuốc này điều trị. Nếu chất lưỡi khô đỏ thẫm hoặc trơn không có rêu, tức vị âm bất túc, cần gia thêm Sa sâm, Thạch斛 để dưỡng âm, sinh tân.

**Chú ý:** Trường hợp tiêu chảy không nên dùng.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## BẠCH ĐẦU ÔNG THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Bạch đầu ông 16 - 20g

Hoàng bá 12 - 16g

Hoàng liên 8 - 12g

Trần bì 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, chỉ ly.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bạch đầu ông có tác dụng thanh nhiệt giải độc, lương huyết, trị ly là chủ dược.
- Hoàng liên, Hoàng bá, Trần bì hợp với Bạch đầu ông tăng thêm tác dụng thanh nhiệt giải độc, táo thấp.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc trị các chứng nhiệt ly, mót rặn, bụng đau, đại tiện có máu mủ, khát nước, hậu môn nóng, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền sắc.

1. Nếu có các triệu chứng biểu như sợ lạnh, phát sốt gia Cát căn, Kinh giới, Ngân hoa, Liên kiều để giải biểu, thanh nhiệt.
2. Bụng đau mót rặn nhiều gia Mộc hương, Bình lang, Bạch thực để hành khí, chỉ thống, giảm mót rặn.
3. Nếu thiên về xích ly gia Xích thực, Đơn bì, Địa du để hoạt huyết, lương huyết, chỉ huyết. Bài thuốc có thể chữa chứng ly amip, ly trực trùng, nhiệt độc thịnh.

4. Phụ nữ sau khi đẻ huyết hư mà mắc bệnh nhiệt lý, tiêu ra máu mủ, bụng đau mót rặn gia A giao, Cam thảo gọi là Bạch đầu ông gia Cam thảo, A giao thang (Kim quỹ yếu lược). Bài này cũng có thể dùng đối với các trường hợp huyết hư âm hư mà mắc bệnh nhiệt lý.
5. Trường hợp bệnh nhiệt lý đã hết mà lưỡi đỏ thẫm khô, không thích ăn uống, ăn vào khó nuốt gọi là "Cấm khẩu lý" có thể dùng bài này bỏ Hoàng bá gia Hải nhĩ sâm, Mạch môn, Thạch斛, Cam thảo, Hạt sen để bổ vị âm; Thạch xương bồ, Thạch liên tử để hóa trọc.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT TẠNG PHỦ***

## HOÀNG CẦM THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Hoàng cầm 12 - 16g

Chích Cam thảo 6 - 8g

Thược dược 12 - 16g

Đại táo 3 - 6 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống, chia 2 - 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, trị lý, hòa trung, chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng cầm: thanh vị trường thấp nhiệt là chủ dược.
- Thược dược: điều huyết hòa can, giảm đau bụng.
- Cam thảo, Đại táo: hòa tỳ vị.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này dùng trong các trường hợp tiêu chảy, kiết lý do đại trường thấp nhiệt, có các triệu chứng tiêu chảy hoặc đi lý bụng đau, người nóng, mồm đắng lưỡi đỏ, mạch huyền sắc.

1. Trường hợp nhiệt lý, bụng đau mót rặn dùng bài này bỏ Đại táo gọi là bài HOÀNG CẦM THUỘC DƯỢC THANG (Hoạt pháp cơ yếu).
2. Trường hợp lý thuộc thực chứng, phân có mủ máu, bụng đau mót rặn bỏ Đại táo gia Hoàng liên, Đại hoàng, Bình lang, Đương quy, Mộc hương, Nhục quế gọi là bài THUỘC DƯỢC THANG (Hà gian lục thư).
3. Trường hợp thấp nhiệt lý dùng bài thuốc bỏ Đại táo,

bội Bạch thược gia những vị thuốc hành khí đạo trệ như Chỉ thực, Mộc hương.

4. Trường hợp ly kèm theo nôn gia Bán hạ, Sinh khương gọi là bài HOÀNG CẦM GIA BÁN HẠ SINH KHƯỞNG THANG (Thương hàn luận).

**Chú ý:** Trường hợp chứng tả lý do hàn thấp, rêu lưỡi trắng, mạch trì hoạt, không khát nước, không nên dùng bài này.



## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT***

## THANH HƯ NHIỆT

Thuốc Thanh hư nhiệt là những bài thuốc dùng để chữa các hội chứng, bệnh lý âm hư sốt lâu dài như các trường hợp lao, ung thư, bệnh chất tạo keo.

*Mục đích* để tư âm thanh nhiệt .

*Những vị thuốc* thường dùng như: Thanh hao, Miết giáp, Sinh địa, Tri mẫu...

*Những bài thuốc* thường dùng có:

- Thanh hao miết giáp thang
- Hoàng kỳ miết giáp thang...

## ***BÀI THUỐC THANH HƯ NHIỆT***

## THANH HAO MIẾT GIÁP THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Thanh hao 8 - 12g  
Tế Sinh địa 12 - 16g  
Đơn bì 12 - 16g  
Miết giáp 16 - 20g  
Tri mẫu 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Dưỡng âm, thanh nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Miết giáp tính vị hàn mặn, có tác dụng tư âm thoái hư nhiệt.
- Thanh hao: thanh nhiệt đều là chủ dược.
- Sinh địa, Tri mẫu hỗ trợ Miết giáp để dưỡng âm thoái hư nhiệt.
- Đơn bì thanh nhiệt ở huyết phận, tăng tác dụng thanh nhiệt của bài thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trong các trường hợp sốt kéo dài dai dẳng, sáng nhẹ chiều tối nặng, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sác hoặc huyền tế sác.

1. Trường hợp bệnh lao phổi gia thêm Sa sâm, Mạch môn, Hạn liên thảo để dưỡng âm thanh phế.
2. Trường hợp hư nhiệt kéo dài gia thêm Thạch斛, Địa cốt bì, Bạch vi.

3. Đối với trẻ em sốt mùa hè, sốt nặng về đêm thuộc chứng âm hư nội nhiệt có thể dùng phối hợp bài thuốc này gia Bạch vi, Thiên hoa phấn, Cọng sen.

**Chú ý:** Trường hợp bệnh nhiễm thời kỳ đầu hoặc bệnh ôn ở khí phần âm hư co giật, không nên dùng bài này.

## ***BÀI THUỐC THANH HƯ NHIỆT***

## HOÀNG KỲ MIẾT GIÁP TÁN (Vệ sinh bảo giám)

### **Thành phần:**

Hoàng kỳ (chích mật) 20g

Chích Miết giáp 20g

Thiên môn 20g

Tần giao 12g

Sài hồ 12g

Bạch linh 12g

Tang bạch bì 12g

Tử uyển 12g

Bán hạ 12g

Bạch thược 12g

Sinh địa 12g

Tri mẫu 12g

Chích thảo 12g

Đẳng sâm 6g

Cát cánh 6g

Nhục quế 6g

**Cách dùng:** tán bột mịn làm thuốc tán hoặc dùng thuốc thang.

**Tác dụng:** Tư âm, thanh nhiệt, ích khí, kiện tỳ, chỉ khái hóa đờm.

**Chủ trị:** Hư lao, phiền nhiệt, chân tay mệt mỏi, ho, họng khô đờm ít, chán ăn, ra mồ hôi hoặc sốt chiều, lưỡi nhợt,

dầu lưởi đỏ, mạch hư sắc.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC THANH HƯ NHIỆT***

## THANH CỐT TÁN (Chứng trị chuẩn thẳng)

### **Thành phần:**

Ngân Sài hồ 6g  
Hồ Hoàng liên 4g  
Tần giao 4g  
Miết giáp 4g  
Địa cốt bì 4g  
Thanh hao 4g  
Tri mẫu 4g  
Chích thảo 2g

**Cách dùng:** Tán bột mịn uống hoặc sắc uống.

**Tác dụng:** Tư âm, thoái hư nhiệt.

**Chủ trị:** Các chứng âm hư, sốt về chiều hoặc sốt thấp kéo dài, người gầy, môi má đỏ, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sác.



## NHỮNG BÀI THUỐC KHU HÀN

Thuốc **Khu hàn** là những bài thuốc gồm các vị có tính vị ngọt, ấm, cay, nóng hợp thành có tác dụng ôn trung, tán hàn hoặc hồi dương cứu nghịch, ôn kinh tán hàn. Dùng để trị các chứng tỳ vị hư hàn, thận dương suy kiệt, chứng vong dương dục thoát hoặc hàn ngưng tại kinh mạch, là những bài thuốc chữa chứng lý hàn.

Chứng hàn bao gồm: biểu hàn và lý hàn.

Điều trị chứng biểu hàn là những bài thuốc tân ôn giải biểu.

Điều trị chứng lý hàn gồm những bài thuốc:

- Ôn trung khu hàn
- Hồi dương cứu nghịch
- Ôn kinh tán hàn.

## ***BÀI THUỐC KHU HÀN***

## ÔN TRUNG KHU HÀN

Bài thuốc ***Ôn trung khu hàn*** dùng để chữa những chứng tỳ vị hư hàn, biểu hiện chủ yếu có các triệu chứng: chân tay mệt mỏi, da mát lạnh, hoặc bụng đau tiêu chảy khi gặp lạnh, chán ăn hoặc buồn nôn, nôn, miệng nhạt không khát, lưỡi nhợt rêu trắng nhuận, mạch trầm tế hoặc trì hoạt.

Những vị thuốc ôn trung khu hàn thường dùng như: Can khương, Ngô thù, Hồ tiêu và những thuốc kiện tỳ bổ khí như Đảng sâm, Bạch truật, Chích thảo hợp thành những bài thuốc ôn trung khu hàn.

Giới thiệu 2 bài thuốc chính là:

- Lý trung hoàn
- Ngô thù du thang.

## ***BÀI THUỐC ÔN TRUNG KHU HÀN***

## LÝ TRUNG HOÀN (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Đảng sâm 120g

Can khương 120g

Chích thảo 120g

Bạch truật 120g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, dùng mật luyện thành hoàn, mỗi lần uống 8 - 16g, ngày uống 3 lần. Có thể sắc thuốc thang uống.

**Tác dụng:** ôn trung khu hàn, bổ ích tỳ vị.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Can khương: khu hàn hồi phục tỳ dương là chủ dược.
- Đảng sâm: bổ khí, kiện tỳ.
- Bạch truật: kiện tỳ táo thấp
- Chích thảo: bổ tỳ hòa trung và điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chữa các chứng tỳ vị hư hàn, có những triệu chứng bụng đau tiêu lỏng, nôn mửa hoặc bụng đầy, ăn ít, lưỡi nhợt rêu trắng, mạch trầm tế hoặc trì hoãn. Nếu hàn chứng rõ dùng tăng lượng Can khương, tỳ hư rõ tăng lượng Đảng sâm.

1. Trường hợp tiêu chảy nhiều lần, Bạch truật sao khử thổ để tăng tác dụng sáp tràng chỉ tả.



2. Trường hợp hư hàn nặng, sắc mặt tái nhợt, chân tay lạnh gia Thục Phụ tử để tăng cường ôn dương khử hàn, có tên gọi là bài Phụ tử Lý trung thang (Hòa tể cục phương) hoặc gia Nhục quế gọi là bài Phụ quế lý trung hoàn.
3. Trường hợp kiết lý mạn tính thuộc thể tỳ vị hư hàn dùng bài thuốc gia Hương liên hoàn để lý khí hóa trệ.
4. Trường hợp viêm ruột mạn tính, rối loạn tiêu hóa, viêm loét dạ dày tá tràng, thuộc thể tỳ vị hư hàn có thể dùng bài thuốc này gia giảm.
5. Trường hợp bệnh loét dạ dày tá tràng, phân có máu và phụ nữ xuất huyết tử cung cơ năng thuộc thể tỳ vị hư hàn dùng bài thuốc này gia A giao, Ngải diệp, Địa du, Hoa hòe để tăng thêm tác dụng chỉ huyết.
6. Trường hợp chứng tỳ vị hư hàn do sán lải đau bụng hoặc nôn ra lải đũa dùng bài thuốc gia thêm Hồ tiêu, Ô mai, Phục linh bỏ Cam thảo gọi là bài Lý trung an hồi thang (Vạn bệnh hồi xuân).
7. Trường hợp tỳ vị dương hư, tỳ vị kém vận hóa sinh ra đàm thấp ảnh hưởng đến phế gây ho đờm nhiều, loãng hoặc nôn ra nước trong, có thể gia Chế bán hạ, Bạch linh để tảo thấp hóa đờm gọi là bài Lý trung hóa đàm hoàn thêm Tô tử có tác dụng giáng khí, định suyễn gọi là bài Lý trung giáng đàm hoàn dùng trị đàm suyễn.
8. Trường hợp ợ hơi do hư hàn gia thêm Đinh hương, Bạch khấu nhân gọi là bài Đinh khấu lý trung hoàn.

## **Phụ phương**

### **QUẾ CHI NHÂN SÂM THANG**

#### **(Thương hàn luận)**

tức là bài Lý trung thang gia Quế chi.

Tác dụng: ôn trung và giải biểu, tán hàn.

Dùng chữa các chứng tỳ vị hư hàn có kèm ngoại cảm phong hàn.

## **HẬU PHÁC ÔN TRUNG THANG**

### **(Nội ngoại thương biện hoặc luận)**

Gồm có các vị: Khương chế, Hậu phác, Trần bì, Chích Cam thảo, Phục linh, Thảo đậu khấu, Mộc hương, Can khương.

Thuốc dùng dạng bột hoặc sắc nước uống.

Tác dụng: ôn trung, hành khí, táo thấp, trừ mẩn.

Chủ trị: các chứng tỳ vị hàn thấp, bụng đầy đau.

## ***BÀI THUỐC ÔN TRUNG KHU HÀN***

## NGÔ THÙ DU THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ngô thù du 8 - 12g

Gừng 16 - 24g

Đảng sâm 12 - 16g

Đại táo 4 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** ấm can vị, giáng nghịch, chỉ ẩu.

### **Giải thích:**

- Ngô thù du có tác dụng làm ấm can vị tán hàn, giáng trọc là chủ dược.
- Sinh khương: ấm vị, chỉ ẩu.
- Đảng sâm, Đại táo bổ tỳ khí, tính ngọt làm bớt cay tảo của Can khương và Ngô thù du.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp viêm dạ dày mạn tính thuộc chứng hư hàn kiêm thủy ẩm (có tiếng óc ách trong bụng), chứng đau đầu cơ năng, hội chứng rối loạn tiền đình thuộc can vị hư hàn dùng bài này có kết quả.
2. Trường hợp đau bụng do hư hàn kèm nôn hoặc chứng nôn nặng ở người phụ nữ có thai thuộc tỳ vị hư hàn dùng bài này gia thêm Bán hạ chế, Sa nhân, Trần bì có tác dụng giáng nghịch chỉ ẩu, trường hợp bụng đau, mồm đắng gia Bạch thực để hòa can.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC ÔN TRUNG KHU HÀN***

## TIÊU KIẾN TRUNG THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Bạch thược 12 - 16g  
Chích thảo 3 - 6g  
Quế chi 6 - 8g  
Sinh khương 8 - 12g  
Đường phèn 20 - 40g  
Đại táo 4 quả

**Cách dùng:** sắc nước bỏ bã, cho đường phèn vào uống nóng.

**Tác dụng:** ôn trung, bổ hư, chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Đường phèn có tác dụng bổ trung, Quế chi ôn trung tán hàn.
- Hai vị hợp lại có tác dụng ôn trung bổ hư tán hàn là chủ dược.
- Bạch thược: hòa can, liễm âm.
- Cam thảo: điều trung, ích khí.
- Sinh khương, Đại táo điều hòa vinh vệ.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng là cho cơ thể âm dương vinh vệ, điều hòa chức năng tỳ vị được hồi phục, khí huyết đầy đủ.

### **Ứng dụng lâm sàng**

Bài thuốc có tính vị ngọt ấm dùng trị các chứng hư lao thuộc về âm dương đều hư, dương hư nặng hơn.

1. Nếu chứng khí hư nặng như ra mồ hôi, khó thở, người mệt mỏi, gia Hoàng kỳ gọi là Hoàng kỳ gọi là bài HOÀNG

KỠ KIẾN TRUNG THANG (Kim quỹ yếu lược) .

2. Phụ nữ sau đẻ hư nhược, bụng đau, khí kém hoặc bụng dưới đau, không muốn ăn dùng bài thuốc gia thêm Đường quy gọi là bài ĐƯỜNG QUY KIẾN TRUNG THANG (Thiên kim dược phương).
3. Bài thuốc này gia giảm điều trị các chứng viêm loét hành tá tràng, suy nhược thần kinh có kết quả nhất định. Trường hợp sốt do rối loạn cơ năng, âm dương mất điều hòa sinh hư nhiệt trong bệnh đa bạch cầu, khí huyết đều hư, sốt kéo dài, bài thuốc này có tác dụng "Cam ôn trừ nhiệt".

**Phụ phương**

**ĐẠI KIẾN TRUNG THANG**

**(Kim quỹ yếu lược)**

**Thành phần:**

Xuyên tiêu

Can khương

Nhân sâm

Đường phèn.

Sắc nước bỏ bã, gia đường phèn uống nóng.

**Tác dụng** ôn trung bổ hư, giáng nghịch, chỉ thống.

**Chủ trị** các chứng trung tiêu hư hàn, bụng đau, nôn, không thích ăn, có lãi đờm, có hiệu quả tốt.



## ***BÀI THUỐC KHU HÀN***

## HỒI DƯƠNG CỨU NGHỊCH

Bài thuốc **Hồi dương cứu nghịch** dùng chữa các chứng dương khí suy yếu, nội hàn thịnh, có các triệu chứng chân tay quyết lạnh, tiêu lỏng nước trong, lưỡi nhạt rêu trắng nhuận, mạch trầm vi hoặc trì nhược.

Bài thuốc có tác dụng ôn thận trừ hàn, ích khí cố thoát để hồi dương cứu nghịch.

Các vị thuốc như Phụ tử, Can khương, Nhục quế phối hợp với Nhân sâm, Chính thảo.

Những bài thuốc thường dùng có:

- Tứ nghịch thang
- Sâm phụ thang
- Ôn dương lợi thủy thang
- Hắc tích tán (đơn) ...

## ***BÀI THUỐC HỒI DƯƠNG CỨU NGHỊCH***

## TỬ NGHỊCH THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Thục Phụ tử 10 - 20g

Chích thảo 4 - 8g

Can khương 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hồi dương cứu nghịch.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Thục Phụ tử tính vị cay, đại nhiệt, ôn phát dương phát dương khí, khu tán hàn tà là chủ dược.
- Can khương ôn trung tán hàn hợp với Phụ tử gia tăng tác dụng hồi dương.
- Chích thảo ôn dưỡng dương khí làm giảm bớt tính cay nóng của Khương, Phụ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc trị các chứng bệnh ở Thiếu âm dương khí suy kiệt âm hàn nội thịnh sinh ra chân tay quyết lạnh, nằm co sợ lạnh, tinh thần mệt mỏi thích nằm hoặc đại tiện lỏng nước trong, bụng đau lạnh, miệng nhạt không khát, lưỡi tái rêu trắng, mạch trầm vi khó bắt hoặc do chứng dùng thuốc phát hãn quá mạnh gây nên chứng vong dương, bệnh tùy nặng nhẹ mà sử dụng bài thuốc có gia giảm.

1. Trường hợp chân tay quyết lạnh do chứng tiêu chảy nặng do mất nước âm dịch suy vong nên dùng bài thuốc gia thêm Nhân sâm gọi là bài TỬ NGHỊCH NHÂN SÂM THANG để hồi dương cứu âm.

2. Trường hợp bệnh Thiếu âm tả lý, chân tay quyết lạnh, mạch vi khó bắt, dùng bài Tứ nghịch thang bội Can khương gọi là bài THÔNG MẠCH TỨ NGHỊCH THANG (Thương hàn luận) để ôn lý, thông dương mạnh hơn.
3. Trường hợp bệnh thiếu âm hạ lợi, chân tay quyết nghịch, mặt đỏ, mạch vi là chứng âm hàn thịnh ở dưới, bức hư xông lên có thể dùng Tứ nghịch thang gia Thông bạch bổ Cam thảo gọi là bài BẠCH THÔNG THANG (Thông hàn luận) để thông dương phục mạch.
4. Trường hợp hạ lợi không cầm, mặt đỏ, nôn khan, bứt rứt chân tay, quyết nghịch, mạch không bắt được dùng Bạch thông thang gia thêm nước tiểu người, nước mật heo gọi là bài BẠCH THÔNG GIA CHƯ ĐẢM THANG (Thương hàn luận).

## ***BÀI THUỐC HỒI DƯƠNG CỨU NGHỊCH***

## SÂM PHỤ THANG (Phụ nhân lương phương)

### **Thành phần:**

Nhân sâm 8 - 16g

Thục Phụ tử 4 - 12g

**Cách dùng:** Nhân sâm sắc riêng hợp với nước sắc Phụ tử, uống.

**Tác dụng:** Hồi dương, ích khí cố thoát.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Nhân sâm: đại bổ nguyên khí là chủ dược.
- Phụ tử: ôn tráng chân dương.

Hai vị phối hợp có tác dụng đại bổ nguyên khí, hồi dương cố thoát.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng trong cấp cứu những trường hợp nguyên khí suy thoát, chân tay quyết lạnh, ra mồ hôi, thở yếu, mạch nhỏ khó bắt như trong trường hợp suy tim, choáng, trụy tim mạch, huyết áp hạ.

Hoặc trong trường hợp sau sanh mất máu nhiều dùng bài này để hồi dương ích khí cứu thoát.

Trường hợp bệnh nặng có thể gia tăng lượng dùng mỗi ngày, có thể uống 2 thang.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC HỒI DƯƠNG CỨU NGHỊCH***

## HỒI DƯƠNG CẤP CỨU THANG (Thương hàn lục thư)

### **Thành phần:**

Thục phụ tử 8 - 12g  
Can khương 4 - 6g  
Nhục quế 4g  
Nhân sâm 8g  
Bạch truật 8 - 12g  
Phục linh 8 - 12g  
Trần bì 4 - 8g  
Chích thảo 3 - 6g  
Ngũ vị tử 4g  
Chế bán hạ 6 - 12g  
Xạ hương 3 ly (Xung phục)  
Gừng 3 lát

**Cách dùng:** sắc uống.

### **Ghi chú:**

1. Trường hợp nôn, đờm rãi hoặc bụng dưới đau gia Ngô thù sao muối.
2. Không bắt mạch được gia 1 thìa Mật heo.
3. Tiêu lỏng không cầm gia Thăng ma, Hoàng kỳ.
4. Nôn không cầm gia nước Gừng.

**Tác dụng:** của bài thuốc chủ yếu là hồi dương cứu nghịch ích khí, sinh mạch.

**Chủ trị:** các chứng âm hàn thịnh dương khí suy, chân tay

quyết lạnh, bụng đau thổ tả, không khát, đầu ngón tay và môi tím tái, lưỡi nhợt, rêu trắng hoạt, mạch trầm, trì vô lực, hoặc không bắt được mạch.

## **KỠ PHỤ THANG**

**(Ngụy thị gia tàng phương)**

Tức là bài Sâm phụ thang bổ Nhân sâm gia Hoàng kỳ.

*Tác dụng:* bổ khí, trợ dương, cố biểu.

*Chủ trị:* chứng dương hư tự hãn.

## **TRUẬT PHỤ THANG**

**(Y tôn kim giám)**

Tức là bài Sâm phụ thang bổ Nhân sâm gia Bạch truật.

*Tác dụng:* ôn tỳ dương, khu hàn, táo thấp.

*Chủ trị:* chứng hàn thấp làm cho cơ thể nhức mỏi.

## ***BÀI THUỐC HỒI DƯƠNG CỨU NGHỊCH***

## CHÂN VŨ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Thục Phụ tử 8 - 12g

Phục linh 8 - 12g

Sinh khương 8 - 12g

Bạch truật 8 - 12g

Bạch thược 12 - 16g

**Cách dùng:** sắc nước uống, chia làm 2 - 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Ôn dương, lợi thủy.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Phụ tử có tác dụng ôn thận tráng dương, khu hàn là chủ dược.
- Bạch linh, Bạch truật: kiện tỳ, lợi thủy.
- Sinh khương: ôn tán thủy khí, tăng thêm tác dụng của Linh Truật.
- Thược dược có tác dụng hòa vinh, chỉ thống, tính toan hàn, liễm âm, điều hòa được tính cay nóng của các vị thuốc trên.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài thuốc dùng để chữa các bệnh có hội chứng tỳ thận dương hư, thủy khí đình trệ, tiểu tiện không thông, người nặng nề, tay chân phù hoặc bụng đau sợ lạnh, tiêu chảy, lưỡi nhợt rêu trắng, mạch trầm nhược hoặc trầm hoạt.

1. Cũng có thể dùng được cho chứng tỳ thận dương hư, ngoại cảm phong hàn, người sốt sợ lạnh, vầng đầu, tim hồi hộp, dùng phép hãn không kết quả.

2. Trường hợp ho gia Ngũ vị tử, liễm phế khí gia Tế tân, để tán hàn gia Can khương để ôn phế.
3. Bài thuốc gia giảm trên lâm sàng thường dùng để chữa các chứng thận hư nhiễm mỡ, viêm cầu thận mạn, phù do suy tim, viêm đại tràng mạn tính, lao ruột có hội chứng tỳ thận dương hư.

## ***BÀI THUỐC HỒI DƯƠNG CỨU NGHỊCH***

## PHỤ TỬ THANG (Thương hàn luận)

**Thành phần:**

Thục Phụ tử 8 - 12g

Bạch linh 8 - 12g

Đảng sâm 8 - 16g

Bạch truật 8 - 16g

Bạch thược 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ôn trung trợ dương, khu hàn hóa thấp.

**Chủ trị:** Chứng dương hư hàn thấp, các khớp đau nhức, chân tay lạnh, rêu lưỡi trắng hoạt, mạch trầm vi vô lực.





## ÔN KINH TÁN HÀN

Những bài thuốc **Ôn kinh tán hàn** dùng để trị các chứng dương hư, hàn tà xâm phạm kinh mạch, gây nên các chứng tê thấp, bụng đau, âm thư do dương khí kém, kinh mạch cảm thụ hàn tà, huyết dịch ngưng trệ làm cho chân tay quyết lạnh tê đau hoặc gây nên âm thư.

Những bài thuốc thường dùng có:

- Dương quy tứ nghịch thang
- Hoàng kỳ Quế chi ngũ vật thang
- Dương hòa thang.



## ĐƯƠNG QUY TỬ NGHỊCH THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Đương qui 8 - 12g  
Bạch thược 8 - 12g  
Quế chi 8 - 12g  
Mộc thông 6 - 8g  
Tế tân 4 - 8g  
Chích Cam thảo 4 - 8g  
Đại táo 3 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống, ngày 3 lần.

**Tác dụng:** Ôn kinh, tán hàn, dưỡng huyết, thông mạch.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Đương qui, Thược dược có tác dụng điều dưỡng can huyết là chủ dược.
- Quế chi, Tế tân: ôn kinh tán hàn.
- Chích thảo, Đại táo có tác dụng bổ trung kiện tỳ ích khí sinh huyết.
- Mộc thông hợp với các vị thuốc để thông huyết mạch.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc dùng trị các bệnh chứng huyết hư, hàn tà xâm nhập kinh lạc gây nên chứng tý thống, phụ nữ kinh nguyệt không đều có các chứng đau kinh do huyết hư hàn.

1. Bài thuốc dùng để chữa chứng sa ruột, đau bụng dưới, chân lạnh, mạch trầm huyền, có thể gia thêm

các vị Ô dược, Tiểu hồi, Lương khương, Mộc hương để ấm tỳ, dưỡng huyết, ôn kinh, tán hàn.

2. Trường hợp viêm dạ dày thể hư hàn có nôn, đau bụng, có thể dùng bài thuốc gia thêm Ngô thù du, Sinh khương, gọi là bài ĐƯƠNG QUY TỬ NGHỊCH gia NGÔ THÙ DU, SINH KHƯƠNG THANG (Thương hàn luận) có tác dụng ôn trung, giáng nghịch.

## ***BÀI THUỐC ÔN KINH TÁN HÀN***

# HOÀNG KỲ QUẾ CHI NGŨ VẬT THANG

## (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Hoàng kỳ 12 - 16g

Quế chi 8 - 12g

Bạch thược 12 - 16g

Sinh khương 12 - 16g

Đại táo 3 - 5 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống, chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Ích khí, ôn trung, hòa vinh, thông tý.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng kỳ có tác dụng ích khí, cố biểu là chủ dược.
- Quế chi: ôn kinh thông dương giúp Hoàng kỳ đạt biểu mà vận hành khí.
- Thược dược: dưỡng huyết hòa vinh.
- Sinh khương: ôn kinh tán hàn ở biểu.
- Khương, Táo cùng dùng để điều hòa vinh vệ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc dùng chữa chứng Huyết tý thường có triệu chứng da tê rần, mạch vi hoặc sáp, khẩn.

1. Trường hợp huyết tý chứng lâu ngày gân co rút, tê dại nặng gia Địa long, Toàn yết, Bạch cương tằm để thông lạc trừ phong. Trường hợp huyết tý kèm theo huyết ứ, đau nhiều gia Đào nhân, Hồng hoa, Đơn sâm để hoạt huyết tiêu ứ.
2. Trường hợp di chứng trúng phong, tay chân liệt,

cảm giác tê dại có thể dùng bài này để trị. Trường hợp huyết hư gia Dương quy, Hà thủ ô để bổ huyết.

Nếu khí hư gia lượng Hoàng kỳ thêm Đảng sâm để bổ khí. Nếu gân cơ teo yếu gia Mộc qua, Đỗ trọng, Ngưu tất.

Nếu Dương hư gia Phụ tử.



## ***BÀI THUỐC ÔN KINH TÁN HÀN***

## QUẾ CHI PHỤ TỬ THANG (Kim quỹ yếu lược)

**Thành phần:**

Quế chi 8 - 16g

Phụ tử chế 8 - 12g

Sinh khương 8 - 12g

Chích thảo 4 - 8g

Đại táo 2 - 5 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** thông dương, trục thấp.

**Chủ trị:** chứng phong hàn thấp, cơ thể đau khó chuyển động, không nôn, không khát, mạch hư sáp.

## ***BÀI THUỐC ÔN KINH TÁN HÀN***

## DƯƠNG HÒA THANG (Ngoại khoa toàn sinh tập)

### **Thành phần:**

Thục địa 20 - 40g  
Lộc giác giao 12 - 16g  
Bạch giới tử 6 - 8g  
Bào khương 2g  
Cam thảo 4g  
Nhục quế 4 - 6g  
Ma hoàng 2g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** ôn dương, bổ huyết, tán hàn, thông mạch.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Thục địa dùng lượng cao, đại bổ âm huyết là chủ dược.
- Lộc giác giao hợp với Thục địa sinh tinh bổ huyết, phối hợp với Nhục quế, Bào khương ôn dương tán hàn thông huyết mạch.
- Bạch giới tử hợp với Khương quế có tác dụng tán hàn, ngưng hóa đờm trệ và giảm bớt tính nê trệ của Thục địa, Lộc giác giao.
- Cam thảo: giải độc, điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này dùng để trị các chứng âm thư, lưu chú, hạc tất phong thuộc chứng âm hàn.

1. Trường hợp khí hư gia thêm các vị thuốc bổ khí như

Đảng sâm, Hoàng kỳ mới có hiệu quả tốt. Không dùng trong trường hợp chứng nhọt lở, sưng đau đỏ hoặc âm hư có nội nhiệt hoặc chứng âm thư đã lở loét.

2. Trên lâm sàng có nhiều báo cáo dùng bài thuốc này chữa các chứng lao xương, lao màng bụng, lao hạch, viêm tắc động mạch, áp xe sâu kéo dài có hội chứng hư hàn, thường có phối hợp thuốc gia giảm.



## THUỐC TẢ HẠ

Thuốc **Tả hạ** là những bài thuốc dùng để chữa các chứng đại tiện không thông, trường vị tích trệ, thủy ẩm đình lưu, hàn tích nhiệt kết thuộc chứng lý thực.

Bài thuốc có tác dụng công hạ, do cơ thể bệnh nhân lúc mắc bệnh, biểu hiện có nhiệt kết, hàn kết, táo kết, thủy kết khác nhau, cho nên dùng thuốc tả hạ có khác nhau.

Thường được chia ra làm các loại:

- Hàn hạ
- Ôn hạ
- Nhuận hạ
- Trục thủy
- Công bổ kiêm trị.





## HÀN HẠ

Bài thuốc **Hàn hạ** có tác dụng thông tiện tả nhiệt, chủ trị các thực chứng lý nhiệt tích trệ. Triệu chứng lâm sàng thường thấy là đại tiện táo bón, bụng đầy đau hoặc triệu nhiệt, nói sảng, thấp nhiệt, uẩn kết, khí huyết ngưng trệ sinh ra trường ung, rêu lưỡi khô vàng, mạch hoạt thực thường dùng các vị thuốc đắng hàn, tả nhiệt, thông tiện như Đại hoàng, Mang tiêu.

Bài thuốc thường dùng:

- Đại thừa khí thang.
- Đại hoàng Mẫu đơn thang.



## ĐẠI THỪA KHÍ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Đại hoàng 8 - 16g

Hậu phác 8 - 16g

Mang tiêu 6 - 12g

Chỉ thực 8 - 16g

### **Cách dùng:**

Ngày dùng 1 thang sắc uống. Cho Hậu phác và Chỉ thực nấu sôi 5 - 10 phút, cho Đại hoàng vào sắc tiếp rồi đổ ra lọc bỏ bã, cho Mang tiêu hoặc Huyền minh phấn (là chất tinh chế Mang tiêu) trộn tan, đem dùng. Sau khi uống 2 - 3 giờ vẫn chưa thấy "tả hạ" thì uống nước thứ hai, nếu không đại tiện được thì ngưng thuốc.

**Tác dụng:** Công hạ nhiệt tích ở Đại tràng, tả hỏa giải độc tiết nhiệt lợi đờm, tiêu trừ bí mẫn.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Đại hoàng tính đắng hàn tả nhiệt thông tiện ở đại tràng là chủ dược.
- Mang tiêu tính mặn hàn tả nhiệt, nhuận kiên, nhuận táo, trừ tích.
- Chỉ thực, Hậu phác: tiêu bí, trừ mẫn, hành khí, tán kết.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng chung là nhuận hạ nhiệt kết.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Chỉ định bài thuốc là các chứng bí, mẫn, táo thực chứng, mạch có lực.

1. Bài thuốc được sử dụng trong trường hợp bệnh nhiễm (thương hàn ôn bệnh) có chứng dương minh phủ. Triệu chứng: đại tiện táo kết, bụng đầy ấn đau, hôn mê nói sảng, sốt cao về chiều, rêu lưỡi vàng dày khô, mạch trầm thực.
2. Trường hợp "nhiệt kết bàn lưu" bệnh nhân tiêu chảy nước trong hôi thối, bụng đầy đau, mồm khô lưỡi tảo, mạch hoạt sắc hoặc chứng nhiệt quyết co giật cuồng hỏa, thuộc chứng lý thực nhiệt.
3. Trên lâm sàng thường dùng bài thuốc để trị các bệnh viêm túi mật cấp, viêm ruột thừa cấp và một số bệnh nhiễm trùng sốt cao, hôn mê co giật, bụng đầy táo bón, mạch có lực, có thể gia giảm tùy theo triệu chứng lâm sàng.
4. Bài thuốc có tác dụng tả hạ mạnh cho nên không dùng trong các trường hợp khí âm hư không có nhiệt kết ở trường vị, phụ nữ có thai. Lúc sắc thuốc phải chú ý sắc Chỉ thực, Hậu phác trước rồi mới cho Đại hoàng sau đó mới cho Mang tiêu để uống vì Đại hoàng, Mang tiêu sắc lâu sẽ giảm bớt tác dụng tả hạ.
5. Trên thực nghiệm cho thấy bài thuốc có tác dụng tăng cường nhu động ruột, cải thiện tuần hoàn máu, và làm giảm bớt tính thấm thấu của mao mạch.

## ***BÀI THUỐC HÀN HẠ***

## TIỂU THỪA KHÍ THANG (Thương hàn luận)

***Thành phần:***

Đại hoàng 8 - 16g

Hậu phác 8 - 10g

Chỉ thực 8 - 12g

***Cách dùng:*** sắc nước uống.

***Chủ trị:*** Bệnh Dương minh phủ chứng như trên nhưng tác dụng yếu hơn.

## ***BÀI THUỐC HÀN HẠ***

## ĐIỀU VỊ THỪA KHÍ THANG (Thương hàn luận)

### ***Thành phần:***

Đại hoàng 8 - 16g

Chích Cam thảo 4 - 8g

Mang tiêu 8 - 16g

Cách sắc và uống như trên.

Trị chứng Dương minh sốt, mồm khát, táo bón, bụng đầy cự án, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sắc.

So sánh 3 bài thuốc Tiểu thừa khí không có vị Mang tiêu cho nên chủ yếu trị chứng "bĩ", "mãn" thực mà không táo nên không cần dùng Mang tiêu để nhuận táo. Ngoài ra trong bài Tiểu thừa khí lượng Hậu phác, Chỉ thực ít hơn.

Ba vị hợp lại cùng sắc cho nên tác dụng yếu hơn.

Còn bài Điều vị thừa khí thang dùng Đại hoàng, Mang tiêu mà không có Chỉ thực, Hậu phác cho nên chủ trị của bài thuốc là chứng táo nhiệt nội kết, ngoài ra dùng Cam thảo để điều hòa vị khí, nên tác dụng so với hai bài trên hòa hoãn hơn, nên dùng điều trị chứng Dương minh phủ nhẹ hơn.

Ngoài ra có thể trị chứng phát ban, mồm răng lợi họng đau lở loét có kết quả.



## ***BÀI THUỐC HÀN HẠ***

## LƯƠNG CÁCH TÁN (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Đại hoàng  
Phác tiêu  
Cam thảo  
Chi tử  
Hoàng cầm  
Bạc hà  
Liên kiều.

**Liều lượng** tùy chứng gia giảm, làm tán hoặc sắc nước uống.

**Có tác dụng** thanh nhiệt tích ở thượng và trung tiêu đồng thời thông tiện.

Đại thừa khí thang chủ yếu trị nhiệt tích ở trung hạ tiêu, bứt rứt, khát nước, mặt đỏ, môi khô, mồm lưỡi sang lở, họng đau, hoặc nôn, chảy máu mũi, táo bón, tiểu đỏ, lưỡi đỏ, rêu vàng khô, mạch hoạt sắc.

## ***BÀI THUỐC HÀN HẠ***

## ĐẠI HOÀNG MẪU ĐƠN THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Đại hoàng 6 - 12g  
Đào nhân 8 - 12g  
Mang tiêu 8 - 12g  
Mẫu đơn bì 8 - 12g  
Đông qua nhân 12 - 20g

**Cách dùng:** Đại hoàng cho vào sau, Mang tiêu tán bột mịn cho vào thuốc đã sắc, trộn đều uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, tả hỏa, phá ứ, tán kết, tiêu ung.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Đại hoàng: thanh nhiệt, giải độc, tả hạ.
- Đơn bì: lương huyết tiêu ứ đều là chủ dược.
- Mang tiêu hợp với Đại hoàng thanh nhiệt giải độc, tả hạ thông tiện.
- Đào nhân hợp với Đơn bì hoạt huyết tán ứ.
- Đông qua nhân: tán kết bài nung.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị bệnh trường ung (thường chỉ bệnh viêm ruột thừa cấp).

Tùy trường hợp có gia giảm như:

1. Sốt cao, đau bụng nhiều gia Hoàng liên để thanh nhiệt giải độc.

2. Đại tiện không thông mót rặn, chất lười đỏ, mạch tế sác có dấu hiệu thương âm bổ Mang tiêu gia Huyền sâm, Sinh địa để dưỡng âm thanh nhiệt.
3. Trường hợp có khối u ở bụng dưới nên phải gia Đường quy, Xích thực, Địa long để hoạt huyết hóa ứ.
4. Trường hợp đã hóa mủ cần gia thuốc thanh nhiệt giải độc như Kim ngân hoa, Bồ công anh, Bạch hoa xà thiệt thảo.

Bài thuốc có thể dùng để chữa các bệnh viêm phần phụ hoặc táo bón thuộc thấp nhiệt.

Chú ý không dùng đối với các trường hợp sau: viêm ruột thừa đã có mủ nặng kèm viêm phúc mạc có triệu chứng nhiễm độc choáng, phụ nữ có thai viêm ruột thừa mạn tính tái phát và các trường hợp người già trẻ em thể chất hư nhược.

Ở Trung quốc có nhiều báo cáo sử dụng bài thuốc gia giảm kết hợp châm cứu chữa viêm ruột thừa có tác dụng tốt.

## ***BÀI THUỐC TẢ HẠ***

## ÔN HẠ

Ôn hạ là những bài thuốc có tác dụng khu hàn, thông tiện dùng cho những trường hợp lý hàn thực chứng; đại tiện táo kết, chân tay mát lạnh, bụng đau lúc gặp lạnh, mồm nhát không khát, rêu lưỡi trắng hoạt, mạch trầm trì.

Thường dùng các vị thuốc tả hạ như Đại hoàng, Ba đậu kết hợp với thuốc ôn lý khu hàn như Phụ tử, Tế tân, Can khương.

Bài thuốc thường dùng có:

- Đại hoàng Phụ tử thang.
- Tam vật bị cấp hoàn.





## ĐẠI HOÀNG PHỤ TỬ THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Đại hoàng 8 - 12g

Thục Phụ tử 8 - 12g

Tế tân 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống ngày 3 lần.

**Tác dụng:** Ôn kinh, tán hàn, thông tiện, chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Phụ tử: ôn kinh tán hàn, là chủ dược.
- Tế tân tính cay ôn hợp với Phụ tử tăng tác dụng khu hàn.
- Đại hoàng: tả hạ, thông tiện.

Ba vị hợp dùng có tác dụng Ôn hạ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng thực hàn tích tụ, táo bón bụng đau, chân tay mát sợ lạnh, rêu lưỡi nhớt trắng, mạch trầm, huyền khẩn.

1. Trường hợp đau bụng nhiều, thích ấm gia Quế chi, Bạch thược để hòa vinh, chỉ thống.
2. Trường hợp bụng đầy, tích trệ nặng, rêu lưỡi dày gia Chỉ thực, Thần khúc để tiêu thực đạo trệ.
3. Trường hợp người yếu tích trệ nhẹ dùng Chế Đại hoàng để giảm bớt tác dụng tả hạ. Trường hợp khí hư gia Đảng sâm, Hoàng kỳ để bổ khí.
4. Trường hợp sán khí (sa ruột) nhẹ đau, mạch huyền

khẩn có thể dùng bài này gia Nhục quế, Tiểu hồi hương để t ấn hàn, chỉ thống.

**Chú ý:** Lượng Đại hoàng không bao giờ dùng lớn hơn lượng Phụ tử.

## ***BÀI THUỐC ÔN HẠ***

## TAM VẬT BỊ CẤP HOÀN (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Ba đậu  
Đại hoàng  
Can khương  
(Lượng bằng nhau).

### **Cách chế và dùng:**

Ba đậu bỏ vỏ ép hết dầu, các vị thuốc sấy khô tán bột mịn làm thành hoàn với mật ong, mỗi lần uống từ 1 - 2g với nước ấm, sau khi uống xong nếu không đi tả uống thêm 0,5 đến 1g tùy theo thể chất người bệnh.

Luyện mật ong khoảng 40 - 50% mật làm hoàn nhỏ.

**Tác dụng:** Công trực hàn tích.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Ba đậu: cay nhiệt tuần hạ, khai thông bế tắc là chủ dược.
- Can khương: ôn trung trừ hàn để kiện tỳ dương.
- Đại hoàng: thông đại tiện, làm giảm bớt tính cay độc của Ba đậu.

Ba vị thuốc hợp lại làm thành bài thuốc có tác dụng cấp hạ hàn tích.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chỉ định chữa các chứng lý hàn thực, bệnh nhân đột ngột đau bụng dữ dội, bụng đầy trướng, đại tiểu tiện không thông, trường hợp nặng có khó ở, cầm khẩu, chân tay quyết lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch trầm khẩn.

1. Trên lâm sàng để chữa các chứng nhiễm độc thức ăn, cần tẩy xổ, chứng xơ gan cổ trướng, thận hư nhiễm mỡ, bụng đầy trướng đau, đại tiểu tiện không thông, bệnh lý thường nặng thuốc lại có tác dụng mạnh, tổn thương đến chân âm, chân dương cho nên cần kết hợp với tây y để đạt kết quả tốt.
2. Những trường hợp người già, trẻ em, cơ thể suy nhược, phụ nữ có thai không dùng, trường hợp dùng thuốc xổ, tả hạ không cầm, cho bệnh nhân ăn cháo gạo ngội để cầm hoặc truyền dịch để cứu tân dịch.

## ***BÀI THUỐC ÔN HẠ***

## TAM VẬT BẠCH TÁN (Thương hàn luận)

***Thành phần:***

Cát cánh 3 phần

Ba đậu (bỏ vỏ ruột sao đen tán mịn) 1 phần

Bối mẫu 3 phần

***Cách dùng:*** Tất cả tán bột mịn trộn đều, mỗi lần uống 2 - 4g.

***Tác dụng:*** Gây nôn, thực đờm, tả hạ, hàn tích.

***Chủ trị:*** Chứng đàm thịnh ứ trệ, khó thở, khò khè, mạch trầm khẩn có lực.

## ***BÀI THUỐC TẢ HẠ***



## NHUẬN HẠ

Bài thuốc nhuận hạ thường gồm các vị thuốc ngọt bình, có chất dầu, tác dụng nhuận trường thông tiện.

Thường được chỉ định dùng trong 2 trường hợp táo bón sau đây:

- 1- Do nhiệt làm tổn thương chân âm, trường vị táo mà đại tiện không thông, thường dùng các loại thuốc tư nhuận kết hợp với thuốc tả hạ như Ma nhân, Hạnh nhân, Đại hoàng mà bài thuốc thường dùng là: Ma tử nhân hoàn.
- 2- Do sau khi bệnh tân dịch bị tổn thương người già hoặc sau khi đở huyết hư gây táo bón cần dùng ôn nhuận bổ hư và nhuận hạ, thường dùng các loại thuốc tư nhuận hoạt trường như Hạnh nhân, Bá tử nhân, Ma nhân, Nhục thung dung, Đương quy ...

Bài thuốc thường dùng Ngũ nhân hoàn ...



## MA TỬ NHÂN HOÀN (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Ma tử nhân 8 - 12g  
Hạnh nhân 4 - 8g  
Hậu phác 6 - 8g  
Đại hoàng 4 - 8g  
Chỉ thực 6 - 8g  
Thược dược 6 - 8g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, luyện mật, làm hoàn nhỏ, mỗi lần 4 - 8g, ngày 2 lần, hoặc 1 lần trước khi đi ngủ, trường hợp chưa đại tiện thì tăng liều lượng.

**Tác dụng:** Nhuận trường, thông tiện.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này là do bài Tiểu thừa khí thang gia Ma tử nhân, Hạnh nhân và Thược dược.

- Ma tử nhân: nhuận tràng thông tiện là chủ dược.
- Hạnh nhân: giáng khí, nhuận tràng.
- Thược dược: dưỡng âm hòa can.
- Chỉ thực: tán kết.
- Hậu phác: tiêu thực.
- Đại hoàng: thông hạ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng chữa các chứng táo bón kéo dài do tập quán, do lão suy, trường hợp bệnh trĩ tiêu ra máu, gia thêm Hoa hòe, Địa du để cầm máu.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC NHUẬN HẠ***

## NGŨ NHÂN HOÀN (Thế y đặc hiệu phương)

**Thành phần:**

Đào nhân 20g  
Hạnh nhân 12g  
Bá tử nhân 12g  
Tùng tử nhân 4g  
Uất lý nhân 4g  
Trần bì 8 - 12g

**Cách dùng:** Mật làm hoàn. Mỗi lần uống 4 - 8g.

**Trị chứng:** Táo bón ở người già, sản phụ sau khi đẻ có thể dùng thuốc thang.

## ***BÀI THUỐC NHUẬN HẠ***

## THÔNG TIỆN DƯỢC ĐIỀU (Bài thuốc kinh nghiệm của BV Quảng Đông)

***Thành phần:***

Tế tân 16g

Tạo giác 16g

Mật ong 160g

***Cách chế:*** Tế tân, Tạo giác tán bột mịn, cô mật ong cho thuốc vào làm thành viên (thuốc đạn), mỗi lần nhét hậu môn 1 - 2 viên.

***Tác dụng:*** Hành khí, nhuận tràng, thông tiện.



## ***BÀI THUỐC TẢ HẠ***

## TRỰC THỦY

Các bài *thuốc trực thủy* có tác dụng công trực thủy âm, tổng lượng nước ứ trệ trong cơ thể ra bằng đường đại tiện, thường dùng trong các trường hợp phù nặng, cổ trướng, mà cơ thể còn khỏe.

Những bài thuốc này có tác dụng xổ mạnh và có độc nên lúc dùng cần thận trọng.

Những vị thuốc dùng có Nguyên hoa, Cam toại, Đại kích, Ba đậu.



## THẬP TÁO THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Đại táo 10 quả  
Cam toại  
Đại kích  
Nguyên hoa  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Ba vị Nguyên hoa, Cam toại, Đại kích tán bột mịn. Trộn đều, mỗi lần uống từ 0,5 - 1,5g, ngày 1 lần vào sáng lúc bụng đói với nước sắc Đại táo.

Nếu sau khi uống thuốc tiêu chảy không cầm thì ăn cháo gạo lúc nguội.

**Tác dụng:** Công trục thủy ẩm.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Cam toại: trục thủy thấp.
- Đại kích: tả thủy thấp ở tạng phủ.
- Nguyên hoa: công trục thủy ẩm ở ngực sườn.

Ba vị đều có tác dụng công trục mạnh và có độc, dễ làm tổn thương chân khí, hại tỳ, cho nên dùng Đại táo tính ngọt bình để ích khí, kiện tỳ và làm giảm bớt độc của các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được chỉ định dùng trong các trường hợp thủy thũng cổ trướng thuộc thực chứng.

Trên lâm sàng thường dùng chữa các chứng cổ trướng do xơ gan, thận hư nhiễm mỡ.

1. Trường hợp bệnh nhân yếu cần chú ý dùng kết hợp với các loại thuốc bổ khí, bổ âm hoặc kết hợp với tây y nâng cao thể trạng bổ sung thể dịch và chất đạm.
2. Chú ý lúc dùng tùy tình hình thể trạng bệnh nhân, thuốc bắt đầu dùng lượng ít sau tăng dần và không được dùng liên tục.
3. Trường hợp cơ thể quá suy nhược và phụ nữ có thai không được dùng sắc để uống có thể dùng giấm để chế thuốc để giảm tính gây nôn của thuốc.
4. Có báo cáo dùng bài Thập tảo thang chữa viêm màng phổi, xơ gan cổ trướng, viêm màng bụng kết hợp Đông tây y có kết quả tốt, trên lâm sàng sử dụng bài thuốc thường có những phản ứng phụ như đau bụng, nôn, buồn nôn cần được chú ý.

## ***BÀI THUỐC TRỰC THỦY***

## KHÔNG DIÊN ĐƠN

(Cũng gọi là Diệu ứng hoàn, Tử long hoàn,  
Tam nhân phương)

**Thành phần:**

Cam toại

Đại kích

Bạch giới tử

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Các vị tán bột mịn, hồ viên nhỏ. Uống sau lúc ăn và trước khi đi ngủ mỗi lần 0,5 - 1g với nước gừng.

**Tác dụng:** Trừ đờm, trục ẩm.

Bài Không diên đơn là do từ bài Thập tảo thang bỏ Nguyên hoa, Đại táo gia Bạch giới tử và làm hoàn thường dùng để trị các chứng đờm ẩm tắc ở ngực, sườn bụng đau âm ỉ, rêu lưỡi nhớt, dày mạch hoạt hoặc phù thũng, thực chứng.

## ***BÀI THUỐC TRỰC THỦY***



## CHÂU SA HOÀNG (Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Hắc sủu (tán bột) 160g  
Nguyên hoa 40g  
Đại kích (sao giấm) 40g  
Than bì 20g  
Trần bì 20g  
Mộc hương 20g  
Binh lang 20g  
Khinh phần 4g  
Cam toại (bọc bột mì nướng) 80g  
Đại hoàng 80g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn hồ viên nhỏ mỗi lần uống 4 - 8g, mỗi ngày 1 lần lúc bụng đói vào buổi sáng.

**Tác dụng:** Hành khí, trục thủy.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Cam toại, Đại kích, Nguyên hoa có tác dụng trục hạ thủy ẩm là chủ dược.
- Đại hoàng, Hắc sủu tả hạ thủy thấp.
- Thanh bì, Trần bì, Binh lang, Mộc hương: hành khí đạo trệ, lợi thấp.
- Khinh phần: trục thủy, thông tiện.

### **Công dụng:**

Bài thuốc dùng trị các chứng phù thũng, bụng đầy nước,

thuộc thực chứng, mồm khát, thở khó, bụng cứng, đại tiện táo bón, mạch trầm sắc có lực.

Trên lâm sàng thường được dùng chữa chứng cổ trướng do xơ gan, thận hư nhiễm mỡ.

1. Nếu thuộc hư chứng cần dùng xen kẽ với thuốc bổ khí âm hoặc kết hợp truyền dịch bổ sung nước và chất dinh dưỡng.
2. Trường hợp cơ thể quá suy nhược, phụ nữ có thai không nên dùng.

**Chú ý:** Thuốc có độc không nên dùng kéo dài.

## ***BÀI THUỐC TRỰC THỦY***

## **CAM TOẠI THÔNG KẾT THANG** **(Kinh nghiệm của BV Nam Khai, Thiên Tân, TQ)**

### ***Thành phần:***

Cam toại bột 0,5 - 1g  
Đào nhân 12g  
Xích thực 18g  
Sinh Ngưu tất 12g  
Hậu phác 20 - 30g  
Đại hoàng 12 - 24g  
Mộc hương 12g

***Cách dùng:*** sắc nước uống.

***Tác dụng:*** Hành khí, hoạt huyết, thông kết, công hạ.

***Chủ trị:*** Chứng tắc ruột, cổ trướng.

### ***Giải thích bài thuốc:***

- Cam toại, Đại hoàng: thông kết công hạ là chủ dược.
- Hậu phác, Mộc hương: hành khí tán mẫn.
- Đào nhân, Xích thực, Ngưu tất: hoạt huyết ứ làm cho khí huyết lưu thông, kết trệ thông tiêu làm hết bệnh.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC TẢ HẠ***

## CÔNG BỔ KIÊM TRỊ

Là những bài thuốc dùng trị các chứng táo bón, mà cơ thể hư nhược do đó những bài thuốc này thường gồm có các vị thuốc bổ dưỡng và cả những vị thuốc công hạ.

Những bài thuốc thường dùng có:

- Hoàng long thang.
- Tăng dịch thừa khí thang.
- Ôn tỳ thang ...

## ***BÀI THUỐC TẢ HẠ - CÔNG BỐ KIÊM TRỊ***



## HOÀNG LONG THANG (Thương hàn lục thư)

### **Thành phần:**

Đại hoàng 8 - 12g  
Chỉ thực 8 - 16g  
Đương qui 8 - 16g  
Mang tiêu 12 - 16g  
Đảng sâm 8 - 12g  
Cát cánh 4 - 8g  
Hậu phác 4 - 8g  
Cam thảo 2 - 6g  
Đại táo 2 quả  
Sinh khương 3 lát

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, thông tiện, bổ khí, dưỡng huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc gồm có ĐẠI THỪA KHÍ THANG gia Đảng sâm, Đương quy, Khương, Táo, Cam thảo và Cát cánh.

- Trong bài thuốc Thừa khí thang là chủ dược có tác dụng tả hỏa thông tiện.
- Đảng sâm, Đương quy: bổ khí, dưỡng huyết để phò chính.
- Cát cánh khai phế để thông trường vị.
- Khương, Táo, Thảo: điều hòa tỳ vị.

Các vị thuốc hợp lại thành một bài thuốc vừa có tác dụng công

hạ phò chính.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị chứng lý thực nhiệt kiêm khí huyết hư nhược, triệu chứng thường thấy bụng đầy cứng đau, đại tiện không thông, tiêu chảy nước trong, sốt, khát, bứt rứt, người mệt mỏi, hơi thở ngắn, rêu lưỡi vàng dày, mạch tế sác vô lực.

1. Trường hợp người già suy nhược, bụng đầy trướng táo bón, cần công hạ, có thể bỏ Mang tiêu gia thêm lượng Đẳng sâm, Đương quy.
2. Trường hợp khí huyết hư nhiệt kết táo bón, do nhiệt làm tổn thương chân âm có thể dùng bài thuốc này bỏ Chỉ thực, Hậu phác, Đại táo, Cát cánh gia Mạch môn, Sinh địa, Huyền sâm, Tây dương sâm để dưỡng âm, tăng dịch gọi là bài TÂN GIA HOÀNG LONG THANG (Ôn bệnh điều biện).

***BÀI THUỐC TẢ HẠ - CÔNG BỒ KIÊM TRỊ***

## TĂNG DỊCH THỪA KHÍ THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Huyền sâm 20 - 40g

Tế Sinh địa 16 - 32g

Mạch môn 16 - 32g

Đại hoàng 6 - 12g

Mang tiêu 2 - 5g

**Cách dùng:** sắc nước uống, uống 1/2 lượng thuốc nếu thông tiện thì thôi.

**Tác dụng:** Tư âm tăng dịch tả nhiệt thông tiện.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Huyền sâm, Sinh địa, Mạch môn hợp lại thành bài Tăng dịch thang có tác dụng dưỡng âm tăng dịch, nhuận tràng, thông tiện.
- Đại hoàng: tả tích nhiệt, thông tiện.
- Mang tiêu: nhuyễn kiên, táo kết hợp thành một bài thuốc có tác dụng tư âm tăng dịch, tả nhiệt, thông tiện.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

**Chủ trị:** các chứng bệnh ôn nhiệt kết âm hư có các triệu chứng đại tiện khó, phân bón cứng, mồm khô, lưỡi đỏ thẫm, rêu vàng.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

***BÀI THUỐC TẢ HẠ - CÔNG BỒ KIÊM TRỊ***

## ÔN TỶ THANG (Thiên kim phương)

### **Thành phần:**

Phụ tử 8 - 12g  
Đại hoàng 8 - 12g (cho vào sau)  
Đảng sâm 6 - 12g  
Can khương 4 - 8g  
Cam thảo 2 - 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ôn bổ tỳ dương, công hạ tích lạnh.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Phụ tử: ôn dương, tán hàn là chủ dược.
- Can khương, Đảng sâm: ôn tỳ.
- Đại hoàng: công hạ, tích trệ.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị các chứng hư hàn do lạnh, tỳ dương kém không vận hóa được sinh táo bón, bụng đầy, chân tay lạnh, hoặc chứng Xích bạch lý kéo dài kèm theo đau có thể gia thêm Nhục quế, Mộc hương để ôn trung chỉ thống.

Nếu trường hợp có nôn gia Bán hạ gừng chế Sa nhân để hòa vị giáng nghịch.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## THUỐC HÒA GIẢI

Bài thuốc *Hòa giải* là những bài thuốc có tác dụng sơ tán, điều hòa chức năng các tạng phủ bị rối loạn như Hòa giải thiếu dương, Sơ can lý tỳ, Điều hòa tỳ vị ...

### **A. Hòa giải thiếu dương:**

Những bài thuốc hòa giải thiếu dương có tác dụng chữa hội chứng Thiếu dương, thường có những triệu chứng hàn nhiệt vắng lai, ngực sườn đầy tức, bứt rứt, muốn nôn, không thích ăn uống, mồm đắng họng khô, hoa mắt. Chứng thiếu dương thuộc "bán biểu bán lý" cho nên không dùng phép hạ, cũng không dùng phép thổ, mà dùng phép hòa giải tức là hòa lý giải biểu, để đạt mục đích như:

- Sách Thương hàn luận nói là: "Làm cho thượng tiêu thông, tân dịch đi xuống vị khí điều hòa thì sẽ ra mồ hôi".
- Sách Y học tâm ngộ cũng nói: "Thương hàn ở biểu thì phát hãn, ở lý thì hạ, ở bán biểu bán lý thì hòa, đó là nguyên tắc điều trị của Đông y".

Những vị thuốc thường dùng để hòa giải có: Sài hồ, Thanh hao, Hoàng cầm, Bán hạ ...

Những bài thuốc thường dùng có: Tiểu Sài hồ thang, Hao cầm thanh đởm thang ...

### **B. Điều hòa Can tỳ:**

Phép điều hòa can tỳ dùng trong trường hợp hội chứng bệnh lý có triệu chứng chủ yếu là do Can khí uất kết, ảnh hưởng tỳ vị gây nên ngực sườn đau, đầy tức, ợ chua, ợ hơi, mạch huyền.

Bài thuốc thường dùng có Tứ nghịch tán, Tiêu dao tán,

Thông tả yếu phương.

### **C. Điều hòa trường vị:**

Bài thuốc Điều hòa trường vị là những bài thuốc trị bệnh tại trường vị do rối loạn chức năng gây nên bụng đầy đau, hàn nhiệt lẫn lộn, nôn, buồn nôn, sôi bụng, tiết tả. Thường dùng các loại thuốc vừa hàn vừa nhiệt và cay đắng để điều chỉnh cơ năng trường vị.

Thường dùng có Can khương, Hoàng cầm, Hoàng liên, Bán hạ, Đảng sâm, Cam thảo.

Bài thuốc thường dùng là Bán hạ tả tâm thang.

### **D. Trị sốt rét (Ngược tật):**

Sốt rét thuộc phạm vi chứng Thiếu dương vì có những triệu chứng lâm sàng giống chứng Thiếu dương trong Đông y nhưng phương pháp hòa giải chỉ là một trong các phương pháp trị sốt rét cho nên bài thuốc trị sốt rét có rất nhiều. Ở đây chỉ thuộc phạm vi hòa giải.

Những bài thuốc thường dùng có: Thất bảo tán, Đạt nguyên ẩm, Thanh tỳ ẩm, Hà nhân ẩm.

Những bài thuốc Hòa giải gồm có 9 bài chính chia ra thuốc Hòa giải thiếu dương, Điều hòa can tỳ, Điều hòa trường vị và 2 bài thuốc trị sốt rét.

- Hòa giải thiếu dương: 2 bài thuốc Tiểu sài hồ thang, Hao cầm thanh đởm thang đều có tác dụng hòa giải thiếu dương trong đó bài Tiểu sài hồ thang chuyên trị chứng thiếu dương có kèm trung khí hư. Bài Hao cầm thanh đởm thang có tác dụng thanh đởm lợi thấp là chính đồng thời có thể hòa vị hóa đờm, chuyên trị chứng thiếu dương nhiệt nặng kèm có đờm thấp.
- Điều hòa can tỳ: Các bài thuốc Tứ nghịch tán, Tiêu dao tán, Thông tả yếu phương đều có tác dụng điều hòa can tỳ. Trị những chứng bệnh do Can tỳ bất hòa gây nên trong đó bài Tứ nghịch tán có tác dụng giải uất tả nhiệt, chủ trị chứng chân tay quyết nghịch do dương

khí uất ở trong bụng, đau do can tỳ bất hòa khí uất. Ở trong bài Tiêu dao tán có tác dụng điều hòa can tỳ dưỡng huyết kiện tỳ chuyên trị chứng can uất, huyết hư gây nên ngực sườn đau tức, mệt mỏi, chán ăn. Còn bài Thông tả yếu phương chủ yếu bình can bổ tỳ, chủ trị chứng bụng đau tiết tả do can vượng tỳ hư.

- Điều hòa trường vị: Bài Bán hạ tả tâm thang là bài thuốc chính điều hòa trường vị chủ trị các chứng hàn nhiệt thác tạp, thăng giáng mất điều hòa, sinh ra nôn, đau bụng, tiêu chảy.
- Trị sốt rét: Bài Thất bảo tán chuyên trị chứng sốt rét đàm thấp nặng, khí trệ bụng đầy. Bài Đạt nguyên ẩm trị chứng sốt rét, sốt cao sợ lạnh thấp nhiệt nặng, bứt rứt, đau đầu, ngực tức buồn nôn. Bài Hà nhân ẩm chủ yếu trị chứng sốt rét lâu ngày không dứt, khí huyết hư (hư ngược).



## HÒA GIẢI THIẾU DƯƠNG

Những bài thuốc hòa giải thiếu dương có tác dụng chữa hội chứng Thiếu dương, thường có những triệu chứng hàn nhiệt vắng lai, ngực sườn đầy tức, bứt rứt, muốn nôn, không thích ăn uống, mồm đắng họng khô, hoa mắt. Chứng thiếu dương thuộc "bán biểu bán lý" cho nên không dùng phép hạ, cũng không dùng phép thổ, mà dùng phép hòa giải tức là hòa lý giải biểu để đạt mục đích như:

- Sách Thương hàn luận nói là: "Làm cho thượng tiêu thông, tân dịch đi xuống vị khí điều hòa thì sẽ ra mồ hôi".
- Sách Y học tâm ngộ cũng nói: "Thương hàn ở biểu thì phát hãn, ở lý thì hạ, ở bán biểu bán lý thì hòa, đó là nguyên tắc điều trị của Đông y".

Những vị thuốc thường dùng để hòa giải có: Sài hồ, Thanh hao, Hoàng cầm, Bán hạ ...

Những bài thuốc thường dùng có: Tiểu Sài hồ thang, Hao cầm thanh đởm thang ...

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HÒA GIẢI THIẾU DƯƠNG***



## TIÊU SÀI HỒ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Sài hồ 12 - 16g  
Hoàng cầm 8 - 12g  
Bán hạ 8 - 12g  
Đẳng sâm 8 - 12g  
Sinh khương 8 - 12g  
Chích Cam thảo 4 - 8g  
Đại táo 4 - quả

**Cách dùng:** sắc nước uống

**Tác dụng:** Hòa giải thiếu dương, sơ can lý tỳ, điều hòa tỳ vị.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Sài hồ có tác dụng sơ thông khí cơ, thấu đạt tà khí ở thiếu dương là chủ dược.
- Hoàng cầm: tả uất nhiệt ở thiếu dương hợp với Sài hồ chữa được chứng hàn nhiệt vãng lai, ngực sườn đầy tức, bút rút khó chịu, chứng bệnh thường là do cơ thể hư hoặc chữa nhầm làm tổn thương chính khí, tà khí nhập vào thiếu dương gây bệnh nên thêm các vị Đẳng sâm, Cam thảo, Đại táo để ích khí điều trung, phò chính khu tà.
- Bán hạ, Sinh khương, Đại táo cùng dùng có thể điều hòa vinh vệ, hàn nhiệt vãng lai.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này chủ trị hội chứng bệnh thiếu dương.

1. Trường hợp dùng trị chứng sốt rét do phong hàn gia thêm Thường sơn (sao rọu), Thảo quả.
2. Trường hợp bệnh nhiệt ở thiếu dương nhập vào huyết gây sốt thương âm gia thêm Sinh địa, Đơn bì, Tần giao để lương huyết dưỡng âm.
3. Nếu có triệu chứng ứ huyết, bụng dưới đầy tức đau (thường gặp ở sản phụ sau đẻ) bỏ Sâm, Thảo, Táo gia Diên hồ sách, Đương quy, Đào nhân để hóa ứ.
4. Trường hợp có hàn gia Nhục quế tâm để trừ hàn, có khí trệ gia thêm Hương phụ chế, Trần bì, Chỉ xác để hành khí.

## ***BÀI THUỐC HÒA GIẢI THIẾU DƯỠNG***

## HAO CẦM THANH ĐỜM THANG (Trọng đỉnh thông tục Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Thanh hao 6 - 12g  
Đạm trúc nhự 8 - 12g  
Xích phục linh 8 - 12g  
Chỉ xác 6 - 8g  
Trần bì 6 - 8g  
Chế Bán hạ 4 - 8g  
Hoàng cầm 8 - 12g  
Phách ngọc tán \* 8 - 16g  
(\* gồm: Thạch cao, Cam thảo, Thanh đại).

**Cách dùng:** Phách ngọc tán bao, tất cả các vị sắc uống.

**Tác dụng:** Thanh đờm, lợi thấp, hòa vị, hóa đờm.

### **Giải thích bài thuốc:**

**Chủ trị** của bài thuốc là chứng thiếu dương thiên về nhiệt kiêm có đàm thấp, cho nên bài thuốc có tác dụng chính là thanh đờm nhiệt, hóa đờm thấp vì thế trong bài thuốc:

- Thanh hao tính đắng hàn có tác dụng thanh nhiệt ở thiếu dương.
- Hoàng cầm: đắng hàn tả uất hỏa ở đờm kinh đều là chủ dược.
- Trúc nhự: thanh nhiệt trừ phiền, hóa đờm chỉ ẩu.
- Quất bì, chế Bán hạ, Chỉ xác cùng dùng với Hoàng cầm có tác dụng hòa vị giáng nghịch, hóa thấp trừ đàm.

- Xích Phục linh, Phách ngọc tán: thanh nhiệt lợi thấp.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị các chứng hàn nhiệt vắng lai, hàn nhẹ và nhiệt nặng, mồm đắng, ngực tức, nôn ra nước đắng chua hoặc nước vàng dính có khi nôn khan, ngực sườn đầy tức đau, lưỡi đỏ, rêu trắng nhớt, mạch hoạt sắc hoặc huyền; thường được trị chứng thử thấp tựa sốt rét.

1. Trường hợp nôn nhiều gia Tả kim hoàn (Ngô thù du, Hoàng liên) để thanh nhiệt trừ thấp, giáng nghịch, chỉ ầu.
2. Trường hợp thấp nặng gia Thảo quả, Bạch đậu khấu để hóa thấp, chân tay nhức mỏi gia Tang chi, Ích trí nhân, Ty qua lạc để thanh nhiệt, lợi thấp thông lạc, chỉ thống.
3. Nếu thấp nhiệt sinh vàng da, nhiệt nặng thấp nhẹ bỏ Trần bì, Bán hạ gia Nhân trần cao để thanh nhiệt lợi thấp thoái hoàng.

## ***BÀI THUỐC HÒA GIẢI***

## ĐIỀU HÒA CAN TỖ

Phép điều hòa can tỳ dùng trong trường hợp hội chứng bệnh lý có triệu chứng chủ yếu là do Can khí uất kết, ảnh hưởng tỳ vị gây nên ngực sườn đau, đầy tức, ợ chua, ợ hơi, mạch huyền.

Bài thuốc thường dùng có:

- Tứ nghịch tán
- Tiêu dao tán
- Thông tả yếu phương.

## ***BÀI THUỐC ĐIỀU HÒA CAN TỖ***



## TỨ NGHỊCH TÁN (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Sài hồ  
Chích thảo  
Chỉ thực  
Thược dược  
(Lượng bằng nhau).

### **Cách dùng:**

Tất cả các vị thuốc tán bột mịn làm thuốc tán mỗi lần uống 12 - 16g với nước sôi để nguội. Có thể làm thuốc thang uống liều lượng có gia giảm.

**Tác dụng:** Sơ can lý khí, hòa vinh tán uất.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng dương khí nội uất do nhiệt nhập vào lý không thông đạt đến tứ chi gây nên chứng quyết nghịch nên có tên là Tứ nghịch tán.

- Sài hồ sơ giải uất kết làm cho dương khí thấu đạt ra ngoài là chủ dược.
- Chỉ thực phối hợp với Sài hồ để thăng thanh giáng trọc.
- Thược dược ích âm hòa lý phối hợp với Chỉ thực có tác dụng sơ thông khí trệ.
- Chích thảo điều hòa trung khí cùng dùng với Thược dược có tác dụng thư cân hòa can.

Do Sài hồ, Chỉ thực có tác dụng sơ thông can tỳ vị khí trệ, Thược dược, Cam thảo sơ can lý tỳ chỉ thống cho nên bài

thuốc căn bản chữa chứng can tỳ bất hòa khí trệ.

**Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc trên lâm sàng chữa chứng can uất chân tay quyết nghịch hoặc can tỳ bất hòa gây nên bụng sườn đau hoặc nôn hoặc bụng đầy ợ hơi, mạch huyền có lực.

1. Nếu có thực tích gia Mạch nha, Kê nội kim để tiêu thực.
2. Nếu có huyết ứ gia Đờn sâm, Bồ hoàng, Ngũ linh chi để tán ứ chỉ thống.
3. Nếu có hoàng đản gia Nhân trần cao, Uất kim để thanh nhiệt lợi thấp thoái hoàng, khí trệ nặng gia Hương phụ, Uất kim để hành khí giải uất.
4. Trường hợp đau bao tử thuộc chứng Can vị bất hòa dùng bài Tứ nghịch tán.
5. Nếu vùng thượng vị đau đầy, mồm đắng, ợ chua gia Tả kim hoàn để hạ khí giáng nghịch, tả nhiệt khai uất.

Trên lâm sàng thường dùng trị các chứng đau thần kinh liên sườn, đau dạ dày cơ năng thuộc chứng can tỳ, bất hòa có thể gia thêm những vị thuốc Hương phụ, Diên hồ sách, Uất kim để giải uất chỉ thống, trường hợp tả lĩ mót rặn có thể gia thêm Phỉ bạch để thông tả khí trệ ở đại tràng.

**Chú ý lúc sử dụng:** Nguyên nhân của chứng chân tay quyết nghịch là khác nhau, bài thuốc này chỉ có thể dùng chữa chứng nhiệt quyết do dương khí nội uất, những trường hợp khác không dùng được.

Trên lâm sàng có tác giả báo cáo dùng bài:

**TỨ NGHỊCH TÁN** gia vị:

Sài hồ 8g

Chỉ thực 8g

Uất kim 8g

Bạch thược 16g

Qua lâu bì 16g

Phỉ bạch 12g

Cam thảo 4g

**Chủ trị:** đau thần kinh liên sườn kết quả tốt.

---

Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)

## ***BÀI THUỐC ĐIỀU HÒA CAN TỖ***

## SÀI HỒ SƠ CAN TÁN (Cảnh nhạc toàn thư)

**Thành phần:**

Sài hồ 8g  
Bạch thực 12g  
Chỉ sắc 8g  
Chích thảo 4g  
Xuyên khung 8g  
Hương phụ 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Sơ can, hành khí, hoạt huyết chỉ thống.

**Chủ trị:** Các chứng can khí uất kết, ngực sườn đau tức, hàn nhiệt vãng lai.

## ***BÀI THUỐC ĐIỀU HÒA CAN TỖ***

## TIÊU DAO TÁN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Sài hồ 40g

Đương qui 40g

Bạch thược 40g

Bạch truật 40g

Bạch linh 40g

Chích thảo 20g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột, trộn đều mỗi lần uống với nước gừng lùi 12g sắc với Bạc hà. Có thể dùng thuốc thang.

**Tác dụng:** Sơ can giải uất, kiện tỳ, dưỡng huyết.

**Giải thích bài thuốc:** Bài thuốc do bài Tứ nghịch thang gia giảm.

**Chủ trị:** chứng can uất huyết hư.

- Sài hồ: sơ can giải uất là chủ dược.
- Đương quy, Bạch thược: bổ huyết dưỡng can, hòa vinh.
- Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo kiện tỳ bổ trung.
- Gừng lùi hòa chung dùng với Quy Thược để điều hòa khí huyết.
- Bạc hà giúp Sài hồ sơ can giải uất.

Các vị thuốc hợp lại dùng thành một bài có tác dụng sơ can lý tỳ, hòa vinh dưỡng huyết.

**Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng Can uất huyết hư sinh ra mạn sườn đầy tức, đau đầu hoa mắt, mồm táo họng khô, mệt mỏi, chán ăn hoặc hàn nhiệt vãng lai, kinh nguyệt không đều, hai vú căng tức, lưỡi hồng nhạt, mạch hư huyền.

1. Trường hợp Can uất huyết hư phát sốt, hoặc sốt về chiều, tự ra mồ hôi hoặc ra mồ hôi trộm, đầu đau mắt mờ, hồi hộp, bứt rứt, má đỏ, mồm khô, hoặc kinh nguyệt không đều, bụng đau, bụng dưới nặng, tiểu tiện khó và đau, dùng bài thuốc cần thêm Đơn bì, Chi tử để sơ can thanh nhiệt gọi là bài Đơn chi tiêu dao tán (Nội khoa trích yếu).
2. Trường hợp Can uất huyết hư, bụng đau trước kinh, mạch huyền hư, bài thuốc gia thêm Sinh địa hoặc Thục địa để tăng cường dưỡng huyết hòa vinh, gọi là bài Hắc tiêu dao tán (Y lược lục thư phụ khoa chỉ yếu).
3. Trường hợp khí trệ sườn đau nặng bỏ Bạch truật gia Hương phụ để hành khí, chỉ thống.
4. Trường hợp viêm gan mạn, vùng đau gan đau nhiều, người mệt mỏi, ăn ít thuộc chứng Can uất tỳ hư dùng bài thuốc này bỏ Bạc hà, Gừng lùi gia Hải phu tiêu, Đảng sâm để hòa Can bổ Tỳ.



## ***BÀI THUỐC ĐIỀU HÒA CAN TỖ***

## THÔNG TẢ YẾU PHƯƠNG (Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Bạch truật (thổ sao) 120g  
Phòng phong (sao) 80g  
Bạch thược (sao) 80g  
Trần bì (sao) 60g

**Cách dùng:** Theo liều lượng trên bài thuốc chế thành thuốc tán hoặc thuốc hoàn. Mỗi lần dùng 6 - 12g, ngày uống 2 - 3 lần có thể làm thuốc thang sắc uống, các vị thuốc theo tỷ lệ trên gia giảm lượng.

**Tác dụng:** Tả can bổ tỳ.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc trên còn có tên là Bạch truật Thược dược tán.

**Chủ trị** chứng đau bụng tiêu chảy do can vượng tỳ hư.

- Bạch truật: kiện tỳ bổ trung là chủ dược.
- Bạch thược: sơ can trấn thống.
- Trần bì: lý khí hòa trung.
- Phòng phong: sơ can lý tỳ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài thuốc dùng trị chứng Can vượng tỳ hư gây nên đau bụng, sôi bụng, tiết tả, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch huyền hoãn.

Trong bài thuốc có Phòng phong tác dụng sơ phong giải biểu cho nên bài thuốc thường được dùng đối với chứng tiết tả do Can vượng tỳ hư có thêm ngoại cảm.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HÒA GIẢI***

## ĐIỀU HÒA TRƯỜNG VỊ

Bài thuốc *Điều hòa trường vị* là những bài thuốc trị bệnh tại trường vị do rối loạn chức năng gây nên bụng đầy đau, hàn nhiệt lẫn lộn, nôn, buồn nôn, sôi bụng, tiết tả. Thường dùng các loại thuốc vừa hàn vừa nhiệt và cay đắng để điều chỉnh cơ năng trường vị.

Thường dùng có Can khương, Hoàng cầm, Hoàng liên, Bán hạ, Đẳng sâm, Cam thảo.

Bài thuốc thường dùng là Bán hạ tả tâm thang.

## ***BÀI THUỐC ĐIỀU HÒA TRƯỜNG VỊ***

## **BÁN HẠ TẢ TÂM THANG** **(Thương hàn luận)**

### ***Thành phần:***

Bán hạ 8 - 16g  
Can khương 8 - 12g  
Hoàng cầm 8 - 12g  
Đảng sâm 8 - 12g  
Hoàng liên 4 - 8g  
Chích thảo 4 - 8g  
Đại táo 4 quả

***Cách dùng:*** sắc nước uống.

***Tác dụng:*** Hòa vị, giáng nghịch, khai kết, trừ bí.

### ***Giải thích bài thuốc:***

- Bán hạ để điều hòa tiêu tích, giáng nghịch, chỉ ẩu là chủ dược.
- Can khương hợp với Bán hạ tân khai tán kết.
- Hoàng liên, Hoàng cầm: khổ giáng tiết tả.
- Đảng sâm: bổ khí.
- Đại táo, Cam thảo: kiện tỳ, điều hòa các vị thuốc.

Tóm lại trong bài thuốc có các vị thuốc hàn nhiệt cùng dùng để điều hòa âm dương, cay đắng cùng dùng để điều hòa thăng giáng, bổ tả điều chỉnh hư thực, làm cho vị khí điều hòa chức năng hồi phục, thì các chứng đầy, nôn, tả sẽ khỏi.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị hội chứng vị khí bất hòa gây nên vùng thượng vị đầy tức, nôn khan, sôi bụng, tiêu chảy, rêu lưỡi vàng mỏng,

nhót, mạch huyền tế sắc.

1. Trường hợp Thấp nhiệt tích ở trung tiêu nôn và đầy tức bụng bỏ Đảng sâm, Can khương, Đại táo, Cam thảo gia Chỉ thực, Sinh khương để giáng nghịch, chỉ ẩu, tiêu mẫn.
2. Trên lâm sàng bài thuốc dùng để chữa chứng viêm ruột cấp, sốt, nôn, bụng sôi, tiêu chảy, người mệt mỏi, bụng đầy, rêu lưỡi vàng, mạch huyền tế, sắc. Nếu cơ thể khỏe mạnh bỏ Đảng sâm, Can khương. Nếu bụng đau nôn nhiều hợp Tả kim hoàn để thanh nhiệt hòa vị cầm nôn, giảm đau. Nếu có tích thực bỏ Đảng sâm, Chích thảo gia Chỉ thực, Đại hoàng.

**Phụ phương:**

### **SINH KHƯƠNG TẢ TÂM THANG**

**(Thương hàn luận)**

Từ bài Bán hạ tả tâm thang bỏ Can khương gia Sinh khương 12 - 16g có tác dụng hòa vị tiêu thực, cầm tiêu chảy.

### **CAM THẢO TẢ TÂM THANG**

**(Thương hàn luận)**

*Thành phần:* Là bài Bán hạ tả tâm thang trọng dụng Cam thảo.

*Chủ trị* chứng Vị khí hư nhược, khí kết sinh đầy bụng, rối loạn tiêu hóa, bụng sôi tiêu chảy, bứt rứt, nôn khan.

Ba bài thuốc tả tâm Bán hạ tả tâm thang, Sinh khương tả tâm thang, Cam thảo tả tâm thang đều trị chứng ăn không tiêu, đầy bụng có khác nhau là bài:

- *Bán hạ tả tâm thang* trị hàn nhiệt, giao kết sinh đầy bụng.
- *Sinh khương tả tâm thang* trị chứng thấp nhiệt uất kết sinh đầy bụng do đó trọng dụng Sinh khương để tán thực khí.
- *Cam thảo tả tâm thang* trị chứng vị hư sinh đầy bụng cho trọng dụng Cam thảo để bổ trung khí.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC ĐIỀU HÒA TRƯỜNG VỊ***

## HOÀNG LIÊN THANG (Thương hàn luận)

**Thành phần:**

Hoàng liên 4 - 6g  
Bán hạ chế 6 - 12g  
Chích Cam thảo 2 - 4g  
Can khương 2 - 4g  
Quế chi 2 - 4g  
Đẳng sâm 6 - 10g  
Đại táo 4 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Điều hòa hàn nhiệt, hòa vị giáng nghịch.

Cũng như bài Bán hạ tả tâm thang đều dùng các vị thuốc vừa hàn vừa nhiệt để điều hòa trường vị, nhưng bài này có Quế chi thiên về ôn tán dùng trị chứng thượng nhiệt, hạ hàn, bụng đau nôn mửa.

Bài Bán hạ tả tâm thang có vị Hoàng cầm thiên về thanh nhiệt.

**Chủ trị** chứng vị khí bất hòa gây nên bụng đầy, nôn mửa, tiêu chảy.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HÒA GIẢI***

## TRỊ SỐT RÉT (NGƯỢC TẬT)

Sốt rét thuộc phạm vi chứng Thiếu dương vì có những triệu chứng lâm sàng giống chứng Thiếu dương trong Đông y nhưng phương pháp hòa giải chỉ là một trong các phương pháp trị sốt rét, cho nên bài thuốc trị sốt rét có rất nhiều.

Ở đây chỉ giới thiệu một số bài thuốc phạm vi phép hòa giải.

Những bài thuốc thường dùng có:

- Thất bảo tán.
- Đạt nguyên ẩm.
- Thanh tỳ ẩm.
- Hà nhân ẩm.

## BÀI THUỐC TRỊ SỐT RÉT (NGƯỢC TẬT)

## THẤT BẢO TÁN (Dương thị gia tàn thương)

### **Thành phần:**

Thường sơn 4 - 8g  
Hậu phác 2 - 4g  
Thanh bì 2 - 4g  
Trần bì 2 - 4g  
Chích thảo 2 - 4g  
Binh lang 2 - 4g  
Thảo quả nhân 2 - 4g

**Cách dùng:** sắc nước gia ít rượu, uống trước khi lên cơn 2 giờ.

**Tác dụng:** Táo thấp, trừ đờm.

### **Giải thích bài thuốc:**

Theo Đông y học, bệnh sốt rét có liên quan đến đờm thấp, sách xưa hay nói: "Vô đờm bất thành ngược" trong bài thuốc:

- Thường sơn đặc hiệu trị sốt rét, tác dụng trừ đờm triệt ngược là chủ dược.
- Thảo quả nhân, Binh lang: hành khí, táo thấp, trừ đờm.
- Hậu phác, Thanh bì, Trần bì: hành khí, lý tỳ, táo thấp, trừ đàm.
- Chích thảo: hòa trung, điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng sốt rét, cơ thể người bệnh khỏe,



đàm thấp thịnh, râu lưỡi trắng nhót, mạch huyền, hoạt, phù, đại.

Bài thuốc được dùng trị chứng sốt rét thiên về hàn thấp, nếu hàn nặng gia thêm Quế chi để tán hàn, nếu nôn gia Bán hạ chế Sinh khương để tảo thấp, trừ đờm chỉ ấu.

Bài thuốc gồm nhiều vị cay táo, hành khí nên trường hợp trung khí hư nhược hoặc bên trong cơ thể hóa uất, không nên dùng.

Bài thuốc còn có tên TRIỆT NGƯỢC THẤT BẢO ẨM.

## ***BÀI THUỐC TRỊ SỐT RÉT (NGƯỢC TẬT)***

## ĐẠT NGUYÊN ÂM (Ôn dịch luận)

### **Thành phần:**

Binh lang 6 - 8g  
Thảo quả 2 - 4g  
Thược dược 4 - 8g  
Hậu phác 4 - 6g  
Tri mẫu 4 - 8g  
Hoàng cầm 4 - 8g  
Cam thảo 2 - 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Khai đạo mô nguyên, thanh uế hóa trọc.

### **Giải thích bài thuốc:**

Là một bài thuốc chủ yếu trị bệnh Ôn giai đoạn đầu, bệnh "Ngược tậ" tà phục ở mô nguyên (tức là phần bán biểu bán lý của cơ thể).

- Hậu phác: trừ thấp tán mẫn, hóa đàm giáng khí.
- Thảo quả: cay thơm, hóa trọc táo thấp, chỉ ẩu tuyên thấu phục tà.
- Binh lang: hành khí phá kết

Ba loại thuốc khí vị rất cay đi vào mô nguyên để trục tà khí ra ngoài đều là chủ dược.

- Tri mẫu, Hoàng cầm: thanh lý nhiệt.
- Thược dược: dưỡng âm, hòa lý phối hợp với Tri mẫu có tác dụng tư âm.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị chứng ôn dịch, ngược tậ phục tà ở mô nguyên.

Triệu chứng thường thấy là: sốt cao, rét run, lên cơn ngày 1 lần hoặc 3 lần, không cố định thời gian, ngực sườn đầy tức, đau đầu, bứt rứt, mạch huyền sắc, bờ lưỡi đỏ thẫm, rêu trắng dày như bôi phấn.

### ***Bài thuốc gia giảm; nếu:***

1. Nếu sườn đau, ù tai, vừa nóng vừa lạnh, nôn mồm đắng, tức nhiệt tà thịnh ở kinh Thiếu dương, gia thêm Sài hồ, nếu lưng gáy đau tà thịnh ở kinh Thái dương gia thêm Khương hoạt. Nếu hố mắt đau, mũi khô, khó ngủ, tức tà thịnh ở kinh Dương minh gia Cát căn.
2. Trường hợp đàm thấp gây nên ngực bụng đầy tức, bần thần khó chịu, vầng đầu, cơn sốt rét cách nhật, rêu lưỡi dày, bỏ Tri mẫu, Thược dược gia Sài hồ, Chỉ xác, Thanh bì, Cát cánh, Cành lá sen để hành khí hóa thấp, trừ đờm gọi là bài SÀI HỒ ĐẠT NGUYÊN ẤM (Thông tục thương hàn luận).
3. Trường hợp cảm cúm, lạnh nhiều nóng ít, ngực bụng đầy tức, mình mẩy nặng nề, rêu lưỡi dày nhớt tức là chứng thấp nặng hơn nhiệt bỏ Bạch thược, Tri mẫu gia Bội lan, Nhân trần cao để hóa thấp, nếu lạnh ít nóng nhiều kéo dài, sốt nặng về chiều bỏ Bình lang gia Bạch vi hoặc Chi tử để thoái nhiệt.

## ***BÀI THUỐC TRỊ SỐT RÉT (NGƯỢC TẬT)***

## THANH TỖ ẨM (Tế sinh phương)

### **Thành phần:**

Thanh bì  
Hậu phác  
Gừng chế sao  
Bạch truật  
Thảo quả nhân  
Sài hồ  
Phục linh  
Hoàng cầm  
Bán hạ chế  
Chích thảo  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tất cả tán bột, mỗi lần uống 8 - 16g với nước Gừng sắc.

Có thể dùng thuốc thang liều lượng có gia giảm, uống trước lúc lên cơn sốt rét 2 giờ.

**Tác dụng:** Hòa can, kiện tỳ, hóa đờm thấp.

**Chủ trị:** Sốt rét do đàm thấp ứ trệ, triệu chứng sốt nhiều hơn rét, ngực bụng đầy tức, mồm đắng, lưỡi khô, chán ăn, bứt rứt, khát nước, tiểu vàng đậm, mạch huyền sắc.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC TRỊ SỐT RÉT (NGƯỢC TẬT)***



## HÀ NHÂN ÂM (Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Hà thủ ô 12 - 20g

Đương quy 8 - 12g

Nhân sâm 4 - 8g

Trần bì 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống, thêm 3 lát gừng hoặc thêm rượu.

**Tác dụng:** Bổ khí huyết, trị hư ngược.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hà thủ ô: bổ can thận, ích tinh dưỡng, dưỡng âm không gây nê trệ, hòa dương không gây khô táo.
- Nhân sâm ích khí.

Hai vị thuốc có tác dụng song bổ khí huyết đều là chủ dược.

- Đương quy: dưỡng huyết hòa vinh.
- Trần bì, Sinh khương: lý khí hòa trung.

Bài thuốc có tác dụng trị chứng hư ngược, khí huyết hư.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Lúc dùng bài thuốc trị bệnh sốt rét lâu ngày khí huyết hư nhược, nếu tỳ khí hư nhược, nếu tỳ khí gia Bạch truật, Chích thảo bổ tỳ khí, nếu lách to gia Miết giáp để nhuyễn kiên.

Ngoài ra tùy tình hình bệnh lý có thể gia thêm Hoàng kỳ bổ khí, Ô mai liễm âm.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC SONG GIẢI BIỂU LÝ***

## SONG GIẢI BIỂU LÝ

Song giải biểu lý là những bài thuốc có tác dụng giải biểu vừa có tác dụng trị bệnh ở lý, dùng cho những trường hợp bệnh có hội chứng biểu và hội chứng lý cùng tồn tại.

Những bài thuốc song giải biểu lý thường dùng có:

- Thuốc giải biểu công lý
- Thuốc giải biểu thanh lý
- Thuốc giải biểu ôn lý.

### **A- Giải biểu công lý:**

Bài thuốc Giải biểu công lý là những bài thuốc gồm có những vị thuốc tác dụng Giải biểu và những vị thuốc có tác dụng tả hạ.

Chủ trị các hội chứng bệnh lý bên ngoài có biểu chứng, bên trong có thực nhiệt, tích trệ.

Bài thuốc thường dùng có Phòng phong Thông thần tán, Đại Sài hồ thang.

### **B- Giải biểu thanh lý:**

Là những vị thuốc có tác dụng vừa giải biểu vừa thanh lý, dùng chữa các chứng "biểu kiêm lý nhiệt".

Bài thuốc thường dùng: Cát căn Hoàng cầm Hoàng liên thang.

### **C- Giải biểu ôn lý:**

Là những bài thuốc chữa chứng Biểu lý hàn.

Bài thuốc thường dùng: Ngũ tích tán.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC SONG GIẢI BIỂU LÝ***

## GIẢI BIỂU CÔNG LÝ

Bài thuốc *Giải biểu công lý* là những bài thuốc gồm những vị thuốc có tác dụng giải biểu và những vị thuốc có tác dụng tả hạ.

Chủ trị các hội chứng bệnh lý bên ngoài có biểu chứng, bên trong có thực nhiệt tích trệ.

Bài thuốc thường dùng có:

- Phòng phong Thông thần tán
- Đại Sài hồ thang.

## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU CÔNG LÝ***



## PHÒNG PHONG THÔNG THẦN TÁN (Tuyên minh luận)

### **Thành phần:**

Phòng phong 20g  
Kính giới 20g  
Liên kiều 20g  
Ma hoàng 20g  
Bạc hà 20g  
Xuyên khung 20g  
Đương qui 20g  
Bạch thược (sao) 20g  
Bạch truật 20g  
Hắc chi tử 20g  
Đại hoàng (chưng rượu) 20g  
Mang tiêu 20g  
Thạch cao 40g  
Hoàng cầm 40g  
Cát cánh 40g  
Cam thảo 80g  
Hoạt thạch 120g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 6 - 8g với nước gừng, sắc uống nước nóng, có thể dùng làm thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Sơ phong giải biểu, thanh nhiệt tả hạ.

**Giải thích bài thuốc:**

- Phòng phong, Ma hoàng: sơ phong, giải biểu.
- Đại hoàng, Mang tiêu: thanh nhiệt tả hạ đều là chủ dược.
- Kinh giới, Bạc hà phụ thêm giải biểu.
- Liên kiều, Chi tử, Hoàng cầm, Cát cánh, Thạch cao: thanh tả lý nhiệt.
- Hoạt thạch: thanh lợi thấp nhiệt.
- Xuyên khung, Đương qui, Bạch thược: dưỡng huyết, khu phong.
- Bạch truật: kiện tỳ ích khí.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc này chủ trị các loại cảm, vừa có biểu và lý chứng, đều thuộc thực chứng.

Triệu chứng thường gây sốt, sợ lạnh, đau vầng đầu, mồm đắng khô, đại tiện táo bón, tiểu tiện ít, và rêu vàng nhớt, mạch hồng sắc hoặc huyền hoạt.

*Trên lâm sàng lúc sử dụng bài thuốc này tùy chứng gia giảm:*

1. Nếu chứng biểu không rõ có thể giảm các vị thuốc giải biểu như Ma hoàng, Phòng phong, Kinh giới.
2. Sốt không cao có thể bỏ các loại thuốc thanh nhiệt tả hỏa như Thạch cao.
3. Nếu không có táo bón bỏ Đại hoàng, Mang tiêu.
4. Trường hợp đau đầu nặng, mắt đỏ, mồm khát gia thêm Cúc hoa, Ngưu bàng tử bỏ Bạch truật, Bạch thược.

Trên lâm sàng phạm vi sử dụng bài thuốc khá rộng rãi có tác giả báo cáo dùng bài thuốc chữa chứng đau thần kinh tam thoa, cao huyết áp, đau đầu do xơ mỡ mạch máu, bệnh béo phì, táo bón kinh niên, có kết quả nhất định.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU CÔNG LÝ***

## ĐẠI SÀI HỒ THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Sài hồ 8 - 12g  
Đại hoàng 4 - 8g  
Chế Bán hạ 8 - 12g  
Sinh khương 12 - 16g  
Hoàng cầm 8 - 12g  
Chỉ thực (chích) 8 - 12g  
Bạch thược 8 - 12g  
Đại táo 2 - 4 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hòa giải thiếu dương, tả hạ nhiệt kết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này do bài Tiểu sài hồ thang bỏ Nhân sâm, Cam thảo, gia Đại hoàng, Chỉ thực, Bạch thược.

- Sài hồ, Đại hoàng có tác dụng hòa giải thiếu dương, tả nhiệt dương minh kinh đều là chủ dược.
- Hoàng cầm giúp Sài hồ hòa giải thiếu dương.
- Chỉ thực cùng Đại hoàng thanh tán kết nhiệt ở dương minh.
- Bán hạ, Sinh khương giáng nghịch chỉ ầu, hợp với Đại hoàng, Chỉ thực tăng thêm tác dụng giáng vị khí chỉ ầu.
- Bạch thược hợp với Đại hoàng, Chỉ thực hòa trung trị Phúc thống.
- Đại táo điều hòa các vị thuốc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị chứng Thiếu dương và Dương minh đồng bệnh có các triệu chứng hàn nhiệt vãng lai, ngực sườn đầy tức, nôn khó cầm, bụng trên đầy đau, đại tiện táo bón hoặc nhiệt kết hạ lợi, rêu lưỡi vàng, mạch huyền có lực, thuộc chứng thực nhiệt.

1. Trường hợp táo bón có sẵn nhiệt thịnh phiền táo, mồm khát, lưỡi khô, mặt đỏ, mạch hồng, thực gia thêm Mang tiêu, để tả nhiệt thông tiện.
2. Trường hợp bụng trên đầy đau gia Qua lâu bì để thanh nhiệt hành khí.
3. Trường hợp nói sảng, sốt cao gia Hoàng liên, Sơn chi tử để thanh tả tâm vị nhiệt.
4. Trường hợp Hoàng đản (vàng da) gia Nhân trần cao, Hoàng bá để thanh trừ thấp nhiệt.
5. Trường hợp nôn nhiều gia Tả kim hoàn, Trúc nhự để thanh nhiệt chỉ ẩu.

**Chú ý:** bài thuốc không được dùng nếu không có hội chứng lý thực nhiệt tích trệ.

### **Phụ phương**

#### **PHỨC PHƯƠNG ĐẠI SÀI HỒ THANG**

**(Kinh nghiệm phương)**

#### ***Thành phần:***

Sài hồ 12g  
Hoàng cầm 12g  
Xuyên luyện tử 12g  
Diên hồ sách 12g  
Bạch thược 12g  
Đại hoàng 12g  
Bồ công anh 20g

Chỉ thực 8g

Mộc hương 8g

Sinh Cam thảo 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hòa giải biểu lý, thanh tả nhiệt kết.

**Trị chứng** đau bụng trên hoặc đau bụng dưới bên phải, sôi bụng táo bón, sốt, mạch sắc, rêu lưỡi vàng.

## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU CÔNG LÝ***



## THANH TỤY THANG (Tân biên Trung y học khái yếu)

**Thành phần:**

Sài hồ 20g  
Bạch thược 20g  
Mộc hương 12g  
Diên hồ sách 12g  
Hoàng cầm 12g  
Hồ Hoàng liên 12g  
Đại hoàng 20g  
Mang tiêu 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt tả thực, sơ can lý khí, chỉ thống.

**Chủ trị:** chứng Can khí uất trệ, tỳ vị uất nhiệt, thường gặp trong chứng Viêm tụy cấp.

## ***BÀI THUỐC SONG GIẢI BIỂU LÝ***

## GIẢI BIỂU THANH LÝ

Là những bài thuốc gồm các vị thuốc có tác dụng vừa giải biểu vừa thanh lý, dùng chữa các chứng "biểu kiêm lý nhiệt".

Bài thuốc thường dùng: Cát căn Hoàng cầm Hoàng liên thang.

## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU THANH LÝ***

## CÁT CĂN HOÀNG CẦM HOÀNG LIÊN THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Cát căn 20g  
Hoàng cầm 12g  
Hoàng liên 8g  
Chích thảo 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Giải biểu, thanh nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Cát căn vừa có tác dụng giải biểu, vừa có tác dụng kiện tỳ khí, chữa lỵ, tiêu chảy.
- Hoàng cầm, Hoàng liên: thanh nhiệt ở đại tràng, tính vị đắng, hàn có tác dụng táo thấp, trị cả lỵ.
- Cam thảo: kiện tỳ hòa trung, điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc hợp thành bài thuốc chữa tả lỵ cấp có sốt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng chữa chứng tả lỵ mới mắc còn biểu chứng.

1. Trường hợp bệnh nhân nôn, gia Bán hạ, Gừng tươi cầm nôn; có kèm thực tích gia Sơn tra, Thần khúc, Mạch nha để tiêu tích; bụng đau gia Mộc hương để hành khí chỉ thống. Cũng có thể dùng bài thuốc chữa chứng tả lỵ, sốt mà không có biểu chứng.
2. Đối với viêm ruột cấp, sốt, tiêu chảy, khát, rêu lưỡi vàng, mạch sắc, gia Kim ngân hoa, Xa tiền tử, Râu ngô, Trạch tả để tăng tác dụng thanh nhiệt trừ thấp.

3. Đối với chứng lý cấp, bụng đau, phân có máu mũi, mót rặn, sốt, rêu lưỡi vàng, mạch sắc gia Kim ngân hoa, Lá mơ lông, Chỉ xác để điều khí thanh nhiệt.

**Chú ý:**

- Không dùng đối với chứng tả lý thuộc chứng hư.
- Về lâm sàng có tác giả báo cáo dùng thuốc chữa bệnh thương hàn thời kỳ đầu có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC SONG GIẢI BIỂU LÝ***

## GIẢI BIỂU ÔN LÝ

Là những bài thuốc chữa chứng Biểu lý hàn.

Bài thuốc thường dùng: Ngũ tích tán.



## ***BÀI THUỐC GIẢI BIỂU ÔN LÝ***

## NGŨ TÍCH TÁN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Bạch chỉ 120g  
Xuyên khung 120g  
Chích thảo 120g  
Phục linh 120g  
Đương qui 120g  
Nhục quế 120g  
Bạch thược 120g  
Chế Bán hạ 120g  
Trần bì 240g  
Chỉ xác (sao) 240g  
Ma hoàng 240g  
Thương truật 960g  
Can khương 160g  
Cát cánh 480g  
Hậu phác 160g

**Cách chế và dùng:** Nhục quế, Chỉ xác tán bột riêng, các vị khác trộn lẫn sao chung từ từ cho đổi màu, tán bột thô.

Mỗi lần uống 12g, cho vào 3 lát gừng tươi sắc nước uống nóng.

**Tác dụng:** Tán hàn, giải biểu, ôn trung, tiêu tích.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Ma hoàng, Bạch chỉ: phát hãn giải biểu.

- Can khương, Nhục quế: ôn trung, tán hàn cùng trừ nội ngoại hàn đều là chủ dược.
- Thương truật, Hậu phác: táo thấp kiện tỳ, tiêu thực tích.
- Cát cánh, Chỉ xác: thăng giáng khí, làm tan khí trệ.
- Đương qui, Xuyên khung, Bạch thược: hoạt huyết, tiêu ứ huyết.
- Bán hạ, Trần bì, Bạch linh: táo thấp, hóa đờm, tiêu đờm tích.
- Cam thảo: hòa trung.

Các vị thuốc hợp thành bài thuốc có tác dụng tiêu 5 loại tích: Hàn , Thực, Khí, Huyết, Đàm nên gọi là "Ngũ tích tán".

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chữa chứng biểu lý đều hàn.

Lúc dùng thường tùy chứng gia giảm:

1. Nếu biểu hàn nặng, thay Nhục quế bằng Quế chi.
2. Chứng biểu không rõ, bỏ Ma hoàng, Bạch chỉ. Biểu hư ra mồ hôi bỏ Ma hoàng, Thương truật.
3. Chứng lý hàn nặng gia Ngô thù du. Thương thực nặng gia Sơn tra, Thần khúc, Mạch nha.

Bài thuốc có tác dụng hành khí hòa huyết nên có thể dùng cho bệnh nhân đau kinh, kinh nguyệt không đều, bỏ thuốc giải biểu gia Chế Hương phụ, Diên hồ sách để điều kinh chỉ thống.



## NHỮNG BÀI THUỐC TRỪ THẤP

Bài thuốc trừ thấp gồm những vị thuốc hóa thấp, lợi thấp, hoặc táo thấp có tác dụng hóa thấp, lợi thủy, thông lâm, tả trọc. Dùng trị các chứng thủy thấp ứ đọng trong cơ thể sinh ra thủy thũng, lâm trọc, đàm ẩm, tiết tả, thấp ôn, lung bế (tiểu tiện không thông).

Lúc vận dụng bài thuốc trừ thấp cần chú ý vị trí của bệnh: trên, dưới, ngoài, trong, tính chất hàn nhiệt, hư thực, khí huyết tạng phủ.

- Nếu thấp tà ở phần ngoài và trên chú ý phát để trừ thấp.
- Nếu thấp ở dưới và trong thì ôn dương hành khí để hóa thấp hoặc dùng thuốc ngọt nhạt để lợi thấp.
- Đối với hàn thấp thì dùng phép ôn táo.
- Đối với thấp nhiệt dùng phép thanh lợi, trường hợp thủy thấp ứ đọng thực chứng, dùng công trục, nếu hư chứng cần phò chính.

Bài thuốc trừ thấp phần lớn dễ làm tổn thương tân dịch nên không dùng kéo dài, đối với cơ thể âm hư cần thận trọng lúc dùng.

### A. PHƯƠNG HƯƠNG HÓA THẤP

Bài thuốc *Phương hương hóa thấp* thường bao gồm các vị thuốc: phương hương hóa trọc, ôn đả táo thấp như: Hoắc hương, Bạch đậu khấu, Thương truật, Trần bì ..., dùng cho các chứng: tỳ vị vận hóa kém, thấp thịnh ở trong, gây nên bụng đầy đau, ợ hơi, ợ chua, nôn, buồn nôn, tiêu chảy, ăn ít, người mệt.

Bài thuốc thường dùng có: Hoắc hương chính khí tán, Bình

vị tán.

## **B. THANH NHIỆT HÓA THẤP**

Là những bài thuốc dùng chữa các chứng thấp nhiệt đều nặng, thường gồm các vị thuốc thanh nhiệt lợi thấp và thanh nhiệt táo thấp kết hợp.

## **C. LỢI THỦY THẨM THẤP**

Những bài thuốc *Lợi thủy thẩm thấp* có tác dụng thông lợi tiểu tiện.

Thường gồm các vị thuốc có tính vị ngọt nhạt mà hàn, có tác dụng lợi tiểu tiện để chữa các chứng phù, đái gắt, sạn đường tiết niệu, tiêu chảy.

Thuốc lợi tiểu thường có rất nhiều, dùng các vị Bạch linh, Trư linh, Trạch tả, Thông thảo, Ý dĩ, Đẳng sâm, Xa tiền, Đông qua bì, Râu ngô, Hoạt thạch.

## **D. ÔN DƯƠNG HÓA THẤP**

Bài thuốc *Ôn dương hóa thấp* là những bài thuốc chữa các chứng phù thũng đàm ẩm do tỳ thận dương hư, chức năng vận hóa bài tiết suy giảm sinh ra thủy thấp ứ trệ trong cơ thể, thường gồm các vị thuốc ôn dương lợi thủy hành khí tạo thành.

## **E. TRỪ PHONG THẤP**

Bài thuốc *Trừ phong thấp* chủ yếu dùng để chữa các chứng phong thấp nhiệt tý hoặc hàn tý.

Triệu chứng chủ yếu là đau nhức mình mẩy, lưng gối nhức mỏi, cơ khớp tê dại hoặc sưng nóng đỏ đau, hoạt động khó khăn.

Thuốc trừ phong thấp như Độc hoạt, Tang ký sinh, Khương hoạt, Tần giao, Phòng phong ..., thường dùng chung với thuốc dưỡng huyết, theo nguyên tắc điều trị của Y học cổ truyền là "Trị phong tiên trị huyết, huyết hành phong tự diệt".

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## PHƯƠNG HƯƠNG HÓA THẤP

Bài thuốc *Phương hương hóa thấp* thường bao gồm các vị thuốc: phương hương hóa trọc, ôn đắng táo thấp như: Hoắc hương, Bạch đậu khấu, Thương truật, Trần bì ...

Dùng cho các chứng: tỳ vị vận hóa kém, thấp thịnh ở trong, gây nên bụng đầy đau, ợ hơi, ợ chua, nôn, buồn nôn, tiêu chảy, ăn ít, người mệt.

Bài thuốc thường dùng có:

- Hoắc hương chính khí tán
- Bình vị tán.

## ***BÀI THUỐC PHƯƠNG HƯƠNG HÓA THẤP***

## HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ TÁN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Hoắc hương 12g  
Cát cánh 8 - 12g  
Phục linh 8 - 12g  
Hậu phác (Khương chế) 6 - 10g  
Tô diệp 8 - 12g  
Bạch truật 8 - 12g  
Bán hạ khúc 8 - 12g  
Bạch chỉ 8 - 12g  
Đại phúc bì 8 - 12g  
Trần bì 6 - 12g  
Chích thảo 4g

**Cách chế và dùng:** Tán bột mịn, mỗi lần uống 6 - 12g với nước gừng và Đại táo. Có thể dùng thuốc thang.

**Tác dụng:** Giải biểu, hòa trung, lý khí hóa thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoắc hương tác dụng phương hương hóa thấp, lý khí hòa trung kiêm giải biểu là chủ dược.
- Tô diệp, Bạch chỉ: giải biểu, tán hàn, hóa thấp.
- Hậu phác, Đại phúc bì: trừ thấp, tiêu trệ.
- Bán hạ khúc, Trần bì: lý khí hòa vị, giáng nghịch, chỉ ẩu.
- Cát cánh: tuyên phế, thông lợi thấp trệ.

- Linh, Truật, Thảo, Táo: ích khí kiện tỳ, giúp vận hóa, lợi thấp.

***Tác dụng lâm sàng:***

1. Là bài thuốc được dùng trong trường hợp ngoại cảm, sốt sởi rét, đau đầu, bụng ngực đầy tức đau kèm theo nôn tiêu chảy.
2. Trên lâm sàng thường dùng chữa bệnh viêm đường ruột cấp có triệu chứng biểu hàn nội thấp. Trường hợp làm thuốc thang sắc uống, nếu chứng biểu nặng gia Tô diệp để sơ tán biểu phong, trường hợp thực tích bụng đầy tức bỏ Táo, Cam thảo, Thần khúc, Kê nội kim để tiêu thực, nếu thấp nặng, Mộc thông, Trạch tả để lợi thấp.

## ***BÀI THUỐC PHƯƠNG HƯƠNG HÓA THẤP***

## BÌNH VỊ TÁN (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Thương truật 6 - 12g

Cam thảo (sao) 4g

Hậu phác 4 - 12g

Trần bì 4 - 12g

**Cách dùng:** Các thuốc tán bột mịn mỗi lần uống 6 - 12g với nước sắc gừng 2 lát, Táo 2 quả.

Có thể dùng làm thuốc thang sắc uống, theo nguyên phương, lượng gia giảm.

**Tác dụng:** Kiện tỳ táo thấp, hành khí đạo trệ.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Thương truật: kiện tỳ, táo thấp là chủ dược.
- Hậu phác: trừ thấp, giảm đầy hơi.
- Trần bì: lý khí, hóa trệ.
- Khương, Táo, Cam thảo: điều hòa tỳ vị.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trên lâm sàng dùng chữa chứng tỳ vị thấp trệ có triệu chứng đầy bụng, mồm nhạt, nôn, buồn nôn, chân tay mệt mỏi, đại tiện lỏng, rêu lưỡi trắng nhớt dày.
2. Trường hợp thấp nhiệt nặng gia Hoàng cầm, Hoàng liên, nếu thực tích bụng đầy, đại tiện táo kết gia Đại phúc bì, La bạch tử, Chỉ xác để hạ khí thông tiện.
3. Trường hợp bên trong thấp trệ, thêm ngoại cảm,

triệu chứng có nôn bụng đầy, sốt sợ lạnh, gia Hoắc hương, Chế Bán hạ để giải biểu hóa trọc gọi là bài "Bất hoán kim chính tán" (Hòa tể cục phương).

4. Trường hợp sốt rét (thấp ngược) mình mẩy nặng đau, mạch nhu, lạnh nhiều nóng ít, dùng bài này hợp "Tiểu Sài hồ thang" để trị gọi là bài "Sài bình thang" (Nội kinh thập di phương luận). Bài này gia Tang bạch bì gọi là bài "Đối kim ẩm tử" trị chứng tỳ vị thấp, người nặng da phù.

Trên lâm sàng có báo cáo dùng bài này trị viêm dạ dày mạn tính, đau dạ dày cơ năng, bụng đầy ăn kém, rêu lưỡi trắng dày.

**Chú ý:**

Bài thuốc vị đắng cay, ôn táo dễ tổn thương tân dịch, âm huyết, nên dùng thận trọng đối với phụ nữ có thai.

## ***BÀI THUỐC PHƯƠNG HƯƠNG HÓA THẤP***



## TAM NHÂN THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Hạnh nhân 8 - 12g  
Bạch đậu khấu 6 - 8g  
Hoạt thạch phi 12 - 24g  
Ý dĩ nhân 12 - 24g  
Bạch thông thảo 4 - 8g  
Chế Bán hạ 6 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 3 lần/ ngày.

**Tác dụng:** Tuyên thông khí cơ, thanh lợi thấp nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hạnh nhân vị cay đắng khai thông phế khí.
- Bạch đậu khấu: vị cay đắng hóa thấp lợi tỳ.
- Ý dĩ nhân: ngọt nhạt, thanh lợi thấp nhiệt ở hạ tiêu đều là chủ dược.
- Bán hạ, Hậu phác: trừ thấp, tiêu trệ.
- Thông thảo, Hoạt thạch, Trúc diệp: thanh lợi thấp nhiệt.

Các vị thuốc hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng sơ lợi khí cơ, tuyên thông tam tiêu, thấp nhiệt tiêu tán, bệnh ắt phải khỏi.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Là một bài thuốc chữa thấp ôn, bệnh ở phần khí, thấp nặng hơn nhiệt.
2. Trường hợp thấp nhiệt đều nặng gia Liên kiều, Hoàng cầm để thanh nhiệt, nếu còn triệu chứng biểu như sợ lạnh, gia Hương nhu, Thạch cao để giải biểu; có hàn

nhật vãng lai gia Thảo quả, Thanh cao để thoái hàn  
nhật.

Một số báo cáo lâm sàng cho biết sử dụng bài thuốc gia giảm  
chữa các chứng thương hàn, viêm ruột dạ dày, viêm thận có  
kết quả tốt.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

***BÀI THUỐC TRỪ THẤP***

## THANH NHIỆT HÓA THẤP

Là những bài thuốc dùng chữa các chứng thấp nhiệt đều nặng.

Thường gồm các vị thuốc thanh nhiệt lợi thấp và thanh nhiệt táo thấp kết hợp.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA THẤP***

## NHÂN TRẦN CAO THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Nhân trần cao 12 - 24g

Chi tử 8 - 16g

Đại hoàng 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 3 lần/ngày.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt lợi thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Nhân trần: thanh can đởm uất nhiệt, lợi thấp thoái hoàng, thuốc chuyên trị hoàng đản là chủ dược.
- Chi tử: thanh lợi thấp nhiệt ở tam tiêu.
- Đại hoàng: tả uất nhiệt.
- Nhân trần phối hợp với Chi tử cho thấp nhiệt ra bằng đường tiểu, Nhân trần hợp với Đại hoàng làm cho thấp nhiệt ra bằng đường đại tiện.

Vì thế mà bài thuốc chữa Hoàng đản rất tốt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Là bài thuốc chủ yếu trị chứng Hoàng đản. Nhưng Hoàng đản có "Âm hoàng" và "Dương hoàng".

Dương hoàng là do thấp nhiệt mà âm hoàng là do hàn thấp. Vì Nhân trần dùng trị Dương hoàng thì phối hợp với Chi tử, Hoàng bá. Nếu trị Âm hoàng thì phối hợp với Phụ tử, Can khương.

2. Bài thuốc trị viêm gan virus cấp là chủ yếu, nếu là viêm hoặc sỏi túi mật, bệnh xoắn trùng gây nên

chứng vàng da thì tùy chứng sử dụng có gia giảm.

3. Trường hợp sốt sợ lạnh, đau đầu, gia Sài hồ, Hoàng cầm để hòa giải thoái nhiệt; nếu táo bón gia thêm Chỉ thực hoặc tăng lượng Đại hoàng để tả nhiệt thông tiện; nếu tiểu tiện đỏ, ít thêm Xa tiền thảo, Kim tiền thảo, Trạch tả, Hoạt thạch để tăng tác dụng thanh nhiệt, lợi tiểu; nếu sườn bụng đầy đau gia Uất kim, Chỉ xác, Xuyên luyện tử để sơ can chỉ thống.
4. Trường hợp sốt nặng gia Hoàng bá, Long đởm thảo để tăng tác dụng thanh nhiệt.
5. Trong bài thuốc, nếu táo bón dùng Đại hoàng để công hạ thì cho vào sau; nếu dùng thanh uất nhiệt thì cùng sắc chung.

### **Phụ phương**

### **CHI TỬ BÁ BÌ THANG**

#### **(Thương hàn luận)**

#### **Thành phần:**

Chi tử 8 - 12g

Chích thảo 3 - 4g

Hoàng bá 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Chủ trị:** chứng hoàng đản nhiệt nặng hơn thấp.

(Có sách Y tông kim giám viết: trong bài Chi tử bá bì thang không phải là Cam thảo mà là Nhân trần, tất có sự nhầm lẫn?).

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA THẤP***



## **BÁT CHÍNH TÁN** **(Hòa tể cục phương)**

### ***Thành phần:***

Mộc thông  
Cù mạch  
Xa tiền tử  
Biển súc  
Hoạt thạch  
Chích thảo  
Sơn Chi tử  
Đại hoàng  
(Lượng bằng nhau).

***Cách dùng:*** Tán bột mịn, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sắc Đẳng tâm, có thể làm thuốc thang sắc uống.

***Tác dụng:*** Thanh nhiệt tả hỏa, lợi tiểu thông lâm.

***Giải thích bài thuốc:*** Bài thuốc chủ trị chứng lâm do thấp nhiệt nên trong bài:

- Cù mạch: có tác dụng lợi thủy thông lâm, thanh nhiệt lương huyết.
- Mộc thông: lợi thủy, giáng hỏa là chủ dược.
- Biển súc, Xa tiền tử, Hoạt thạch, Đẳng tâm: thanh nhiệt lợi thấp thông lâm.
- Chi tử, Đại hoàng: thanh nhiệt tả hỏa.
- Cam thảo điều hòa các vị thuốc.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Là bài thuốc chính trị các chứng nhiệt lâm, thạch lâm,

các chứng lâm sàng: tiểu gắt, ít, đau, tiểu nhiều lần, bụng dưới đầy, mồm táo, họng khô, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch sắc có lực.

2. Trên lâm sàng dùng bài thuốc chữa các bệnh viêm bàng quang, viêm niệu đạo, sỏi đường tiết niệu, sỏi đường niệu có hội chứng thấp nhiệt, chứng thực. Trường hợp tiểu máu gia Tiểu kế, Hận liên thảo, Bạch mao căn để lương huyết chỉ huyết; nếu sạn tiết niệu gây đau gia Hải kim sa, Kim tiền thảo, Kê nội kim để thông lâm hóa thạch; tiêu lỏng bỏ Đại hoàng.
3. Có thể dùng chữa các bệnh viêm cầu thận cấp, viêm thận bể thận cấp có hội chứng thấp nhiệt để thanh nhiệt, lợi tiểu tiêu phù.
4. Bài thuốc có chỉ định chính là chứng lâm thực nhiệt; nếu chứng lâm để lâu ngày cơ thể hư cần thận trọng chú ý mặt phò chính và gia giảm cho thích hợp.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA THẤP***

## TUYÊN TÝ THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Mộc Phòng kỷ 10 - 20g  
Liên kiều 8 - 12g  
Chế Bán hạ 8 - 12g  
Hạnh nhân 8 - 16g  
Chi tử 8 - 12g  
Xích tiểu đậu 12 - 24g  
Hoạt thạch 12 - 20g  
Ý dĩ nhân 12 - 20g  
Tầm sa 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Thanh lợi thấp nhiệt, tuyên thông kinh lạc.

**Giải thích bài thuốc:** Bài thuốc chữa chứng thấp nhiệt uất bế tại kinh lạc.

- Mộc Phòng kỷ thanh nhiệt lợi thấp, thông lạc chỉ thống là chủ dược.
- Tầm sa, Ý dĩ nhân: hành tỳ trừ thấp, thông lợi quan tiết.
- Liên kiều, Chi tử, Hoạt thạch, Xích tiểu đậu: thanh nhiệt lợi thấp tăng thêm tác dụng thanh nhiệt lợi thấp của chủ dược, án hạ táo thấp hóa trọc.
- Hạnh nhân: tuyên phế lợi khí đều được dùng làm sứ dược theo nguyên tắc: "*Phế chủ khí, khí hóa tắc thấp hóa*".

Các vị hợp thành một bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt, lợi thấp, tuyên tý, chỉ thống.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc thường dùng được chữa chứng thấp nhiệt tý biểu hiện các khớp đau sưng nóng, co duỗi khó khăn, tiểu tiện vàng ít, chất lưỡi đỏ, rêu vàng nhớt.
2. Nếu đau nhiều gia Khương hoàng, Hải đồng bì, Tang chi để tăng thông lạc chỉ thống.
3. Có tác giả dùng bài Tuyên tý thang hợp Nhị diệu tán chữa thấp khớp cấp các khớp sưng nóng đỏ đau có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA THẤP***

## NHỊ DIỆU TÁN (Đan Khê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Hoàng bá (sao)

Thương truật (ngâm nước gạo sao)

Lượng bằng nhau.

**Cách dùng:** Thuốc tán bột mịn trộn đều, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi để nguội hoặc làm thuốc thang, tùy tình hình bệnh lý có gia giảm kết hợp với các vị thuốc khác.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt táo thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc dùng để chữa chứng thấp nhiệt ở hạ tiêu.

- Hoàng bá: đắng hàn, thanh nhiệt.
- Thương truật: đắng ôn táo thấp.

Hai vị hợp lại có tác dụng thanh nhiệt táo thấp rất tốt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc dùng để chữa chứng thấp, gối, căng chân, bàn chân sưng đau nóng đỏ hoặc chứng thấp sang lở, chứng bạch đới âm đạo nóng đỏ, kết hợp với các vị thuốc thanh nhiệt giải độc như Kim ngân hoa, Thổ phục linh, Ngư tinh thảo, Hạ khô thảo.
2. Đối với chứng cước khí do thấp nhiệt tụ ở hạ tiêu gia Ngưu tất, Xích tiểu đậu, Ý dĩ nhân, Mộc qua để kiện tỳ thông lợi kinh mạch.
3. Trường hợp lưng gối đau nhiều gia Ngưu tất, Mộc qua, Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tần giao để tư cân trừ thấp, thông mạch chỉ thống.

4. Trường hợp bệnh đới hạ do thấp nhiệt khí hư ra nhiều màu vàng đặc ngứa gia Kim ngân hoa, Thổ phục linh, Hạ khô thảo, Khiếm thực, Bạch chỉ, Xà sàng tử để tăng tác dụng thanh nhiệt, giải độc táo thấp chỉ dưỡng.
5. Bài thuốc gia:
  - Ngưu tất gọi là TAM DIỆU HOÀN (Y học chính truyền).
  - Bình lang gọi là bài TAM DIỆU TÁN (Y tông kim giám) dùng ngoài đắp chàm lở, có tác dụng thanh nhiệt táo thấp giảm ngứa.



***BÀI THUỐC TRỪ THẤP***

## LỢI THỦY THẨM THẤP

Những bài thuốc *Lợi thủy thẩm thấp* có tác dụng thông lợi tiểu tiện.

Thường gồm các vị thuốc có tính vị ngọt nhạt mà hàn, có tác dụng lợi tiểu tiện để chữa các chứng phù, đái gắt, sạn đường tiết niệu, tiêu chảy.

Thuốc lợi tiểu thường có rất nhiều, dùng các vị Bạch linh, Trư linh, Trạch tả, Thông thảo, Ý dĩ, Đẳng tâm, Xa tiền, Đông qua bì, Râu ngô, Hoạt thạch.

## ***BÀI THUỐC LỢI THỦY THẨM THẤP***

## NGŨ LINH TÁN (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Trư linh 12 - 18g

Bạch linh 12 - 18g

Trạch tả 12 - 20g

Bạch truật 12 - 18g

Quế chi 4 - 8g

**Cách dùng:** Các vị tán bột mịn, mỗi lần uống 6 - 12g, ngày 2 lần với nước sôi ấm. Có thể sắc thuốc thang uống, có gia giảm tùy chứng.

**Tác dụng:** Thông dương lợi thủy, kiện tỳ trừ thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bạch linh, Trư linh, Trạch tả: tính vị ngọt, hơi hàn có tác dụng thẩm thấp lợi tiểu là chủ dược.
- Bạch truật: kiện tỳ, táo thấp.
- Quế chi: cay ôn, giúp bàng quang khí hóa, giúp cho các vị thuốc tăng tác dụng lợi tiểu.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng thường dùng để trị các chứng tiểu tiện không thông lợi gây nên phù, tùy tình hình bệnh lý mà gia giảm:

1. Trường hợp do tỳ vị tổn thương, đại tiện lỏng, tiểu tiện ít, lúc dùng bỏ Quế chi là bài TỨ LINH TÁN (Minh y chỉ trần).
2. Nếu phù nặng, gia Tang bạch bì, Trần bì, Đại phúc

bì để tăng tác dụng hành khí lợi thủy tiêu phù.

3. Lúc trị thấp nhiệt, hoàng đản, tiểu tiện ít, thấp thắng gia thêm Nhân trần cao gọi là NHÂN TRẦN NGŨ LINH TÁN (Kim quỹ yếu lược).
4. Trường hợp thực, bụng đầy, đau, tiêu chảy, tiểu tiện ít, dùng bài này kết hợp với bài Bình vị tán gọi là bài VỊ LINH THANG (Đơn Khê tâm pháp).

## ***BÀI THUỐC LỢI THỦY THẨM THẤP***

## NGŨ BÌ ẨM (Trung tàng kinh)

### **Thành phần:**

Tang bạch bì  
Trần quất bì  
Sinh khương bì  
Đại phúc bì  
Bạch linh bì  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Chế thành bột mịn, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi để nguội.

Có thể sắc thuốc thang uống, liều lượng tùy chứng gia giảm.

**Tác dụng:** Kiện tỳ hóa thấp, lý khí tiêu phù.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc còn có tên NGŨ BÌ TÁN có tác dụng chữa các chứng tỳ hư thấp trệ, thủy ứ.

- Trần bì: lý khí, kiện tỳ.
- Bạch linh bì: thẩm thấp, kiện tỳ đều là chủ dược.
- Tang bạch bì: thông giáng phế khí làm cho thủy đạo được thông điều.
- Đại phúc bì: hành khí tiêu đầy, hóa thấp.
- Vỏ Gừng (Sinh khương bì) tiêu tán thủy khí.

Cả 5 vị thuốc đều dùng vỏ nên gọi là Ngũ bì ẩm.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trường hợp ngoại cảm phong tà, phù từ thất lưỡng trở lên gia thêm Tô diệp, Kinh giới, Bạch chỉ để khu phong tán thấp. Nếu thấp nhiệt ở dưới phù từ thất lưỡng trở xuống nặng gia Trạch tả, Xa tiền tử, Phòng kỷ để thanh lợi thấp nhiệt. Nếu trường vị tích trệ, đại tiện không thông, gia Đại hoàng, Chỉ thực để đạo trệ thông tiện; bụng đầy tức gia La bạc tử, Hậu phác, Mạch nha để hành khí tiêu trệ. Trường hợp cơ thể suy nhược, gia Đảng sâm, Bạch truật để bổ khí, kiện tỳ. Nếu hàn thấp nặng, thận dương hư gia Can khương, Phụ tử, Nhục quế để bổ dương khu hàn.
2. Trường hợp phù ở phụ nữ có thai là do tỳ hư thấp nặng, bỏ Tang bì gia Bạch truật để kiện tỳ trừ thấp an thai, tiêu phù có tên là TOÀN SINH BẠCH TRUẬT TÁN (Phụ nhân lương phương).
3. Trên lâm sàng bài thuốc dùng có kết quả đối với các bệnh nhân viêm cầu thận cấp mạn, phù do suy tim. Trường hợp phù nặng cần kết hợp với bài Ngũ linh tán, nếu kèm phế nhiệt hợp với bài Tả bạch tán.
4. Sách Ma khoa hoạt nhân toàn thư có bài Ngũ bì ẩm dùng vị Ngũ gia bì thay Tang bạch bì có tác dụng lợi thủy thấp thông kinh lạc dùng trị sưng phù trong bệnh phong thấp.
5. Sách Hòa tể cục phương có bài Ngũ bì ẩm dùng Ngũ gia bì, Địa cốt bì thay Tang bạch bì, Trần bì dùng trong trường hợp sưng đau khớp lâu ngày có hư nhiệt (Địa cốt bì trừ hư nhiệt).





## ***BÀI THUỐC LỢI THỦY THẨM THẤP***

## PHÒNG KỶ HOÀNG KỶ THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Phòng kỷ 8 - 12g  
Hoàng kỳ 12 - 24g  
Cam thảo (sao) 4g  
Bạch truật 8 - 12g  
Sinh khương 2 - 3 lát  
Đại táo 2 - 3 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ khí, kiện tỳ lợi thủy, tiêu phù.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc dùng trị phong thủy, thấp tý thuộc chứng biểu hư thấp nặng nên phép chữa là bổ khí, cố biểu, kiện tỳ, lợi thấp.

Trong bài:

- Phòng kỷ: khu lợi thấp thông tý.
- Hoàng kỳ: ích khí cố biểu, cả hai đều là chủ dược.
- Bạch truật: kiện tỳ trừ thấp tăng thêm tác dụng lợi thủy.
- Cam thảo: kiện tỳ hòa trung.
- Gừng, Táo: điều hòa vinh vệ.

Các vị thuốc hợp lại phát huy tốt tác dụng bổ khí kiện tỳ, lợi tiểu, tiêu phù.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc chủ trị chứng phong thủy có triệu chứng ra mồ hôi, sợ gió, toàn thân phù nặng nề, tiểu ít, lưỡi nhợt, rêu trắng, mạch phù và chứng thấp tỷ, chân tay nặng nề đại.
2. Trường hợp kèm đau bụng gia Bạch thược, Chế Hương phụ; khó thở gia Tế tân, Ma hoàng để tán hàn giáng khí bình suyễn. Tức nặng bụng, ngực gia Trần bì, Chỉ xác, Tô diệp. Phù nặng phần lưng chân nhiều gia Phục linh, Thương truật.

***BÀI THUỐC TRỪ THẤP***

## ÔN DƯƠNG HÓA THẤP

Bài thuốc *Ôn dương hóa thấp* là những bài thuốc chữa các chứng phù thũng đàm ẩm do tỳ thận dương hư, chức năng vận hóa bài tiết suy giảm sinh ra thủy thấp ứ trệ trong cơ thể

Thường gồm các vị thuốc ôn dương lợi thủy hành khí tạo thành.

## ***BÀI THUỐC ÔN DƯỠNG HÓA THẤP***

## LINH QUẾ TRUẬT CAM THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Bạch linh 12 - 16g  
Quế chi 8 - 10g  
Bạch truật 12g  
Chích thảo 4 - 6g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Kiện tỳ thẩm thấp, ôn hóa đàm ẩm.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bạch linh: kiện tỳ, thẩm thấp, lợi thủy là chủ dược.
- Quế chi: thông dương, ôn hóa thủy ẩm.
- Bạch truật: kiện tỳ táo thấp.
- Cam thảo: bổ tỳ ích khí, điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng đàm ẩm, có triệu chứng lâm sàng: ngực sườn đau, chóng mặt hồi hộp hoặc ho, khó thở, rêu lưỡi trắng, mạch hoạt huyền, hoạt, hoặc trầm khẩn.

1. Trường hợp nôn ra đàm nước gia Khương Bán hạ để ôn hóa hàn đàm, giáng nghịch chỉ ầu; đờm nhiều gia Trần bì lý khí hóa đàm; nếu tỳ hư gia Đảng sâm ích khí bổ tỳ.
2. Trường hợp thấp tả do tỳ dương hư kết hợp với Bình vị tán để tán thấp chỉ tả.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC ÔN DƯƠNG HÓA THẤP***

## THỰC TỶ ÂM (Tế sinh phương)

### **Thành phần:**

Phục linh 12 - 16g  
Can khương 4 - 8g  
Thảo quả 8 - 12g  
Chế Phụ tử 4 - 12g  
Hậu phác 4 - 8g  
Mộc hương 4 - 8g  
Đại phúc bì 4 - 8g  
Bạch truật 8 - 12g  
Binh lang 4 - 12g  
Mộc qua 8 - 12g  
Chích thảo 4g  
Sinh khương 3 lát  
Đại táo 3 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 2 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Ôn dương kiện tỳ, hành khí lợi thủy.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc có tác dụng ôn tỳ dương là chính nên có tên là THỰC TỶ ÂM.

Trong bài:

- Bạch truật, Phụ tử, Can khương, Cam thảo: ôn dương, kiện tỳ, trừ hàn thấp đều là chủ dược.
- Hậu phác, Binh lang, Thảo quả, Mộc hương, Đại

phúc bì: các vị thuốc đều có tác dụng hành khí lợi thủy làm cho tiêu trướng đầy ở ngực bụng giảm, phù nề toàn thân.

- Khương, Táo: tăng tác dụng kiện tỳ.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ yếu chữa chứng phù do tỳ thận dương hư, hàn thấp ứ trệ, phù toàn thân phần dưới nhiều hơn kèm theo bụng đầy trướng, chân tay lạnh, tiêu lỏng, tiểu trong, rêu lưỡi dày nhuận, mạch trầm trì.

Trên lâm sàng có thể dùng bài thuốc chữa viêm thận mạn, phù do suy tim thuộc chứng tỳ thận dương hư, có phối hợp với Ngũ linh tán.

## ***BÀI THUỐC ÔN DƯƠNG HÓA THẤP***

## TỖ GIẢI PHÂN THANH ẨM (Đan Khê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Xuyên Tỳ giải

Ô dược

Ích trí nhân

Thạch xương bồ

(Lượng bằng nhau).

(Có bài thêm: Phục linh, Cam thảo).

**Cách dùng:** Tán bột mịn, mỗi lần uống 8 - 12g, cho tỳ muối sắc nước uống nóng. Nếu dùng thuốc thang sắc uống tùy tình hình bệnh mà gia giảm.

**Tác dụng:** Ôn thận lợi thấp, phân thanh khử trọc.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng cao lâm (đái nhiều lần nước tiểu đục có chất nhờn).

Trong bài:

- Xuyên Tỳ: giải lợi thấp, trị tiểu đục là chủ dược.
- Ích trí nhân: ôn thận dương, làm giảm bớt lần tiểu tiện.
- Ô dược: ôn thận hóa khí.
- Thạch xương bồ: hóa trọc, thông khiếu.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Nếu có triệu chứng tỳ hư gia Đảng sâm, Bạch truật, Phục linh, Chích thảo để kiện tỳ lợi thủy.

2. Trường hợp phụ nữ hàn thấp khí hư ra nhiều, gia Thục Phụ tử, Nhục quế, Thỏ ty tử, Thương truật, Phục linh.
3. Có bài khác cũng có tên Tỳ giải phân thanh ẩm nhưng bỏ Ích trí nhân, Ô dước gia Hoàng bá, Phục linh, Bạch truật, Liên tử tâm, Xa tiền tử tác dụng chủ yếu là thanh lợi thấp nhiệt cần chú ý phân biệt.
4. Có báo cáo lâm sàng dùng bài này gia Lục vị địa hoàng hoàn bỏ Ô dước gia Hoàng bá trị viêm tuyến tiền liệt thuộc thể thận âm hư có kết quả tốt. Nếu thuộc thận dương hư gia Bát vị.

***BÀI THUỐC TRỪ THẤP***



## TRỪ PHONG THẤP

Bài thuốc *Trừ phong thấp* chủ yếu dùng để chữa các chứng phong thấp nhiệt tý hoặc hàn tý.

Triệu chứng chủ yếu là đau nhức mình mẩy, lưng gối nhức mỏi, cơ khớp tê dại hoặc sưng nóng đỏ đau, hoạt động khó khăn.

Thuốc trừ phong thấp như Độc hoạt, Tang ký sinh, Khương hoạt, Tần giao, Phòng phong ....

Thường dùng chung với thuốc dưỡng huyết, theo nguyên tắc điều trị của Y học cổ truyền là "Trị phong tiên trị huyết, huyết hành phong tự diệt".



## ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG (Thiên kim phương)

### **Thành phần:**

Độc hoạt 8 - 12g  
Phòng phong 8 - 12g  
Bạch thược 12 - 16g  
Đỗ trọng 12 - 16g  
Phục linh 12 - 16g  
Tang ký sinh 12 - 24g  
Tế tân 4 - 8g  
Xuyên khung 6 - 12g  
Ngưu tất 12 - 16g  
Chích thảo 4g  
Tần giao 8 - 12g  
Đương qui 12 - 16g  
Địa hoàng 16 - 24g  
Đẳng sâm 12 - 16g  
Quế tâm 4g

**Cách dùng:** Sắc nước uống chia 2 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Trừ phong thấp, giảm đau, dưỡng can thận, bổ khí huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Độc hoạt, Tang ký sinh: khu phong trừ thấp, dưỡng huyết hòa vinh, hoạt lạc thông tý là chủ dược.
- Ngưu tất, Đỗ trọng, Thục địa: bổ ích can thận,

cường cân tráng cốt.

- Xuyên khung, Đương qui, Thược dược: bổ huyết, hoạt huyết.
- Đảng sâm, Phục linh, Cam thảo: ích khí kiện tỳ đều có tác dụng trợ lực trừ phong thấp.
- Quế tâm: ôn Can kinh.
- Tần giao, Phòng phong: phát tán phong hàn thấp.

Các vị thuốc hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng vừa trị tiêu, vừa trị bản, vừa phò chính khu tà, là một phương thường dùng đối với chứng phong hàn thấp tý.

#### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Trường hợp chứng hàn tý lâu ngày, dùng bài thuốc cần gia thêm Xuyên ô, Thiên niên kiện, Bạch hoa xà để thông kinh lạc, trừ hàn thấp.
2. Trường hợp viêm khớp mạn tính đau lưng, đau khớp lâu ngày, đau thần kinh tọa thuộc chứng thận hư, khí huyết bất túc dùng bài này gia giảm có kết quả tốt.

#### **Phụ phương:**

#### **TAM TÝ THANG**

#### **(Phụ nhân lượng phương)**

Tức bài Độc hoạt ký sinh thang bổ Tang ký sinh gia Hoàng kỳ, Tục đoạn, Gừng tươi sắc nước uống.

Có tác dụng ích Can thận, bổ khí huyết, trừ phong thấp.

## ***BÀI THUỐC TRỪ PHONG THẤP***

## QUYÊN TÝ THANG (Bách nhất uyển phương)

**Thành phần:**

Khương hoạt 15 - 20g

Khương hoàng 15 - 20g

Đương qui (tẩm rượu) 15 - 20g

Hoàng kỳ (mật sao) 15 - 20g

Xích thực 15 - 20g

Phòng phong 15 - 20g

Chích thảo 4g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột, mỗi lần uống 12 - 16g sắc với nước gừng tươi.

**Tác dụng:** Ích khí hoạt huyết, khu phong trừ thấp.

## ***BÀI THUỐC TRỪ PHONG THẤP***

## TIÊU PHONG TÁN (Y tôn Kim giám)

### **Thành phần:**

Kinh giới 4g  
Phòng phong 4g  
Đương qui 4g  
Sinh địa 4g  
Khổ sâm 4g  
Thương truật (sao) 4g  
Thuyền thoái 4g  
Hồ Ma nhân 4g  
Ngưu bàng tử (sao) 4g  
Tri mẫu 4g  
Thạch cao (nung) 4g  
Cam thảo sống 2g  
Mộc thông 2g

**Cách dùng:** sắc nước uống lúc bụng đói.

**Tác dụng:** Sơ phong tiêu sưng, thanh nhiệt trừ thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Kinh giới, Phòng phong, Ngưu bàng tử, Thuyền thoái: giải phong thấp ở biểu là chủ dược.
- Thương truật: vị cay, tính đắng ôn, tán phong trừ thấp.
- Khổ sâm: đắng hàn, thanh nhiệt táo thấp.
- Mộc thông: thanh lợi thấp nhiệt.



- Thạch cao, Tri mẫu: thanh nhiệt tả hỏa.
- Đương qui: hòa vinh, hoạt huyết.
- Sinh địa: thanh nhiệt lương huyết.
- Hồ ma nhân: dưỡng huyết nhuận táo.
- Cam thảo: giải nhiệt, hòa trung.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc dùng trong các trường hợp thấp chẩn, phong chẩn ngứa chảy nước, rêu lưỡi trắng hoặc vàng, mạch phù có lực.
2. Trường hợp phong độc thịnh gia Ngân hoa, Liên kiều để sơ phong thanh nhiệt giải độc. Huyết nhiệt thịnh gia Xích thược, Tử thảo thanh nhiệt lương huyết. Thấp nhiệt thịnh gia Địa phụ tử, Xa tiền tử để thanh nhiệt lợi thấp.
3. Bài này có thể dùng để chữa các chứng sang lở ở đầu, chàm lở ngứa nhiều có kết quả tốt, thường dùng kết hợp với thuốc bôi ngoài có tác dụng thanh nhiệt giải độc trừ thấp.

## ***BÀI THUỐC TRỪ PHONG THẤP***

## TRƯỚC TÝ THANG (Y học tâm ngộ)

### **Thành phần:**

Khương hoạt 12g  
Độc hoạt 12g  
Quế chi 8 - 12g  
Xuyên khung 8 - 12g  
Hải phong đẳng 40g  
Tần giao 12g  
Chích thảo 6g  
Nhũ hương 4 - 8g  
Đương quy 12g  
Tang chi 40g  
Mộc hương 6 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống chia 2 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Khu phong trừ thấp, chữa bệnh tý.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng phong hàn thấp tý, chân tay mình mẩy đau, khớp xương đau nhức hoặc tê sưng.

Trong bài:

- Khương hoạt, Độc hoạt, Hải phong đẳng, Tang chi, Tần giao, Quế chi có tác dụng khu phong, trừ hàn thấp là chủ dược.
- Phụ thêm: Đương quy, Xuyên khung, Nhũ hương, Mộc hương có tác dụng hoạt huyết lý khí để giảm đau.

- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc này chủ yếu chữa chứng đau thấp do hàn thấp tý.

1. Nếu thuộc phong tý (đau các khớp di chuyển) gia Phòng phong.
2. Nếu thiên về hàn tý nặng (đau nhức nhiều) gia Chế Phụ tử.
3. Nếu thiên về thấp nặng (các khớp sưng phù, chân tay nặng nề) gia Phòng kỷ, Thương truật, Ý dĩ nhân.
4. Nếu chi trên đau nhiều gia Uy linh tiên; nếu chi dưới đau nhiều gia Ngưu tất, Tục đoạn

## ***BÀI THUỐC TRỪ PHONG THẤP***

## Ý DĨ NHÂN THANG

### **Thành phần:**

Ma hoàng 4g  
Đương qui 4g  
Bạch truật 4g  
Ý dĩ nhân (8 - 10g)  
Quế chi 3g  
Thược dược 3g  
Cam thảo 2g.

**Công dụng:** Trị đau khớp, đau cơ.

Theo Chẩn liệu y điển: thuốc được dùng trong trường hợp bệnh thấp khớp đã bước sang giai đoạn bán cấp và giai đoạn mạn tính. Thuốc cũng được dùng trị thấp khớp và viêm khớp và cũng được ứng dụng trị viêm khớp dạng lao, thấp cơ, cước khí.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này thường được dùng trong trường hợp bệnh thấp khớp đã sang giai đoạn bán cấp và mạn tính.

Thuốc dùng cho những người bệnh trạng nặng hơn trong các bài Ma hoàng gia Truật thang, Ma hạnh cam thang.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## THUỐC TRỊ PHONG

Bài thuốc Trị phong gồm có 2 loại: Sơ tán ngoại phong và Bình tức nội phong.

**1- NGOẠI PHONG:** là chỉ những hội chứng bệnh lý do cảm thụ phong tà tại kinh lạc, cơ nhục, gân cốt các khớp gây nên.

Triệu chứng thường thấy là: chân tay tê dại, kinh mạch đau giật, co duỗi khó khăn hoặc mồm mắt méo xệch. Cùng với chứng uốn ván gây nên cắn khẩu, chân tay co cứng, lưng đờn gánh.

**2- NỘI PHONG:** thường do thận thủy bất túc, vinh huyết hư kém hoặc nhiệt thịnh thương âm, can phong nội động, khí huyết nghịch loạn gây nên đột quy, bất tỉnh nhân sự, mồm mắt méo xệch, bán thân bất toại, hoặc co giật chân tay.

Đối với ngoại phong thì phải sơ tán.

Đối với nội phong thì phải bình can tức phong.



## SƠ TÁN NGOẠI PHONG

Những bài thuốc Sơ tán ngoại phong thường gồm các vị thuốc ôn táo như: Xuyên khung, Khương hoạt, Độc hoạt, Phòng phong, Bạch chỉ, Kinh giới, Bạch phụ tử, Nam tinh .

Những bài thuốc thường dùng có:

- Xuyên khung trà điều tán.
- Ngọc chân tán.
- Tiểu hoạt lạc đơn.

## ***BÀI THUỐC SƠ TÁN NGOẠI PHONG***

## XUYÊN KHUNG TRÀ ĐIỀU TÁN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Xuyên khung 8g

Bạc hà 20 - 32g

Tế tân 4 - 6g

Cam thảo 4 - 6g

Khương hoạt 6 - 8g

Phòng phong 6 - 8g

Kinh giới 8 - 16g

Bạch chỉ 8 - 12g

**Cách dùng:** Thuốc tán bột mịn, mỗi lần uống 6 - 8g với nước trà, ngày uống 2 lần. Có thể dùng thuốc thang sắc uống

**Tác dụng:** Khu phong tán hàn, trị đau đầu.

### **Giải thích bài thuốc:**

Là bài thuốc sơ tán phong hàn, trị đau đầu là chính.

Trong bài:

- Xuyên khung chuyên trị đau đầu kinh Thiếu dương (hai bên đầu, gáy đau). Khương hoạt chuyên trị đau đầu kinh Thái dương (đau ở gáy và trước trán). Bạch chỉ chuyên trị đau đầu kinh Dương minh (đau vùng trước lông mày và trán) đều là chủ dược.
- Tế tân, Bạc hà, Kinh giới, Phòng phong: sơ tán phong tà ở trên trợ giúp các thuốc trên phát huy tác dụng.

- Cam thảo: hòa trung, ích khí, điều hòa các vị thuốc.
- Trà diệp tính đắng hàn điều hòa bớt tính ôn táo các vị thuốc.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc có nhiều vị tân ôn, sơ phong tán hàn có chỉ định tốt với bệnh ngoại cảm đau đầu. Thiên về phong hàn thường gia thêm các vị Gừng tươi, Tô diệp để tăng thêm tác dụng khu phong hàn trị đau đầu. Có thể sử dụng chữa chứng viêm mũi mạn tính gây đau đầu, trị chứng đau nửa đầu có kết quả nhất định.
2. *Chú ý:* Trường hợp đau đầu lâu ngày khí huyết hư hoặc do can thận bất túc không nên dùng.

## ***BÀI THUỐC SƠ TÁN NGOẠI PHONG***

## TIÊU HOẠT LẠC ĐƠN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Chế Xuyên ô 240g

Chế Thảo ô 240g

Địa long 240g

Chế Nam tinh 240g

Nhũ hương 88g

Một dược 88g

**Cách dùng:** Tán bột mịn, dùng rượu để làm hoàn, mỗi hoàn nặng 4g, mỗi lần uống một hoàn. Ngày uống 1 - 2 lần lúc đói với rượu.

**Tác dụng:** Ôn kinh hoạt lạc, khu phong trừ thấp, trừ đờm trọc ứ.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Xuyên ô, Thảo ô: thông kinh hoạt lạc, ôn tán phong hàn thấp là chủ dược.
- Nam tinh: táo thấp, hoạt lạc, khu phong.
- Nhũ hương, Một dược: thông ứ, hoạt lạc, chỉ thống.
- Địa long: thông kinh hoạt lạc, thêm rượu lâu năm có tác dụng dẫn rượu vào nơi bị bệnh.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng phong thấp tý thống lâu ngày chân tay tê dại, kinh lạc có đàm thấp, huyết ứ lâu ngày gây đau.

1. Trường hợp phong nặng phối hợp uống bài "Đại Tàn giao thang". Nếu thiên về can thận khí huyết bất túc,



phối hợp uống với bài "Độc hoạt ký sinh thang".

2. Lúc sử dụng cần chú ý: Bệnh lâu ngày âm hư nội nhiệt hoặc phụ nữ có thai đều không nên dùng.
3. Bài này vốn tên HOẠT LẠC ĐƠN nhưng trong sách Thánh huệ phương có bài ĐẠI HOẠT LẠC ĐƠN nên gọi là "Tiểu hoạt lạc đơn" để phân biệt.
4. Trường hợp tai biến mạch máu não để lại di chứng bán thân bất toại mà cơ thể khỏe, dùng bài này có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC SƠ TÁN NGOẠI PHONG***

## TIÊM CHÍNH TÁN (Dương thị gia tàng phương)

### **Thành phần:**

Bạch phụ tử  
Bạch cương tà  
Toàn yết  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Toàn yết khử độc, tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 4g với rượu nóng, có thể làm thuốc thang sắc nước uống, tùy tình hình bệnh gia giảm với các vị thuốc khác cho phù hợp.

**Tác dụng:** Khu phong, hóa đàm.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc trị chứng phong đàm ứ trệ ở phần đầu mặt, cho nên trong bài thuốc:

- Bạch phụ tử chuyên trị phong ở đầu mặt.
- Cương tà trị phong ở kinh lạc.
- Toàn yết trị phong chống co giật.

Ba vị thuốc đều là chủ dược chuyên trị chứng trúng phong, mồm mắt méo xệch, uống với rượu nóng giúp các vị thuốc phát huy tác dụng ở đầu mặt.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này được dùng để trị chứng liệt thần kinh mặt (thần kinh VII) gây nên mồm mắt méo xệch. Gia thêm Ngô công tác dụng càng tốt.

1. Bài thuốc tính dược cay táo dùng trong trường hợp phong đàm thiên về hàn thấp, nếu khí hư huyết ứ

hoặc do Can phong nội động, sinh liệt dây thần kinh mặt VII (liệt trung ương) không nên dùng.

2. Lúc dùng chú ý liều lượng không nên quá nhiều vì các vị thuốc đều có độc.
3. Có kinh nghiệm dùng bài "Gia vị Tiêm chính tán", thành phần: Sinh Xuyên ô, Sinh Thảo ô, Sinh Bán hạ, Uy linh tiên, Toàn yết, Bạch cập, Trần bì, Bạch cương tàm. Tán thành bột, mỗi lần uống 20g trộn với nước Gừng đắp ngoài chữa liệt dây thần kinh mặt ngoại biên, kết quả khá tốt.

## ***BÀI THUỐC SƠ TÁN NGOẠI PHONG***

## CHỈ KINH TÁN (Bài thuốc kinh nghiệm)

**Thành phần:**

Ngô công

Toàn yết

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tán bột mịn mỗi lần uống 1 - 4g, có tác dụng chống co giật.

**Chủ trị:** Dùng trong trường hợp chân tay co giật, lưng đôn gánh trong bệnh uốn ván, bệnh viêm não thường dùng kết hợp với các thuốc thanh nhiệt giải độc.

Đối với những trường hợp đau đầu lâu ngày, đau nhức khớp xương có tác dụng giảm đau.

## ***BÀI THUỐC TRỊ PHONG***

## BÌNH TỨC NỘI PHONG

Những bài thuốc trị nội phong thường gồm các vị thuốc Thanh nhiệt bình can tức phong như: Linh dương giác, Câu đằng, Thạch quyết minh, Mẫu lệ, Cúc hoa, Tang diệp, Thiên ma, Bạch thược, Đại giả thạch, Long xỉ, Từ thạch và những vị thuốc Dưỡng âm tiềm dương như Sinh địa, A giao, Kê tử hoàng.

Những bài thuốc thường dùng có:

- Linh giác Câu đằng thang.
- Trấn can tức phong thang.
- Đại định phong châu.
- Địa hoàng ẩm tử.



## ***BÀI THUỐC BÌNH TỨC NỘI PHONG***

## LINH GIÁC CÂU ĐĂNG THANG (Thông tục thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Linh dương giác (sắc trước) 2g  
Câu đằng 12g  
Tang diệp 8 - 12g  
Xuyên Bối mẫu 8 - 16g  
Trúc nhự 12 - 20g  
Sinh địa 12 - 20g  
Cúc hoa 8 - 12g  
Bạch thược 8 - 12g  
Phục thần 8 - 12g  
Cam thảo 3 - 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bình can tức phong, thanh nhiệt chỉ kinh.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng can kinh nhiệt thịnh, nhiệt cực sinh phong.

Trong bài:

- Linh dương giác, Câu đằng: thanh nhiệt lương can, tức phong, chỉ kinh là chủ dược.
- Tang diệp, Cúc hoa tăng thêm tác dụng thanh nhiệt tức phong.
- Bạch thược, Sinh địa, Cam thảo: dưỡng âm tăng dịch để bình can.

- Bồi mẫu, Trúc nhự để thanh nhiệt hóa đàm để thanh nhiệt hóa đàm ( vì nhiệt đốt tân dịch sinh đàm).
- Phục thần để định tâm an thần.
- Cam thảo điều hòa các vị thuốc.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài này trên lâm sàng dùng chữa các bệnh viêm nhiễm, sốt cao, chân tay co giật hoặc chứng sản giật.

1. Trường hợp sốt cao co giật hôn mê phối hợp với các bài Tử tuyết đơn, An cung ngưu hoàng hoàn, Chí bảo đơn để thanh nhiệt khai khiếu.
2. Trường hợp sốt cao tổn thương tân dịch hoặc bệnh nhân vốn Can âm bất túc đều thuộc chứng âm hư dương thịnh, cần gia thêm các vị tư âm tăng dịch như Huyền sâm, Mạch môn, Thạch斛, A giao.
3. Trường hợp huyết áp cao, đau đầu hoa mắt thuộc chứng âm hư dương thịnh gia Hoài Ngưu tất, Bạch tật lê.

## ***BÀI THUỐC BÌNH TỨC NỘI PHONG***

## THIÊN MA CÂU ĐĂNG ẨM (Tập bệnh chứng trị tân nghĩa)

### **Thành phần:**

Thiên ma 8 - 12g  
Câu đằng 12 - 16g  
Thạch quyết minh (sắc trước) 20 - 30g  
Chi tử 8 - 12g  
Hoàng cầm 8 - 12g  
Xuyên Ngưu tất 12 - 16g  
Ích mẫu thảo 12 - 16g  
Tang ký sinh 20 -30g  
Dạ đằng giao 12 - 20g  
Bạch linh 12 - 20g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bình can tức phong, tư âm thanh nhiệt.

Trên lâm sàng thường được dùng để chữa chứng huyết cao, đau đầu, ù tai, hoa mắt, mất ngủ hoặc bán thân bất toạ, lưỡi đỏ, mạch huyền sắc.

Bài này cũng như bài Linh giác câu đằng thang đều có tác dụng bình can tức phong, nhưng bài Thiên ma câu đằng ẩm có tác dụng thanh nhiệt mạnh hơn, đồng thời dưỡng huyết an thần, còn bài Linh giác câu đằng thang thiên về chống co giật đồng thời có tác dụng hóa đàm thông lạc.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BÌNH TỨC NỘI PHONG***

## ĐẠI ĐỊNH PHONG CHÂU (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Bạch thược 12 - 24g  
Sinh Qui bản 12 - 24g  
Ma nhân 6 - 12g  
Sinh Mẫu lệ 12 - 16g  
Chích thảo 8 - 12g  
Sinh Miết giáp 12 - 16g  
A giao 8 - 12g  
Can địa hoàng 12 - 20g  
Ngũ vị tử 6 - 8g  
Mạch môn 12 - 24g  
Kê tử hoàng 2 quả

**Cách dùng:** sắc nước bỏ bã, cho A giao tan đều, cho Kê tử hoàng trộn đều uống nóng.

**Tác dụng:** Tư âm, tăng dịch tức phong.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Kê tử hoàng, A giao: tư âm, tăng dịch để trừ nội phong là chủ dược.
- Địa hoàng, Mạch môn, Bạch thược: tư âm nhuận gan.
- Qui bản, Miết giáp, Mẫu lệ :dục âm tiềm dương.
- Chích thảo, Ngũ vị tử: chua ngọt sinh âm.
- Ma nhân: dưỡng âm nhuận táo.



Các vị thuốc hợp lại cùng dùng có tác dụng tư dưỡng âm dịch, nhuận gan tức phong.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc chữa chứng nhiệt thịnh thương âm, hư phong nội động. Nếu khí hư có thể gia Nhân sâm. Tự ra mồ hôi gia Long cốt, Nhân sâm, Tiểu mạch. Tim hồi hộp khó ngủ gia Phục thần, Nhân sâm, Tiểu mạch.
2. Trường hợp viêm não sốt kéo dài, bệnh nhân mệt mỏi, mạch khí hư nhược lưỡi đỏ thẫm rêu ít, dùng bài thuốc này điều trị. Nếu có đờm nhiều gia Thiên trúc hoàng, Bối mẫu để thanh hóa nhiệt đờm. Có triệu chứng sốt nhẹ kéo dài dùng Sinh địa thay Can địa hoàng, Bạch vị, Sa sâm, Ngũ vị tử.

## ***BÀI THUỐC BÌNH TỨC NỘI PHONG***

## A GIAO KÊ HOÀNG THANG (Thông tục thương hàn luận)

**Thành phần:**

A giao 8 - 12g  
Sinh Bạch thực 12g  
Thạch quyết minh 16 - 20g  
Câu đằng 6 - 8g  
Đại Sinh địa 12 - 16g  
Chích thảo 3 - 4g  
Phục thần mộc 12 - 16g  
Kê tử hoàng 2 quả  
Lạc thạch đằng 12g  
Sinh Mẫu lệ 12 - 16g

**Cách dùng:** sắc và uống như bài trên.

**Tác dụng:** nhuận gan tức phong tư âm.

**Chủ trị:** Chứng sốt lâu ngày, chân âm bị tổn thương gây nên huyết hư sinh phong, chân tay run giật, gân cơ co cứng hoặc váng đầu, chóng mặt, chất lưỡi đỏ thẫm, rêu ít, mạch tế sác.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BÌNH TỨC NỘI PHONG***

## ĐỊA HOÀNG ẨM TỬ (Tuyên minh luận)

### **Thành phần:**

Can địa hoàng  
Ba kích thiên (bỏ tâm)  
Sơn thù  
Thạch斛  
Nhục thung dung (tẩm rượu sao)  
Phụ tử chế  
Ngũ vị tử  
Nhục quế  
Bạch phục linh  
Mạch môn (bỏ tâm)  
Xương bồ  
Viễn chí (bỏ tâm)  
(Các vị lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tất cả tán bột sắc với nước Sinh khương 5 lát, Đại táo 10 quả, Bạc hà 5 - 7 lá. Uống mỗi lần 8 - 12g (bột), có thể dùng thuốc thang sắc uống tùy chứng bệnh gia giảm.

**Tác dụng:** Tư thận âm, bổ thận dương, an thần khai khiếu.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Can địa hoàng, Sơn thù du: bổ ích thận âm là chủ dược.
- Ba kích, Nhục thung dung, Nhục quế, Phụ tử chế: ôn thận tráng dương, phối hợp với chủ dược làm

cho nguyên dương được ôn dưỡng.

- Nhục quế: dẫn hỏa quy nguyên.
- Thạch học, Mạch môn, Ngũ vị tử: tư bổ âm dịch.
- Bạch linh, Xương bồ, Viễn chí: giao thông tâm thận, khai khiếu hóa đờm.
- Bạc hà: lợi yết.
- Khương, Táo: hòa vinh vệ.

Tác dụng chung của bài thuốc là một mặt ôn bổ hạ nguyên nhiếp nạp phù dương, mặt khác có tác dụng khai khiếu hóa đờm, tuyên thông tâm phế khí.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc này chuyên dùng chữa trúng phong không nói được, hai chân suy yếu. Hiện nay có thể dùng chữa những bệnh như tai biến mạch máu não, xơ cứng động mạch, có hội chứng bệnh lý thận âm, thận dương đều hư.
2. Trường hợp chân yếu thiên về thận âm hư các khớp xương nóng gia Tang chi, Địa cốt bì, Miết giáp để thoái hư nhiệt. Nếu thiên về thận dương hư, lưng gối đều có cảm giác lạnh, gia Dâm dương hoắc, Thỏ ty tử, Tiên mao để làm ấm thận dương. Nếu có khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm để bổ khí.
3. Nếu chỉ có chân yếu liệt có thể bỏ Thạch xương bồ, Viễn chí, Bạc hà.
4. Trường hợp chỉ có âm hư đờm hỏa thịnh bỏ các loại thuốc ôn táo như Quế, Phụ gia Bối mẫu, Trúc lịch, Đởm tinh, Thiên trúc hoàng để thanh nhiệt hóa đờm.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## THUỐC NHUẬN TÁO

Bài thuốc **Nhuận táo** là những bài thuốc chữa chứng do bên ngoài táo khí gây nên hoặc bên trong âm hư nội nhiệt, sinh chứng khô táo, do chứng táo có nội táo và ngoại táo nên những bài thuốc chia ra hai loại chữa chứng Nội táo và Ngoại táo.

Táo khí dễ hóa nhiệt, chứng nhiệt lại dễ làm tổn thương tân dịch nên trong những bài thuốc nhuận táo cần phối hợp các vị thuốc ngọt, hàn thanh nhiệt dưỡng âm, vì thế những bài thuốc nhuận táo dễ ảnh hưởng đến chức năng vận hóa của tỳ vị cho nên không nên dùng đối với chứng đàm thấp ngưng trệ ở trung tiêu hoặc tỳ vị hư hàn, tiêu hóa rối loạn.



## CHỮA CHỨNG NGOẠI TÁO

Là những bài thuốc chữa chứng ngoại cảm do lương tảo hoặc do ôn tảo gây nên, bệnh do:

- Lương tảo gây nên thường vào mùa thu cảm lạnh, phế khí không tuyên thông thường thấy các triệu chứng ho, tắc mũi, đau đầu, sợ lạnh, ngực sườn đau tức, môi họng khô, rêu lưỡi trắng mỏng.

Thường dùng các vị thuốc: Hạnh nhân, Tô diệp, Cát cánh, Tiền hồ, Đạm đậu xị, Thông bạch.

Bài thuốc tiêu biểu là Hạnh tô tán.

- Ôn tảo thường gặp hơn do mùa thu khí hậu khô ráo ít mưa, con người dễ cảm ôn tảo, làm tổn thương tân dịch của phế, thường gặp các chứng đau đầu, ho khan, ít đờm, suyễn tức khó thở, mồm khát, lưỡi khô.

Phép trị: thanh nhuận phế tảo.

Thường dùng các vị thuốc: Tang diệp, Sa sâm để dưỡng âm thanh nhiệt.

Tiêu biểu là bài Tang hạnh thang, Thanh tảo cứu phế thang.

## ***BÀI THUỐC CHỮA CHỨNG NGOẠI TÁO***

## HẠNH TÔ TÁN (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Hạnh nhân 8 - 12g  
Chế Bán hạ 6 - 12g  
Bạch linh 12 - 16g  
Chỉ xác 6 - 8g  
Tô diệp 6 - 8g  
Tiền hồ 8 - 12g  
Cát cánh 8 - 12g  
Quất bì 4 - 8g  
Cam thảo 4g  
Đại táo 2 quả  
Gừng tươi 3 lát

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ôn tán phong hàn, tuyên phế hóa đàm.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ yếu trị chứng phế khí không thông, đàm thấp ứ trệ do ngoại cảm lương tảo, do đó phải dùng phép ngoại giải lương tảo tuyên phế hóa đàm.

Trong bài:

- Hạnh nhân tính vị đắng ôn nhuận có tác dụng tuyên phế, chỉ khái, trừ đờm.
- Tô diệp: cay ôn có tác dụng phát hãn nhẹ để giải được lương tảo đều là chủ dược.

- Cát cánh, Chỉ xác một thăng một giáng giúp Hạnh nhân tuyên phế, chỉ khái.
- Tiền hồ: sơ phong giáng khí, trừ đờm.
- Bán hạ, Quất bì, Phục linh: lý khí kiện tỳ hóa đờm.
- Cam thảo hợp Cát cánh (là bài Cát cam thang) có tác dụng thông phế chỉ khái, cùng Khương, Táo điều hòa vinh vệ.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc chủ yếu trị bệnh ngoại cảm lương tảo gặp trong các bệnh cảm cúm viêm đường hô hấp trên và nhiều bệnh viêm nhiễm khác thời kỳ sơ khởi có các triệu chứng: đau đầu, sợ lạnh không có mồ hôi, ho đờm lỏng, nghẹt mũi, rêu lưỡi trắng.
2. Trường hợp sợ lạnh nhiều gia thêm Thông bạch, Đạm đậu xị để giải biểu, nếu đau đầu nặng gia thêm Phòng phong, Bạc chỉ. Nếu ho đờm nhiều gia Trần bì, Tử uyển để ôn nhuận hóa đờm.

## ***BÀI THUỐC CHỮA CHỨNG NGOẠI TÁO***



## TANG HẠNH THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Tang diệp 8 - 12g  
Sa sâm 12 - 16g  
Đạm đậu xị 8 - 12g  
Vỏ lê 8 - 12g  
Hạnh nhân 8 - 12g  
Thổ Bối mẫu 8 - 12g  
Sơn chi bì 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Sơ phong nhuận táo, thanh phế chỉ khái.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng phế âm bị tổn thương do ngoại cảm ôn táo. Triệu chứng thường có sốt đau đầu, khát nước, ho khan ít đờm, lưỡi đỏ, rêu trắng mỏng khô, mạch phù sắc.

Trong bài:

- Tang diệp, Hạnh nhân có tác dụng tuyên phế lý khí. Sa sâm nhuận phế sinh tân là chủ dược.
- Đạm đậu xị giúp Tang diệp thông phế.
- Vỏ Lê giúp Sa sâm nhuận táo.
- Sơn chi bì: thanh phế nhiệt.
- Bối mẫu: chỉ khái, hóa đờm.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc dùng chữa các chứng viêm đường hô hấp trên có triệu chứng táo nhiệt.

1. Trường hợp họng khô đau gia Ngưu bàng tử, Bàng đại hải (đười ươi) để thanh nhiệt yết hầu; chảy máu cam gia Mao căn, Nhọ nôi để chỉ huyết. Ho đờm đặc gia Qua lâu nhân, Thiên hoa phấn để thanh nhiệt trừ đờm.
2. Trường hợp sởi trẻ em, lúc sởi bay còn có triệu chứng da khô, mũi họng khô đau, hơi sốt, khát nước, ho khan, rêu lưỡi trắng mỏng khô, có thể dùng bài này để chữa và gia thêm Lô căn, Qua lâu nhân để thanh nhiệt sinh tân.
3. Trường hợp giãn phế quản, ho ra máu dùng bài thuốc này bỏ Đạm đậu xị gia Tử uyển, Thuyền thảo căn, Trắc bá diệp để tuyên phế nhuận táo chỉ huyết, có kết quả nhất định.

## ***BÀI THUỐC CHỮA CHỨNG NGOẠI TÁO***

## THANH TÁO CỨU PHẾ THANG (Y môn pháp thuật)

### **Thành phần:**

Tang diệp 8 - 12g  
Nhân sâm (Đảng sâm) 8 - 12g  
Hồ ma nhân 8 - 12g  
Mạch môn 8 - 12g  
Tỳ bà diệp 8 - 12g  
Thạch cao 16 - 30g  
A giao 8 - 12g  
Hạnh nhân 8 - 10g  
Cam thảo 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh phế, nhuận táo.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ trị chứng phế khí âm hư do ôn táo thương phế, triệu chứng thường thấy là sốt đau đầu, ho khan, suyễn tức khó thở, mũi mồm họng khô, ngực đầy, sườn đau, lưỡi khô không rêu.

Trong bài thuốc:

- Tang diệp: thanh nhuận phế táo.
- Thạch cao: thanh phế vị, táo nhiệt đều là chủ dược.
- Mạch môn, A giao, Hồ ma nhân: tư âm nhuận phế.
- Hạnh nhân, Tỳ bà diệp: thông giáng phế khí.
- Đảng sâm: ích khí sinh tân.

- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng thanh phế nhuận táo.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Trường hợp âm hư huyết nhược gia Sinh Địa hoàng để dưỡng âm thanh nhiệt, đờm nhiều gia Qua lâu, Bối mẫu để thanh nhuận hóa đàm, ho ra máu gia Trắc bá diệp, Cỏ nhọ nôi, Hoa hòe để cầm máu.
2. Trên lâm sàng thường dùng để chữa chứng viêm phế quản mãn tính, ho kéo dài hoặc trường hợp dẫn phế quản tùy chứng gia giảm đều có kết quả nhất định.

## ***BÀI THUỐC CHỮA CHỨNG NGOẠI TÁO***

## SA SÂM MẠCH ĐÔNG THANG (Ôn bệnh điều biện)

**Thành phần:**

Sa sâm 12 - 20g  
Ngọc trúc 8 - 12g  
Mạch môn 12 - 16g  
Tang diệp 8 - 12g  
Sinh Biển đậu 8 - 12g  
Thiên hoa phấn 8 - 12g  
Cam thảo 3 - 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh dưỡng phế âm, sinh tân nhuận táo.

**Ứng dụng lâm sàng:** Thường dùng chữa các chứng viêm phế quản mạn tính, dẫn phế quản, lao phổi có hội chứng phế âm hư, tùy chứng gia giảm có kết quả tốt.





## ***BÀI THUỐC NHUẬN TÁO***

## CHỮA CHỨNG NỘI TÁO

Nội táo có thể do tạng phủ tân dịch không đầy đủ hoặc do cảm phải ôn tà làm tổn thương tân dịch gây nên.

- Nếu gây tổn thương ở phần trên (phế) xuất hiện các chứng ho khan, họng khô hoặc ho ra máu do phế âm bị tổn thương.

Phép trị là thanh tảo nhuận phế.

- Nếu táo ở phần giữa (trung tiêu) xuất hiện là chứng dễ đói, mồm khô khát, hoặc nấc cụt, ợ khan là do âm vị tổn thương.

Phép trị là sinh tân dưỡng vị.

- Nếu táo ở hạ tiêu xuất hiện chứng tiêu khát, họng khô hoặc táo bón, các chứng thận âm hư.

Phép chính chữa nội táo là tư dưỡng âm dịch.

Các vị thuốc thường dùng là Huyền sâm, Sinh địa, Mạch môn, Bách hợp, Hồ ma nhân, Sa sâm, Ngọc trúc, Hoàng tinh.

Bài thuốc thường dùng có: Dưỡng âm thanh phế thang, Bách hợp cố kim thang, Mạch môn đông thang, Tăng dịch thang.



## DƯỠNG ÂM THANH PHẾ THANG (Trùng lâu Ngọc hồ)

### **Thành phần:**

Sinh địa 12 - 20g

Huyền sâm 8 - 16g

Xích thược 8 - 12g

Mạch môn 8 - 16g

Đơn bì 8 - 16g

Bối mẫu 8 - 12g

Bạc hà 6 - 8g

Cam thảo 6 - 8g

(Có thang dùng thêm Sao Bạch thược)

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Dưỡng âm thanh phế, lương huyết giải độc.

### **Giải thích bài thuốc:**

Đây là bài thuốc kinh nghiệm chữa Bạch hầu. Đông y cho rằng Bạch hầu thuộc tà táo nhiệt dễ tổn thương âm dịch, cho nên phép chữa chính là dưỡng âm thanh phế, lương huyết giải độc.

Trong bài:

- Sinh địa, Huyền sâm, Mạch môn có tác dụng dưỡng âm lương huyết, thanh nhiệt giải độc là chủ dược.
- Bạch thược: hỗ trợ Sinh địa dưỡng âm.
- Đơn bì: hỗ trợ Huyền sâm.
- Sinh địa: lương huyết giải độc.

- Bối mẫu: chỉ khái, hóa đàm, thanh nhiệt.
- Sinh Cam thảo: thanh nhiệt giải độc.
- Bạc hà: tuyên phế, lợi yết.

Các vị thuốc cùng dùng có tác dụng dưỡng âm thanh phế, lương huyết giải độc.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc thường dùng các chứng bệnh viêm amygdal cấp, viêm họng sưng đau, bạch hầu có triệu chứng sốt phế âm hư.
2. Trường hợp thận âm hư gia Thục địa để tư bổ thận âm, nhiệt độc nặng gia Kim ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc.
3. Trường hợp có biểu chứng gia Tang diệp, Cát căn.

## ***BÀI THUỐC CHỮA NỘI TÁO***

## KHÁNG BẠCH HẦU HỢP TẾ (Kinh nghiệm Bệnh viện Thiên Tân)

**Thành phần:**

Liên kiều 24g

Hoàng cầm 24g

Mạch môn 12g

Sinh địa 40g

Huyền sâm 12g

**Cách dùng:** Mỗi thang cho nước 500ml sắc còn 60ml, ngày uống 1 thang chia 4 lần.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, dưỡng âm, giải độc.

**Chữa trị:** Bạch hầu thời kỳ mới bắt đầu có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC CHỮA NỘI TÁO***



## **BÁCH HỢP CỔ KIM THANG**

### **(Y phương tập giải)**

#### ***Thành phần:***

Sinh Địa hoàng 8 - 12g  
Bối mẫu 8 - 12g  
Đương qui 8 - 12g  
Cam thảo 4 - 8g  
Mạch môn 8 - 12g  
Thục địa 12 - 16g  
Bách hợp 8 - 12g  
Huyền sâm 8 - 12g  
Sao Bạch thược 8 - 12g  
Cát cánh 8 - 10g

***Cách dùng:*** sắc nước uống.

***Tác dụng:*** Dưỡng âm thanh nhiệt, nhuận phế hóa đàm.

#### ***Giải thích bài thuốc:***

Bài thuốc này trị chứng phế thận âm hư, hư hỏa bốc lên sinh ra hầu họng đỏ đau, ho khó thở, đàm vàng có máu, lòng bàn tay bàn chân nóng, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sác cho nên phép chữa là dưỡng âm thanh nhiệt, nhuận phế hóa đàm.

Trong bài:

- Bách hợp, Sinh thục địa: dưỡng âm thanh nhiệt, tư nhuận phế thận là chủ dược.
- Mạch môn hỗ trợ Bách hợp nhuận phế chỉ khái.
- Huyền sâm trợ giúp Sinh Thục địa tư thận thanh

nhiệt.

- Đương qui, Bạch thược: dưỡng huyết hòa âm.
- Bối mẫu, Cát cánh: thanh phế hóa đàm.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc, còn hợp với Cát cánh có tác dụng lợi yết hầu.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Trường hợp đàm nhiều gia Qua lâu để thanh nhiệt hóa đàm, ho ra máu nhiều gia Mao căn, Ngẫu tiết, Nhọ nôi, Tiên hạt thảo để cầm máu.
2. Bài này có thể dùng đối với các chứng bệnh lao phổi, viêm phế quản mạn tính, dẫn phế quản có hội chứng phế thận âm hư, ho ra máu. Bài thuốc này có nhiều vị ngọt hàn nên trệ nên gặp những trường hợp tỳ hư tiêu lỏng không nên dùng.
3. Có báo cáo lâm sàng dùng bài thuốc trị bệnh bụi phổi có gia thêm Sa sâm, Thạch斛, Tang bạch bì, Đại cốt bì, Tri mẫu, Uất kim, La bạc tử có kết quả khả quan.

## ***BÀI THUỐC CHỮA NỘI TÁO***

## **BỔ PHẾ A GIAO THANG** **(Tiểu nhi được chứng trực quyết)**

### ***Thành phần:***

A giao (mạch sao) 60g

Mã đầu linh 20g

Ngưu bàng tử 10g

Chích thảo 10g

Hạnh nhân 6 - 7g

Gạo nếp sao 40g

***Cách dùng:*** Tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 8g, sắc nước uống.

Có thể dùng thuốc thang, lượng mỗi vị thuốc có thể gia giảm tùy tình hình bệnh lý.

***Tác dụng:*** Dưỡng âm bổ phế, chỉ khái huyết.

***Chủ trị:*** Chứng lao phổi ho ra máu, thuộc chứng phế âm hư.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC CHỮA NỘI TÁO***

## MẠCH MÔN ĐÔNG THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Mạch môn 12 - 24g  
Đảng sâm 12 - 16g  
Chế Bán hạ 8 - 10g  
Đại táo 4 quả  
Cam thảo 4g  
Gạo tẻ 20 - 40g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ích vị sinh tân, giáng nghịch, hạ khí.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng Phế nuy do vị tân dịch bất túc, hư nhiệt gây nên, thường có các triệu chứng ho đờm dãi rất nhiều, khí suyễn khó thở, họng khô mồm táo, lưỡi đỏ khô ít rêu, mạch hư sắc.

Do đó, phép chữa là ích vị sinh tân giáng khí nghịch.

Trong bài:

- Mạch môn: thanh vị hư nhiệt mà sinh tân dịch là chủ dược.
- Sâm, Cam, Táo, Gạo tẻ có tác dụng ích vị khí, sinh âm dịch làm cho tân dịch có thể dưỡng được phế âm.
- Bán hạ: khai thông vị khí, giáng khí nghịch, hóa đờm dãi.
- Cam thảo dùng sống có tác dụng thanh nhiệt lợi yết

hầu.

Các vị thuốc cùng dùng có tác dụng dưỡng vị, nhuận phế, giáng hỏa, lợi yết hầu làm cho ho khó thở tự khỏi.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Đây là bài thuốc chủ yếu trị Phế nuy thuộc hội chứng âm hư.

1. Nếu tân dịch tổn thương nặng gia thêm Sa sâm, Ngọc trúc để dưỡng phế vị tư âm sinh tân.
2. Nếu có triệu chứng (sốt về chiều) gia Ngân sài hồ, Địa cốt bì.
3. Bài thuốc có thể dùng chữa loét dạ dày hành tá tràng thuộc thể âm hư có các triệu chứng vùng thượng vị nóng đau, mồm khô, đại tiện táo bón, lưỡi đỏ ít rêu, gia thêm Thạch斛, Bạch thược, Rễ lúa nếp, Mai mục để dưỡng âm chỉ thống.
4. *Chú ý:* Trường hợp phế nuy thuộc chứng hư hàn không nên dùng bài này.



## ***BÀI THUỐC CHỮA NỘI TÁO***

## ÍCH VỊ THANG (Ôn bệnh điều biện)

***Thành phần:***

Sa sâm 12g

Mạch môn 12 - 20g

Sinh địa 12 - 20g

Ngọc trúc 6 - 8g

***Cách dùng:*** sắc nước xong cho 4 - 6g đường phèn uống.

***Tác dụng:*** Ích vị sinh tân.

Mạnh hơn bài Mạch môn thang.

## ***BÀI THUỐC CHỮA NỘI TÁO***

## TĂNG DỊCH THANG (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Huyền sâm 40g

Mạch môn 32g

Sinh địa 32g

**Cách dùng:** sắc nước uống, nếu chưa đại tiện, uống thang nữa.

**Tác dụng:** Tăng dịch nhuận táo.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị bệnh nhiễm sốt, tân dịch hao tổn có triệu chứng táo bón, mồm khát, lưỡi đỏ khô, mạch tế sác.

Trong bài:

- Huyền sâm dùng nhiều có tác dụng dưỡng âm sinh tân, thanh nhiệt nhuận táo là chủ dược.
- Mạch môn, Sinh địa: dưỡng âm thanh nhiệt.

Ba vị hợp lại có tác dụng dưỡng âm thanh nhiệt, nhuận tràng thông tiện.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng có hiệu quả với tất cả các chứng âm hư táo bón.

1. Trường hợp táo bón nặng, nếu dùng bài này vẫn chưa thông tiện gia thêm Thừa khí thang.
2. Trường hợp vị âm bất túc, chất lưỡi đỏ trơn, môi táo mồm khô dùng thêm Sa sâm, Ngọc trúc, Thạch斛 để dưỡng âm sinh tân.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## THUỐC TIÊU ĐÀM

Đàm là sản vật bệnh lý của tân dịch.

Đàm gặp trong nhiều trạng thái bệnh lý khác nhau: thường gặp trong bệnh lý bộ máy hô hấp do chất xuất tiết của niêm mạc đường hô hấp như ho suyễn có đàm, ngực đầy tức khó thở, nôn, buồn nôn, đau đầu chóng mặt, bệnh tràng nhạc (loa lịch hạch đàm) và đàm cũng là bệnh lý của các chứng trúng phong, kinh giản, kinh quyết.

Nguyên nhân sinh đàm có thể do nội thương tạng phủ, tạng phủ chức năng rối loạn (chủ yếu là ba tạng tỳ, phế, thận) và cũng có thể do ngoại cảm lục dâm (phong, hàn, thấp, táo, hỏa) cho nên tính chất đàm có khác nhau: thấp đàm, táo đàm, nhiệt đàm, hàn đàm, phong đàm.

Cho nên để chữa chứng đàm, Đông dược có những loại thuốc khác nhau như:

- Táo thấp hàn đàm
- Nhuận táo hóa đàm
- Thanh nhiệt hóa đàm
- Ôn hóa hàn đàm
- Trừ phong hóa đàm.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐÀM***

## TÁO THẤP HÓA ĐÀM

Là bài thuốc trị chứng đàm thấp.  
Thường dùng bài: Nhị trần thang.

## ***BÀI THUỐC TÁO THẤP HÓA ĐÀM***

## NHỊ TRẦN THANG (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Bán hạ 8 - 12g

Trần bì 8 - 12g

Cam thảo 4g

Phục linh 1g

(Nguyên phương có Sinh khương, Ô mai. Trên lâm sàng hiện nay không dùng).

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Táo thấp hóa đàm, lý khí hòa trung.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc dùng trong các trường hợp ăn phải chất sống lạnh, chức năng tỳ vị bị rối loạn, thấp sinh đàm.

Trong bài:

- Bán hạ cay táo ôn có tác dụng táo thấp hóa đàm, giáng nghịch cầm nôn, tiêu tán tích kết là chủ dược.
- Trần bì: lý khí, hóa đàm.
- Bạch linh: kiện tỳ, lợi thấp.
- Cam thảo hóa trung kiện tỳ.

Các vị thuốc cùng dùng có tác dụng táo thấp hóa đàm, lý khí hòa trung.

Trong bài các vị Trần bì, Bán hạ đều phải dùng loại lâu năm để bớt tính cay táo, nên gọi là Nhị trần thang.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài này thường dùng để hóa đàm, hòa vị, nên

dùng nhiều trong các chứng đàm. Nếu chứng thuộc phong đàm gia Chế nam tinh, Bạch phụ tử để trừ phong hóa đàm. Nếu thuộc hàn đàm, gia Can khương, Tế tân để ôn hóa đàm. Nếu thuộc nhiệt đàm gia Qua lâu, Bối mẫu, Hoàng cầm để thanh nhiệt hóa đàm.

Nếu thuộc thực đàm gia La bạc tử, Chỉ xác để tiêu thực hóa đàm.

1. Trường hợp viêm phế quản mạn tính, ngực tức khó thở, ho đàm nhiều, rêu lưỡi trắng nhớt dùng bài Nhị trần thang gia thêm Tử uyển, Khoản đông hoa, Bách bộ, Cát cánh, Sa nhân để giáng khí, hóa đàm, chỉ khái.
2. Trường hợp rối loạn tiêu hóa, bụng đầy chán ăn, buồn nôn, có thể dùng bài này để hòa vị chỉ ẩu, tiêu thực.
3. Trên lâm sàng có báo cáo dùng bài này chữa bướng cổ đơn thuần có gia thêm Côn bố, Hải tảo có kết quả.

## ***BÀI THUỐC TÁO THẤP HÓA ĐÀM***

## ÔN ĐORM THANG (Thiên kim phương)

**Thành phần:**

Bài NHỊ TRẦN THANG gia:

Trúc nhự 8 - 12g

Chỉ thực 8 - 12g

Sinh khương 3 lát

Đại táo 2 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh đởm hòa vị, tiêu đàm, cầm nôn.

**Chủ trị:** Chứng đởm hư đàm nhiệt xông lên, gây bứt rứt khó ngủ, ngực đầy tức, mồm đắng, nôn đàm, có thể dùng chữa các chứng suy nhược thần kinh, ăn kém, khó ngủ, bụng đầy, vàng đầu, tim hồi hộp, có thể dùng trong các trường hợp người béo phì, đau tức ngực do đàm thấp.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC TÁO THẤP HÓA ĐÀM***

## KIM THỦY LỤC QUÂN TIỀN (Cảnh Nhạc toàn thư)

**Thành phần:**

Bài NHỊ TRẦN THANG gia:

Đương qui 8 - 12g

Thục địa 16 - 20g

Gừng tươi 3 lát.

**Cách dùng:** Sắc nước uống.

**Tác dụng:** Dưỡng âm huyết hóa đàm.

**Chủ trị:** Chứng phế thận âm hư, tỳ thấp sinh đàm ho suyễn đàm nhiều, nôn, họng khô mồm táo.

## ***BÀI THUỐC TÁO THẤP HÓA ĐÀM***

## ĐẠO ĐÀM THANG (Tế sinh phương)

### **Thành phần:**

Bài NHỊ TRẦN THANG gia:

Đỗm nam tinh 6 - 10g

Đảng sâm 4 - 8g

Xương bồ 4 - 8g

Trúc nhự 2 - 4g

Sinh khương 3 lát

Đại táo 2 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ích khí, trừ đàm hóa trọc, khai khiếu.

**Chủ trị:** chứng trúng phong, đàm mê tâm khiếu, cứng lưỡi không nói được.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐÀM***

## KHU HÀN HÓA ĐÀM

Dùng trị các chứng hàn đàm do tỳ thận dương hư phế hàn tích tụ nhiều đàm.

Thường dùng các loại thuốc ôn dương trừ hàn hóa đàm như Can khương, Bạch truật, Tế tân, Cam thảo.

## ***BÀI THUỐC KHU HÀN HÓA ĐÀM***



## LINH CAM NGŨ VỊ KHƯƠNG TÂN THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Phục linh 12 - 16g

Can khương 8 - 12g

Ngũ vị tử 4 - 8g

Tế tân 4 - 8g

Cam thảo 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ôn phế hóa đàm.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ trị chứng hàn đàm, thủy ẩm tích tụ tại phế, gây nên ho, khó thở.

Trong bài:

- Bạch phục linh: kiện tỳ thẩm thấp hóa đàm.
- Can khương, Tế tân: ôn phế tán hàn đều là chủ dược.
- Ngũ vị tử: ôn liễm phế khí.
- Cam thảo: kiện tỳ, điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc cùng dùng vừa có tác dụng tán và liễm vừa khai và hợp làm cho Phế được ấm, đàm ẩm sẽ tiêu tan.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc dùng điều trị chứng phế hàn đàm.

1. Trường hợp nôn đàm nhiều gia Chế Bán hạ để giáng nghịch cầm nôn, táo thấp hóa đàm; nếu ho nhiều gia

Hạnh nhân, Tử uyển, Khoản đông hoa để giáng khí chỉ khái; nếu khí trệ, ngực đầy tức gia Trần bì, Sa nhân để hành khí tiêu trệ.

2. Trường hợp tỳ hư, mệt mỏi ăn ít gia Đảng sâm, Bạch truật để ích khí kiện tỳ.
3. Bài thuốc này dùng để chữa các bệnh viêm phế quản mạn tính, dẫn phế quản có hội chứng "phế hàn đàm" có kết quả nhất định.

**Chú ý:** Không được dùng trong trường hợp ho khó thở lâu ngày có triệu chứng "Phế táo âm hư".

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐÀM***

## THANH NHIỆT HÓA ĐÀM

Là những bài thuốc dùng chữa các hội chứng bệnh lý nhiệt đàm.

Biểu hiện lâm sàng là: ho, đàm vàng, khó khạc kèm theo có sốt hoặc không rêu lưỡi vàng, mạch sắc.

Thường gồm các vị thuốc đẳng hàn, thanh nhiệt hợp với thuốc hóa đàm như Hoàng cầm, Hoàng liên, Huyền sâm, Qua lâu, Bối mẫu.

Bài thuốc thường dùng là: Bối mẫu qua lâu tán, Tiểu hãm hung thang.

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA ĐÀM***

## BỐI MẪU QUA LÂU TÁN (Y học tâm ngộ)

### **Thành phần:**

Bối mẫu 6 - 10g  
Thiên hoa phấn 8 - 12g  
Quất hồng 8 - 12g  
Qua lâu 8 - 10g  
Bạch linh 8 - 12g  
Cát cánh 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt hóa đàm, nhuận phế, chỉ khái.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bối mẫu, Qua lâu: thanh nhiệt hóa đàm, nhuận phế chỉ khái là chủ dược.
- Thiên hoa phấn: sinh tân nhuận táo.
- Cát cánh: tuyên phế lợi yết.
- Quất hồng, Bạch linh: thuận khí hóa đàm.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài này chủ trị chứng phế táo nhiệt có đàm.

1. Trường hợp ngứa ở cổ gây ho gia Tiền hồ, Ngưu bàng tử để tuyên phế lợi yết. Tiếng nói khàn, trong đàm có máu bỏ Quất hồng gia Sa sâm, Cỏ nhọ nồi để dưỡng âm chỉ huyết.
2. Trường hợp táo nhiệt nặng, họng khô hầu đau gia Huyền sâm, Sinh địa, Mạch môn, Lô căn để thanh nhiệt nhuận táo.

3. Trường hợp phế nhiệt đàm thịnh ho, đàm vàng đặc dính, người nóng bức rút, lưỡi đỏ rêu vàng, bỏ Thiên hoa phấn, Phục linh, Cát cánh gia Hoàng cầm, Hoàng liên, Chi tử, Đởm nam tinh, Cam thảo để tăng cường thanh nhiệt hóa đàm gọi là bài "Bồi mẫu qua lâu tán" (Y học tâm ngộ).

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA ĐÀM***



## THANH KHÍ HÓA ĐÀM HOÀN (Y phương khảo)

### **Thành phần:**

Qua lâu nhân 8 - 12g

Hoàng cầm 8 - 12g

Bạch linh 8 - 12g

Chỉ thực 8 - 12g

Hạnh nhân 8 - 12g

Trần bì 8 - 12g

Đỗ nam tinh 12 - 16g

Chế Bán hạ 12 - 16g

**Cách dùng:** Tán bột, dùng nước Gừng làm hoàn, mỗi lần uống 8 - 12g với nước nóng.

Có thể dùng làm thuốc thang liều lượng tùy tình hình bệnh lý mà gia giảm.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, hóa đàm, giáng khí, chỉ khái.



## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA ĐÀM***

## MÔNG THẠCH CỒN ĐÀM HOÀN (Đơn Khê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Đại hoàng (chưng rượu) 320g

Hoàng cầm 320g

Mông thạch 40g

Trầm hương 20g

**Cách dùng:** Tất cả tán thành bột dùng nước làm hoàn nhỏ, mỗi lần uống 2 - 12g, ngày uống 1 - 2 lần.

**Tác dụng:** Giáng hỏa, trục đàm.

**Chủ trị:** Các chứng thực nhiệt, ngoan đàm, bệnh lâu ngày sinh ra chứng động kinh hoặc ho suyễn đàm vàng dính, đại tiện táo bón hoặc váng đầu, tức ngực, rêu lưỡi vàng dày dính, mạch hoạt sắc có lực.

**Chú ý:** Bài thuốc tác dụng mạnh chỉ dùng với những trường hợp ngoan đàm thực nhiệt, người già yếu hư nhiệt, phụ nữ có thai cần thận trọng.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA ĐÀM***

## TIÊU HẪM HUNG THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Hoàng liên 4 - 8g

Toàn qua lâu nhân 12 - 20g

Khương Bán hạ 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt đạo đàm, khai kết.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Hoàng liên: đắng hàn tả hỏa, trừ nhiệt kết là chủ dược.
- Bán hạ: khai ôn trừ đàm, tiêu mẫn.

Hai vị hợp dùng đắng cay khai có tác dụng tả nhiệt trừ đàm, tiêu mẫn tán kết.

- Qua lâu: thanh nhiệt, trừ đàm, tán kết, lợi đại tiện.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc được dùng trong trường hợp đàm nhiệt ứ kết làm cho ngực bụng đầy tức, ấn đau, táo bón, thường gia thêm Chỉ thực để lý khí tán kết tiêu đờm. Nếu có buồn nôn gia thêm gừng tươi để cầm nôn kiện tỳ.
2. Có thể dùng trị các bệnh viêm màng phổi nước, viêm phế quản thuộc thể nhiệt đàm, trường hợp khó thở cấp gia Đình lịch tử, Hạnh nhân để thanh tả phế nhiệt, khai thông phế khí.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA ĐÀM***

## TỬ UYỄN THANG (Y phương tập giải)

### **Thành phần:**

A giao (cho vào sau) 8 - 12g  
Đẳng sâm 12g  
Phục linh 12g  
Ngũ vị tử 4g  
Tử uyển 8 - 12g  
Bối mẫu 8 - 12g  
Tri mẫu 8 - 12g  
Cát cánh 8g  
Cam thảo 4g

**Cách dùng:** sắc uống.

**Tác dụng:** Dưỡng âm bổ phế, giảm ho, cầm máu.

Thường dùng trong trường hợp lao phổi, phế khí hư, ho sốt lâu ngày, ho đàm có máu.



## ***BÀI THUỐC THANH NHIỆT HÓA ĐÀM***

## TIÊU LOA HOÀN (Y học tâm ngộ)

### **Thành phần:**

Huyền sâm

Sinh Mẫu lệ

Bối mẫu

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tán bột mịn, làm hoàn với mật. Mỗi lần uống 8 - 12g, mỗi ngày 2 lần với nước ấm, có thể dùng thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Thanh hóa nhiệt đàm, nhuận kiên, tán kết.

**Chủ trị:** Chứng loa lịch (lao hạch).

1. Trường hợp âm hư hỏa vượng, mồm khô, họng táo, tăng lượng Huyền sâm gia thêm Mạch môn, Sinh địa, Đơn bì để tư âm giáng hỏa. Nếu đờm nhiều dính đặc, mồm đắng gia lượng Bối mẫu thêm Qua lâu, Phù hải thạch để thanh nhiệt hóa đàm.
2. Trường hợp khối u cứng tăng lượng Mẫu lệ thêm Côn bố, Hải tảo, Hạ khô thảo để tăng tác dụng nhuận kiên, tán kết; nếu can khí uất, sườn ngực đầy đau gia Sài hồ, Bạch thược, Thanh bì để sơ can giải, uất lý khí hành trệ.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐÀM***

## PHONG ĐÀM

Nguyên nhân của phong đàm có thể do ngoại cảm phong tà, phế khí không thông, đàm ứ trệ tại phế, thường ho nhiều đàm. Nếu do nội thương, phong đàm là do chức năng tỳ vị rối loạn, tỳ thấp sinh đàm, đờm trọc nhiều động, nội phong sinh đau đầu chóng mặt.

- Bài thuốc *Trị ngoại phong* thường gồm các vị thuốc tuyên tán ngoại cảm kiêm hóa đờm như: Cát cánh, Kinh giới, Tô tử, Tử uyển ...

Thường dùng là bài thuốc Chỉ thấu tán.

- Bài thuốc *Trị nội sinh phong đàm* thường dùng các vị thuốc tức phong hóa đàm như Thiên ma, Bán hạ ...

Thường dùng là bài Bán hạ Bạch truật thiên ma thang.



---

Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)

***BÀI THUỐC THUỐC TRỊ PHONG ĐÀM***

## CHỈ THẤU TÁN (Y học tâm ngộ)

### **Thành phần:**

Kinh giới 8 - 12g

Tử uyển 8 - 12g

Bạch tiền 8 - 12g

Cát cánh 8 - 12g

Bách bộ 8 - 12g

Trần bì 6 - 8g

Cam thảo 4g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi để nguội, sau bữa ăn và trước lúc ngủ. Trường hợp ngoại cảm phong hàn uống với nước Gừng tươi.

Có thể sắc nước uống.

**Tác dụng:** Chỉ khái hóa đàm, sơ phong giải biểu.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này tác dụng chỉ khái, hóa đàm, giải biểu, chủ yếu là chỉ khái.

Trong bài:

- Bách bộ, Tử uyển: ôn nhuận chỉ khái.
- Cát cánh, Trần bì: tuyên phế, lý khí, trừ đờm.
- Bạch tiền: trực giáng phế khí để hóa đờm chỉ khái.
- Kinh giới: sơ phong giải biểu.
- Cam thảo điều hòa các vị thuốc, dùng với Cát cánh có tác dụng chỉ khái hóa đờm.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ yếu trị chứng ho do ngoại cảm phong hàn, đàm nhiều, họng ngứa, khạc đờm khó, thường dùng đối với các bệnh viêm đường hô hấp trên, viêm phế quản cấp mạn tính, ho đờm nhiều khó khạc.

1. Nếu có đau đầu, tắc mũi, sợ lạnh gia thêm Phòng phong, Tô diệp, Sinh khương để tán hàn giải biểu.
2. Nếu ho đờm nhiều, sắc trắng, rêu lưỡi trắng nhớt gia thêm Khương Bán hạ, Phục linh để táo thấp hóa đờm.

***BÀI THUỐC THUỐC TRỊ PHONG ĐÀM***

## **BÁN HẠ BẠCH TRUẬT THIÊN MA THANG** **(Y học tâm ngộ)**

### ***Thành phần:***

Bán hạ chế 6 - 8g  
Bạch linh 8 - 12g  
Bạch truật 8 - 12g  
Thiên ma 6 - 8g  
Quất hồng 6 - 8g  
Cam thảo 2 - 4g

***Cách dùng:*** Cho thêm Gừng tươi 2 lát, Táo 2 quả sắc nước uống.

***Tác dụng:*** Kiện tỳ, trừ thấp, hóa đờm, tức phong.

### ***Giải thích bài thuốc:***

Bài thuốc này do bài Nhị trần thang gia Bạch truật, Thiên ma, thường dùng để trị chứng phong đàm, đau đầu, chóng mặt.

Trong bài:

- Bán hạ, Thiên ma: hóa đờm, tức phong, trị đau đầu, chóng mặt là chủ dược.
- Bạch truật, Bạch linh: kiện tỳ, trừ thấp để tiêu đờm.
- Quất hồng: lý khí, hóa đờm.
- Cam thảo, Sinh khương, Đại táo: điều hòa tỳ vị.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị chứng đau đầu, chóng mặt, đờm nhiều, ngực đầy, rêu lưỡi trắng nhợt, mạch huyền, hoạt do phong đàm gây nên.

1. Trường hợp chóng mặt nhiều gia thêm Cương tằm,

Đờm nam tinh để tăng tác dụng tức phong.

2. Trường hợp khí hư gia thêm Đảng sâm, Hoàng kỳ để bổ khí.

**Chú ý:** Những trường hợp đau đầu, chóng mặt do Can dương thịnh, âm hư không được dùng.

***BÀI THUỐC THUỐC TRỊ PHONG ĐÀM***



## TAM TỬ DƯỠNG THÂN THANG (Hàn thị y thông)

### **Thành phần:**

Tô tử 6 - 12g

La bạc tử 8 - 12g

Bạch giới tử 6 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang sắc uống nước chia 2 lần.

**Tác dụng:** Giáng khí, hóa đàm, bình suyễn.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc dùng trị chứng ho, khó thở, đờm nhiều, ngực tức, ăn kém, rêu lưỡi dày, mạch hoạt.

Trong bài:

- Tô tử: giáng khí, hóa đàm.
- Bạch giới tử: ôn phế, hóa đàm.
- La bạc tử: tiêu thực, hóa đàm.

Đều là những vị thuốc trị ho đờm nhiều.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng thường dùng để trị các chứng viêm đường hô hấp hoặc viêm phế quản cấp mạn tính, ho đờm nhiều.

1. Trường hợp phong hàn nặng gia lượng Tô tử, ngực đau nhiều gia lượng Bạch giới tử.
2. Trường hợp bụng đầy đau, ăn không tiêu gia La bạc tử. Thường kết hợp với các vị thuốc thanh nhiệt nhuận phế.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

***BÀI THUỐC THUỐC TRỊ PHONG ĐÀM***

## TÔ TỬ GIÁNG KHÍ THANG (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Tô tử 8 - 12g

Trần bì 6 - 8g

Nhục quế 2 - 3g

Đương quy 12g

Tiền hồ 8 - 12g

Chế Bán hạ 8 - 12g

Hậu phác 6 - 8g

Chích thảo 4 - 6g

Sinh khương 3 lát

(Một số bài thuốc không có Nhục quế gia Trầm hương).

**Cách dùng:** Giáng khí bình suyễn, ôn hóa hàn thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị bệnh ho suyễn.

Trong bài:

- Tô tử trị ho bình suyễn. Chế Bán hạ giáng nghịch trừ đờm là chủ dược.
- Hậu phác, Trần bì, Tiền hồ hợp lực tuyên phế giáng khí hóa đờm, chỉ khái.
- Nhục quế để ôn thận nạp khí.
- Đương quy: dưỡng huyết và làm giảm bớt tính táo của các vị thuốc.

- Cam thảo: kiện tỳ, điều hòa các vị thuốc.
- Sinh khương: hòa vị, giáng nghịch.

Các vị hợp lại thành bài thuốc có tác dụng giáng khí trừ đờm, bình suyễn chỉ khái.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ yếu chữa chứng ho suyễn, đờm nhiều, tức ngực, khó thở, rêu lưỡi trắng, mạch hoạt.

1. Trường hợp đờm nhiều, ho suyễn, khó thở nặng không nằm được gia Trầm hương để tăng cường giáng khí bình suyễn.
2. Nếu kèm biểu chứng phong hàn bỏ Nhục quế, Đương quy gia Ma hoàng, Hạnh nhân hoặc Tô điệp để sơ tán phong hàn.
3. Trên lâm sàng bài thuốc được dùng để chữa các chứng bệnh hen phế quản, viêm phế quản mạn tính, tâm phế mạn, ho, khó thở, đờm thịnh, thận khí bất túc.

***Chú ý:*** Không nên dùng đối với trường hợp phế nhiệt đàm suyễn hoặc phế thận hư sinh ra ho suyễn.



## THUỐC TIÊU ĐẠO

Thuốc *Tiêu đạo* là những bài thuốc dùng để chữa các chứng tích trệ thường gồm các vị thuốc hành khí tiêu thực, đạo trệ, hóa tích tán kết.

Bài thuốc tiêu đạo thường được dùng rộng rãi chữa các bệnh trên lâm sàng như: tích thực, đờm ẩm, súc thủy, loa lịch, đàm hạch, trướng hà, cùng các loại ung nhọt thời kỳ đầu.

Thường phép tiêu đạo bao gồm cả phép lý khí hoạt huyết, trừ thấp khu đàm.

(Tài liệu này chỉ đề cập bài thuốc tiêu thực đạo trệ và tiêu ứ hóa tích).

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***



## BẢO HÒA HOÀN (Đơn Khê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Sơn tra 240g

Bạch linh 120g

Thần khúc 80g

Liên kiều 40g

Bán hạ 120g

Trần bì 40g

La bạc tử 40g

(Có bài thêm Mạch nha)

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, hồ viên. Mỗi lần uống 6 - 12g với nước sôi nguội hoặc nước sắc Mạch nha sao.

Có thể làm thuốc thang lượng tùy theo bệnh lý.

**Tác dụng:** Tiêu tích hòa vị, thanh nhiệt lợi thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc thường được dùng để chữa chứng thực tích.

Trong bài:

- Sơn tra, La Bạc tử, Thần khúc đều có tác dụng tiêu thực nhưng Sơn tra chủ yếu là tiêu tích do chất dầu mỡ.
- La Bạc tử tiêu tích do chất đường bột thêm tác dụng giáng khí hóa đàm.
- Thần khúc tiêu thực do ngoại cảm ảnh hưởng chức năng tỳ vị đều là chủ dược.
- Bán hạ, Trần bì, Bạch linh: hành khí, hòa vị, hóa

thấp.

- Liên kiều: tán kết thanh nhiệt.

Các vị thuốc hợp lại thành bài thuốc tiêu tích hòa vị, thanh nhiệt lợi thấp.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ yếu trị chứng thực tích thường gặp ở trẻ em rối loạn tiêu hóa.

1. Nếu thực tích kèm tỳ hư gia Bạch truật, gọi là bài "ĐẠI AN HOÀN" (Đơn Khê tâm pháp) có tác dụng tiêu tích, kiện tỳ.
2. Nếu bài thuốc này bỏ Bán hạ, La bặc tử, Liên kiều gia Bạch truật, Bạch thực gọi là bài "TIỂU BẢO HÒA HOÀN" (Y phương tập giải). Tác dụng chủ yếu là kiện tỳ, tiêu thực nhẹ hơn.
3. Nếu bài thuốc gia thêm Bạch truật, Hậu phác, Hương phụ, Chỉ thực, Hoàng cầm gọi là "BẢO HÒA HOÀN" (Cổ kim y giám) có tác dụng kiện tỳ, tiêu tích, hóa thấp, thanh nhiệt.
4. Trường hợp kiết lỵ mới bắt đầu có chứng thực tích cũng có thể dùng bài thuốc này bỏ Phục linh, Liên kiều gia Hoàng liên, Bình lang, Chỉ thực để điều khí thanh nhiệt đạo trệ.

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***

## CHỈ TRUẬT HOÀN (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Chỉ thực (sao lúa mạch ) 40g

Bạch truật 80g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, làm hoàn với hồ cơm đun khô bao lá sen.

Mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi nguội.

**Tác dụng:** Kiện tỳ tiêu tích.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bạch truật có tác dụng kiện tỳ trừ thấp là chủ dược.
- Chỉ thực: giáng khí, hóa thấp, tiêu tích.
- Lá sen bao cơm nung có tác dụng kiện tỳ vị.

Trong bài thuốc vị Bạch truật lượng gấp đôi, Chỉ thực nên tác dụng chủ yếu là kiện tỳ để tiêu tích. Trường hợp tích nặng, người khỏe có thể gia lượng Chỉ thực.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài này gia Thần khúc, Mạch nha để tăng cường tiêu thực đạo trệ, gọi là bài " KHÚC MẠCH CHỈ TRUẬT HOÀN" (Y học chính truyền) để trị chứng ăn nhiều, bụng đầy tức, khó chịu.
2. Nếu bài thuốc gia Bán hạ, Quất bì gọi là bài "QUẤT BÁN CHỈ TRUẬT HOÀN" (Y học nhập môn) để trị chứng Tỳ hư đàm tích, ăn uống không tiêu, khí trệ đầy tức.
3. Nếu bài thuốc gia Mộc hương, Sa nhân gọi là bài "HƯƠNG SA CHỈ TRUẬT HOÀN" (Nhiếp sinh bí

phẫu). Trị chứng ăn uống không tiêu, khí trệ bụng đầy.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***

## CHỈ TRUẬT THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Chỉ thực 7 quả

Bạch truật 2 lạng

(Theo liều lượng của sách Kim quỹ yếu lược, sau đó dùng 1 lạng hiện dùng 12g).

Bài này cơ bản giống bài "CHỈ TRUẬT HOÀN", nhưng liều lượng Chỉ thực gấp đôi Bạch truật.

**Tác dụng:** Theo kết quả của dược lý thực nghiệm hiện đại, Chỉ thực có tác dụng tăng co bóp của dạ dày, đại tràng nên khi chữa sỏi mật, sa dạ dày, sa tử cung.

Có tác dụng tốt hơn bài "Chỉ truật hoàn".

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***



## CHỈ THỰC ĐẠO TRỆ HOÀN (Nội ngoại thương biện hoặc luận)

### **Thành phần:**

Đại hoàng 40g  
Chỉ thực (sao mạch) 20g  
Thần khúc ( sao ) 20g  
Bạch linh 12g  
Hoàng cầm 12g  
Hoàng liên 12g  
Bạch truật 12g  
Trạch tả 8g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn làm hoàn, mỗi lần uống 8 - 16g với nước sôi nguội hoặc làm thang sắc uống.

**Tác dụng:** Tiêu tích đạo trệ, thanh lợi thấp nhiệt.

**Chủ trị:** Kiết lý, tiêu chảy, bụng đau mót rặn hoặc đại tiện bón, tiểu tiện ít đỏ, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch thực.

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***

## MỘC HƯƠNG BÌNH LANG HOÀN (Nhu môn sự thân)

### **Thành phần:**

Mộc hương 40g  
Bình lang 40g  
Thanh trần bì 40g  
Nga truật 40g  
Hoàng liên 40g  
Hoàng bá 120g  
Đại hoàng 120g  
Hương phụ (sao) 160g  
Khiên ngư 160g

(Bài thuốc của Chu Đan Khê có thêm Chỉ xác).

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn làm hoàn nhỏ, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi ấm hoặc nước gừng tươi lúc đói, ngày 2 - 3 lần.

Có thể làm thuốc thang sắc uống, tùy bệnh lý gia giảm.

**Tác dụng:** Hành khí đạo trệ, tả nhiệt thông tiện.

**Chủ trị:** Dùng chữa các chứng bụng đầy đau, đại tiện táo bón, xích bạch lý, đau bụng, mót rặn.



## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***

## CHỈ THỰC TIÊU BÍ HOÀN (Lam thất bí tàng)

### **Thành phần:**

Can khương 4g  
Mạch nha khúc 6 - 8g  
Bán hạ khúc 6 - 8g  
Bạch truật (thổ sao) 8 - 12g  
Đảng sâm 8 - 12g  
Chích Chỉ thực 8 - 12g  
Bạch linh 8 - 12g  
Hậu phác 8 - 12g  
Hoàng liên (sao nước gừng) 8 - 12g  
Chích thảo 4 - 8g

**Cách dùng:** Các vị tán bột mịn, làm hoàn nhỏ, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi nguội lúc bụng đói.

**Tác dụng:** Tiêu bí mãn, kiện tỳ vị.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Chỉ thực: tiêu mãn, tán kết là chủ dược.
- Hậu phác, Bán hạ khúc, Mạch nha khúc: hành khí trừ mãn, hóa thấp tiêu đờm.
- Can sinh khương, Hoàng liên: điều hòa hàn nhiệt giao kết.
- Các vị Sâm, Linh, Truật, Thảo là bài thuốc bổ khí cùng các vị hành khí tán kết cùng dùng làm cho bài thuốc vừa có tác dụng bổ khí kiện tỳ, vừa có tác dụng tán kết tiêu bí mãn.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc có thể dùng làm thuốc thang, trường hợp đau đầy vùng thượng vị kèm nôn triệu chứng thiên về hư hàn bổ Hoàng liên gia Ngô thù du để ôn trung tán hàn.
2. Bài thuốc có thể dùng để trị bệnh viêm phế quản mạn tính, khó thở nhiều đàm, ngực đầy tức, chán ăn, tinh thần mệt mỏi, có thể bổ Hoàng liên gia Trần bì, Sa nhân để kiện tỳ, trừ đờm.
3. Nếu có trùng tích gia Sử quân tử, Phỉ tử, Bình lang, Bách bộ để trục trùng.

## ***BÀI THUỐC TIÊU ĐẠO***



## SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Đảng sâm 12g

Bạch linh 12g

Bạch truật 12g

Chích thảo 12g

Hoài sơn 12g

Bạch Biễn đậu 10 - 12g

Liên nhục 10 - 12g

Ý dĩ 10 - 12g

Cát cánh 6 - 8g

Sa nhân 6 - 8g

(Có bài dùng Trần bì hoặc gia Đại táo).

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ khí kiện tỳ, hòa vị, trừ thấp, lý khí, hóa đờm.

**Chủ trị:** Dùng chữa viêm đại tràng mạn, rối loạn tiêu hóa kéo dài, hoặc trong trường hợp viêm thận mạn thể tỳ hư, đạm nước tiểu lâu hết, cũng có thể chữa bệnh lao phổi, ho đờm nhiều, cơ thể mệt mỏi, ăn uống kém.





## THUỐC LÝ KHÍ

Những bài thuốc gồm có các vị cay, nóng, có mùi thơm thường có tác dụng sơ thông khí cơ, điều chỉnh cơ năng tạng phủ để trị các bệnh về khí gọi là thuốc lý khí.

Những bệnh về khí bao gồm: khí hư, khí nghịch, khí trệ.

Nếu khí hư thì bổ khí, khí trệ thì hành khí, khí nghịch thì giáng khí.

(Những bài thuốc Bổ khí sẽ đề cập đến ở chương thuốc bổ, trong phần này chỉ giới thiệu những bài thuốc Hành khí và Giáng khí).

Lúc sử dụng bài thuốc lý khí cần chú ý đến tính hư thực:

1. Nếu là chứng thực cần dùng thuốc hành khí vì nếu dùng thuốc bổ thì khí trệ càng nặng thêm, nếu là hư chứng thì phải dùng thuốc bổ khí. Nếu dùng nhầm thuốc hành khí thì khí càng hư.
2. Trường hợp khí trệ kèm khí hư thì cần dùng bài thuốc hành khí, trong đó có gia thuốc bổ khí để có tác dụng điều hòa hư thực.

Ngoài ra thuốc bổ khí để sơ thông khí cơ, cho nên để phát huy tác dụng của các loại thuốc khác cũng thường kèm thuốc lý khí. Ví dụ dùng thuốc hóa đàm, thuốc lợi thủy, trừ thấp, hoạt huyết đều thường hay dùng thuốc lý khí kèm theo ít nhiều tùy tình hình bệnh lý.

Tính vị bài thuốc lý khí thường là đắng ôn, cay táo, dễ làm tổn thương khí và tân dịch. Nên lúc dùng, cần chú ý không dùng kéo dài.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC LÝ KHÍ***

## THUỐC HÀNH KHÍ

Bài thuốc *Hành khí* có tác dụng hành khí, giải uất.

Chỉ định là các chứng khí cơ uất trệ. Khí trệ thường có: Tỳ vị khí trệ và Can khí uất trệ.

Lúc dùng cần chú ý phân biệt.

- *Tỳ vị khí trệ* thường có các triệu chứng: bụng trên đầy tức, ợ hơi, ợ chua, ăn ít, buồn nôn, đại tiện thất thường.

Thường dùng các vị thuốc như: Trần bì, Hậu phác, Sa nhân, Mộc hương, Hương phụ ... để hành khí, kiện tỳ.

- *Can khí uất trệ* thường có các triệu chứng: mạn sườn đầy tức đau, sán khí đau, hoặc kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh.

Thường dùng các vị thuốc như: Uất kim, Nghệ, Xuyên luyện tử, Thanh bì để sơ can giải uất. Chứng đau do khí trệ thường có tính chất đau tức lúc tăng lúc giảm.

---

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## VIỆT CÚC HOÀN (Đan Khê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Thương truật  
Hương phụ  
Xuyên khung  
Lục khúc  
Sơn chi tử (sao)  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, dùng nước làm hoàn, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi ấm. Có thể dùng làm thuốc thang sắc uống, liều lượng tùy chứng gia giảm.

**Tác dụng:** Hành khí giải uất.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này có tác dụng điều trị: 6 chứng uất (khí uất thường thường biểu hiện ngực bụng đầy tức, thấp uất thực trệ thường do ăn uống không tiêu, bụng trên đầy no, ợ hơi, nôn đàm hỏa uất kết, tích trệ trung tiêu, thăng thanh giáng trọc bị rối loạn, thường thấy ợ hơi chua, khí huyết uất trệ thường sinh ra các chứng đau).

Tất cả các chứng uất đều gây ra các triệu chứng trên, trong đó khí uất là nguyên nhân chính vì khí hành giải uất thì huyết hành tức là huyết lạc lưu thông, khí huyết trệ thì đàm hỏa thấp thực, hết ứ trệ đau này cũng được tiêu trừ.

Trong bài thuốc:

- Hương phụ: hành khí giải uất, trị khí uất là chủ dược.

- Thương truật: táo thấp, kiện tỳ, trị thấp trệ.
- Xuyên khung hành khí hoạt huyết trị huyết ứ chỉ thống.
- Lục khúc tiêu thực hòa vị trị thực tích.
- Sơn chi tử thanh nhiệt trừ phiền, trị hỏa uất đều tá dược.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc thiên về hành khí giải uất nhưng trên lâm sàng tùy theo tình hình bệnh lý chứng uất nào nặng hơn mà gia vị.

1. Nếu khí uất nặng lấy Hương phụ làm chủ, gia Mộc hương, Hậu phác, Chỉ xác để tăng cường hành khí giải uất.
2. Nếu thấp trệ nặng lấy Thương truật làm chính, gia Phục linh, Trạch tả để lợi thấp.
3. Nếu thực tích nặng lấy Lục khúc làm chính, gia Mạch nha, Sơn tra để tiêu thực; đờm uất nặng gia Nam tinh, Bán hạ, Qua lâu để tiêu đàm.
4. Nếu huyết ứ nặng lấy Xuyên khung làm chính, gia Đào nhân, Hồng hoa, Xích thược để hoạt huyết hóa ứ.
5. Trường hợp hỏa uất nặng lấy Chi tử làm chính, gia Hoàng liên, Long đởm thảo, Thanh đại để thanh nhiệt giáng hỏa; nếu kiêm hàn gia thêm Ngô thù du để khu hàn ... tùy chứng gia giảm.
6. Bài thuốc dùng trị đau bụng kinh ở phụ nữ, viêm gan mạn, đau sườn, chứng tâm thần phân liệt thể khí uất có thể gia thêm Uất kim, Phật thủ, Diên hồ sách, Xích thược để tăng thêm tác dụng hành khí, sơ can giải uất.
7. Bài thuốc có thể điều trị các chứng đau dạ dày cơ năng, rối loạn tiêu hóa, bụng đầy ợ hơi, ợ chua gia thêm Sa nhân, Trần bì có hiệu quả tốt.

**Chú ý:** Bài thuốc chỉ nên dùng chữa thực chứng nếu trường hợp hư chứng gây nên bụng đầy kém ăn, tiêu lỏng không nên dùng.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HÀNH KHÍ***

## LƯƠNG PHỤ HOÀN

### (Lương phương tập dịch)

**Thành phần:**

Cao lương khương

Hương phụ

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tán thành bột mịn, dùng nước cơm, Nước Gừng tươi cho tý muối làm thành viên nhỏ, mỗi lần uống 4 - 6g.

Có thể dùng làm thuốc thang.

**Tác dụng:** Ôn trung tán hàn, hành khí chỉ thống.

**Chủ trị:** Chứng Can khí uất trệ, hàn ngưng do tỳ vị gây nên, sườn bụng đau, bứt rứt gia thêm Can khương, Thanh bì, Mộc hương, Đương quy để tăng thêm tác dụng hành khí, trừ hàn, chỉ thống.

## ***BÀI THUỐC HÀNH KHÍ***

## **BÁN HẠ HẬU PHÁC THANG** **(Kim quỹ yếu lược)**

### ***Thành phần:***

Bán hạ chế 8 - 16g

Hậu phác 8 - 12g

Phục linh 12 - 16g

Tô diệp 6 - 12g

Sinh khương 8 - 12g

***Cách dùng:*** sắc nước uống với nước sôi ấm, ngày chia 4 lần.

***Tác dụng:*** Hành khí, khai uất, giáng nghịch, hóa đàm.

### ***Giải thích bài thuốc:***

- Bán hạ có tác dụng hóa đờm tán kết, hòa vị giáng nghịch.
- Hậu phác hành khí khai uất, trừ mẩn đều là chủ dược.
- Bán hạ giáng nghịch hóa đàm giúp Hậu phác tuyên phế tán kết.
- Phục linh: thẩm thấp kiện tỳ giúp Bán hạ hóa đàm.
- Sinh khương: ôn tỳ, giáng nghịch, hòa trung.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng hành khí khai uất, giáng nghịch hóa đàm.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị chứng đàm khí uất kết trong họng như có vật vướng, nhỏ, nuốt khó khăn (Mai hạch khí), ngực sườn đầy tức đau, hoặc ho khó thở, hoặc nôn, rêu lưỡi nhuận hoạt trắng, mạch huyền hoạt hoặc huyền hoãn (thiên về thấp đàm).

1. Trường hợp ngực sườn đau tức nhiều gia Mộc hương,



Thanh bì, Chỉ xác để hành khí giảm đau; nôn nhiều gia thêm Bán hạ, Sinh khương hoặc Sa nhân, Bạch đậu khấu, Đinh hương để giáng nghịch cầm nôn.

2. Trường hợp đàm thấp không nặng gia Đại táo 2 quả để hòa trung kết hợp dùng Sinh khương điều hòa vinh vệ, thông đạt khí cơ gọi là bài "TỨ THẤT THANG " (Hòa tể cục phương).
3. Bài thuốc có thể dùng trị các chứng co thắt thực quản, bệnh Hysteria (có cảm giác trong họng có dị vật), đau dạ dày cơ năng hoặc nôn, viêm phế quản cấp mạn tính hóa nhiều đàm, thuộc hội chứng khí trệ đàm tắc.

**Chú ý:** Đối với trường hợp âm hư, đờm hỏa hóa uất không nên dùng.

## ***BÀI THUỐC HÀNH KHÍ***

## KIM LINH TỬ TÁN (Thánh huệ phương)

### **Thành phần:**

Kim linh tử  
Diên hồ sách  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tán thành bột, mỗi lần uống 8 - 12g với rượu trắng, có thể làm thuốc thang.

Tùy tình hình bệnh lý gia giảm liều lượng và các vị thuốc.

**Tác dụng:** Sơ can, tiết nhiệt, hành khí, chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chữa trị chứng đau do Can khí uất trệ, khí uất hóa hỏa gây nên.

Trong bài:

- Kim linh tử: thanh can hỏa, hành khí giải uất là chủ dược.
- Diên hồ sách: hành khí, hoạt huyết, chỉ thống.

Hai vị hợp lại có tác dụng thanh can hỏa, sơ can khí làm cho chứng đau giảm.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài này chủ trị chứng đau do Can khí uất trệ, khí uất hóa hỏa sinh chứng đau ngực sườn hoặc đau bụng kinh lúc tăng lúc giảm, bứt rứt khó chịu, ăn chất nóng đau tăng, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền sác.

Có thể gia thêm các vị Sài hồ, Uất kim, Bạch thược, Sơn chi tử để sơ can tả nhiệt, hành khí chỉ thống.

1. Bài thuốc này gia thêm các vị thuốc hành khí chỉ thống có thể trị chứng đau do chứng Can khí uất kết, trong các bệnh loét dạ dày hành tá tràng, viêm gan, viêm đại tràng, viêm túi mật.
2. Bài này có thể gia thêm các vị hành khí hoạt huyết như Uất kim, Bạch thược, Xuyên khung, Ích mẫu thảo.

Thường dùng trị các bệnh phụ nữ như đau kinh, kinh nguyệt không đều do Can khí uất gây nên.

3. Để chữa các chứng bệnh đau do thoát vị bẹn dùng bài thuốc gia Lệ chi hạch, Quất hạch. Nếu thiên về hàn gia thêm Ngô thù, Tiểu hồi để ôn can, tán hàn chỉ thống.

Thận trọng đối với phụ nữ có thai.

## ***BÀI THUỐC HÀNH KHÍ***

## ĐƠN SÂM ÂM (Y tông kim giám)

**Thành phần:**

Đơn sâm 40g

Đàn hương 6g

Sa nhân 6g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hành khí hóa ứ, chỉ thống.

**Trị chứng:** Đau dạ dày, đau thắt lưng, đau tim do huyết ứ, khí trệ gây nên.

## ***BÀI THUỐC HÀNH KHÍ***

## THIÊN THAI Ô DƯỢC TÁN (Y học phát minh)

### **Thành phần:**

Ô dược 12g  
Cao Lương khương 8 - 12g  
Xuyên luyện tử 12 - 16g  
Tiểu hồi hương 8 - 12g  
Binh lang 8 - 12g  
Mộc hương 8 - 12g  
Thanh bì 8g  
Ba đậu 4 hạt

**Cách chế và dùng:** Ba đậu giã nát thêm Phù tiểu mạch 20g sao cháy đen với Xuyên luyện tử. Bỏ Ba đậu, Tiểu mạch, Xuyên luyện tử cùng các vị thuốc khác, tán thành bột mịn, làm thuốc, mỗi lần uống 4g với rượu.

Bài thuốc có thể bỏ Ba đậu dùng làm thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Hành khí, sơ can, tán hàn, chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ trị chứng đau sán khí (đau do thoát vị) do hàn ngưng khí trệ.

Trong bài thuốc:

- Tiểu hồi hương lý khí sơ can, tán hàn chỉ thống là chủ dược.
- Cao lương khương: tán hàn chỉ thống.
- Thanh bì: điều khí, sơ can.



- Mộc hương; hành khí, chỉ thống, đều là tá dược hỗ trợ.
- Bình lang: hành khí, tiêu trệ.
- Xuyên luyện tử tính vị đắng hàn dùng chung với các vị khác làm giảm bớt tính nóng của bài thuốc, đồng thời có tác dụng giảm đau.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng chung là sơ can, hành khí tán hàn chỉ thống.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Trên lâm sàng thường dùng bài thuốc gia thêm các vị Quất hạch, Lệ chi hạch. Trị đau sán khí tác dụng tốt hơn.
2. Trường hợp chứng hàn nặng gia thêm Ngô thù du, Nhục quế để ôn trực hàn tà.
3. Trường hợp đau nhiều gia Trầm hương để tán hàn chỉ thống.

## ***BÀI THUỐC HÀNH KHÍ***

## QUẤT HẠCH HOÀN (Tế sinh phương)

### **Thành phần:**

Quất hạch (sao) 40g  
Hải tảo 40g  
Côn bố 40g  
Hải đới 40g  
Xuyên luyện tử (đập vụn sao) 40g  
Đào nhân (Mạch sao) 40g  
Hậu phác (bỏ vỏ Gừng sao) 20g  
Mộc thông 20g  
Chỉ thực (mạch sao) 20g  
Diên hồ sách (sao) 20g  
Quế tâm 20g  
Mộc hương 20g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, trộn đều hồ rượu thành viên nhỏ, mỗi lần uống 8 - 16g, uống lúc đói với rượu nóng hoặc nước muối nhạt, có thể dùng làm thuốc thang sắc nước uống.

Liều lượng gia giảm tùy chứng.

**Tác dụng:** Hành khí chỉ thống, nhuận kiên tán kết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng thoát vị bẹn gây đau do hàn thấp, ngưng trệ ở kinh Quyết âm can làm cho khí huyết không lưu thông .

Trong bài:

- Quất hạch, Mộc hương, Xuyên luyện tử: hành khí, chỉ thống là chủ dược.
- Đào nhân, Diên hồ sách: hoạt huyết, tán kết.
- Nhục quế: ôn can thận, tán hàn.
- Hậu phác, Chỉ thực: hành khí, tiêu tích.
- Hải tảo, Côn bố, Hải đới: nhuận kiên.
- Mộc thông: thông lợi thấp tà ở hạ tiêu.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng chung là hành khí tán kết, nhuận kiên tiêu phù.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc thường dùng trị chứng thoát vị bẹn trên lâm sàng thường có gia giảm.

1. Nếu âm nang phù cứng gia Lệ chi hạch, Hoàng bì hạch để tăng tác dụng hành khí tán kết hoặc gia Huyền minh phấn để tăng tác dụng nhuận kiên tán kết.
2. Trường hợp sắc lưởi tím thâm hoặc có điểm tụ huyết ở lưởi gia Tam lăng, Nga truyệt để hoạt huyết hóa ứ.
3. Nếu đau nhiều, rêu lưởi trắng, mạch trầm huyền tăng lượng Quế tâm, Mộc hương hoặc gia Tiểu hồi, Ngô thù để tăng tác dụng tán hàn chỉ thống.
4. Trường hợp âm nang phù có nước gia Thổ phục linh, Thương truật để hóa thấp. Nếu âm nang sưng đỏ chảy nước vàng ngứa, tiểu tiện ít, vàng đậm gia Xa tiền tử, Trạch tả, Nhân trần để thanh nhiệt trừ thấp. Nếu nhiệt nặng hơn gia Hoàng cầm, Hoàng bá để thanh nhiệt trừ thấp. Bài thuốc có thể trị bệnh viêm tinh hoàn, tích thủy âm nang.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC LÝ KHÍ***

## THUỐC GIÁNG KHÍ

Bài thuốc *Giáng khí* có tác dụng trị các chứng ho, suyễn, nấc cụt, nôn, thường là phế nghịch hoặc vị khí nghịch gây nên.

Các vị thuốc thường dùng có Tô tử, Quất bì, Hậu phác, Tuyên phục hoa, Đại giả thạch, Trầm hương...

Khí nghịch thường phân biệt hàn nhiệt, hư thực, cho nên bài thuốc giáng khí thường được phối hợp với các vị thuốc có tác dụng khác nhau.

Ví dụ:

1. Trường hợp khí nghịch do cơ thể hư dùng thuốc giáng khí cùng với thuốc bổ khí. Nếu khí nghịch kèm hư nhiệt hoặc hư hàn thì dùng thuốc giáng khí kết hợp thuốc thanh bổ hoặc ôn bổ.
2. Trường hợp khí nghịch kèm đàm hỏa hoặc hàn ẩm thì dùng thuốc giáng khí kèm thêm thuốc thanh hóa nhiệt đàm hoặc ôn hóa hàn ẩm.

Đó là nguyên tắc biện chứng luận trị của Y học cổ truyền.





## TÔ TỬ GIÁNG KHÍ THANG (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Tô tử 8 - 12g

Trần bì 6 - 8g

Nhục quế 2 - 3g

Đương quy 12g

Tiền hồ 8 - 12g

Chế Bán hạ 8 - 12g

Hậu phác 6 - 8g

Chích thảo 4 - 6g

Sinh khương 3 lát

(Một số bài thuốc không có Nhục quế gia Trầm hương).

**Cách dùng:** Giáng khí bình suyễn, ôn hóa hàn thấp.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị bệnh ho suyễn.

Trong bài:

- Tô tử: trị ho bình suyễn. Chế Bán hạ giáng nghịch trừ đờm là chủ dược.
- Hậu phác, Trần bì, Tiền hồ hợp lực tuyên phế giáng khí hóa đờm, chỉ khái.
- Nhục quế để ôn thận nạp khí.
- Đương quy: dưỡng huyết và làm giảm bớt tính táo của các vị thuốc.

- Cam thảo: kiện tỳ, điều hòa các vị thuốc.
- Sinh khương: hòa vị, giáng nghịch.

Các vị hợp lại thành bài thuốc có tác dụng giáng khí trừ đờm, bình suyễn chỉ khái.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ yếu chữa chứng ho suyễn, đờm nhiều, tức ngực, khó thở, rêu lưỡi trắng, mạch hoạt.

1. Trường hợp đờm nhiều, ho suyễn, khó thở nặng không nằm được gia Trầm hương để tăng cường giáng khí bình suyễn.
2. Nếu kèm biểu chứng phong hàn bỏ Nhục quế, Đương quy gia Ma hoàng, Hạnh nhân hoặc Tô diệp để sơ tán phong hàn.
3. Trên lâm sàng bài thuốc được dùng để chữa các chứng bệnh hen phế quản, viêm phế quản mạn tính, tâm phế mạn, ho khó thở, đờm thịnh, thận khí bất túc.

**Chú ý:** Không nên dùng đối với trường hợp phế nhiệt đàm suyễn hoặc phế thận hư sinh ra ho suyễn.

## ***BÀI THUỐC GIÁNG KHÍ***

## ĐỊNH SUYỄN THANG (Nhiếp sinh chúng diệu phương)

### **Thành phần:**

Ma hoàng 6 - 12g  
Tang bạch bì 12g  
Hạnh nhân 6 - 8g  
Chế Bán hạ 6 - 12g  
Bạch quả (sao) 10 - 20g  
Tô tử 6 - 8g  
Hoàng cầm 8 - 12g  
Khoản đông hoa 12g  
Cam thảo 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống, chia 2 lần trong ngày.

Trên lâm sàng Bạch quả thường dùng 4 - 8 quả.

**Tác dụng:** Giáng khí bình suyễn, ôn hóa đàm thấp, thanh nhiệt.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc thường dùng để chữa ho suyễn.

Trong bài:

- Ma hoàng: tuyên giáng phế khí để bình suyễn kiêm giải biểu hàn.
- Tang bạch bì: thanh phế, chỉ khái, bình suyễn là chủ dược.
- Hạnh nhân, Tô tử, Bán hạ chế: giáng khí bình suyễn, hóa đàm chỉ khái.

- Bạch quả: hóa đàm, liễm phế, bình suyễn.
- Hoàng cầm: kết hợp Tang bạch bì thanh phế nhiệt.
- Khoản đông hoa hợp Bán hạ trừ đàm chỉ khái.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc cùng dùng có tác dụng tuyên phế, giáng khí, bình suyễn, thanh nhiệt hòa đàm.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc chữa chứng ho suyễn do ngoại cảm phong hàn, phế uất đàm nhiệt, có các triệu chứng ho đàm nhiều, ngực tức khó thở hoặc kèm có biểu chứng sốt, sợ lạnh.
2. Trường hợp dùng chữa chứng viêm phế quản mạn tính, hen phế quản, thiên đàm nhiệt gia Qua lâu, Đờm nam tinh, ngực tức gia Chỉ xác, Trúc nhự.

## ***BÀI THUỐC GIẢNG KHÍ***

## TAM TỬ DƯỠNG THÂN THANG (Hàn thị Y thông)

**Thành phần:**

Tô tử 6 - 12g

Bạch giới tử 4 - 8g

La bạc tử 6 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thuận khí, giáng nghịch, hóa đàm, tiêu trệ.

**Chủ trị:** Chứng ho, khó thở, ngực đầy tức, đàm nhiều.

Bài thuốc này cũng có tác dụng hóa đàm bình suyễn như bài Định suyễn thang nhưng thiên về ôn phế tiêu trệ nên dùng chữa chứng hen suyễn thiên về hàn đàm ứ trệ.

## ***BÀI THUỐC GIẢNG KHÍ***



## TUYỀN PHÚC ĐẠI GIÁ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Tuyền phúc hoa 12g  
Đại giả thạch 12 - 20g  
Chế Bán hạ 8 - 12g  
Đảng sâm 12 - 16g  
Chích thảo 4 g  
Đại táo 3 quả  
Sinh khương 3 lát

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Giáng khí hóa đàm, ích khí hòa vị

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ yếu trị chứng vị khí hư nhược, đàm trọc khí trệ gây nên vị khí nghịch sinh ra nấc cụt, ợ hơi, nôn, hoặc nôn đàm rãi, rêu lưỡi trắng hoạt, mạch hư huyền.

Trong bài:

- Tuyền phúc hoa: giáng khí tiêu đàm.
- Đại giả thạch: giáng nghịch, trị vị khí nghịch là chủ dược.
- Đảng sâm: kiện tỳ ích vị, chữa vị khí hư nhược trừ đàm trọc ứ trệ.
- Bán hạ: giáng nghịch, trừ đàm, tiêu痞, tán kết.
- Cam thảo, Đại táo: ích khí hòa trung.
- Sinh khương cùng Bán hạ giáng nghịch cầm nôn.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Trường hợp vị khí bình thường bỏ Đảng sâm, Đại táo, Chích thảo.
2. Nếu đàm nhiều gia Phục linh, Trần bì để hòa vị tiêu đàm.
3. Trường hợp tỳ vị hư hàn sinh ách nghịch dùng Can khương thay Sinh khương gia thêm Đinh hương, Mộc hương, Sa nhân để ôn vị giáng nghịch.
4. Bài thuốc thường được dùng chữa các chứng viêm dạ dày mạn tính, sa dạ dày, hội chứng dạ dày cơ năng, loét dạ dày tá tràng có những triệu chứng nấc cụt, ợ hơi, nôn, buồn nôn có tác dụng nhất định.

## ***BÀI THUỐC GIẢNG KHÍ***

## QUẤT BÌ TRÚC NHỰ THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Quất bì 8 - 12g  
Trúc nhự 12 - 16g  
Sinh khương 8 - 12g  
Đẳng sâm 12 - 16g  
Cam thảo 4g  
Đại táo 3 - 5 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống, chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Ích khí thanh nhiệt, giáng nghịch, cầm nôn.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ yếu chữa chứng ách nghịch do vị khí hư kèm nhiệt.

Trong bài:

- Quất bì lý khí hòa vị giáng nghịch cầm nôn. Trúc nhự thanh vị nhiệt cầm nôn đều là chủ dược.
- Đẳng sâm ích khí hòa vị cùng dùng với Quất bì có tác dụng lý khí bổ hư.
- Sinh khương; hòa vị, cầm nôn.
- Cam thảo, Đại táo: ích khí, hòa vị.

Các vị thuốc cùng dùng trong bài thuốc làm cho bài thuốc có tác dụng ích vị khí, thanh vị nhiệt, giáng vị nghịch.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trên lâm sàng bài thuốc thường được dùng chữa chứng phụ nữ nhiễm độc thai nghén (ác trở), nôn do

hẹp môn vị không hoàn toàn, chứng nấc cục sau phẫu thuật vùng bụng thuộc hội chứng hư nhiệt.

2. Trường hợp vị âm bất túc, mồm khát, nôn khan, ợ hơi, ăn ít, lưỡi đỏ, ít rêu khô, mạch tế sác, lúc dùng gia thêm thuốc tư dưỡng vị âm như Mạch môn, Cát căn, Thiên hoa phấn, Thạch斛, Lô căn.
3. Trường hợp trị chứng nấc cục do vị nhiệt cơ thể khỏe có thể bỏ Đẳng sâm, Đại táo, Cam thảo gia Thị để dễ giáng nghịch gọi là bài TÂN CHẾ QUẤT BÌ TRÚC NHƯ THANG (Ôn bệnh điều biện).
4. Trường hợp có ứ huyết gia Đào nhân để hoạt huyết, nếu đàm hỏa gia Tỳ bà diệp, Qua lâu nhân để thanh nhiệt hóa đàm.

**Chú ý:** Không dùng bài thuốc này đối với trường hợp nấc cục do hư hàn hoặc thực nhiệt.

## ***BÀI THUỐC GIẢNG KHÍ***

## ĐINH HƯƠNG THỊ ĐẾ THANG (Chứng nhân mạch trị)

### **Thành phần:**

Đinh hương 2 - 4g  
Đảng sâm 8 - 16g  
Thị đế (tai hồng) 8 - 12g  
Gừng tươi 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống, ngày 1 thang chia 2 lần.

**Tác dụng:** Ích khí ôn trung, trừ hàn, giáng nghịch.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc có tác dụng ôn trung giáng nghịch dùng trị chứng hư hàn ách nghịch.

Trong bài:

- Đinh hương, Thị đế ôn vị tán hàn giáng nghịch chỉ ách là chủ dược.
- Đảng sâm: bổ trung ích khí.
- Sinh khương: tán hàn, giáng nghịch.

Các vị thuốc cùng dùng có tác dụng ích vị khí, tán vị hàn, giáng vị khí nghịch.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng nấc cục do bệnh lâu ngày cơ thể hư yếu, trung tiêu hư hàn sinh ra, thường có các triệu chứng như nấc cục, nôn, mồm nhạt, chán ăn, bụng đầy, ngực tức, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch trầm trì.

1. Trường hợp hàn ách mà cơ thể khỏe bỏ Đảng sâm gọi là "THỊ ĐẾ THANG" (Tế sinh phương).

2. Trường hợp hàn ách mà kiêm khí uất đàm trệ gia Quất bì, Trúc nhự, Cao lương khương, Trần hương, Chế Bán hạ để lý khí hóa đàm, giáng nghịch, chỉ ẩu.
3. Bài này thường dùng trị chứng vị hư hàn, nấc cục sau phẫu thuật, bụng co thắt do cơ hoành hoặc nấc cục cơ năng.





## THUỐC LÝ HUYẾT

Thuốc *lý huyết* là những bài thuốc gồm những vị thuốc có tác dụng hoạt huyết khu ứ, hoặc chỉ huyết, có tác dụng tiêu tán huyết ứ, tăng cường huyết mạch lưu thông hoặc cầm máu, chủ yếu trị những bệnh về huyết.

Bệnh về huyết bao gồm nhiều mặt: Huyết ứ, xuất huyết, huyết hư.

- Huyết ứ dùng phép Hoạt huyết.
- Xuất huyết dùng phép Chỉ huyết.
- Huyết hư dùng phép Bổ huyết.

(Trong phần này chỉ đề cập 2 phép Hoạt huyết và Chỉ huyết còn Bổ huyết sẽ nói trong phần thuốc Bổ).

Những bài thuốc hoạt huyết thường dùng kèm theo thuốc Hành khí theo nguyên tắc: "Khí hành - huyết hành".

Thuốc cầm máu cũng thường hay dùng thuốc hoạt huyết kèm theo vì huyết ứ cũng có thể sinh ra chảy máu.

### A. BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT

Bài thuốc *Hoạt huyết* chữa chứng xuất huyết, huyết ứ do nguyên nhân khác nhau mà hội chứng ứ huyết, xuất huyết có khác nhau. Ví dụ trong bệnh nhiễm sốt cao, bứt rứt, bụng dưới đầy đau, tiểu tiện không lợi, đại tiện phân màu đen gọi là chứng xuất huyết hoặc bị trúng phong do khí hư huyết trệ, kinh mạch không thông, xuất hiện bán thân bất toại hoặc phụ nữ bế kinh, bụng dưới đầy trướng đau, có hòn cục (khối u), có lúc có sốt hoặc rét, âm đạo xuất huyết, sắc thâm tím hoặc xuất huyết nhiều, hoặc do ngã, va chạm gây tổn thương ứ huyết ở nội tạng, ngực sườn đau tức.

Tùy tình hình bệnh lý khác nhau mà dùng các bài thuốc hoạt huyết, khu ứ thích hợp.

Những vị thuốc khu ứ thường dùng: Đại hoàng, Đào nhân, Hồng hoa, Đương quy, Xích thực, Đơn bì, Đơn sâm, Uất kim, Diên hồ sách ...

Bài thuốc thường dùng có: Đào nhân thừa khí thang, Huyết phủ trục ứ thang, Ôn kinh thang, Sinh hóa thang, Cung ngoại dục phương.

## **B. BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT**

Bài thuốc *Chỉ huyết* dùng để chữa các chứng xuất huyết.

Theo Y học cổ truyền xuất huyết có thể do huyết nhiệt lộng hành hoặc do dương khí hư không giữ được huyết sinh ra các chứng thổ huyết, nục huyết, tiện huyết hoặc băng lậu.

Bài thuốc chỉ huyết thường gồm các vị thuốc có tác dụng cầm máu như Trắc bá diệp (sao), Đại kế, Tiểu kế, Hoa hòe, Bồ hoàng, Ngải diệp, Nhọ nồi ...

## ***BÀI THUỐC LÝ HUYẾT***

## BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT

Bài thuốc *Hoạt huyết* chữa chứng xuất huyết, huyết ứ do nguyên nhân khác nhau mà hội chứng ứ huyết, xuất huyết có khác nhau. Ví dụ trong bệnh nhiễm sốt cao, bứt rứt, bụng dưới đầy đau, tiểu tiện không lợi, đại tiện phân màu đen gọi là chứng xuất huyết hoặc bị trúng phong do khí hư huyết trệ, kinh mạch không thông, xuất hiện ban thân bất toại hoặc phụ nữ bế kinh, bụng dưới đầy trướng đau, có hòn cục (khối u), có lúc có sốt hoặc rét, âm đạo xuất huyết, sắc thâm tím hoặc xuất huyết nhiều, hoặc do ngã, va chạm gây tổn thương ứ huyết ở nội tạng, ngực sườn đau tức.

Tùy tình hình bệnh lý khác nhau mà dùng các bài thuốc hoạt huyết, khu ứ thích hợp.

Những vị thuốc khu ứ thường dùng: Đại hoàng, Đào nhân, Hồng hoa, Đương quy, Xích thược, Đơn bì, Đơn sâm, Uất kim, Diên hồ sách ...

Bài thuốc thường dùng có:

- Đào nhân thừa khí thang
- Huyết phủ trục ứ thang
- Ôn kinh thang
- Sinh hóa thang
- Cung ngoại dục phương.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ĐÀO NHÂN THỪA KHÍ THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Đào nhân 12 - 16g  
Quế chi 4 - 8g  
Mang tiêu 4 - 8g  
Đại hoàng 6 - 12g  
Chích thảo 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống, 1 thang chia 3 lần trong ngày.

**Tác dụng:** Hoạt huyết, trục ứ.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này chủ yếu trị chứng huyết ứ súc kết ở hạ tiêu, triệu chứng thường thấy là bụng dưới đầy đau, đại tiện phân sắc đen mà tiểu tiện bình thường.

Trong bài:

- Đào nhân: hoạt huyết, phá ứ là chủ dược.
- Đại hoàng: thanh nhiệt tiêu tích qua đường đại tiện (công hạ).
- Quế chi: thông huyết mạch.
- Mang tiêu: nhuễn kiên, tán kết phối hợp với Đào nhân, Đại hoàng có tác dụng công hạ.
- Chích thảo: điều hòa các vị thuốc.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này chủ yếu trị chứng huyết ứ nội kết ở hạ tiêu, hoặc sau tổn thương do ngã va chạm gây nên huyết ứ bên trong, đại tiện táo bón phân đen, bụng dưới đau nhói, mòm



khát, phát sốt, mạch sắc, gia Xích thực, Tam thất để tăng cường hoạt huyết, khu ứ.

1. Bài thuốc dùng chữa chứng đau kinh, kinh nguyệt không đều có thể gia thêm Đương quy, Hồng hoa, Hương phụ chế để điều kinh hoạt huyết.
2. Trường hợp sau khi đẻ bụng dưới đau nhói gia Bồ hoàng, Ngũ linh chi để hoạt huyết giảm đau.
3. Trường hợp chảy máu cam hoặc nôn ra máu đen (nhiệt lộng huyết hành) ngực tức khó chịu, gia Sinh địa, Mao căn, Nhọ nôi để lương huyết chỉ huyết, có thể dùng bài này trong trường hợp phụ nữ sau khi đẻ sót nhau, thai ở tử cung xuất huyết khó cầm.
4. Có báo cáo lâm sàng dùng bài thuốc này kết hợp bài "Mẫu đơn bì thang" gồm: Quy vĩ, Xích thực, Đơn bì, Diên hồ sách, Nhục quế, Xuyên Ngưu tất, Tam lăng, Nga truật, Hương phụ, Cam thảo. Trị có thai ngoài tử cung có kết quả tốt.

Phụ phương:

### **HẠ Ứ HUYẾT THANG**

**(Kim quỹ yếu lược)**

**Thành phần:**

Đại hoàng 8 - 12g

Đào nhân 8 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống với rượu.

**Tác dụng:** Công hạ huyết ứ.

**Chủ trị:** Chứng phụ nữ đau do huyết ứ nội kết sau lúc đẻ hoặc tắt kinh.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## QUẾ CHI PHỤC LINH HOÀN (Kim quỹ yếu lược)

**Thành phần:**

Quế chi

Phục linh

Đơn bì

Đào nhân

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tán bột mịn luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 2 - 5g, ngày 2 - 3 lần.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, tiêu kết.

**Chủ trị:** Các chứng phụ nữ đau bụng dưới có hòn cục, ấn đau hoặc phụ nữ kinh nguyệt ít, tắt kinh bụng đầy đau, hoặc trường hợp đẻ khó, thai chết lưu.

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## HUYẾT PHỦ TRỰC Ứ THANG (Y lâm cải thác)

### **Thành phần:**

Đương quy 12 - 16g  
Đào nhân 8 - 16g  
Chỉ xác 6 - 8g  
Sài hồ 8 - 12g  
Cát cánh 6 - 8g  
Xuyên Ngưu tất 6 - 12g  
Sinh Đại hoàng 12 - 16g  
Hồng hoa 6 - 12g  
Xích thực 8 - 12g  
Xuyên khung 6 - 8g  
Cam thảo 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống, ngày chia 2 lần.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, hành khí chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

**Chủ trị:** Bài này chủ trị chứng đau tức ngực do huyết ứ khí trệ.

Trong bài:

- Đương quy, Đào nhân, Hồng hoa: hoạt huyết hóa ứ là chủ dược.
- Xuyên khung, Xích thực: hoạt huyết hóa ứ.
- Sinh địa phối hợp Đương quy dưỡng huyết hòa âm.
- Ngưu tất: hoạt huyết, thông mạch hoạt lạc.

- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

**Ứng dụng lâm sàng:**

1. Thường dùng trị các bệnh tim mạch như đau thắt ngực do thiếu máu cơ tim, xơ cứng động mạch vành, co thắt động mạch vành .
2. Trường hợp mất ngủ gia Thục Táo nhân, suy nhược khí hư gia Đảng sâm để bổ trung ích khí. Dương hư bổ Sài hồ gia Thục phụ tử, Quế chi để ôn tâm dương.
3. Trường hợp hạ sườn phải đau có khối u gia Uất kim, Đơn sâm để hoạt huyết tiêu tích. Trường hợp tức ngực nặng gia Xuyên khung, Hồng hoa tăng liều thêm Đơn sâm.
4. Trên lâm sàng có tác giả dùng chữa chứng đau đầu kéo dài, huyết áp cao, chóng mặt đau đầu, đau thần kinh liên sườn, đau lưng sau đẻ do huyết ứ khí trệ có kết quả tốt.



## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## THÔNG KHIẾU HOẠT HUYẾT THANG (Y lâm cải thác)

**Thành phần:**

Xích thước 8g

Xuyên khung 8g

Đào nhân 12g

Hồng hoa 12g

Củ hành già (cắt vụn) 3 củ

Sinh khương 12g

Xạ hương (Xung phục) 10 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hoạt huyết thông khiếu.

**Chủ trị:** Huyết ứ ở đầu mặt như chứng điếc giảm thính lực, chứng mũi đỏ.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## CÁCH HẠ TRỤC Ứ THANG (Y lâm cải thác)

### **Thành phần:**

Ngũ linh chi (sao) 12g  
Đương quy 12g  
Xuyên khung 8g  
Đào nhân 12g  
Đơn bì 8 - 12g  
Xích thực 10g  
Ô dược 6 - 8g  
Diên hồ sách 4 - 6g  
Cam thảo 6 - 12g  
Hương phụ 6 - 8g  
Hồng hoa 6 - 10g  
Chỉ xác 6 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, hành khí chỉ thống.

**Chủ trị:** Chứng huyết ứ dưới cơ hoành hoặc hình thành khối u đầu.

Trường hợp xơ gan hoặc gan lách to dùng bài này có kết quả nhất định.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## THIỆU PHÚC TRỤC Ứ THANG (Y lâm cải thác)

### **Thành phần:**

Tiểu hồi hương 7 quả  
Can khương sao 2 sao  
Diên hồ sách 4g  
Mật dược 4g  
Đương qui 12g  
Xuyên khung 4g  
Nhục quế 4g  
Xích thực 8g  
Bồ hoàng 12g  
Ngũ linh chi sao 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, ôn kinh chỉ thống.

**Chủ trị:** Chứng bụng dưới đau do huyết ứ có hòn cục hoặc không có cục, hoặc có kinh dưới đầy, lưng đau, kinh nguyệt không đều, sắc kinh tím đen hoặc có cục.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***



## THÂN THÔNG TRỰC Ứ THANG (Y lâm cải thác)

### **Thành phần:**

Tần giao 6 - 12g  
Xuyên khung 8g  
Đào nhân 12g  
Hồng hoa 6 - 12g  
Cam thảo 4 - 6g  
Khương hoạt 4 - 8g  
Một dược 4 - 8g  
Đương quy 12g  
Ngũ linh chi (sao) 8g  
Hương nhu 4 - 8g  
Xuyên Ngưu tất 12g  
Địa long 4 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, hành khí thông lạc, lợi tý chỉ thống.

**Chủ trị:** chứng đau vai, đau lưng, đau chân hoặc đau toàn thân kéo dài khó khỏi.

Trường hợp có hơi sốt gia Thương truật, Hoàng bá. Đau lâu ngày cơ thể hư nhược gia Hoàng kỳ, Đảng sâm.

---

Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## PHỤC NGUYÊN HOẠT HUYẾT THANG (Y học phát minh)

### **Thành phần:**

Sài hồ 12 - 20g  
Qua lâu căn 12g  
Đương quy 12g  
Hồng hoa 8 - 12g  
Cam thảo 8 - 12g  
Xuyên Sơn giáp 8 - 12g  
Đại hoàng (ngâm rượu) 4 - 12g  
Đào nhân (ngâm rượu sao) 8 - 16g

**Cách dùng:** sắc với nước và rượu (tỉ lệ rượu 1/3) uống ấm, lúc bụng đói, chia 2 lần trong ngày. Hết đau ngưng uống.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, sơ can thông lạc.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Đương quy vào kinh Can dưỡng huyết, hoạt huyết, chỉ thống là chủ dược.
- Sài hồ: sơ can hành khí.
- Đại hoàng dùng rượu sao chế kết hợp với Đào nhân, Hồng hoa, Xuyên sơn giáp có tác dụng hoạt huyết hóa ứ, thông kinh chỉ thống.
- Qua lâu căn có tác dụng tiêu ứ huyết.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng hành khí hoạt huyết, sơ can khu ứ làm cho ứ huyết tiêu thì huyết mới sinh nên có

tên gọi là PHÚC NGUYỄN.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc chủ yếu chữa các chứng sang chấn tổn thương gây ứ huyết ở ngực sườn.
2. Có thể dùng chữa có hiệu quả các chấn thương phần mềm, đau dây thần kinh liên sườn hoặc trong trường hợp áp xe gan.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## THẤT LY TÁN (Lương phương tập dịch)

### **Thành phần:**

Huyết kiệt 400g

Nhũ hương 60g

Xạ hương 12g

Băng phiến 12g

Một dược 60g

Hồng hoa 60g

Chu sa 48g

Nhị trà 80 - 160g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 0,2 - 1g. Ngày từ 1 - 2 lần, uống với rượu nóng hoặc nước nóng có thể tắm rượu đắp ngoài.

**Tác dụng:** Hoạt huyết tán ứ, cầm huyết, chỉ thống.

**Chủ trị:** Chứng sang chấn phần mềm, gãy xương, huyết ứ gây đau nhức.

**Chú ý:** Phụ nữ có thai không dùng.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## **BỔ DƯỠNG HOÀN NGŨ THANG** **(Y lâm cải thác)**

### ***Thành phần:***

Sinh Hoàng kỳ 40 - 160g  
Xích thực 6 - 8g  
Đào nhân 4 - 8g  
Đương quy vĩ 8 - 12g  
Địa long 4g  
Xuyên khung 8g  
Hồng hoa 4 - 8g

***Cách dùng:*** sắc nước uống.

***Tác dụng:*** Bổ khí, hoạt huyết, thông lạc.

### ***Giải thích bài thuốc:***

Bài thuốc này chủ yếu chữa di chứng trúng phong, khí hư huyết trệ, mạch lạc không thông gây nên "bán thân bất toại", nói khó, miệng mất méo xệch.

Phép trị chủ yếu là bổ khí, hoạt huyết, thông lạc.

bài:

- Hoàng kỳ dùng sống lượng nhiều có tác dụng đại bổ nguyên khí là chủ dược.
- Đương quy vĩ, Xuyên khung, Xích thực: hoạt huyết hòa vinh.
- Đào nhân, Hồng hoa, Địa long: hóa ứ thông lạc, khí huyết được lưu thông, phần cơ thể bị bệnh được hồi phục.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc này chữa di chứng trúng phong, tai biến mạch máu não.

Chú ý dùng lượng nhiều để bổ nguyên khí, các vị thuốc hoạt huyết không nên dùng nhiều.

1. Trường hợp lâu ngày cơ teo nên chú ý dùng thuốc bổ huyết dưỡng cân như Đương quy, Thục địa, Miết giáp, Bạch cương tàm để dưỡng huyết, cường tráng cơ thể.
2. Trường hợp cơ thể hư hàn gia Thục phụ tử để ôn dương tán hàn, nếu tỳ vị hư nhược gia Đảng sâm, Bạch truật để bổ khí kiện tỳ.
3. Nếu đàm nhiều gia Chế Bán hạ, Bối mẫu, Gừng để hóa đàm.
4. Nếu nói khó, tinh thần không tỉnh táo gia Viễn chí, Thạch xương bồ để khai khiếu hóa đờm.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## ÔN KINH THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Ngô thù du 6 - 12g  
Xuyên khung 8 - 12g  
Xích thực 8 - 12g  
A giao 8 - 12g  
Sinh khương 8 - 12g  
Bán hạ chế 6 - 12g  
Đương quy 12g  
Đảng sâm 12g  
Quế chi 4 - 8g  
Đơn bì 8 - 12g  
Mạch môn 12g  
Chích thảo 4g

**Cách dùng:** sắc nước chia 2 lần, uống trong ngày.

**Tác dụng:** Ôn kinh dưỡng huyết, hoạt huyết điều kinh.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ yếu trị chứng huyết ứ, 2 mạch Xung, Nhâm hư hàn, kinh nguyệt không đều hoặc lâu ngày không có con. Tên bài thuốc là Ôn kinh nói lên tác dụng chính của bài là ôn dưỡng huyết mạch là cho huyết ấm để lưu thông và sẽ không còn ứ huyết.

Trong bài:

- Ngô thù du, Quế chi: ôn kinh tán hàn.

- Đương quy, Xuyên khung: dưỡng huyết kiêm hoạt huyết, khu ứ đều là chủ dược.
- A giao, Thược dược, Mạch môn hợp với Đương quy để dưỡng huyết, hoạt huyết.
- Đảng sâm: ích khí sinh huyết.
- Đơn bì: hoạt huyết, khu ứ.
- Bán hạ, Khương Thảo hợp với Đảng sâm để bổ trung khí kiện tỳ vị.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc trên lâm sàng được dùng chữa chứng kinh nguyệt không đều, đau kinh do Xung, Nhâm hư hàn.

1. Nếu bụng dưới đau nặng nhiều bỏ Đơn bì, Mạch môn gia Tiểu hồi hương, Ngải diệp sao để tán hàn chỉ thống.
2. Nếu khí trệ gia Chế Hương phụ, Ô dược.
3. Trường hợp rong kinh kéo dài sắc nhợt bỏ Đơn bì gia Bào khương, Ngải diệp sao, Nhọ nồi sao, Thục địa để ôn kinh bổ huyết cầm máu.
4. Nếu khí hư nặng bỏ Đơn bì, Xuyên khung, Ngô thù gia Hoàng kỳ để ích khí.
5. Bài này cũng có thể dùng chữa chứng xuất huyết tử cung cơ năng có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## THẤT TIỂU TÁN (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Ngũ linh chi

Bồ hoàng

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Thuốc tán bột mịn, trộn đều. Mỗi lần uống 8 - 12g, dùng bao vải bọc thuốc sắc nước uống chia 2 lần trong ngày, hoặc sắc với lượng dấm và nước bằng nhau để uống.

**Tác dụng:** Hoạt huyết tán ứ, tán kết chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Ngũ linh chi dùng sống có tác dụng thông lợi huyết mạch, hành huyết chỉ thống.
- Sinh Bồ hoàng phá huyết chỉ thống gia thêm dấm có tác dụng giảm bớt tính tanh tảo của Ngũ linh chi và tăng thêm tính tán ứ, chỉ thống.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng để hoạt huyết hóa ứ chỉ thống, những trường hợp bụng dưới đau do huyết ứ tích trệ, đau kinh, tắt kinh, đau bụng sau khi đẻ... đều dùng được. Thường dùng bài này gia thêm các vị Đơn sâm, Xích thược để tăng tác dụng hoạt huyết, nếu đau nhiều gia Nhũ hương, Một dược. Nếu huyết ứ do hư hàn gia Đương quy, Xuyên khung, Ngải diệp để bổ huyết, hoạt huyết, tán hàn.

1. Trường hợp khí trệ gia Thanh bì, Hương phụ, Tiểu hồi để hành khí tiêu trệ.
2. Trường hợp kèm huyết hư gia Tứ vật thang để



dưỡng huyết.

3. Bài thuốc có thể dùng trị các chứng đau tức ngực do thiếu máu cơ tim hoặc co thắt động mạch vành, đau bao tử thuộc huyết ứ trệ đều có kết quả nhất định.
4. Có báo cáo dùng thuốc này hợp với bài Giao Ngải Tứ vật thang bổ Cam thảo (trong đó Ngũ linh chi 16 - 20g, Bồ hoàng 16 - 20g, bài Tứ vật trọng dụng Sinh địa hoàng) kết hợp với thuốc kháng sinh trị có thai ngoài tử cung có kết quả tốt.
5. Có trường hợp dùng bài này gia Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa, Xích thược, Uất kim trị chứng đau co thắt động mạch vành có kết quả.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## SINH HÓA THANG (Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Đương quy 32g  
Đào nhân 12g  
Xuyên khung 12g  
Chích thảo 2g  
Bào khương 2g

**Cách dùng:** sắc nước uống hoặc cho thêm ít rượu sắc.

**Tác dụng:** Hoạt huyết hóa ứ, ôn kinh chỉ thống.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc được dùng chữa chứng huyết hư, ứ trệ sau đẻ, bụng dưới đau do hàn. Trong bài:

- Đương quy liều cao có tác dụng bổ huyết, hoạt huyết, hóa ứ, sinh tân là chủ dược.
- Xuyên khung, Đào nhân: hoạt huyết hóa ứ.
- Bào khương: ôn kinh, chỉ thống.
- Chích thảo: điều hòa các vị thuốc.
- Dùng Rượu để gia tăng tác dụng hoạt huyết, tiêu ứ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng cho sản phụ sau khi đẻ, máu xấu không ra hết, đau bụng, vì bài thuốc tính ôn cho nên dùng thích hợp với chứng hư hàn.

1. Trường hợp có cục ứ huyết đau bụng nhiều gia Bồ hoàng, Ngũ linh chi, Diên hồ sách để hóa ứ, chỉ thống.

2. Trường hợp hư hàn gia Nhục quế để ôn kinh tán hàn.
3. Nếu huyết ứ sinh nhiệt gia Đơn sâm, Xích thược để thanh nhiệt lương huyết, hoạt huyết hóa ứ.

Bài này dùng cho sản phụ sau khi sinh để, có tác dụng làm giảm đau bụng do co bóp tử cung đồng thời có tác dụng kích thích tăng sữa cho người mẹ.

## ***BÀI THUỐC HOẠT HUYẾT***

## ĐÀO HỒNG TỬ VẬT THANG (Y tông kim giám)

### **Thành phần:**

Đương quy 12g  
Xuyên khung 6 - 12g  
Sinh địa 12 - 20g  
Xích thược 8 - 12g  
Đào nhân 8 - 12g  
Hồng hoa 4 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống, ngày một thang chia 2 lần.

**Tác dụng:** Hoạt huyết, điều kinh.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này là bài Tứ vật thang gia Đào nhân, Hồng hoa.

Trong bài:

- Đương quy, Sinh địa: dưỡng huyết, bổ huyết.
- Xích thược, Xuyên khung phối hợp với Đào nhân, Hồng hoa để phá huyết ứ, đó là bài thuốc căn bản để hoạt huyết, điều kinh.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Là bài thuốc căn bản để hoạt huyết điều kinh chữa chứng rối loạn kinh nguyệt, đau kinh, trên lâm sàng hay gia giảm liều dùng.

1. Trường hợp huyết nhiệt gia Đơn bì, Liên kiều, Địa cốt bì.
2. Nếu đau bụng gia Diên hồ sách, Hương phụ chế, Thanh bì để hành khí hoạt huyết.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC LÝ HUYẾT***



## BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT

Bài thuốc *Chỉ huyết* dùng để chữa các chứng xuất huyết.

Theo Y học cổ truyền xuất huyết có thể do huyết nhiệt động hành hoặc do dương khí hư không giữ được huyết sinh ra các chứng thổ huyết, nục huyết, tiện huyết hoặc băng lậu.

Bài thuốc chỉ huyết thường gồm các vị thuốc có tác dụng cầm máu như:

Trắc bá diệp (sao), Đại kế, Tiểu kế, Hoa hòe, Bò hoàng, Ngải diệp, Nhọ nồi ...

Bài thuốc thường dùng có:

- Hoàng thổ thang
- Hòe hoa tán
- Tứ sinh hoàn
- Thập khôi tán
- Tiểu kế ẩm tử.





## HOÀNG THỔ THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Đất lòng bếp 40g

Thục phụ tử 4 - 12g

Hoàng cầm 12g

Cam thảo 6 - 8g

Bạch truật 12g

A giao 12g

Can địa hoàng 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ôn dương kiện tỳ, dưỡng huyết, chỉ huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Trong bài:

- Phục long can (Đất lòng bếp), Hoàng thổ (Táo tâm): ôn trung, sáp tràng, chỉ huyết là chủ dược.
- Bạch truật, Phụ tử: ôn dương, kiện tỳ.
- Địa hoàng, A giao: dưỡng huyết, chỉ huyết.
- Hoàng cầm: tính hàn đắng làm cho thang thuốc bớt ôn táo.
- Cam thảo: điều trung.

Các vị thuốc cùng dùng có tác dụng ôn dương kiện tỳ, dưỡng huyết, chỉ huyết.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài thuốc thường được dùng để chữa các

chứng nôn ra máu, chảy máu cam, đại tiện có máu hoặc phụ nữ rong kinh do tỳ khí hư hàn.

1. Trường hợp bệnh nhân ăn kém có thể bỏ A giao dùng Cáp phần sao hoặc Hải phiêu tiêu sao.
2. Trường hợp khí hư gia Đảng sâm để ích khí, nhiếp huyết.
3. Tim hồi hộp bỏ Hoàng cầm gia Long nhãn nhục, Toan táo nhân để dưỡng tâm an thần.
4. Lúc chảy máu nhiều gia các vị Tam thất, Bạch cập, Hoa hòe, Nhọ nồi.

Bài thuốc thường được dùng chữa xuất huyết do viêm loét dạ dày, viêm loét hành tá tràng, viêm trực tràng xuất huyết, viêm đại tràng mạn, có hội chứng tỳ vị hư hàn, có kết quả nhất định.

## ***BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT***

## HOA HÒE TÁN (Bản sự phương)

### **Thành phần:**

Hoa Hòe sao 12g

Kinh giới tuệ (sao đen) 12g

Trắc bá diệp sao 12g

Chỉ xác sao 12g

**Cách dùng:** Tán bột mịn, trộn đều, mỗi lần uống 8g với nước sôi nguội hoặc nước cơm.

Có thể dùng làm thuốc thang tùy bệnh tình gia giảm kết hợp với các vị thuốc khác.

**Tác dụng:** Thanh tràng, chỉ huyết, sơ phong hành khí.

### **Giải thích bài thuốc:**

Hoa Hòe thang chủ yếu trị chứng Trường phong tạng độc (đại tiện ra máu đỏ đen) do phong nhiệt hoặc thấp nhiệt ú trệ tại huyết phần của trường vị gây nên.

Trong bài:

- Hoa hòe: thanh thấp nhiệt, lương huyết, chỉ huyết là chủ dược.
- Trắc bá diệp: lương huyết, chỉ huyết.
- Kinh giới tuệ: lý huyết sơ phong.
- Chỉ xác: hành khí để thông lợi đại tràng.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc trên lâm sàng thường chữa chứng đại tiện phân bầm đen hoặc có máu cục thâm đen.

1. Trường hợp nhiệt thịnh gia Hoàng bá, Hoàng liên để

thanh lợi nhiệt, ra máu nhiều gia thêm Địa du, Nhọ  
nôi bột Kinh giới.

2. Trường hợp khí hư hoặc huyết hư cần gia thêm  
thuốc bổ khí, bổ huyết.



## ***BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT***

## XÍCH TIỂU ĐẬU ĐƯƠNG QUY TÁN (Kim quỹ yếu lược)

**Thành phần:**

Xích tiểu đậu

Đương quy

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tán bột mịn, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi nguội hoặc gia thêm giấm.

**Tác dụng:** Hòa huyết, trừ thấp.

**Chữa trị:** Chứng đại tiện ra máu sau phân, hoặc trong phân có máu.

## ***BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT***

## TỨ SINH HOÀN (Phụ nhân lương phương)

### **Thành phần:**

Lá Sen tươi 12g  
Ngãi diệp tươi 12g  
Trắc bá tươi 12g  
Địa hoàng tươi 12g

**Cách dùng:** Tất cả giã nát làm thành hoàn.

Có thể giã lấy nước uống hoặc làm thang sắc uống.

**Tác dụng:** Lương huyết, chỉ huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này chủ yếu trị chứng nôn ra máu, chảy máu cam, ho ra máu do nhiệt. Trong bài:

- Trắc bá diệp: thanh nhiệt, lương huyết, chỉ huyết.
- Sinh địa tươi: lương huyết, dưỡng âm.
- Lá Sen tươi: chỉ huyết tán ứ.
- Ngãi diệp tươi: tính ôn có tác dụng chỉ huyết và làm giảm bớt tính mát lạnh của 3 vị thuốc trên.

Bài thuốc dùng tươi có thể tăng thêm tác dụng lương huyết chỉ huyết.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường được dùng để chữa các chứng sốt cao kèm theo chảy máu cam, nôn ra máu, mồm họng khô lưỡi đỏ.

1. Nếu không có vị trên có thể thay bằng các vị Ngẫu

tiết tươi, Mao căn tươi, Hạng liên thảo tươi, Tiểu kế  
tươi.

2. Trường hợp hư hàn xuất huyết không dùng.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT***

## THẬP KHÔI TÁN (Thập dược thần thư)

### **Thành phần:**

Đại kế  
Tiểu kế  
Hà diệp  
Trắc bá diệp  
Mao căn  
Tây thảo căn  
Đại hoàng  
Sơn chi tử  
Thông lư bì  
Đơn bì  
(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Tất cả thuốc sao đen tòn tính, tán thành bột (theo Cổ phương bọc vào giấy khủ thổ 1 đêm), mỗi lần uống 4 - 12g với nước ngó sen hoặc nước mực tàu.

**Tác dụng:** Lương huyết, thu liễm, chỉ huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Là bài thuốc thường dùng để chỉ huyết.

Trong bài:

- Đại tiểu kế, Tây thảo căn, Trắc bá diệp, Mao căn, Sơn chi tử đều có tác dụng lương huyết, chỉ huyết.
- Thông lư bì: thu liễm, chỉ huyết.
- Hà diệp (lá sen) tán ứ chỉ huyết.

- Đơn bì: lương huyết tán ứ.
- Đại hoàng: tả nhiệt hóa ứ.

Các vị thuốc sao thành than thì tác dụng chủ yếu là liễm huyết, chỉ huyết, dùng trong trường hợp cấp cứu.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài này có thể dùng chữa các chứng xuất huyết tiêu hóa, xuất huyết hô hấp do huyết nhiệt cấp tính, có thể dùng thuốc thang sắc uống.

1. Trường hợp chảy máu cam có thể thổi vào hoặc nhét thuốc vào mũi để cầm máu.
2. Trường hợp tổn thương ngoài da chảy máu, đắp thuốc này có tác dụng cầm máu tốt.
3. Bài thuốc này chỉ có tác dụng chữa triệu chứng cầm máu, còn phải tìm nguyên nhân chảy máu để dùng bài thuốc chữa có hiệu quả.



## ***BÀI THUỐC CHỈ HUYẾT***

## TIÊU KẾ ẨM TỬ (Tế sinh phương)

### **Thành phần:**

Sinh Đại hoàng 20 - 30g  
Hoạt thạch 16 - 20g  
Tiêu kế 12 - 16g  
Bồ hoàng sao 8 - 12g  
Sơn chi nhân 8 - 12g  
Mộc thông 6 - 12g  
Đạm trúc điệp 8 - 12g  
Đương qui (tẩm rượu) 12g  
Ngẫu tiết 12g  
Chích thảo 4g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt lợi thủy, lương huyết, chỉ huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tiêu kế, Sinh Đại hoàng: thanh nhiệt, lương huyết, chỉ huyết ở hạ tiêu.
- Bồ hoàng, Ngẫu tiết: chỉ huyết tiêu ú.
- Hoạt thạch, Mộc thông, Đạm trúc điệp, Chi tử: thanh nhiệt lợi tiểu thông lâm.
- Đương quy: dưỡng huyết, hoạt huyết.
- Chích thảo: kiện tỳ, chỉ thống.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng huyết lâm do nhiệt kết ở

hạ tiêu, triệu chứng thường có tiểu tiện nhiều lần đi tiểu buốt rát, tiểu ra máu, môi đỏ, mạch sắc có lực.

1. Trường hợp huyết lâm đái buốt nhiều gia Hải kim sa, Hồ phách để thông lâm chỉ thống.
2. Trường hợp uất nhiệt thịnh tiểu đỏ nóng đau nhiều gia Thạch vị, Đào nhân, Hoàng bá để thanh nhiệt tiêu ứ.
3. Trường hợp khí huyết hư gia thuốc bổ khí huyết.



## NHỮNG BÀI THUỐC BỔ

Những bài thuốc bổ là những bài thuốc gồm các vị thuốc có tác dụng bồi dưỡng cường tráng cơ thể, tức là chữa những chứng hư gồm có âm hư, dương hư, khí hư, huyết hư. Do đó, những bài thuốc được chia thành các loại: Bổ khí, Bổ huyết, Bổ âm và Bổ dương.

### A. BỔ KHÍ

Bài thuốc Bổ khí là những bài thuốc chữa hội chứng khí hư biểu hiện chủ yếu là Phế khí hư (ho, khó thở, cơ thể mệt mỏi, tiếng nói nhỏ, sắc mặt tái nhợt) hoặc Tỳ khí hư (chân tay mệt mỏi, ăn kém, rối loạn tiêu hóa hoặc sa các tạng phủ như sa tử cung, sa dạ dày, thoát vị bẹn).

### B. BỔ HUYẾT

Bài thuốc Bổ huyết là những bài thuốc dùng chữa chứng huyết hư, biểu hiện lâm sàng là sắc mặt vàng bủng, môi lưỡi nhợt, hoa mắt chóng mặt, hồi hộp mất ngủ, kinh nguyệt ít, sắc nhợt. Bài thuốc gồm các vị thuốc bổ huyết như: Thục địa, Đương quy, Bạch thược, Hà thủ ô, Tang thầm, Kỷ tử ...

Trên lâm sàng thường để tăng cường tác dụng bổ huyết có phối hợp thêm các vị thuốc bổ khí như : Đảng sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật cũng có khi dùng thêm thuốc hoạt huyết như Xuyên khung, Đồn sâm, Ngưu tất.

### C. BỔ KHÍ HUYẾT

Bài thuốc Bổ khí huyết là những bài thuốc có tác dụng bổ khí và bổ huyết chữa các chứng khí huyết đều hư, thường gồm các vị thuốc bổ khí như: Nhân sâm, Đảng sâm, Bạch truật, Chích thảo, Hoàng kỳ và bổ huyết như: Hà thủ ô, Đương quy, Thục địa, Tang thầm, Kỷ tử .

## **D. BỔ ÂM**

Bài thuốc bổ âm là những bài thuốc gồm các vị thuốc ngọt mát để dưỡng âm như: Địa hoàng, Mạch môn, Sa sâm, Quy bản, Kỷ tử ... để chữa các chứng âm hư (chủ yếu là Can thận âm hư) triệu chứng lâm sàng thường là sốt chiều, người gầy, da nóng, má hồng, lòng bàn tay bàn chân nóng, mất ngủ, ra mồ hôi trộm, khát nước, họng khô, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch tế sác.

## **E. BỔ DƯƠNG**

Bài thuốc Bổ dương dùng chữa chứng dương hư mà chủ yếu là trị thận dương hư, biểu hiện lâm sàng thường là lưng gối nhức mỏi, chân yếu lưng lạnh hoặc ho suyễn lâu ngày, ù tai, liệt dương, hoạt tinh, tiểu tiện nhiều lần hoặc tiêu chảy kéo dài, rêu lưỡi trắng, mạch trầm, trì, nhược.

Bài thuốc thường gồm các vị thuốc tính vị ngọt nóng như: Phụ tử, Quế nhục, Đỗ trọng, Lộc nhung, Nhục thung dung, Dâm dương hoắc, Sơn thù, Hoài sơn, Ba kích thiên, Ích trí nhân ...



## BỔ KHÍ

Bài thuốc Bổ khí là những bài thuốc chữa hội chứng khí hư biểu hiện chủ yếu là Phế khí hư (ho, khó thở, cơ thể mệt mỏi, tiếng nói nhỏ, sắc mặt tái nhợt) hoặc Tỳ khí hư (chân tay mệt mỏi, ăn kém, rối loạn tiêu hóa hoặc sa các tạng phủ như sa tử cung, sa dạ dày, thoát vị bẹn).





## TỨ QUÂN TỬ THANG (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Nhân sâm hoặc Đảng sâm 8 - 12g

Phục linh 12g

Bạch truật 8 - 12g

Chích thảo 4 - 8g

**Cách dùng:** Tán bột mịn, mỗi lần uống 8 - 12g, sắc nước uống. Có thể làm thuốc thang.

**Tác dụng:** Ích khí, kiện tỳ, dưỡng vị.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này còn có tên gọi là "Tứ vị thang", "Kiện tỳ ích khí thang".

Đây là bài thuốc thường dùng chữa chứng tỳ vị khí hư , trong bài:

- Nhân sâm hoặc Đảng sâm tính ngọt ôn kiện tỳ, ích khí dưỡng vị là chủ dược.
- Bạch truật vị đắng ôn kiện tỳ táo thấp.
- Phục linh: ngọt, nhạt hợp với Bạch truật để kiện tỳ thẩm thấp, tăng cường chức năng vận hóa của tỳ vị.
- Cam thảo: ngọt ôn, bổ trung hòa vị.

Các vị thuốc hợp lại tính được ngọt ôn có tác dụng ích khí kiện tỳ dưỡng vị.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Đây là bài thuốc để bổ trung khí, kiện tỳ vị, nhiều bài thuốc

chữa những rối loạn tiêu hóa biểu hiện tỳ khí hư nhược đều dùng bài thuốc này gia giảm.

1. Trường hợp Tỳ vị hư nhược kèm có khí trệ như: ợ hơi, vùng thượng vị đầy tức gia thêm Trần bì để lý khí hóa trệ gọi là bài DỊ CÔNG TÁN (Tiểu nhi dược chứng trực quyết) thường dùng chữa chứng rối loạn tiêu hóa, ăn kém, đầy bụng kết quả tốt.
2. Trường hợp Tỳ vị khí hư có đàm thấp triệu chứng là ho đàm, nhiều đàm trắng trong, khó thở, thường gặp trong bệnh viêm phế quản mạn gia thêm: Trần bì, Bán hạ chế để lý khí hóa đàm gọi là bài LỤC QUÂN TỬ THANG (Y học chính truyền). Trường hợp viêm phế quản mạn tính gia thêm Tử uyển, Khoản đông hoa, Bạch tiền, Bối mẫu để giáng khí hóa đàm chỉ khái.
3. Trường hợp Tỳ vị khí hư kèm hàn thấp, triệu chứng bụng đầy đau, ợ hơi hoặc nôn, tiêu chảy, rêu lưỡi trắng, dày nhớt gia Trần bì, Chế Bán hạ, Mộc hương, Sa nhân để hành khí chỉ thống, giáng nghịch hóa đàm, gọi là bài: HƯƠNG SA LỤC QUÂN TỬ THANG (Hòa tễ cục phương). Trên lâm sàng thường dùng chữa viêm loét dạ dày, hành tá tràng thể hư hàn có hội chứng hàn thấp trệ ở trung tiêu có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ***

## SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Đảng sâm 80g

Bạch linh 80g

Bạch truật 80g

Sơn dược 80g

Chích Cam thảo 80g

Sao Biển đậu 40g

Liên nhục 40g

Ý dĩ nhân 40g

Sa nhân 40g

Cát cánh 40g

(có bài dùng Trần bì hoặc gia thêm Đại táo)

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 8 - 12g với nước sôi nguội hoặc làm thuốc thang sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ khí kiện tỳ, thẩm thấp hòa vị, lý khí hóa đàm.

**Chủ trị:** Dùng chữa các bệnh rối loạn tiêu hóa kéo dài, viêm đại tràng mạn tính, ăn kém tiêu chảy hoặc trường hợp viêm cầu thận mạn thuộc thể tỳ hư hoặc trường hợp lao phổi, ho đàm nhiều, chán ăn, cơ thể mệt mỏi thuộc thể tỳ phế khí hư, dùng bài thuốc này đều có kết quả tốt.

---

Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ***

## CỐM BỒTỖ

(Khoa Nhi Viện Đông y Hà Nội)

**Thành phần:**

Bạch biển đậu sao 200g  
Ý dĩ nhân sao 200g  
Hoài sơn sao 200g  
Đảng sâm sao 200g  
Cốc nha 100g  
Liên nhục (bỏ tim) 100g  
Nhục khấu 30g  
Trần bì 30g  
Sa nhân 30g

**Cách dùng:** Trần bì, Sa nhân, Nhục khấu sắc nước, các vị khác tán bột mịn, hòa nước thuốc cùng ít mật đường, làm thành dạng cốm.

**Tác dụng:** Chủ yếu là kiện tỳ, hành khí, tiêu thực.

**Chữa trị:** Trẻ em suy dinh dưỡng, rối loạn tiêu hóa kéo dài có kết quả tốt.





## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ***

## ĐIỀU BỒ TỖ PHẾ PHƯƠNG (Hải thượng Y tôn tâm lĩnh)

**Thành phần:** Là bài “Tứ quân tử thang gia giảm” gồm các vị:

Nhân sâm hoặc Đảng sâm 8g

Bạch truật (sao vàng) 8 - 12g

Phục linh (tẩm sữa) 8 - 12g

Chích thảo (tẩm mật sao) 3g

Thục địa (nướng cho thơm) 4 - 6g

Liên tử (bỏ vỏ ruột sao thơm) 4 - 8g

Gừng nướng 3 lát

Đại táo 2 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Kiện tỳ khí, dưỡng tỳ âm.

**Chữa trị:** Chứng rối loạn tiêu hóa ở trẻ em, suy dinh dưỡng có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ***

## BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (Tỳ vị luận)

### **Thành phần:**

Hoàng kỳ 20g  
Chích thảo 4g  
Thăng ma 4 - 6g  
Đảng sâm 12 - 16g  
Đương quy 12g  
Sài hồ 6 - 10g  
Bạch truật 12g  
Trần bì 4 - 6g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Điều bổ tỳ vị, thăng dương ích khí.

### **Giải thích bài thuốc:**

Là bài thuốc chủ yếu chữa tỳ vị khí hư hạ hãm, sinh ra triệu chứng sa nội tạng như sa dạ dày, sa tử cung, sa trực tràng hoặc chứng tỳ khí hư không nhiếp thống được huyết gây chứng rong kinh ở phụ nữ hoặc kiết lỵ kéo dài.

Trong bài:

- Hoàng kỳ: bổ trung ích khí, thăng dương cố biểu là chủ dược.
- Đảng sâm, Bạch truật, Chích thảo: ích khí bổ tỳ kiện vị.
- Trần bì: lý khí hóa trệ.
- Thăng ma, Sài hồ hợp với Sâm Kỳ để ích khí thăng đề.

- Dương quy: bổ huyết hòa vinh.

Các vị thuốc hợp lại thành bài thuốc có tác dụng bổ trung ích khí, thăng dương cố biểu làm cho tỳ vị được cường tráng, trung khí được đầy đủ.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Trên lâm sàng bài thuốc có thể dùng để chữa cơ thể vốn hư nhược dễ bị cảm mạo, mệt mỏi ra mồ hôi.
2. Những trường hợp khí hư hạ hãm gây nên các chứng sa nội tạng như sa tử cung, sa thận, sa dạ dày, thoát vị bẹn hoặc sụp mi; dùng bài thuốc gia thêm Chỉ xác hoặc Chỉ thực có kết quả tốt.
3. Trường hợp bệnh đường ruột mạn tính, rối loạn tiêu hóa kéo dài, cơ thể hư nhược có thể dùng bài này có hiệu quả tốt.
4. Trường hợp do khí huyết hư nhược gây nên sốt kéo dài cũng có thể dùng bài thuốc này có kết quả, gọi là phép chữa "Cam ôn trừ đại nhiệt".

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ***

## SINH MẠCH TÁN

(Nội ngoại thương biện hoặc luận)

**Thành phần:**

Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) 12g

Mạch môn 12g

Ngũ vị tử 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ích khí liễm hãn, dưỡng âm sinh tân.

**Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này chủ yếu chữa chứng thương thử nhiệt, tân khí đều bị tổn thương nên dùng phép "ích khí sinh tân" để chữa.

Trong bài:

- Nhân sâm hoặc Đảng sâm có tác dụng bổ ích khí sinh tân là chủ dược.
- Mạch môn: dưỡng âm sinh tân đồng thời có tác dụng thanh phế.
- Ngũ vị tử có tác dụng liễm phế chỉ hãn hợp với Mạch môn tăng thêm tác dụng sinh tân.

Ba vị thuốc hợp lại, trong đó dùng 1 bổ, 1 thanh, 1 liễm nên có tác dụng ích khí liễm hãn, dưỡng âm sinh tân tốt.

**Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc chữa chứng cảm nắng mùa hè ra mồ hôi nhiều, mồm khát, mệt mỏi hoặc trong trường hợp thời kỳ hồi phục bệnh, nhiễm khí âm hư nhược đều dùng có kết quả tốt.



2. Trường hợp các bệnh viêm phế quản mạn, lao phổi có hội chứng khí âm bất túc dùng bài thuốc này có kết quả tốt cần gia thêm các vị Bách bộ, A giao, Khoản đông hoa, Tử uyển để nhuận phế chỉ khái.
3. Trường hợp bệnh suy nhược thần kinh, người bứt rứt khó ngủ dùng bài thuốc này gia thêm Toan táo nhân, Bá tử nhân để dưỡng tâm an thần.



## BỔ HUYẾT

Bài thuốc Bổ huyết là những bài thuốc dùng chữa chứng huyết hư, biểu hiện lâm sàng là sắc mặt vàng bủng, môi lưỡi nhợt, hoa mắt chóng mặt, hồi hộp mất ngủ, kinh nguyệt ít, sắc nhợt. Bài thuốc gồm các vị thuốc bổ huyết như: Thục địa, Dương quy, Bạch thược, Hà thủ ô, Tang thầm, Kỷ tử ...

Trên lâm sàng thường để tăng cường tác dụng bổ huyết có phối hợp thêm các vị thuốc bổ khí như : Đảng sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật cũng có khi dùng thêm thuốc hoạt huyết như Xuyên khung, Đương sâm, Ngưu tất.



## TỨ VẬT THANG (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Thục địa hoàng 12 - 24g

Bạch thược 12 - 16g

Đương quy 12 - 16g

Xuyên khung 6 - 8g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ huyết điều huyết, hoạt huyết điều kinh.

### **Giải thích bài thuốc:**

Theo sách cổ đây là bài thuốc chuyên về điều huyết can kinh, trị chứng huyết hư huyết ứ sinh ra đau kinh, kinh nguyệt không đều.

Trong bài:

- Thục địa: tư thận, bổ huyết, dưỡng bào cung là chủ dược.
- Đương quy: bổ dưỡng can huyết, hoạt huyết điều kinh.
- Bạch thược: dưỡng huyết, hòa can.
- Xuyên khung: hoạt huyết, hành khí, sơ thông kinh mạch.

Các vị thuốc cùng dùng thành một bài thuốc có tác dụng bổ huyết điều huyết, trị các chứng huyết hư huyết trệ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc được dùng nhiều chữa các chứng bệnh phụ nữ kinh nguyệt không đều, đau kinh, tắt kinh

cùng nhiều bệnh khác có hội chứng huyết hư.

2. Trường hợp huyết hư kiêm khí hư gia Đảng sâm, Hoàng kỳ để bổ khí sinh huyết.
3. Trường hợp có ứ huyết gia thêm Đào nhân, Hồng hoa (là bài Đào hồng Tứ vật) để hoạt huyết khu ứ.
4. Trường hợp huyết có hàn gia Nhục quế, Bào khương để ôn dưỡng huyết mạch.
5. Nếu huyết hư sinh nội nhiệt gia Liên kiều, Hoàng cầm, Đơn bì dùng Sinh địa thay Thục địa để thanh nhiệt lương huyết.
6. Trường hợp huyết hư có chảy máu bỏ Xuyên khung gia A giao, Hoa hòe, Tông lư than để chỉ huyết.
7. Trường hợp huyết hư trệ, đau kinh gia Hương phụ chế, Uất kim để hành khí giải uất, điều kinh chỉ thống.
8. Trường hợp huyết hư đau đầu, vầng đầu gia Bạch chỉ, Cao bản để khu phong chỉ thống.
9. Trên lâm sàng có báo cáo dùng Tứ vật thang để chữa chứng mày đay, có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC BỒ HUYẾT***

## GIAO NGÃI THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Xuyên khung 8 - 12g  
Đương qui 8 - 12g  
Bạch thược 12 - 16g  
Can địa hoàng 12 - 16g  
A giao 8 - 12g  
Ngãi diệp 8 - 12g  
Cam thảo 4 - 6g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ huyết điều kinh, an thai, trị băng lậu.

**Chủ trị:** Thường dùng chữa các chứng huyết hư hàn trệ, bụng dưới đau, kinh nguyệt kéo dài lượng nhiều, động thai, băng lậu sau đẻ, ra huyết kéo dài.

Đây là một bài thuốc gồm bài Tứ vật gia A giao, Ngãi diệp, Cam thảo.

Chủ yếu trị chứng băng lậu và động thai.



## ***BÀI THUỐC BỒ HUYẾT***

## ĐƯƠNG QUY BỔ HUYẾT THANG (Nội ngoại thương biện hoặc luận)

### **Thành phần:**

Hoàng kỳ 20 - 40g

Đương qui 12 - 16g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ khí, sinh huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ yếu trị chứng huyết hư do lao lực, nội thương vinh huyết bị hư tổn, nguyên khí kém suy.

Trong bài:

- Hoàng kỳ: đại bổ tỳ phế nguyên khí để sinh huyết là chủ dược.
- Đương qui: bổ huyết hòa vinh.

Hai vị thuốc phối hợp là bổ khí sinh huyết, khí tráng cường thì huyết đầy đủ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trên lâm sàng thường dùng bài thuốc này chữa chứng khí hư sinh ra huyết hư.
2. Trường hợp xuất huyết nhiều gia Long cốt, Sơn thù, A giao để tăng cường cố sáp chỉ huyết.
3. Trên lâm sàng thường được dùng chữa các chứng khí huyết hư nhược do rong kinh, băng lậu, mất máu nhiều hoặc xuất huyết nội ban dị ứng.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỒ HUYẾT***

## QUY TỶ THANG (Tế sinh phương)

### **Thành phần:**

Nhân sâm (Đảng sâm) 12g  
Phục thần 12g  
Toan táo nhân sao 12 - 20g  
Viễn chí 4 - 6g  
Hoàng kỳ 12g  
Mộc hương 4g  
Bạch truật 12g  
Long nhãn nhục 12g  
Đương qui 8 - 12g  
Chích thảo 4g  
Sinh khương 3 lát  
Đại táo 2 - 3 quả

**Cách dùng:** sắc nước uống.

Có thể hòa với mật làm thành hoàn, mỗi lần uống 8 - 12g.

**Tác dụng:** Kiện tỳ dưỡng tâm, ích khí bổ huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này gồm 2 bài "Tứ quân tử thang" và "Đương qui bổ huyết thang" gia Long nhãn nhục, Toan táo nhân, Viễn chí, Mộc hương, Đại táo là một bài thuốc thường dùng để trị chứng tâm tỳ hư tổn.

Trong bài:

- Sâm, Linh, Truật, Thảo (Tứ quân): bổ khí, kiện tỳ để

sinh huyết là chủ dược.

- Đương qui, Hoàng kỳ: bổ khí sinh huyết.
- Long nhãn, Táo nhân, Viễn chí: dưỡng tâm an thần.
- Mộc hương: lý khí ôn tỳ.
- Sinh khương, Đại táo: điều hòa vinh vệ.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng ích khí kiện tỳ bổ huyết dưỡng tâm.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc này chủ yếu trị các bệnh suy nhược có hội chứng bệnh lý tâm tỳ lưỡng hư, khí huyết bất túc sinh ra các triệu chứng mất ngủ, chán ăn, hay quên, tim hồi hộp, cơ thể mỏi mệt, sắc mặt vàng bủng, môi lưỡi nhợt, mạch yếu thường gặp trong các chứng suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh.
2. Trường hợp xuất huyết trong bệnh loét dạ dày tá tràng có hội chứng khí huyết bất túc có thể dùng bài này để chữa; bổ các vị Mộc hương, Viễn chí gia A giao, Địa du, Trắc bá diệp, Hoa hòe để tăng cường tác dụng chỉ huyết.
3. Trường hợp phụ nữ kinh kéo dài hoặc sanh nhiều cơ thể suy nhược hoặc sau khi mắc bệnh lâu, thời kỳ hồi phục ăn ngủ không ngon, cơ thể hư nhược đều có thể dùng bài này để chữa có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC BỒ HUYẾT***

## DƯỠNG VINH QUY TỶ THANG (Hải thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Thục địa 20 - 30g

Táo nhân 4g

Phục linh 6g

Ngưu tất 8g

Mạch môn ( sao với gạo) 8g

Bạch truật 12g

Bạch thược 4 - 8g

Ngũ vị tử 6 - 8g

Nhục quế 3 - 4g

**Tác dụng:** Chữa tất cả các chứng lao thương phát sốt ho, thổ huyết, hãm hấp sốt, biếng ăn, mỏi mệt, mạch thốn, hồng xích, nhược.

Đây là bài thuốc chủ yếu chữa khí huyết hư tổn.



## ***BÀI THUỐC BỒ HUYẾT***

# ĐẠI BỔ TÂM TỖ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG (Hải thượng Y tôn tâm lĩnh)

## **Thành phần:**

Táo nhân  
Đương quy  
Bạch truật  
Bạch thược  
Phục thần  
Nhân sâm  
Viễn chí  
Nhục quế  
Ngũ vị

(Tác giả không ghi liều lượng).

**Cách dùng:** sắc nước uống khi còn ấm.

**Chủ trị:** Chứng nguyên khí đại hư, đột nhiên ngã lãn ra, sinh ra chứng thoát nên uống bài này cùng với Bát vị hoàn để vừa bổ thủy hỏa để sinh khí, vừa bổ âm để sinh huyết.





## BỔ KHÍ HUYẾT

Bài thuốc Bổ khí huyết là những bài thuốc có tác dụng bổ khí và bổ huyết chữa các chứng khí huyết đều hư, thường gồm các vị thuốc bổ khí như: Nhân sâm, Đảng sâm, Bạch truật, Chích thảo, Hoàng kỳ và bổ huyết như: Hà thủ ô, Dương quy, Thục địa, Tang thầm, Kỷ tử ...



## BÁT TRÂN THANG (Chính thể loại yếu)

### **Thành phần:**

Đương quy (tẩm rượu) 12g  
Bạch thược 12g  
Bạch linh 12g  
Xuyên khung 6 - 8g  
Đại táo 2 quả  
Đảng sâm 12g  
Bạch truật (sao) 12g  
Thục địa 12g  
Chích thảo 2 - 4g  
Sinh khương 2 - 3 lát

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Ích khí bổ huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc gồm 2 bài: "Tứ vật" và "Tứ quân" hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng song bổ khí huyết.

Trong bài:

- Tứ quân bổ khí.
- Tứ vật bổ huyết.
- Sinh khương, Đại táo để điều hòa vinh vệ.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài thuốc được dùng để chữa chứng bệnh lâu ngày làm cho cơ thể suy nhược có hội chứng bệnh lý khí hư

và huyết hư.

2. Bài này gia thêm 2 vị Hoàng kỳ và Nhục quế gọi là bài THẬP TOÀN ĐẠI BỒ THANG (Y học phát minh), trị chứng khí huyết hư thiên về hư hàn.
3. Bài này bỏ Xuyên khung gia Hoàng kỳ, Nhục quế, Ngũ vị tử, Viễn chí, Trần bì, Khương, Táo gọi là bài NHÂN SÂM DƯỠNG DINH THANG (Hòa tể cục phương). Trị bệnh giống như bài THẬP TOÀN ĐẠI BỒ có thêm tác dụng dưỡng tâm an thần.



## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ HUYẾT***

## THẬP TOÀN BỔ CHÍNH THANG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Nhân sâm 6g  
Chích Hoàng kỳ 8g  
Bạch linh 10g  
Đỗ trọng sống 4g  
Táo nhân 8g  
Đương quy 4 - 8g  
Bạch thược 8g  
Bạch truật 8g  
Tục đoạn 8g  
Ngưu tất 8g  
Nhục quế 3g  
Đại táo 2 quả

**Cách dùng:** sắc uống.

**Chủ trị:** Các chứng tâm tỳ dương hư, khí huyết 5 tạng đều tổn thương, tự ra mồ hôi, sợ lạnh, mình nóng, lưng đau.

1. Nếu tâm nhiệt gia Đẳng tâm, tâm huyết hư gia Thục địa.
2. Trường hợp ngoại cảm bỏ Sâm thêm Sài hồ, Gừng sống.
3. Khí trệ thêm Mộc hương, ho thêm Sâm, Kỳ, Mạch môn.
4. Bài này là bài Thập toàn đại bổ bỏ Xuyên khung, Thục địa, Cam thảo gia Táo nhân, Đỗ trọng, Ngưu tất, Tục

đoạn.

---

Copyright ©2009 [My Company](#). All Rights Reserved.

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ HUYẾT***

## TƯ BỔ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Thục địa 16g  
Táo nhân 16g  
Nhân sâm 12g  
Ngưu tất 12g  
Mạch môn 12g  
Đương quy 6 - 12g  
Nhục quế 2 - 3g  
Ngũ vị 3g  
Đại táo 2 quả  
Gừng sống 3 lát

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ khí huyết.

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ HUYẾT***

## TUẦN BỔ TINH HUYẾT CAO (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Thục địa 12g

Nhân sâm 4g

Câu kỷ tử 4g

Lộc giao 4g

Nhục quế (bỏ vỏ, tán bột) 80g

**Cách chế và dùng:** Thục địa, Nhân sâm, Câu kỷ mỗi vị đều nấu riêng thành cao rồi đổ lẫn vào trong nồi đất đun sôi gia thêm 1 cân mật ong khuấy đều, cuối cùng cho bột Nhục quế vào hòa đều, rồi đổ vào lọ sành bịt kín để dùng.

Mỗi lần uống vài muống trước khi bụng đói, ngậm tan nuốt dần.

**Tác dụng:** Bồi bổ tinh huyết hư tổn.

**Chữa trị:** Các chứng ngũ lao (tâm, can, tỳ, phế, thận).

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ HUYẾT***



## THẤT BẢO MỸ NHIỆM ĐƠN (Thiệu Ứng Tiết)

### **Thành phần:**

Hà thủ ô 300g  
Đương quy (rửa với rượu) 300g  
Phá cố chỉ 160g  
Bạch linh 300g  
Ngưu tất 300g  
Câu kỷ tử (tẩm rượu) 300g  
Thỏ ty tử (tẩm rượu sao) 300g

### **Cách dùng:**

- Hà thủ ô trộn với đậu đen, 9 lần chưng, 9 lần phơi.
- Bạch linh trộn với sữa, sao.
- Ngưu tất tẩm rượu chưng chung với Hà thủ ô ở lần thứ 7 về sau.
- Phá cố chỉ trộn với Mè đen sao qua.

Tất cả đều sao tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, làm thuốc tễ 10g/1 hoàn. Mỗi lần uống 2 hoàn trước khi đi ngủ.

**Tác dụng:** Bổ thận tráng dương, ích tinh bổ khí huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

Theo sách Trung quốc đời Minh niên hiệu Gia Tĩnh (1521 - 1556) có vị thầy thuốc tên Thiệu Ứng Tiết đem dâng Vua bài thuốc này, Vua trước vốn bất lực uống thuốc rồi sinh liên tục được 2 Hoàng tử cho nên được truyền bá khắp dân gian.

Trong bài:

- Hà thủ ô bổ khí ích tinh huyết là chủ dược.

- Bạch phục linh giao tâm thận kiện tỳ trừ thấp.
- Ngưu tất bổ ích can thận làm mạnh gân cốt, hoạt huyết.
- Câu kỷ tử tư can thận ích tinh huyết.
- Thổ ty tử bổ ích can thận trợ dương ích tinh.
- Phá cố chỉ bổ thận tráng dương.

Các vị hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng bổ thận tráng dương, ích bổ khí huyết rất tốt.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc được dùng chữa các chứng khí huyết bất túc sau khi mắc bệnh lâu ngày.

1. Trường hợp bệnh nhân bị tai biến mạch máu não, chân tay tê dại, phụ nữ băng huyết, đờ ỉa, khí huyết hư nhược, nam giới suy sinh dục không có con, di tinh, hoạt tinh đều dùng có hiệu quả.
2. Có báo cáo dùng chữa chứng tiêu khát có kết quả tốt.

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ HUYẾT***

# CHÍCH CAM THẢO THANG

## PHỤC MẠCH THANG

(Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Chích Cam thảo 12 - 16g

A giao 8 - 12g

Mạch môn 8 - 12g

Quế chi 6 - 12g

Gừng tươi 12g

Đại táo 6 - 8 quả

Đẳng sâm 8 - 12g

Sinh địa 16 - 20g

Ma nhân 6 - 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống, theo sách Cổ cho thêm 1/2 rượu để sắc.

**Tác dụng:** Ích khí bổ huyết, tư âm phục mạch.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Chích Cam thảo: tính ngọt ôn, ích khí bổ trung, sinh khí huyết để hồi phục huyết mạch là chủ dược.
- Đẳng sâm, Đại táo: bổ khí, ích vị, kiện tỳ để sinh khí huyết.
- Sinh địa, A giao, Mạch môn, Ma nhân: bổ tâm huyết dưỡng tâm âm để dưỡng đầy huyết mạch.
- Quế chi hợp với Chích thảo để bổ tâm dương hợp với Sinh khương để thông huyết mạch, dùng rượu nấu để tăng tác dụng thông mạch.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Trên lâm sàng bài thuốc chủ yếu dùng chữa chứng khí huyết hư, biểu hiện mạch kết hoặc mạch đại, tim đập mạnh khó thở, lưỡi bóng ít rêu hoặc chứng hư lao phế nuy có triệu chứng khó thở, ho, cơ thể gầy yếu, ra mồ hôi, mất ngủ, họng khô, đại tiện táo, mạch sắc nhược.

1. Trường hợp đại tiện lỏng bỏ Ma nhân gia Toan táo nhân để dưỡng tâm an thần.
2. Trường hợp tim hồi hộp nặng gia Long cốt, Chu sa để dưỡng tâm an thần.
3. Trên lâm sàng bài thuốc còn được dùng để chữa các chứng thấp tim, hẹp van tim, nhịp tim không đều, ngoại tâm thu khó thở do tim suy có kết quả nhất định.

### **Phụ phương**

**PHỤC MẠCH THANG gia giảm**

**(Ôn bệnh điều biện)**

#### ***Thành phần:***

Chích Cam thảo 20g

Can địa hoàng 20g

Bạch thược 20g

Mạch môn 16g

A giao 12g

Ma nhân 12g

***Cách dùng:*** sắc nước uống.

***Tác dụng:*** Tư âm thoái nhiệt, nhuận táo.

***Chủ trị:*** Chữa các chứng hư nhiệt.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỒ KHÍ HUYẾT***

## THÁI SƠN BÀNG THẠCH TÁN (Cảnh nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Nhân sâm (Đảng sâm) 12g  
Chích Hoàng kỳ 12g  
Đương qui 12g  
Xuyên Tục đoạn 12g  
Hoàng cầm 12g  
Bạch thược (sao rượu) 12g  
Bạch truật (sao) 12g  
Thục địa 20g  
Xuyên khung 4g  
Chích Cam thảo 2g  
Sa nhân 2g  
Gạo nếp 1 nắm.

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Bổ khí kiện tỳ, dưỡng huyết an thai.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này do bài "Bát trân thang" bổ Phục linh gia Hoàng kỳ, Tục đoạn, Sa nhân, Hoàng cầm, Gạo nếp mà thành bài thuốc dưỡng huyết an thai thường dùng.

Trong bài "Bát trân thang" bổ Phục linh gia:

- Hoàng kỳ: song bổ khí huyết để dưỡng thai.
- Tục đoạn: bổ ích can thận.
- Sa nhân: điều khí.



- Gạo nếp: bổ dưỡng tỳ vị.
- Hoàng cầm dùng chung với Bạch truật theo cổ nhân có tác dụng an thai.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Trên lâm sàng thường dùng bài thuốc để dưỡng thai tùy tình hình cụ thể có thể gia giảm liều lượng.

1. Trường hợp thai động kèm theo mất ngủ, tim hồi hộp gia Toan táo nhân sao, Long nhãn nhục để dưỡng tâm, an thần. Lưng đau nhiều gia Đỗ trọng, Thỏ ty tử để bổ Can thận.
2. Trường hợp âm đạo ra huyết có triệu chứng dọa sảy thai gia A giao, Ngải diệp để chỉ huyết an thai.
3. Bài thuốc có thể dùng ngừa sảy thai đối với những người có tiền sử dọa sảy, hoặc có mang cơ thể suy nhược. Cách 3 - 5 ngày uống 1 thang liên trong 3 - 4 tháng đầu trong thời kỳ thai nghén.
4. Theo báo cáo lâm sàng một số tác giả dùng bài thuốc theo liều lượng sau đây chữa sảy thai nhiều lần có kết quả tốt: Đảng sâm 12g, Bạch truật 12g, Đương qui 6g, Bạch thược 8g, Xuyên khung 12g, Thục địa 12g, Chích Hoàng kỳ 12g, Xuyên Tục đoạn 12g, Hoàng cầm 6g, Sa nhân 3g (cho sau), Chích thảo 2g và Gạo nếp 12g. Sắc uống nóng.



## BỔ ÂM

Bài thuốc bổ âm là những bài thuốc gồm các vị thuốc ngọt mát để dưỡng âm như: Địa hoàng, Mạch môn, Sa sâm, Quy bản, Kỷ tử ... để chữa các chứng âm hư (chủ yếu là Can thận âm hư) triệu chứng lâm sàng thường là sốt chiều, người gầy, da nóng, má hồng, lòng bàn tay bàn chân nóng, mất ngủ, ra mồ hôi trộm, khát nước, họng khô, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch tế sác.



## LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN (Tiểu nhi được chứng trực quyết)

### **Thành phần:**

Thục địa 20 - 32g

Sơn thù 10 - 16g

Trạch tả 8 - 12g

Hoài sơn 10 - 16g

Phục linh 8 - 12g

Đơn bì 8 - 12g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 8 - 12g, ngày 2 - 3 lần với nước sôi nguội hoặc cho tý muối. Có thể làm thang sắc uống.

**Tác dụng:** Tư bổ can thận.

**Giải thích bài thuốc:** Bài thuốc chủ yếu Tư bổ thận âm.

Trong bài:

- Thục địa: tư thận, dưỡng tinh là chủ dược.
- Sơn thù: dưỡng can sáp tinh.
- Sơn dược: bổ tỳ cố tinh.
- Trạch tả: thanh tả thận hỏa, giảm bớt tính nê trệ của Thục địa.
- Đơn bì: thanh can hỏa, giảm bớt tính ôn của Sơn thù.
- Bạch linh: kiện tỳ, trừ thấp giúp Hoài sơn kiện tỳ.

Sáu vị thuốc hợp lại vừa bổ vừa tả giúp cho tác dụng bổ tốt hơn là một bài thuốc chủ yếu tư bổ Can thận.

**Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng nhiều trên lâm sàng để chữa bệnh mạn tính như suy nhược thần kinh, suy nhược cơ thể, lao phổi, lao thận, bệnh tiểu đường, viêm thận mạn tính, cường tuyến giáp, huyết áp cao, xơ mỡ mạch máu, phòng tai biến mạch máu não ở người có tuổi (bài thuốc có tác dụng giảm cholesterol trong máu) hoặc ở những bệnh xuất huyết tử cung cơ năng, có hội chứng Can thận âm hư đều có thể gia giảm dùng kết quả tốt.

1. Những bệnh về mắt như viêm thần kinh thị, viêm võng mạc trung tâm, teo thần kinh thị gia thêm Dương quy, Sài hồ, Cúc hoa, Ngũ vị tử để chữa có kết quả nhất định.
2. Bài này gia Tri mẫu, Hoàng bá gọi là bài "TRI BÁ ĐỊA HOÀNG HOÀN" (Y tông kim giám) có tác dụng tư âm giáng hỏa mạnh hơn, dùng trong những trường hợp bệnh lao, sốt kéo dài, ra mồ hôi trộm có tác dụng tốt.
3. Nếu gia thêm Kỷ tử, Cúc hoa gọi là "KỶ CÚC ĐỊA HOÀNG HOÀN" (Y cấp). Tác dụng chủ yếu tư bổ Can thận, làm sáng mắt, tăng thị lực, dùng trong trường hợp âm hư can hỏa vượng sinh ra hoa mắt, mờ mắt, đau đầu chóng mặt, trong trường hợp suy nhược thần kinh, cao huyết áp có kết quả tốt.
4. Nếu gia Ngũ vị tử, Mạch đông gọi là bài "MẠCH VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN" cũng gọi là BÁT TIÊN TRƯỜNG THỌ HOÀN (Y cấp) dùng chữa chứng Phế thận âm hư, ho ra máu, sốt đêm, ra mồ hôi như trường hợp lao phổi.
5. Nếu gia thêm Dương quy, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Bạch tật lê, Thạch quyết minh gọi là bài: "MINH MỤC ĐỊA HOÀNG HOÀN" có tác dụng tư bổ can thận, tiêu tán phong nhiệt, làm sáng mắt. Chữa các chứng mắt khô, mờ mắt, quáng gà, chứng huyết áp cao thể âm hư hỏa vượng.

**Chú ý:** Không dùng bài Lục vị trong trường hợp rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***



## TẢ QUY HOÀN (Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Là bài Lục vị bỏ Bạch linh, Trạch tả, Đơn bì gia:

Thỏ ty tử

Câu kỷ tử

Xuyên Ngưu tất

Lộc giao

Quy giao.

**Tác dụng:** Tư bổ Can thận.

**Chữa chứng:** Can thận tinh huyết suy kém, lưng đau chân yếu, chóng mặt ù tai, ra mồ hôi trộm, mồm họng khô.

Nếu bài Lục vị bỏ Trạch tả, Đơn bì gia Câu kỷ tử, Chích thảo có tên là TẢ QUY ẨM (Cảnh Nhạc toàn thư).

Có tác dụng như Tả quy hoàn nhưng kém hơn.

### TIẾP TỤC VÔ ÂM PHƯƠNG

#### (Hải thượng Y tôn tâm lĩnh)

Tức bài Lục vị địa hoàng hoàn gia Mạch môn, Ngũ vị tử cũng là bài "MẠCH VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN".

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## ĐẠI BỔ ÂM HOÀN (Đan Khê tâm pháp)

### **Thành phần:**

Hoàng bá sao 16g

Thục địa (chưng rượu) 24g

Tri mẫu (rượu sao) 16g

Quy bản (tẩm giấm nướng) 24g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn hòa với nước tủy xương sống lợn đun chín, luyện mật, làm hoàn theo tỷ lệ trên, làm nhiều ít tùy ý. Mỗi lần uống 8 - 12g, vào sáng tối 2 lần. Có thể làm thang sắc uống.

**Tác dụng:** Tư âm giáng hỏa.

### **Giải thích bài thuốc:**

Là bài thuốc chủ yếu để tư thận âm, giáng hư hỏa, chữa chứng âm hư nội nhiệt.

Trong bài:

- Hoàng bá: đắng hàn tả thanh hỏa.
- Tri mẫu: thanh hư nhiệt.
- Thục địa: tư bổ thận âm.
- Quy bản: tư âm tiềm dương, thêm tủy sống heo để bổ tinh giảm bớt tính táo và đắng của Tri mẫu, Hoàng bá.

Các vị cùng dùng có tác dụng tư âm giáng hỏa.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài thuốc chủ yếu trị các chứng âm hư nội nhiệt biểu hiện sốt về chiều, ra mồ hôi trộm, lòng bàn tay bàn chân nóng. Nếu nhiệt thương phế lạc làm cho ho ra

máu. Nếu hư nhiệt ảnh hưởng đến tỳ vị sinh ra chứng tiêu khát.

1. Trường hợp ra mồ hôi trộm nhiều gia Mẫu lệ, Lá dâu, Phù tiểu mạch, Rễ lúa nếp để dưỡng âm liễm hãn.
2. Trường hợp bệnh lao ho ra máu gia Tiên hạc thảo, Trắc bá diệp, Cỏ nhọ nồi, A giao để dưỡng âm, chỉ khái, cầm máu.
3. Trường hợp khát nước uống nước nhiều gia Thạch hộc, Thiên hoa phấn, Sa sâm để dưỡng vị âm chỉ khát.

**Chú ý:** Bài thuốc không nên dùng đối với bệnh nhân tỳ vị hư nhược, ăn kém, tiêu lỏng.

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## TƯ THẬN HOÀN THÔNG QUAN HOÀN (Lam thất bí tàng)

**Thành phần:**

Tri mẫu 40g

Hoàng bá 40g

Quế nhục 2g

**Cách dùng:** Tán bột làm hoàn, mỗi lần uống 8 - 12g, ngày 2 lần lúc bụng đói với nước sôi ấm.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt ở hạ tiêu.

**Chủ trị:** Chứng bàng quang nhiệt, tiểu khó, bụng dưới đầy trướng.

Bài thuốc chủ yếu là giáng hỏa để giúp bàng quang khí hóa lợi thủy được tốt hơn.

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***



## TƯ ÂM GIÁNG HÒA PHƯƠNG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

**Thành phần:**

Thục địa 40g

Sinh địa 40g

Đan sâm 20g

Thiên môn 12g

Ngưu tất 12g

Ngũ vị 6g

**Cách dùng:** Trước hết dùng 20g Thạch học đổ 2 bát nước sắc lấy còn 1,2 bát; sau đó cho các vị thuốc vào sắc còn 1 bát uống lúc còn ấm.

**Chủ trị:** Các chứng âm hư dương lẫn, thủy suy hỏa bốc, mạch hồng, sắc, người gầy, da khô, khát nước, thổ huyết, nục huyết.

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## NHẤT QUÁN TIỀN (Liệu Châu y thoại)

### **Thành phần:**

Bắc sa sâm 12g  
Đương qui 12g  
Câu kỷ tử 24g  
Mạch đông 12g  
Sinh địa 14 - 60g  
Xuyên luyện tử 6g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

Liều lượng tùy tình hình bệnh gia giảm.

**Tác dụng:** Dưỡng âm sơ can.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này tác dụng chủ yếu là tư dưỡng can âm, sơ can lý khí. Trong bài:

- Sinh địa: tư dưỡng Can thận là chủ dược.
- Bắc Sa sâm, Mạch môn, Kỷ tử đều có tác dụng hỗ trợ tư can dưỡng âm.
- Đương quy: dưỡng huyết, hòa can.
- Xuyên luyện tử: sơ can, tán nhiệt.

Các vị thuốc dùng chung hợp thành một bài thuốc có tác dụng dưỡng can thận âm, sơ can lý khí.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chữa Can thận âm hư, can khí uất gây nên ngực sườn đau tức, mồm đắng, ợ chua, họng khô, lưỡi đỏ khô.

1. Trường hợp mồm đắng họng khô gia Hoàng liên, Hoàng cầm, Thiên hoa phấn để thanh nhiệt. Nếu đại tiện táo bón gia Qua lâu nhân, Hỏa ma nhân để thông tiện. Nếu có hư nhiệt ra mồ hôi trộm nhiều gia Địa cốt bì, Mẫu lệ, Lá dâu để thoát hư nhiệt, chỉ hãn.
2. Trường hợp âm hư nặng, lưỡi đỏ khô hoặc nổi gai đỏ gia Thạch斛 để dưỡng vị âm .
3. Trường hợp đàm nhiều gia Qua lâu, Bối mẫu để khu đàm, nếu bụng đau gia Bạch thực, Chế Hương phụ, Cam thảo để hòa can, lý khí, chỉ thống.
4. Trường hợp gan to có khối u cứng gia Miết giáp để nhuyễn kiên, tán kết.
5. Bài thuốc thường được ứng dụng chữa chứng viêm gan mãn có kết quả nhất định thường được dùng thêm các vị Đương quy, Đơn sâm, Bạch thực để sơ can hòa huyết. Nếu tiêu hóa kém bụng đầy hơi thì gia Sa nhân, Mộc hương, Kê nội kim để hành khí tiêu thực. Trường hợp mất ngủ gia Bá tử nhân, Toan táo nhân sao, Ngũ vị tử để dưỡng tâm an thần.

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## NHỊ CHÍ HOÀN (Lục khoa chuẩn thẳng)

**Thành phần:**

Hạn liên thảo

Nữ trinh tử

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 12g, có thể làm thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Ích can thận, bổ âm huyết.

**Ứng dụng lâm sàng:**

**Chủ trị:** Thường dùng chữa các chứng suy nhược thần kinh, cao huyết áp có hội chứng bệnh lý can thận âm hư, mồm đắng, họng khô, mất ngủ, chóng mặt, hoa mắt, di mộng tinh.

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## BỔ ÂM LIỄM DƯƠNG PHƯƠNG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

**Thành phần:**

Nhân sâm

Thục địa

Mạch môn

Ngưu tất

Đan sâm

Phục thần

Bạch thược

Viễn chí

Thán khương

(Nguyên phương không ghi liều lượng).

**Cách dùng:** các vị sắc nước uống.

**Chủ trị:** Âm vong bên trong, dương thoát ra ngoài.

Biểu hiện mặt đỏ mê man không biết gì, miệng hay nói nhảm, tay chân vật vã, mạch hồng đại.



## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## LAO KHÁI CAO TƯ PHƯƠNG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Thục địa 400g  
Ý dĩ 240g  
Ngưu tất 120g  
Địa cốt bì 80g  
Khoản đông hoa 80g  
Sinh địa 200g  
Đan sâm 120g  
Mạch môn 160g  
Tử uyển 80g  
Thán khương 24g  
Mật ong (nấu riêng) 240g

**Cách chế và dùng:** Các vị thuốc sắc 2 nước, lọc bỏ bã, cô thành cao, cho thêm bột mịn Phục linh 80g, bột Xuyên Bối mẫu 88g trộn với cao trên, luyện với mật ong thành cao.

**Chủ trị:** Chứng lao phổi.

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

# TOÀN CHÂN NHẤT KHÍ THANG

(Còn gọi CỨU ÂM THANG)  
(Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

**Thành phần:**

Thục địa 16 - 24g  
Bạch truật sao 12 - 20g  
Nhân sâm 8g  
Mạch môn 12g  
Ngũ vị tử 24g  
Ngưu tất 8 - 12g  
Phụ tử chế 4 - 8g

**Cách dùng:** các vị sắc nước uống lúc còn ấm.

**Tác dụng:** Ích khí tư âm, giáng hỏa.

**Chủ trị:** Các chứng trúng phong, bệnh nặng, âm hư phát nhiệt, thổ huyết, ho, các chứng hư lao nặng.

**Cách gia giảm:**

- Trường hợp đại tiện lỏng, dùng Thục địa sao khô.
- Người khô héo, bội Thục địa.
- Phế nhiệt tăng liều Mạch môn.
- Tỳ hư tăng Bạch truật.
- Dương hư bồi Phụ tử.
- Nguyên khí hư bồi Nhân sâm.
- Gân cốt yếu gia Đỗ trọng sống 12g.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## HÀ XA ĐẠI TẠO HOÀN (Ngô Cầu phương)

### **Thành phần:**

Tử hà xa 1 bộ  
Qui bản 80g  
Thục địa 100g  
Nhân sâm (Đảng sâm) 40g  
Mạch môn 48g  
Thiên môn 48g  
Bạch linh 48g  
Ngưu tất 48g  
Đỗ trọng 60g  
Hoàng bá 60g

**Cách chế và dùng:** Các vị thuốc tán nhỏ, luyện mật, làm hoàn, mỗi ngày dùng 12 - 16g, chia 2 lần, uống với nước muối nhạt.

**Tác dụng:** Đại bổ âm dương khí huyết.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Bài này lấy Tử hà xa (nhau thai) đại bổ nguyên khí, dưỡng tinh huyết là chủ dược.
- Quy bản, Thục địa, Thiên môn, Mạch môn: bổ âm huyết.
- Nhân sâm: ích khí, sinh tân.
- Đỗ trọng, Ngưu tất: bổ can thận, mạnh gân cốt.
- Hoàng bá: thanh nhiệt.

- Bạch linh: kiện tỳ, trừ thấp.

Các vị hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng bồi bổ khí âm, dưỡng tinh huyết là một bài thuốc tăng cường sức khỏe toàn diện đối với những người hư nhược nhưng thiên về âm huyết là chính, nên gọi là "Hà xa đại tạo hoàn".

***Ứng dụng lâm sàng:***

Trên lâm sàng thường dùng chữa các chứng hư nhược khí huyết hư, cơ thể hao tổn do mắc bệnh mạn tính lâu ngày, người gầy mòn do nóng, tự ra mồ hôi hoặc ra mồ hôi trộm, người già suy nhược.



## ***BÀI THUỐC BỒ ÂM***

## TĂNG DỊCH THANG (Ôn bệnh điều biến)

### **Thành phần:**

Huyền sâm 40g

Mạch môn 32g

Sinh địa 32g

**Cách dùng:** Liều lượng trên theo nguyên phương, sắc nước uống.

**Tác dụng:** Sinh tân nhuận táo, tăng dịch, nhuận tràng.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Huyền sâm: tăng dịch, lương huyết.
- Mạch môn: tư âm, dưỡng vị.
- Sinh địa: lương huyết thanh nhiệt để sinh tân dịch.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trên lâm sàng bài này được dùng để chữa bệnh viêm nhiễm thời kỳ hồi phục do nhiệt làm hao tổn tân dịch, người nóng, miệng khát, da khô, đại tiện táo bón, dùng để nhuận tràng thông tiện, gọi là phép lấy thuốc bổ dùng làm thuốc tả.
2. Trường hợp đại tiện táo bón nặng có thể gia thêm Mang tiêu, Đại hoàng là Tăng dịch thừa khí thang.
3. Bài này có thể dùng chữa chứng âm hư, vị nhiệt, mồm môi lở loét, họng khô khát nước.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## BỔ DƯƠNG

Bài thuốc Bổ dương dùng chữa chứng dương hư mà chủ yếu là trị thận dương hư, biểu hiện lâm sàng thường là lưng gối nhức mỏi, chân yếu lưng lạnh hoặc ho suyễn lâu ngày, ù tai, liệt dương, hoạt tinh, tiểu tiện nhiều lần hoặc tiêu chảy kéo dài, râu lưỡi trắng, mạch trầm, trì, nhược.

Bài thuốc thường gồm các vị thuốc tính vị ngọt nóng như: Phụ tử, Quế nhục, Đỗ trọng, Lộc nhung, Nhục thung dung, Dâm dương hoắc, Sơn thù, Hoài sơn, Ba kích thiên, Ích trí nhân ...



## THẬN KHÍ HOÀN (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Can địa hoàng 16 - 32g  
Sơn thù 8 - 16g  
Bạch linh 8 - 12g  
Sơn dược 8 - 16g  
Trạch tả 8 - 12g  
Đơn bì 8 - 12g  
Phụ tử chế 4g  
Quế chi 2 - 4g

**Cách dùng:** Theo tỷ lệ trên, tất cả tán bột mịn, trộn đều, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 8 - 12g, ngày 1 - 2 lần, với nước sôi nóng hoặc gia thêm tý muối.

Có thể làm thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Ôn bổ thận dương.

### **Giải thích bài thuốc:**

Đây là bài thuốc chính chữa chứng thận dương hư.

Trong bài:

- Phụ tử, Quế chi: ôn bổ thận dương là chủ dược.
- Thêm bài "Lục vị" tư bổ thận âm để điều hòa âm dương làm cho thận khí được sung túc thì các triệu chứng do thận dương hư gây nên như đau lưng, gối mỏi, phía nửa người dưới lạnh, tiểu tiện nhiều lần hoặc tiểu són, hoặc chứng hoạt tinh, di niệu tự khỏi.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

1. Bài này chủ yếu chữa các chứng bệnh mạn tính, viêm thận mạn, suy nhược thần kinh, bệnh béo phì, liệt dương, tiểu đêm, người già suy nhược có hội chứng thận dương hư.
2. Bài thuốc này gia thêm Ngưu tất, Xa tiền tử gọi là "TẾ SINH THẬN KHÍ HOÀN" (Tế sinh phương) có tác dụng lợi niệu, tiêu phù, dùng chữa chứng thận dương hư, cơ thể nặng nề phù thũng, tiểu tiện ít.
3. *Chú ý:* Bài thuốc không dùng đối với những trường hợp có hội chứng thận âm bất túc như đau lưng, mỏi gối, người nóng ra mồ hôi trộm, mạch tế sác.



## ***BÀI THUỐC BỔ DƯỠNG***

## HỮU QUY HOÀN (Cảnh Nhạc toàn thư)

### **Thành phần:**

Thục địa 32g

Sơn dược sao 16g

Sơn thù 12g

Câu kỷ tử 16g

Đỗ trọng (tẩm gừng sao) 16g

Thỏ ty tử 16g

Thục Phụ tử 8 - 14g

Nhục quế 8 - 16g

Đương quy (\*) 12g

Lộc giác giao 16g

(\*) Trường hợp Tiêu chảy không dùng.

**Cách dùng:** Theo tỷ lệ trên tất cả tán bột mịn luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 4 - 8g, có thể làm thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Ôn thận tráng dương, bổ tinh huyết.

**Chủ trị:** Các chứng thận dương bất túc, mệnh môn hỏa suy, lão suy.

Lâm sàng biểu hiện các triệu chứng: sợ lạnh, chân lạnh, hoạt tinh, liệt dương, chân đau, gối mỏi.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỔ DƯỠNG***

## HẬU THIÊN BÁT VỊ PHƯƠNG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Bồ chính sâm 40g  
Bạch truật (tẩm mật sao) 20g  
Chích thảo 4g  
Mạch môn 4g  
Hoàng kỳ (tẩm mật sao) 8g  
Ngũ vị (tẩm mật sao) 4g  
Liên nhục (sao) 6g  
Phụ tử 2g

**Cách dùng:** gia Đại táo, Gừng nướng sắc nước uống.

**Chủ trị:** Các chứng dương khí hậu thiên hư tổn, hình thể gầy xanh hoặc béo bệu, hơi thở ngắn, mỗi mệt, ăn không biết ngon, rất sợ gió lạnh, hoặc tiêu lỏng hoặc tỳ hư không liễm được hỏa, phát sốt, phiền khát.

**Chú ý:** Khi dùng bài thuốc nếu trúng hàn đau bụng tiêu lỏng gia Đậu khấu, Can khương.

- \* Nếu dương hư hạ hãm gia Thăng ma (tẩm rượu sao).
- \* Nếu ngoại cảm lúc nóng lúc lạnh gia Sài hồ, Bán hạ.
- \* Nếu bụng đầy hơi gia Trầm hương.
- \* Nếu đàm nhiều gia Trần bì, Bán hạ.
- \* Nếu ra mồ hôi nhiều gia Ma hoàng căn.
- \* Nếu vị hư nôn mửa bỏ Đại táo gia Bán hạ chế.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*

## ***BÀI THUỐC BỔ DƯỠNG***

## TƯ BỔ TRĨ DƯƠNG PHƯƠNG (Hải Thượng Y tôn tâm lĩnh)

### **Thành phần:**

Thục địa 8g  
Sơn dược 4g  
Sơn thù 4g  
Mẫu đơn 3g  
Phục linh 4g  
Ngũ vị 2g  
Ngưu tất 4g  
Đỗ trọng (dùng sống) 4g  
Trạch tả 3g  
Đại phụ tử 1g  
Nhục quế (bỏ vỏ) 1g

**Cách dùng:** Liều lượng y nguyên phương, theo liều lượng trên tỷ lệ của bài thuốc làm thuốc hoàn hoặc thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Chữa các chứng trẻ con ngoài giả nhiệt trong thực hàn, bệnh mệnh môn hỏa suy, có tác dụng bổ mệnh môn hỏa lại kiêm tử bổ phần âm làm cho đầy đủ tinh huyết.

Theo tác giả, trị trẻ con "Tiên thiên" yếu đuối thì phương thuốc này rất hay giữ cho trẻ con được mạnh khỏe sống lâu.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## THUỐC CỔ SÁP

Thuốc **Cổ sáp** là những bài thuốc gồm các vị thuốc có tác dụng thu liễm, như:

- Phù tiểu mạch, Ngũ vị tử, Long cốt, Mẫu lệ có tác dụng cầm mồ hôi.
- Kim anh tử, Tang phiêu tiêu, Sơn thù có tác dụng sáp tinh, cầm tiểu tiện.
- Khiếm thực, Liên nhục, Xích thạch chi, Thạch lựu bì, Ô mai, Kha tử có tác dụng cầm tiêu chảy.

Nên thường dùng để chữa các chứng do âm dương khí huyết hư tổn, chức năng tạng phủ bị rối loạn gây nên.

Trên lâm sàng thường biểu hiện các chứng: mồ hôi ra nhiều (tự hãn hoặc đạo hãn), bệnh chứng tiêu chảy kiết lỵ kéo dài, di tinh, hoạt tinh, tiểu tiện nhiều lần không tự chủ hoặc các chứng phụ khoa như băng lậu, huyết trắng ra nhiều.

Những chứng bệnh trên thường do khí hư nên trong lúc sử dụng thường kèm theo các loại bổ khí khí như Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật ...

Những trường hợp chứng thực như sốt do mồ hôi ra nhiều, kiết lỵ cấp tính, ỉa chảy cấp do thấp nhiệt, huyết trắng ra nhiều do thấp nhiệt ... đều không thuộc chỉ định của bài thuốc cổ sáp.



## NGỌC BÌNH PHONG TÁN (Thế y đặc hiệu phương)

### **Thành phần:**

Hoàng kỳ 24g

Phòng phong 8g

Bạch truật 16g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, trộn lẫn, mỗi lần uống 8 - 12g, ngày 2 lần. Có thể dùng thuốc thang sắc uống.

Tùy chứng gia giảm.

**Tác dụng:** Ích khí kiện tỳ, cố biểu, chỉ hãn.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ trị chứng biểu hư ra mồ hôi, khí hư dễ cảm mạo.

- Hoàng kỳ dùng liều cao để ích khí cố biểu là chủ dược.
- Bạch truật để kiện tỳ.
- Phòng phong có tác dụng khu phong.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc dùng để trị chứng biểu hư dễ cảm mạo, đối với người hay bị cảm dùng bài này có thể nâng cao sức khỏe.

1. Trường hợp ngoại cảm, biểu hư sợ gió, ra mồ hôi, mạch hoãn gia Quế chi để giải cơ.
2. Trường hợp ra mồ hôi nhiều gia Mẫu lệ, Lá dâu, Ngũ vị tử, Ma hoàng căn để tăng cường cố biểu, cầm mồ hôi.
3. Trường hợp viêm mũi mạn tính hoặc do dị ứng gia

Thương nhĩ tử, Bạch chỉ để sơ phong khai khiếu.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## MẪU LỆ TÁN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Mẫu lệ nướng 20 - 40g

Ma hoàng căn 12 - 20g

Hoàng kỳ 20 - 40g

Phù tiểu mạch 12 - 20g

**Cách dùng:** Nguyên phương là dùng thuốc bột thô, sắc với Phù tiểu mạch để uống, có thể dùng thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Cố biểu, liễm hãn.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng khí hư, tự hãn, ngủ nhiều hơn, cho nên chữa trị dùng bài này ích khí cố biểu, liễm âm chỉ hãn.

- Mẫu lệ liễm âm tiềm dương chỉ hãn là chủ dược.
- Hoàng kỳ: ích khí cố biểu.
- Phù tiểu mạch: liễm âm, chỉ hãn.
- Ma hoàng căn: chỉ hãn có tác dụng giúp Hoàng kỳ, Mẫu lệ ích khí cố biểu, liễm âm chỉ hãn.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc này thường được dùng trị chứng ra mồ hôi trộm hoặc tự ra mồ hôi, do cơ thể hư yếu.

1. Trường hợp dương hư gia Bạch truật, Phụ tử để trợ dương cố biểu.
2. Trường hợp khí hư gia Đảng sâm, Bạch truật để kiện tỳ ích khí.



3. Nếu âm hư gia Can đại hoàng, Bạch thược để dưỡng âm.

4. Nếu huyết hư gia Thục địa để dưỡng huyết chỉ hãn.

Bài thuốc thường được dùng với những bệnh nhân mắc bệnh nhiễm trùng thời kỳ hồi phục, khí hư ra mồ hôi nhiều hoặc bệnh lao phổi, khí âm hư ra mồ hôi nhiều, có thể dùng cho bệnh nhân nữ sau khi đẻ cơ thể suy yếu, ra mồ hôi và trẻ em suy dinh dưỡng ra mồ hôi trộm.



## ĐƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG (Lam thất bí tàng)

### **Thành phần:**

Đương quy 12g

Thục địa 12g

Sinh địa 12g

Hoàng liên 8 - 12g

Hoàng bá 8 - 12g

Hoàng cầm 8 - 12g

Hoàng kỳ 16g - 24g

**Cách dùng:** Tán bột mịn, mỗi lần uống 8 - 20g, hoặc sắc nước uống, tùy tình hình bệnh gia giảm.

**Tác dụng:** Tư âm thanh nhiệt, cố biểu chỉ hãn.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ yếu trị chứng hư nhiệt ra mồ hôi có tác dụng tư âm thanh nhiệt, chỉ hãn.

- Đương quy, Sinh Thục địa: tư âm dưỡng huyết đều là chủ dược.
- Hoàng liên, Hoàng bá, Hoàng cầm: thanh nhiệt giáng hỏa để giữ âm.
- Hoàng kỳ để ích khí cố biểu.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị chứng âm hư hỏa vượng, ra mồ hôi.

Biểu hiện lâm sàng: sốt, bứt rứt, ra mồ hôi, mặt đỏ, mồm khô, táo bón, tiểu đỏ, lưỡi đỏ, mạch sắc hoặc tế sắc.

Bài thuốc có thể gia thêm Ma hoàng căn, Phụ tử mạch

tác dụng tốt hơn.

Trường hợp sốt chiều, họng khô có thể gia thêm Tri mẫu, Qui bản để tư âm tiềm dương.

Bài thuốc có nhiều vị gây nôn trệ nên thận trọng trong trường hợp tỳ vị hư nhược, chán ăn, tiêu lỏng, cần gia giảm cho thích hợp.



## CỐ TINH HOÀN (Y phương tập giải)

### **Thành phần:**

Sa uyển tạt lê 80g

Liên tu 80g

Mẫu lệ nung 40g

Khiếm thực 80g

Long cốt (nướng giấm) 40g

**Cách dùng:** tất cả tán bột mịn, thêm bột Liên nhục hồ làm hoàn mỗi lần uống 12g, lúc đói với nước muối nhạt, có thể dùng làm thuốc thang sắc uống theo tỷ lệ trên tùy tình hình bệnh gia giảm.

**Tác dụng:** cố thận sáp tinh.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ yếu chữa chứng thận hư hoạt tinh.

- Sa uyển tạt lê: bổ thận ích tinh là chủ dược.
- Liên nhục, Khiếm thực: cố thận sáp tinh.
- Liên tu: sáp tinh.

Các vị hợp lại thành bài thuốc cố thận sáp tinh.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài thuốc thường được dùng chữa chứng di tinh, mộng tinh do thận hư thường có các triệu chứng: đau mỗi vùng thắt lưng, hoạt tinh, di tinh đêm hoặc ngày, tiểu nhiều lần, lưỡi nhợt, mạch trầm nhược, râu trắng.

1. Trường hợp thận dương hư gia thêm Bổ cốt chi, Sơn thù để ôn bổ thận dương.

2. Nếu Mộng tinh trần trọc khó ngủ, lưỡi đỏ khô, mạch tế sắc thiên thận âm hư gia Qui bản, Nữ trinh tử hoặc gia thêm Lục vị hoàn để bổ thận âm.
3. Trường hợp hư nhiệt gia thêm Tri mẫu, Hoàng bá để tư âm giáng hỏa.

Trên lâm sàng bài này sử dụng có kết quả tốt trị chứng suy nhược thần kinh có hoạt tinh, mộng tinh, mất ngủ, đái dầm ở trẻ em có kết quả tốt.





## PHONG TỦY ĐƠN (Y tông kim giám)

**Thành phần:**

Sa nhân 40g

Hoàng bá 120g

Chích Cam thảo 28g

**Cách dùng:** tán bột mịn, luyện mật, làm hoàn nhỏ, mỗi lần uống 12g, lúc bụng đói với nước muối nhạt.

Có thể dùng thuốc thang sắc uống theo tỷ lệ trên gia giảm.

**Tác dụng:** Thanh hỏa cố tinh.

Dùng trong trường hợp xuất tinh do can hỏa vượng.



## THỦY LỤC NHỊ TIÊN ĐƠN (Chứng trị chuẩn thẳng)

**Thành phần:**

Khiếm thực

Kim anh tử

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** lấy nước sắc Kim anh tử trộn với bột Khiếm thực dùng rượu và hồ làm hoàn nhỏ, mỗi lần uống 12g.

**Tác dụng:** bổ thận sáp tinh.

Trị chứng nam di tinh, nữ bạch đới do thận hư.



## TANG PHIÊU TIÊU TÁN (Bản thảo thuật nghĩa)

### **Thành phần:**

Tang phiêu tiêu 40g  
Xương bồ 40g  
Đảng sâm 40g  
Đương quy 40g  
Viễn chí 40g  
Long cốt 40g  
Phục thần 40g  
Qui bản (tẩm nướng giấm) 40g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, dùng Đảng sâm làm thang uống mỗi lần 8 - 12g, trước lúc ngủ. Có thể dùng làm thuốc thang tỷ lệ tùy tình hình bệnh gia giảm.

**Tác dụng:** Điều bổ tâm thần, cố tinh, chỉ di niệu.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ trị chứng di tinh, mộng tinh hoặc di niệu (đái dầm, đái són, đái nhiều lần) do tâm thận bất túc.

- Tang phiêu tiêu: bổ thận cố tinh, chỉ di niệu là chủ dược.
- Phục thần, Viễn chí, Xương bồ: định tâm an thần.
- Đảng sâm, Đương quy: song bổ khí huyết.
- Long cốt, Qui bản: điều hòa tâm thận.

Các vị thuốc phối hợp có tác dụng điều hòa tâm thận, bổ ích khí huyết, định tâm an thần cố tinh.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc chủ trị các chứng tiểu tiện nhiều lần, tiểu đêm đái dầm, tiểu són không kiềm chế được hoặc di tinh, mộng tinh do tâm thận bất túc có kết quả tốt.

1. Trường hợp di niệu có thể gia Phúc bồn tử, Ích trí nhân.
2. Nếu là di tinh mạch hư nhược gia Sơn thù, Sa uyển, Tật lê.

Bài thuốc được dùng có kết quả nhất định với các chứng tiểu đêm, đái dầm, hoạt tinh, mất ngủ hay quên, tim hồi hộp do tâm thận bất túc, suy nhược thần kinh.



## SÚC TUYỀN HOÀN (Phụ nhân lượng phương)

**Thành phần:**

Ô dược

Ích trí nhân

(Lượng bằng nhau)

Thêm Sơn dược nấu rượu, lượng như trên.

**Cách dùng:** tất cả tán bột làm hoàn, mỗi lần uống 8g, ngày 2 lần với nước sôi để nguội hoặc nước cơm.

**Tác dụng:** ôn thận, trừ hàn sáp tiểu tiện.

**Chủ trị:** chứng tiểu tiện nhiều lần hoặc trẻ em đái dầm do thận dương hư.





## DƯỠNG TẠNG THANG (Hòa tễ cục phương)

### **Thành phần:**

Bạch thược 64g  
Đảng sâm 24g  
Nhục đậu khấu (nướng) 20g  
Chích thảo 32g  
Kha tử bì 48g  
Đương qui 24g  
Bạch truật 24g  
Nhục quế 32g  
Mộc hương 56g  
Anh túc xác (tẩm mật sao) 124g

**Cách dùng:** Anh túc xác có thể thay bằng Thạch lựu bì, tất cả tán bột thô, mỗi lần 8 - 12g. Sắc nước uống nóng. Có thể thay bằng thuốc thang, sắc uống.

Lượng gia giảm tùy theo tình hình bệnh.

**Tác dụng:** Ôn bổ khí huyết, sáp tràng cổ thoát.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ trị chứng tiêu chảy hoặc lỵ kéo dài do tỳ thận hư hàn nặng, có thể kèm theo sa trực tràng thường kèm đau bụng âm ỉ, chườm nóng giảm đau, người mệt mỏi, chán ăn, lưỡi nhợt rêu trắng, mạch "chậm, nhỏ".

Trong bài:

- Đảng sâm, Bạch truật: ích khí, kiện tỳ là chủ dược.
- Nhục đậu khấu, Nhục quế: ôn tỳ thận để chỉ tả.

- Kha tử, Anh túc xác: sáp tràng cổ thoát.
- Mộc hương: điều khí lý tỳ, giảm bớt tính nề trệ của thuốc cổ sáp.
- Đương qui, Bạch thược: dưỡng huyết hòa huyết.
- Chích thảo: ích khí hòa trung điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng ôn trung sáp tràng, bổ dưỡng tạng khí đã bị tổn thương nên gọi là bài "Dưỡng tạng thang".

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ yếu dùng để trị chứng tiêu chảy kiết lỵ kéo dài do tỳ thận dương hư.

1. Trường hợp dương hư nặng, tỳ thận hư hàn gia Can khương, Phụ tử để ôn tỳ bổ thận.
2. Trường hợp do tả lỵ lâu ngày khí hư, khí hư, hạ hãm gây thoát giang (sa trực tràng) gia Hoàng kỳ, Thăng ma để bổ khí thăng đề.

Bài thuốc chữa có kết quả tốt chứng kiết lỵ mãn tính, viêm đại tràng thể tiêu chảy.

Chú ý:

- Lúc dùng chữa các bệnh trên dặn bệnh nhân kiêng uống rượu, ăn chất dầu mỡ, cá tanh, chất sống lạnh.
- Trường hợp có tích trệ chú ý gia thêm các vị thuốc tiêu thực đạo trệ.



## ĐÀO HOA THANG (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Xích thạch chi 32g

Gạo tẻ 20g

Can khương 8g

**Cách dùng:** Lấy 1/2 Xích thạch chi (16g) sắc cùng Can khương và Gạo tẻ, đợi lúc chín nhừ, lấy nước ra uống với bột Xích thạch chi còn lại, chia làm 2 lần uống trong ngày.

**Tác dụng:** ôn trung sáp tràng.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này trong Thương hàn luận là bài chữa bệnh lý bụng đau, phân có máu mủ, kéo dài lâu ngày không khỏi, tổn thương đến tỳ vị, chuyển thành chứng hư hàn, hoạt thoát cho nên phải dùng đến phép "Ôn sáp cố thoát".

Trong bài:

- Xích thạch chi có tác dụng sáp tràng cố thoát là chủ dược.
- Can khương: ôn trung tán hàn.
- Gạo tẻ: dưỡng vị, hòa trung.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng chữa chứng tiêu chảy, kiết lỵ lâu ngày không khỏi, trẻ em có khi bị sa trực tràng.

1. Trường hợp khí hư gia Đẳng sâm, Nhục khấu, có sa trực tràng gia Thăng ma, Hoàng kỳ.
2. Trường hợp hàn nặng, sắc mặt tái nhợt, đau bụng

chườm nóng giảm đau, rêu lưỡi trắng dày, mạch trầm  
trì nhược dùng Bào khương hay Can khương.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## XÍCH THẠCH CHI VŨ DƯ LƯƠNG THANG (Thương hàn luận)

**Thành phần:**

Xích thạch chi 40g

Vũ dư lương 40g

**Cách dùng:** sắc nước bỏ bã uống lúc nóng chia 3 lần.

**Tác dụng:** sáp tràng chỉ tả.

**Chủ trị:** Chứng tả lỵ lâu ngày không khỏi, khác bài trên là không có tác dụng ôn trung.

Còn tác dụng cố sáp mạnh hơn.





## TRÚ XA HOÀN (Thương hàn luận)

### **Thành phần:**

Hoàng liên  
Bào khương  
Đương quy  
A giao.

**Chủ trị:** Trị chứng cứu ly thương âm, đại tiện ra máu mủ, mót rặn, âm bị tổn thương, sinh nhiệt.

Trong bài:

Dùng Hoàng liên thanh nhiệt chỉ ly.

Đương quy dưỡng âm huyết.

Bào khương để ôn tán.

Khác với Đào hoa thang chữa chứng cứu ly thương dương, còn phương này chữa chứng cứu ly thương âm.



## TỨ THẦN HOÀN (Chứng trị chuẩn thẳng)

### **Thành phần:**

Bổ cốt chi 160g  
Nhục đậu khấu (sao) 80g  
Ngũ vị tử 80g  
Ngô thù du 40g  
Sinh khương 320g  
Đại táo 240g

**Cách dùng:** Bốn vị đầu tán bột mịn, dùng nước sắc Khương táo làm thang trộn với bột thuốc thêm ít bột mì vừa đủ luyện thành hoàn, mỗi lần uống 12 - 16g với nước muối nhạt hoặc nước sôi nguội, trước lúc ngủ.

Có thể làm thuốc thang sắc uống.

Liều lượng và các vị thuốc có thể gia giảm tùy tình hình bệnh lý.

**Tác dụng:** Ôn tỳ thận, cố sáp, chỉ tả.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ yếu trị chứng tiết tả do tỳ thận hư hàn, sinh ra chứng tiêu chảy kéo dài vào buổi sáng sớm, lưng đau chân lạnh (do thận dương hư), người mệt mỏi, chán ăn (tỳ dương bất túc) do phép chữa ôn tỳ thận để chỉ tả.

Trong bài:

- Bổ cốt chi bổ Mệnh môn hỏa, ôn dưỡng tỳ dương là chủ dược.
- Nhục đậu khấu: ôn tỳ sáp tràng.

- Ngô thù du: ôn trung khu hàn.
- Ngũ vị tử: toan liễm cố sáp thêm Sinh khương ôn tỳ vị.
- Đại táo: bổ tỳ dưỡng vị.

Các vị hợp thành một bài thuốc có tác dụng ôn tỳ thận, sáp tràng, chỉ tả.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài này trên lâm sàng thường được sử dụng để chữa các bệnh viêm đại tràng mạn, lao ruột có hội chứng tỳ thận hư hàn, tiêu chảy kéo dài hoặc vào lúc sáng sớm.

1. Trường hợp tiêu chảy lâu ngày có biến chứng sa trực tràng nên thêm Đảng sâm, Hoàng kỳ, Thăng ma để ích khí thăng đề.
2. Trường hợp tiêu chảy khó cầm, lưng đau chân lạnh nhiều thuộc tỳ dương hư nặng gia Phụ tử chế, Nhục quế để ôn bổ thận dương.
3. Trường hợp bụng dưới đau nhiều, dùng bài này bỏ Ngũ vị tử, Ngô thù du gia Hồi hương để ôn thận hành khí chỉ thống.

### ***Chú ý:***

- Trường hợp rối loạn tiêu hóa kéo dài do thực tích không dùng bài này.
- Có báo cáo bài này trị viêm đại tràng cơ năng, tiêu chảy mạn tính có kết quả.



## CHẤN LINH ĐAN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Vũ dư lượng 160g  
Tỳ thạch anh 160g  
Đại giả thạch 160g  
Xích thạch chi 160g  
Một dược 80g  
Ngũ linh chi 80g  
Nhũ hương 80g  
Chu sa 40g

**Cách dùng:** Các vị tán bột mịn, trộn đều, gia bột gạo tẻ 10 - 20% làm hồ viên nhỏ, mỗi lần uống 4 - 16g, ngày 2 lần với nước nóng hoặc thuốc cho vào túi vải sắc nước uống thuốc theo tỷ lệ nguyên phương có gia giảm.

**Tác dụng:** Trị băng đới, khử ứ sinh tân.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Vũ dư lượng, Xích thạch chi, Đại giả thạch, Tỳ thạch anh có tác dụng chỉ tả, chỉ huyết cố sáp là chủ dược.
- Ngũ linh chi, Nhũ hương, Một dược có tác dụng hoạt huyết ứ sinh tân.
- Chu sa an thần.

Trong bài có các vị thuốc vừa có tác dụng chỉ huyết và hoạt huyết (thông sáp cùng dùng) có tác dụng rất tốt trong điều trị các chứng xuất huyết do ứ huyết, cho nên bài thuốc điều trị chứng băng lậu rất hay.

***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài thuốc chủ trị chứng băng lậu ở phụ nữ, kinh nguyệt kéo dài hoặc bạch đới lâu ngày không cầm, có kết quả tốt.

Tùy tình hình bệnh nhân có thể gia thêm các vị thuốc bổ khí huyết.





## HOÀN ĐỐI THANG (Truyền thanh chủ nữ khoa)

### **Thành phần:**

Bạch truật (thổ sao) 40g  
Sơn dược (sao) 40g  
Bạch thược 12 - 20g  
Đảng sâm 8 - 12g  
Thương truật 8 - 12g  
Xa tiền tử 12g  
Cam thảo 4g  
Sài hồ 6 - 8g  
Trần bì 4 - 6g  
Hắc giới tuệ 4 - 6g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Kiện tỳ táo thấp, sơ can lý khí.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc này chủ yếu chữa các chứng bạch đới do tỳ hư can khí uất, cho nên phép chữa phải là kiện tỳ táo thấp và sơ can lý khí.

Trong bài:

- Bạch truật và Sơn dược dùng liều cao để táo thấp kiện tỳ, trị bạch đới là chủ dược.
- Đảng sâm: ích khí kiện tỳ.
- Thương truật: táo thấp.
- Bạch thược, Sài hồ: sơ can giải uất.

- Hắc giới tuệ: thu liễm, chỉ đới.
- Trần bì: lý khí kiện tỳ.
- Xa tiền tử: lợi thủy trừ thấp.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

Các vị hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng ích khí, kiện tỳ, táo thấp, chỉ đới.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Bài này chủ yếu dùng trị chứng Bạch đới do tỳ hư.

1. Trường hợp đau lưng gia Đỗ trọng, Thỏ ty tử để bổ thận.
2. Bụng dưới đau gia Ngải diệp, Hương phụ chế để lý khí chỉ thống.
3. Trường hợp bệnh kéo dài, bạch đới loãng, chân tay mát, mạch trầm, trì gia Ba kích, Lộc giác sương để ôn thận cố sáp.

**Chú ý:** Bài thuốc không dùng được đối với chứng Bạch đới thể thấp nhiệt.

### **Phụ phương**

#### **DỮ ĐÓI HOÀN**

**(Tư hạc đình tập phương)**

#### ***Thành phần:***

Thục địa 16g

Bạch thược 12g

Đương qui 12g

Xuyên khung 8g

Xuân căn bì 24g

Hoàng bá 12g

Lương khương 12g

**Cách dùng:** sắc nước uống.

**Tác dụng:** Thanh thấp nhiệt.

**Chủ trị:** Chứng phụ nữ Xích bạch hoàng đới có kết quả tốt.



## THUỐC AN THẦN

Thuốc **An thần** là những bài thuốc có tác dụng giúp cho người bệnh bớt căng thẳng tinh thần, dễ ngủ, chống lại các cơn kích động tinh thần, lo âu, bứt rứt.

Theo Y học cổ truyền trạng thái tinh thần của con người có liên quan mật thiết đến sự hoạt động và trạng thái hư thực của các tạng phủ nhưng liên quan mật thiết nhất là hai tạng Can và Tâm.

- Nếu tinh thần luôn kích động hoặc hưng phấn, bứt rứt, dễ giận dữ, thường là thực chứng thuộc về Can.
- Nếu tinh thần không yên biểu hiện hồi hộp khó ngủ hay quên, khó tập trung tư tưởng là hư chứng do tâm huyết kém, tâm thận không điều hòa.

Cho nên phép chữa chính thường là hoặc sơ can lý khí, thanh can hỏa hoặc là dưỡng tâm an thần, nhưng lúc chữa bệnh ngoài việc dùng thuốc cần bồi dưỡng cho bệnh nhân một tinh thần lạc quan yêu đời tạo cho mình một cuộc sống vui tươi lành mạnh, tránh những cảm xúc âm tính (tức giận, buồn bực lo âu, suy nghĩ nhiều) đồng thời phải tăng cường tập luyện cơ thể, chú trọng phương pháp dưỡng sinh kết hợp việc dùng thuốc mới đạt kết quả tốt.

Những bài thuốc thường dùng:

- Chu sa an thần
- Toan táo nhân thang
- Bỏ tâm đơn
- Bá tử dưỡng tâm hoàn.

---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*





## CHU SA AN THẦN HOÀN (Lam thất bí tàng)

### **Thành phần:**

Hoàng liên 6g  
Chu sa 4g  
Sinh địa 2g  
Qui thân 2g  
Chích thảo 2g

**Cách dùng:** Chu sa thủy phi, tất cả tán bột mịn làm hoàn, mỗi lần uống 4 - 12g trước khi đi ngủ với nước nóng hoặc kết hợp uống với thuốc thang theo tình hình bệnh lý.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, dưỡng huyết an thần.

**Giải thích bài thuốc:** Bài này chủ trị chứng tâm hỏa vượng làm tổn thương đến tâm âm huyết, lâm sàng biểu hiện tinh thần bức rứt, khó ngủ, đêm hay nằm mê, đầu lờ mờ, mạch tế sác.

Trong bài này:

- Chu sa có tác dụng an tâm thần, thanh tâm hỏa là chủ dược.
- Hoàng liên: tính đắng hàn tác dụng thanh nhiệt, tả tâm hỏa.
- Sinh địa, Đương qui dưỡng huyết tư âm.
- Chích thảo: dưỡng vị hòa trung.

Các vị hợp lại thành bài thuốc có tác dụng thanh tâm an thần, dưỡng âm huyết.

**Ứng dụng lâm sàng:** Trên lâm sàng bài này thường được dùng chữa suy nhược thần kinh, mất ngủ hay quên, tim hồi

hộp.

1. Trường hợp có đờm nhiệt làm cho đầy tức gia Qua lâu nhân để khu đàm, thanh nhiệt.
2. Khó ngủ nhiều gia Liên tử tâm, Toan táo nhân.
3. Trường hợp tâm hỏa nặng gia Chi tử để thanh tâm hỏa.

**Chú ý:** Chu sa có độc không nên dùng nhiều hoặc dùng thời gian dài.



## TOAN TÁO NHÂN THANG (Kim quỹ yếu lược)

### **Thành phần:**

Toan tảo nhân 12 - 20g  
Phục linh 12g  
Cam thảo 4g  
Tri mẫu 8 - 12g  
Xuyên khung 4 - 6g

**Cách dùng:** Sắc nước uống, chỉ hai lần chiều và tối, trước khi đi ngủ.

**Tác dụng:** Dưỡng huyết an thần, thanh nhiệt trừ phiền.

**Giải thích bài thuốc:** Chủ trị chứng Can huyết không đủ sinh ra chứng hư phiền, khó ngủ, tim hồi hộp, vầng đầu hoa mắt, ra mồ hôi trộm, mồm họng khô, mạch huyền hoặc tế sắc.

Cho nên phép chữa phải lấy dưỡng can huyết an tâm thần làm chính, kiêm thanh nhiệt trừ phiền. Trong bài:

- Toan tảo nhân: dưỡng can an thần là chủ dược.
- Xuyên khung: điều hòa huyết, giúp Táo nhân tăng tác dụng an thần.
- Tri mẫu: thanh nhiệt trừ phiền.
- Cam thảo: kiện tỳ hòa trung.

Các vị thuốc hợp lại có tác dụng chung dưỡng huyết an thần, thanh nhiệt trừ phiền.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng chữa mất ngủ trong bệnh suy

nhược thần kinh do Can huyết không đủ, có chứng:

1. Hư nhiệt thường gia thêm Dương quy, Bạch thược, Sinh địa để dưỡng âm huyết, lương huyết, hòa can thanh nhiệt.
2. Ra mồ hôi nhiều gia Mạch môn, Ngũ vị để an thần liễm hãn.
3. Nếu tim hồi hộp nhiều, khó ngủ gia Long xĩ để trấn kinh.
4. Trường hợp tâm khí hư, người mệt mỏi gia Đảng sâm, Long xĩ để ích khí trấn kinh.



## BỔ TÂM ĐƠN

### THIÊN VƯƠNG BỔ TÂM ĐƠN

(Thế y đặc hiệu phương)

**Thành phần:**

Sinh địa hoàng 160g  
Toan táo nhân 40g  
Thiên môn đông 40g  
Bá tử nhân 40g  
Đơn sâm 20g  
Đẳng sâm 20g  
Viễn chí 20g  
Ngũ vị tử 40g  
Đương quy thân 40g  
Mạch môn 40g  
Huyền sâm 20g  
Bạch linh 20g  
Cát cánh 20g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn luyện mật làm hoàn. Lấy Chu sa làm áo. Mỗi lần uống 12g.

Có thể dùng thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Tư âm thanh nhiệt, bổ tâm, an thần.

**Giải thích bài thuốc:**

Bài này chủ yếu trị chứng tâm thận âm hư, hỏa bốc lên sinh ra hư phiền mất ngủ, mộng tinh, ra mồ hôi trộm, mồm lưỡi lỏ, tim hồi hộp, hay quên, cho nên phép trị là lấy

dưỡng tâm an thần làm chính.

Trong bài:

- Sinh địa, Huyền sâm: tư âm thanh nhiệt để dưỡng tâm an thần là chủ dược.
- Đơn sâm, Đương quy: bổ huyết, dưỡng tâm.
- Đảng sâm, Phục linh: bổ ích tâm khí.
- Bá tử nhân, Viễn chí: định tâm an thần.
- Thiên môn, Mạch môn: tư âm thanh nhiệt.
- Ngũ vị tử, Toan táo nhân: liễm tâm, an thần.
- Chu sa: an thần.
- Cát cánh: dẫn dược đi lên.

Các vị thuốc hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng tư âm, thanh nhiệt, dưỡng tâm an thần.

### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Trên lâm sàng, thường dùng để chữa suy nhược thần kinh, ngủ kém, tim hồi hộp, hay quên, mộng tinh, ra mồ hôi trộm, có hiệu quả nhất định.

1. Nếu mất ngủ nhiều, tim hồi hộp gia Long nhãn nhục, Dạ giao đằng để dưỡng tâm an thần.
2. Trường hợp di tinh, hoạt tinh gia Kim anh tử, Khiếm thực để cố thận, sáp tinh.
3. Nếu mồm họng khô, môi lưỡi lở loét gia Thạch斛, Hoàng liên, Liên tử tâm để dưỡng vị âm, thanh tâm hỏa.
4. Bài thuốc có nhiều vị thuốc có tính nê trệ, nên lúc sử dụng cần thận trọng đối với những bệnh nhân tỳ vị hư nhược, rối loạn tiêu hóa, chán ăn.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*



## BÁ TỬ DƯỠNG TÂM HOÀN (Thể nhân hội biên phương)

### **Thành phần:**

Bá tử nhân 160g  
Mạch môn đông 40g  
Thạch xương bồ 40g  
Huyền sâm 80g  
Cam thảo 20g  
Câu kỷ tử 120g  
Đương quy 40g  
Phục thần 40g  
Thục địa 80g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn, luyện mật làm hoàn nhỏ. Mỗi lần uống 8 - 12g dùng thuốc thang Đảng tâm hoặc Long nhãn nhục để uống. Có thể dùng thuốc thang sắc uống.

**Tác dụng:** Dưỡng tâm an thần, bổ thận tư âm.

### **Giải thích bài thuốc:**

Chứng âm huyết bất túc, tâm thận mất sự điều hòa sinh chứng hồi hộp hay sợ, dễ quên, đêm ngủ nhiều mộng, ra mồ hôi trộm, điều trị phải dùng phép bổ huyết dưỡng tâm, tư âm thanh nhiệt.

Trong bài:

- Bá tử nhân dùng liều cao tác dụng dưỡng tâm an thần là chủ dược.
- Đương quy, Thục địa, Câu kỷ tử: bổ ích tinh huyết.

- Huyền sâm, Mạch môn: tư âm thanh nhiệt.
- Thạch xương bồ, Phục thần: định tâm an thần.
- Cam thảo: điều hòa các vị thuốc.

Các vị thuốc hợp lại thành một bài thuốc có tác dụng điều hòa tâm thận, tư âm dưỡng huyết, định tâm an thần.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Bài thuốc này trên lâm sàng thường dùng chữa chứng suy nhược thần kinh hay quên, hoảng sợ, tim hồi hộp.
2. Trường hợp ra mồ hôi nhiều (tự hãn, đạo hãn) gia thêm Long cốt, Mẫu lệ, Phù tiểu mạch, Ngũ vị tử hoặc Ma hoàng căn để an thần, cầm mồ hôi.
3. Trường hợp đêm nằm mộng nhiều ít ngủ, di tinh gia Kim anh tử, Khiếm thực, Liên tu để an thần liễm tinh.
4. Trường hợp trí nhớ kém, tinh thần mệt mỏi gia Đảng sâm, Viễn chí, Táo nhân để ích khí an thần.



## THUỐC KHAI KHIẾU

Bài thuốc ***Khai khiếu*** là những bài thuốc có tác dụng chữa chứng hôn mê bất tỉnh thường gặp trong các chứng bệnh sốt cao, co giật kinh phong, trúng thử hoặc bệnh thần kinh hôn mê đột quy, làm cho bệnh nhân tỉnh lại (gọi là khai khiếu).

Chứng bế trong Đông y học thường chia hai loại nguyên nhân khác nhau:

1. Nhiệt bế thường gặp trong Ôn bệnh (bệnh nhiễm) do nhiệt độc thịnh nhập Tâm bào gây nên.
2. Hàn bế thường gặp trong các bệnh nội khoa nặng, ảnh hưởng đến thần kinh, thường là do đàm thấp trọc gây nên, chứng Đàm mê tâm khiếu làm cho bệnh nhân hôn mê bất tỉnh.

Cho nên bài thuốc Khai khiếu thường chia làm 2 loại:

- *Lương khai*: chữa chứng nhiệt bế.
- *Ôn khai*: chữa chứng hàn bế.

Bài thuốc Lương khai cũng có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, khai khiếu.

Bài thuốc Ôn khai có tác dụng tán hàn, hóa đàm, đuổi uế trọc.

Những bài thuốc Khai khiếu phần lớn gồm những vị thuốc cay thơm, hương nồng có tác dụng thông khiếu, tỉnh thần dễ làm tổn thương nguyên khí, nên chỉ dùng trong cấp cứu tạm thời không được dùng lâu dài, dạng thuốc thường là *hoàn tán*, lúc dùng với nước sôi ấm hoặc thổi vào mũi, không được sắc uống.

Những bài thuốc thường dùng là:

- An cung Ngưu hoàng hoàn.
- Tử tuyết đơn.
- Chí bảo đơn.
- Tô hợp hương hoàn.
- Thông quan tán.





## AN CUNG NGƯU HOÀNG HOÀN (Ôn bệnh điều biện)

### **Thành phần:**

Ngưu hoàng 40g  
Uất kim 40g  
Hoàng cầm 40g  
Hùng hoàng 40g  
Băng phiến 10g  
Trân châu 20g  
Chu sa 40g  
Tê giác 40g  
Hoàng liên 40g  
Sơn chi 40g  
Xạ hương 10g

**Cách dùng:** Tất cả các vị tán bột thật mịn, luyện mật làm hoàn, mỗi viên 4g, mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần. Trẻ em tùy tuổi giảm liều.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, khu đàm, khai khiếu.

### **Giải thích bài thuốc:**

Chủ trị chứng sốt cao hôn mê, co giật (nhiệt nhập Tâm bào), nói sảng, lưỡi đỏ thẫm, mạch sắc hoặc trẻ em sốt cao, co giật.

- Ngưu hoàng: thanh tâm giải độc, hóa đờm khai khiếu.
- Tê giác: thanh tâm lương huyết giải độc.
- Xạ hương: khai khiếu an thần là chủ dược.

- Hoàng cầm, Hoàng liên, Chi tử: tả tâm hỏa, thanh nhiệt độc.
- Hùng hoàng cùng với Ngưu hoàng khu đàm giải độc.
- Uất kim, Băng phiến: phương hương hóa trọc, thông khiếu khai bế.
- Chu sa, Trân châu: trấn kinh an thần.

Các vị thuốc hợp lại thành bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt giải độc, khu đàm khai khiếu, trấn kinh an thần.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Đây là bài thuốc chủ yếu để thanh nhiệt khai khiếu khu đàm, đối với những bệnh nhiễm độc nặng, sốt cao, hôn mê co giật như: Viêm màng não, viêm não, lý nhiễm độc, viêm phổi nhiễm độc dùng có tác dụng tốt.
2. Trường hợp có hội chứng nhiệt nhập Tâm bào, sốt cao, hôn mê, co giật thêm hội chứng dương minh phủ chứng (táo bón, bụng đầy trướng) có thể dùng bài này thêm với bột Đại hoàng 12g chia 2 lần uống, gọi là bài "NGƯU HOÀNG THỪA KHÍ THANG".



## NGƯU HOÀNG THANH TÂM HOÀN (Đậu chẩn thể y tâm pháp)

### **Thành phần:**

Ngưu hoàng 1g

Chu sa 6g

Sinh Hoàng liên 20g

Hoàng cầm 12g

Sơn chi 12g

Uất kim 8g

**Cách dùng:** Tất cả tán bột mịn hồ làm hoàn. Mỗi lần uống 2 - 4g với nước thang Đẳng tâm; trẻ em giảm liều.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc khai khiếu, an thần.

Thường dùng chữa chứng trẻ em sốt cao co giật, hôn mê, nói sảng hoặc chứng kinh phong, đàm thịnh bứt rứt.



## TỬ TUYẾT ĐƠN (Hòa tể cục phương)

### ***Thành phần:***

Hoạt thạch 640g

Thạch cao 640g

Tử thạch 1.280g

Hàn thủy thạch 640g

*Các vị trên đảo đều, sắc lên, bỏ bã. Cho tiếp các vị thuốc sau:*

Linh dương giác 200g

Thanh mộc hương 200g

Tê giác 200g

Trầm hương 200g

Đinh hương 40g

Thăng ma 640g

Huyền sâm 640g

Chích thảo 320g

*Trộn khuấy đều vào nước, sắc các thuốc trước, chưng kỹ, bỏ bã, cho tiếp các vị:*

Phác tiêu 1.280g

Tiêu thạch 1.280g

*Sau đó, gạn sạch tạp chất, chưng nhỏ lửa, tiếp tục cho 2 vị:*

Chu sa 120g (bột mịn)

Xạ hương 18g (bột mịn)

*Trộn đều, cho vào nước sắc, để cho ngưng đọng lại thành dạng kết tinh, như Hoa Tuyết nên có tên là Tử tuyết đơn.*

Hiện nay người ta dùng dạng bột (nguyên phương có vị Hoàng kim tức là Vàng nay không còn dùng).

**Cách dùng:** mỗi lần uống 1 - 2g với nước chín để nguội, ngày 2 - 4 lần.

**Tác dụng:** Thanh nhiệt giải độc, trấn kinh khai khiếu.

**Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chủ yếu trị chứng sốt cao kinh giật.

- Trong bài thuốc dùng các vị ngọt hàn, sinh tân như: Thạch cao, Hoạt thạch, Hàn thủy thạch để tả hỏa trừ đại nhiệt.
- Linh dương giác: thanh can tức phong chống co giật.
- Tê giác: thanh tâm giải nhiệt độc.
- Xạ hương: khai tâm khiếu đều là chủ dược.
- Huyền sâm, Thăng ma, Cam thảo: tư âm thanh nhiệt giải độc.
- Chu sa, Từ thạch: an thần trấn kinh.
- Thanh mộc hương, Đinh hương, Trâm hương: hành khí tuyên thông.
- Phác tiêu, Tiêu thạch: tả nhiệt tán kết.

Các vị thuốc hợp lại thành bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt giải độc, trấn kinh khai khiếu.

**Ứng dụng lâm sàng:**

1. Đây là một bài thuốc chủ trị chứng sốt cao, hôn mê co giật rất tốt. Trên lâm sàng thường được dùng chữa trẻ em sốt cao co giật.
2. Những trẻ em mắc bệnh sởi nhiệt độc thịnh, sởi lên không đều, sắc ban sởi đỏ tím, sốt cao, hôn mê khó thở, chỉ văn tía đỏ, dùng bài này có tác dụng tốt.

3. Trường hợp viêm màng não, viêm phổi cấp (nhiễm độc) có triệu chứng sốt cao, co giật, hôn mê hoặc bứt rứt khó thở, mồm khát môi khô, đều dùng có kết quả.





## CHÍ BẢO ĐƠN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Nhân sâm 40g  
Xạ hương 4g  
Thiên trúc hoàng 40g  
Băng phiến 4g  
Hỗ phách 40g  
Đồi mồi 40g  
Chu sa 40g  
Chế Nam tinh 20g  
Tê giác 40g  
Ngưu hoàng 20g  
Hùng hoàng 40g  
An tức hương 60g

**Cách dùng:** Nghiền bột mịn trộn đều, luyện mật làm viên nặng 4g, mỗi lần uống 1 viên, tán nhỏ uống với nước sôi nguội, trẻ em giảm liều uống 1/2 - 1/4 viên tùy tuổi.

**Tác dụng:** Hóa trọc khai khiếu, thanh nhiệt giải độc, trấn kinh an thần.

### **Giải thích bài thuốc:**

Bài thuốc chữa chứng đàm nhiệt mê tâm khiếu, sinh ra chứng hôn mê không nói được, đàm thịnh khó thở.

- Xạ hương, Băng phiến, An tức hương, Thiên trúc hoàng khu đàm khai khiếu, phương hương hóa trọc là chủ dược.

- Tê giác, Ngưu hoàng, Đồi mồi: thanh nhiệt giải độc.
- Hùng hoàng, Chế Nam tinh: trừ đàm giải độc.
- Chu sa, Hổ phách: trấn kinh an thần.
- Nhân sâm: bổ khí có tác dụng phò chính khu tà.

***Ứng dụng lâm sàng:***

1. Là bài thuốc chủ yếu chữa chứng trúng thử, trúng phong có hội chứng đàm mê tâm khiếu, biểu hiện các triệu chứng như: hôn mê, cắn khẩu, khó thở, khô khè, thường dùng chữa các chứng bệnh động kinh co giật, tai biến mạch máu não, đột quỵ, hôn mê gan ...
2. Trường hợp sốt cao cần gia thêm thuốc thanh nhiệt lương huyết giải độc.

***Lưu ý:*** Trong bài có vị Nhân sâm, Cổ nhân dùng Nhân sâm sắc riêng để uống thuốc có ý bổ khí cố thoát, phò chính, khu tà, trong trường hợp bệnh nguy kịch để có tình trạng tâm khí suy thoát.



## TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN (Hòa tể cục phương)

### **Thành phần:**

Bạch truật 40g  
Thanh mộc hương 40g  
Tê giác 40g  
Hương phụ 40g  
Chu sa 40g  
Kha tử 40g  
Bạch đàn hương 40g  
An tức hương 40g  
Trầm hương 40g  
Xạ hương 40g  
Đinh hương 40g  
Tỳ bạt 40g  
Long não (Băng phiến) 20g  
Dầu Tô hợp hương 20g  
Nhũ hương 20g

**Cách dùng:** Trừ dầu Tô hợp hương, Xạ hương, Băng phiến, các vị còn lại nghiền thật mịn, trộn đều, rồi gia 3 vị trên vào nghiền tiếp và trộn đều, gia mật vừa đủ vào bột thuốc chế thành hoàn, mỗi hoàn nặng 4g, mỗi lần uống 1/2 - 1 hoàn, ngày 1 - 2 lần với nước sôi nóng, trẻ em tùy theo tuổi giảm liều.

**Tác dụng:** Ôn thông khai khiếu, giải uất hóa trọc.

**Giải thích bài thuốc:**

- Trong bài có 10 loại hương dược: Tô hợp hương, Trầm hương, Xạ hương, Đàn hương, Đinh hương, Nhũ hương, An tức hương, Thanh mộc hương, Hương phụ, Băng phiến có tác dụng phương hương khai khiếu, hành khí uất, tán hàn hóa trọc.
- Tỳ bạc phối hợp với hương dược tăng cường tán hàn khai uất.
- Tê giác: thanh tâm giải độc.
- Chu sa: trấn kinh an thần.
- Bạch truật: kiện tỳ hòa trung để hóa trọc.
- Kha tử nhục: ôn sáp liễm khí giảm bớt chất cay, các vị hương dược có hại đến chính khí.

Đặc điểm bài thuốc là nhiều vị hương dược để ôn thông, khai khiếu tỉnh thần.

#### ***Ứng dụng lâm sàng:***

Đây là bài thuốc đại biểu "*ôn khai*" dùng trị chứng trúng phong khí bế hoặc kinh giãn đàm quyết thường do hàn đàm nội bế.

Thường dùng trị các chứng trúng phong đột quy, hàm răng nghiến chặt, những bệnh động kinh lên cơn, những bệnh Hysteria thuộc chứng hàn bế thực chứng.

**Chú ý:** Không nên dùng cho phụ nữ có thai, chứng nhiệt bế hoặc chứng thoát.



## THÔNG QUAN TÁN (Đan Khê tâm pháp phụ dư)

### **Thành phần:**

Tạo giác

Tế tân

(Lượng bằng nhau).

**Cách dùng:** Các vị thuốc tán thật mịn hòa đều, lúc dùng thổi vào mũi gây nên hắt hơi (nhảy mũi).

**Tác dụng:** Thông quan, khai khiếu.

### **Giải thích bài thuốc:**

- Tạo giác để khu đàm.
- Tế tân: thông khiếu, thổi vào mũi để thông khai phế khiếu, vì phế chủ khí toàn thân, gây hắt hơi làm cho phế khí được tuyên thông thì chứng bế được cứu thoát.

### **Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng bài này chỉ dùng trong trường hợp cấp cứu chứng trúng phong hoặc đàm quyết, thường gặp ở bệnh nhân Hysteria, cơn động kinh tự nhiên ngã lăn bất tỉnh nhân sự, hàm răng nghiến chặt, đàm khò khè, sùi bọt mép, thuộc chứng bế chứng thực.

**Chú ý:** Tuyệt đối không nên dùng đối với chứng thoát, hôn mê trong tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.

Bài này chỉ dùng cấp cứu sau khi bệnh nhân đã tỉnh, phải xem nguyên nhân hôn mê để dùng thuốc thích hợp.



---

*Designed by [bsbanglinh.py@gmail.com](mailto:bsbanglinh.py@gmail.com)*